

PHAN TÙNG CHÂU

KINH TRUNG BỘ
(CHÚ GIẢI)

TẬP BA

Kinh Trung Bộ gồm 152 kinh, chia làm ba tập, được Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch từ tiếng Pàli.

Trong lời giới thiệu, bản in năm 1986, Hòa Thượng Thích Minh Châu cho rằng: *“Kinh Trung Bộ không những là cốt lõi trong Kinh Tạng Pàli mà còn diễn đạt rất súc tích và đầy đủ những định nghĩa căn bản các danh từ đạo Phật và còn diễn đạt rất phong phú và đa dạng những pháp môn tu tập đưa đến Niết bàn. Chưa học Kinh Trung Bộ là chưa nắm được tinh hoa của Đạo Phật nguyên thủy”*.

Hòa thượng cũng đã phân tích:

“Kinh Trường Bộ đặt nặng phần lịch sử, có tánh cách đối ngoại đối với Bà La Môn, du sĩ ngoại đạo, Kỳ na giáo... Tăng Chi Bộ đặt nặng phần phân tích giáo lý theo pháp số từ số 1 đến số 11. Tương Ứng Bộ đặt nặng phần phân tích giáo lý theo đề tài. Còn đọc Kinh Trung Bộ chúng ta đi sâu vào phân giáo lý và phân hành trì, đặt nặng về những phản ứng tâm lý tế nhị của người tu hành khi đạt đến những quả vị tối cao”.

Tìm hiểu, nghiên cứu về đạo Phật nguyên thủy một cách thấu suốt và đầy đủ nhất luôn là mong muốn của nhiều người. Liệu rằng có thể tiếp cận bộ kinh này – với “cách nhìn” đơn giản, dễ hiểu, dễ nắm bắt – nhưng đồng thời không hạ thấp giá trị, không làm biến dạng bộ kinh quý này được không ?

Đó là vấn đề của cả một vấn đề !

Cho dù với sức học, sức tìm hiểu còn quá non yếu – song, một lần nữa, người viết lại làm công việc liêu lĩnh, dẫn thân ...

Thiếu sót, sai sót là không thể tránh khỏi. Kính xin sự lượng thứ và kính mong nhận được sự chỉ dạy.

Phan Tùng Châu

1.
KINH DEVADAHA
(Devadahassuttam)
(101)

Kinh Devadaha đề cập đến vấn đề lý luận của giáo phái *Nigantha*. Thế Tôn nói như sau:

– *Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau : "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo tác các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ diệt tận".*

Theo giáo phái *Nigantha*, chủ thuyết của họ là: *cảm giác, cảm thọ (thụ) về hạnh phúc (lạc thọ) hay khổ đau (khổ thọ) hay không hạnh phúc lẫn không khổ đau* – đều do nguyên nhân là tạo tác nghiệp trong quá khứ mà có. Điều này, về lý luận vừa rôi rắm vừa không phải là chân lý (*thọ* xuất hiện khi *lục* căn tiếp xúc với *lục trần* mà có). Trước vấn đề này, Thế Tôn nói như sau:

Này các Tỷ-kheo, lý thuyết các Nigantha (Ni kiền tử) là vậy. Này các Tỷ-kheo, Ta nói như vậy, Ta đi đến các Nigantha và nói như sau :

– *Chư Hiền Nigantha, có đúng sự thật chẳng, các Ông có lý thuyết như sau, có tri kiến như sau: "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ; với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo tác các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt, do nghiệp đoạn diệt khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận ?"*

Này các Tỷ-kheo, nếu các Nigantha ấy, khi được Ta hỏi, tự nhận có nói như vậy, Ta liền nói như sau :

– *Chư Hiền Nigantha, các Ông có biết : "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu ?*

– Thưa Hiền giả, không như vậy.

– Chư Hiền Nigantha, các Ông có biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp ?"

– Thưa Hiền giả, không như vậy.

– Chư Hiền Nigantha, các ông có biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này hay như thế kia ?"

- Thưa Hiền giả, không như vậy.

- Chư Hiền Nigantha, các ông có biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận ?"

- Thưa Hiền giả, không như vậy.

- Chư Hiền Nigantha, các Ông có biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp ?"

- Thưa Hiền giả, không như vậy.

- Chư Hiền Nigantha, như các Ông đã nói, các Ông không biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu"; các Ông không biết : "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các Ông không biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này, hay như thế kia"; các Ông không biết : "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận"; các Ông không biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp".

Ở đây, lý lẽ của Thế Tôn là: một khi không biết các tạo tác nghiệp trong quá khứ (đời trước, kiếp trước) có hay không ? Như thế nào ? V.v...thì, *tìm diệt là tìm diệt* cái gì ?

Thế Tôn giảng giải thêm:

- Chư Hiền Nigantha, nếu các Ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có hiện hữu, chúng tôi không hiện hữu"; các Ông được biết: "Trong quá khứ, chúng tôi có tạo ác nghiệp, chúng tôi không tạo ác nghiệp"; các Ông được biết: "Chúng tôi có tạo ác nghiệp như thế này, hay như thế kia"; các Ông được biết: "Khổ mức độ như thế này đã được diệt tận, hay khổ mức độ như thế này cần phải được diệt tận, hay với sự diệt tận khổ mức độ như thế này, tất cả khổ sẽ được diệt tận"; các Ông được biết: "Sự đoạn tận các bất thiện pháp ngay trong hiện tại hay sự thành tựu các thiện pháp".

Sự tình (một khi) là như vậy, thời thật là hợp lý khi các Tôn giả Nigantha trả lời : "Phàm cảm giác gì con người này lãnh thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, tất cả đều do nhân các nghiệp quá khứ với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ; với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt, do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận".

Đối với cảm giác, cảm thọ – triết lý nhà Phật rất mạch lạc, rất khoa học: một khi cảm giác, cảm thọ có được – là do lục căn tiếp xúc với lục trần – mà có. Ví như, nghe một giai điệu du dương, phù hợp với tâm trạng, thẩm mỹ ... thì người nghe có cảm giác bay bổng, ngất ngây ... Vì vậy, làm sao cảm giác, cảm thọ của đời này – lại do nguyên nhân từ đời trước ?

Trong kinh, Thế Tôn giảng giải như sau:

– Chư Hiền Nigantha, ví như một người bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày.

Người ấy do nhân cảm xúc mũi tên, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Bạn bè, bà con huyết thống của người ấy mời một y sĩ giải phẫu đến. Vị y sĩ giải phẫu lấy dao cắt rộng miệng vết thương.

Người ấy do nhân dao cắt miệng vết thương, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Vị y sĩ giải phẫu ấy dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm. Người ấy do nhân bị dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Vị y sĩ giải phẫu rút mũi tên ra khỏi người ấy.

Người ấy do nhân được rút mũi tên, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Vị y sĩ giải phẫu ấy cho đốt miệng vết thương với than đỏ (hay đắp miệng vết thương với vải nóng như than đỏ).

Người ấy do nhân miệng vết thương bị than đỏ đốt, thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Sau một thời gian, khi da đã bắt đầu lành trên miệng vết thương, người ấy không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, và đi vào chỗ nào người ấy muốn.

Người ấy suy nghĩ như sau : "Trước kia ta bị mũi tên bắn, mũi tên được tẩm thuốc độc rất dày. Do nhân cảm xúc mũi tên, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Bạn bè bà con huyết thống của ta có mời một y sĩ giải phẫu đến. Vị y sĩ giải phẫu ấy lấy dao cắt rộng miệng vết thương. Ta do nhân dao cắt rộng miệng vết thương thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm. Do nhân bị dò tìm mũi tên với vật dụng dò tìm ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy rút mũi tên ra khỏi ta. Do nhân được rút mũi tên, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Vị y sĩ giải phẫu ấy cho đốt miệng vết thương với than đỏ (hay đắp miệng vết thương với vải nóng như than đỏ ?). Do nhân miệng vết thương bị than đỏ đốt, ta thọ lãnh các cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ. Nay da đã bắt đầu lành trên miệng vết thương, ta không bệnh, an lạc, tự do, tự tại, và đi chỗ nào ta muốn".

Cho dù Thế Tôn đã giảng giải như thế, song, với những người chọn *Hữu vi*, dùng trí để soi xét về một vấn đề nào đó, sẽ thật là khó khăn. Với họ, lời của các bậc “*tiên tri*”, bậc “*thánh*”, lãnh tụ ... của họ là chân lý, là lẽ đúng tuyệt đối. Thế Tôn nói:

Này các Tỷ-kheo, khi được nói vậy, các Nigantha ấy nói với Ta :

- Thưa Hiền giả, Nigantha Nataputta là bậc toàn tri, toàn kiến, tự xưng là có tri kiến toàn diện như sau: "Dầu ta có đi, có đứng, có ngủ và có thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại liên tục ở nơi ta". Vị ấy nói như sau : "Này các Nigantha, nếu xưa kia Ông có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh thống khổ này. Chính do hộ trì thân, hộ trì lời nói, hộ trì ý". Ở đây, ngay trong hiện tại nên không làm các nghiệp trong tương lai. Với sự đốt cháy, đoạn diệt các nghiệp quá khứ, với sự không tạo các nghiệp mới, sẽ không có diễn tiến đến tương lai. Do không có diễn tiến đến tương lai, nghiệp được đoạn diệt; do nghiệp đoạn diệt, khổ được đoạn diệt; do khổ đoạn diệt, cảm thọ được đoạn diệt; do cảm thọ được đoạn diệt, tất cả khổ sẽ được diệt tận. Và vì chúng tôi chấp nhận và chúng tôi kham nhẫn điều ấy, nên chúng tôi được hoan hỷ".

Khi được nói vậy, này các Tỷ-kheo, Ta nói với các vị Nigantha ấy :

– Chư Hiền Nigantha, có năm pháp này, ngay trong hiện tại có hai quả báo. Thế nào là năm ? Tín, hỷ, tùy vãn, thẩm định lý do (akaraparivitakka), kham nhẫn bất thọ (tà) kiến.

Này chư Hiền Nigantha, năm pháp này ngay trong hiện tại có hai quả báo.

Ở đây, thế nào là lòng tin các Tôn giả Nigantha ấy đối với bậc Đạo sư trong quá khứ ? Thế nào là sự hoan hỷ, thế nào là sự tùy vãn, thế nào là thẩm định lý do, thế nào là kham nhẫn chấp thọ (tà) kiến các vị ấy ?

Này các Tỷ-kheo, nói như vậy, Ta không thấy một câu trả lời hợp pháp nào giữa các vị Nigantha. Và lại nữa này các Tỷ-kheo, Ta nói với các vị Nigantha ấy như sau :

– Chư Hiền Nigantha, các Ông nghĩ thế nào ?

Khi các Ông tha thiết tinh tấn, tha thiết tinh cần, trong khi ấy có phải các Ông thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ ?

Còn trong khi các Ông không tha thiết tinh tấn, không tha thiết tinh cần, trong khi ấy có phải các Ông không thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ ?

- Thừa Hiền giả Gotama, khi chúng tôi tha thiết tinh tấn, tha thiết tinh cần, trong khi ấy chúng tôi thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Còn trong khi chúng tôi không tha thiết tinh tấn, không tha thiết tinh cần, trong khi ấy chúng tôi không thọ lãnh những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Đến đây, cuối cùng, những Nigantha phải thừa nhận sự mâu thuẫn hết sức phi lý: khi không tha thiết tinh tấn tu luyện thì lại có được cảm giác cảm thọ hạnh phúc !?

Và, Thế Tôn nói:

Như vậy, thật chính các Ông trong khi lãnh thọ những cảm giác thống khổ, đột khởi, đau đớn, cực khổ, thống khổ, tự bị lừa dối bởi vô minh, vô trí, ngu muội (...)

Này các Tỷ-kheo, nói như vậy, Ta không thấy một câu trả lời hợp pháp nào giữa các vị Nigantha.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, Ta nói với các vị Nigantha ấy như sau :

- Chư Hiền Nigantha, các ông nghĩ thế nào ? Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp được thọ quả hiện tại này, do tinh tấn, hay do tinh cần có thể khiến được thọ quả tương lai ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp được thọ quả tương lai này do tinh tấn hay do tinh cần có thể khiến được thọ quả hiện tại ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Chư Hiền Nigantha, các Ông nghĩ thế nào ? Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp được lãnh lạc thọ này, do tinh tấn hay tinh cần có thể được lãnh khổ thọ ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp được lãnh khổ thọ này, do tinh tấn hay tinh cần có thể được lãnh lạc thọ ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Chư Hiền Nigantha, các Ông nghĩ thế nào ? Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ đã được thuần thực này do tinh tấn hay tinh cần, có thể trở thành không thuần thực ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ chưa được thuần thực này, do tinh tấn hay tinh cần, có thể trở thành thuần thực ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Chư Hiền Nigantha, các Ông nghĩ thế nào ? Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp đa sở thọ này do tinh tấn hay tinh cần trở thành thiếu sở thọ ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Có thể nói được chăng : "Mong rằng nghiệp thiếu sở thọ này do tinh tấn hay do tinh cần trở thành đã sở thọ ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Chư Hiền Nigantha, các Ông nghĩ thế nào ? Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp có sở thọ này do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp không có sở thọ ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Có thể được chăng : "Mong rằng nghiệp không có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp có sở thọ ?"

- Thưa không vậy, Hiền giả.

- Như vậy, này chư Hiền Nigantha, không thể được : "Mong rằng nghiệp được thọ quả hiện tại này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp được thọ quả tương lai". Không thể được : "Mong rằng nghiệp được thọ quả tương lai này, do tinh tấn hay do tinh cần, trở thành nghiệp được thọ quả hiện tại". Không thể được : "Mong rằng nghiệp được lãnh lạc thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp được lãnh khổ thọ". Không thể được : "Mong rằng nghiệp được lãnh khổ thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành nghiệp được lãnh lạc thọ". Không thể được : "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ đã được thành thực này, do tinh tấn hay tinh cần có thể trở thành không thành thực". Không thể được : "Mong rằng nghiệp mà quả lãnh thọ không thành thực này, do tinh tấn hay tinh cần có trở thành thành thực". Không thể được : "Mong rằng nghiệp đã sở thọ này do tinh tấn hay tinh cần, trở thành thiếu sở thọ". Không thể được : "Mong rằng nghiệp thiếu sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành đã sở thọ". Không thể được : "Mong rằng nghiệp không có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành có sở thọ". Không thể được : "Mong rằng nghiệp có sở thọ này, do tinh tấn hay tinh cần trở thành không có sở thọ".

Sự tình là như vậy, sự tinh tấn của các Tôn giả Nigantha là không có kết quả".

Này các Tỷ-kheo, các Nigantha nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết tùy thuyết (Tùy thuận thuyết Vadanuvada) hợp pháp do các Nigantha đã nói như vậy đưa đến sự chỉ trích.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân các việc làm quá khứ, lãnh thọ lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigantha thật sự đã làm những ác hạnh trong thời quá khứ, nên nay họ phải lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân một vị Táo hóa tạo ra lãnh thọ những cảm giác lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigantha thật sự được tạo ra bởi một vị Táo hóa ác độc, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện (sangatibhava), thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigantha thật sự bị ác kết hợp, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu các loài hữu tình do nhân sanh loại (ahbijati) lãnh thọ những cảm giác khổ thọ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigantha thật sự bị ác sanh loại, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ như vậy. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh tấn hiện tại, thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, các Nigantha thật sự đã tạo ác tinh tấn hiện tại, vì rằng nay họ lãnh thọ những cảm giác đau đớn, cực khổ, thống khổ.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân việc làm quá khứ thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Nếu các hữu tình không do nhân việc làm quá khứ thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân được một vị Táo hóa tạo ra thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Nếu các hữu tình không do nhân được một vị Táo hóa tạo ra thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Nếu các hữu tình không do nhân kết hợp các điều kiện thọ lãnh lạc khổ các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân sanh loại thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Nếu các hữu tình không do nhân sanh loại thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh cần hiện tại thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Nếu các hữu tình không do nhân tinh cần hiện tại thọ lãnh lạc khổ, các Nigantha đáng bị chỉ trích.

Này các Tỷ-kheo, các Nigantha nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết tùy thuyết hợp pháp các Nigantha đã nói như vậy đưa đến sự chỉ trích.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, sự tinh tấn của các Nigantha là không có kết quả, sự tinh cần của họ là không có kết quả.

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là sự tinh tấn có kết quả ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo không để cho tự ngã chưa bị nhiếp phục, bị đau khổ nhiếp phục và không từ bỏ lạc thọ hợp pháp, và không để lạc thọ ấy bị chi phối.

Vị ấy biết như sau: "Trong khi ta tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ này, do chống lại nguyên nhân đau khổ, ta không có tham dục. Nhưng trong khi ta xả đối với nguyên nhân đau khổ này, trong khi tu tập xả, ta không có tham dục".

Khi (vị Tỷ-kheo) tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, do tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tinh cần chống lại (nguyên nhân đau khổ).

Nhưng trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tu tập xả.

Trong khi vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ ấy, do tinh cần chống lại nguyên nhân, vị ấy không có tham dục. Như vậy sự đau khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận.

Trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ ấy, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Như vậy sự đau khổ ấy đối với vị ấy được diệt tận.

Này các Tỷ-kheo, ví như một người luyến ái một nữ nhân, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ. Người ấy thấy nữ nhân này đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt. Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Người ấy, khi thấy nữ nhân này đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, có sanh sầu, bi, khổ, ưu, não không ?

– Thưa có vậy, bạch Thế Tôn. Vì sao vậy ? Vì rằng người ấy luyến ái nữ nhân kia, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ. Do vậy, người ấy khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, nên sanh sầu, bi, khổ, ưu, não.

– Nhưng này các Tỷ-kheo, người ấy có thể suy nghĩ như sau : "Ta luyến ái nữ nhân này, tâm tư say đắm, nhiệt tình ái mộ, nhiệt tình luyến mộ. Khi ta thấy nữ nhân này

đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện đùa giỡn và cười cợt, ta sanh sầu, bi, khổ, ưu, não. Vậy ta hãy bỏ lòng tham luyến đối với nữ nhân này".

Rồi người ấy bỏ lòng tham luyến đối với nữ nhân kia. Sau một thời gian, người ấy thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt. Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào? Người ấy khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, có sanh sầu, bi, khổ, ưu, não, không?

Bạch Thế Tôn không. Vì sao vậy? Bạch Thế Tôn vì rằng, người này đối với nữ nhân kia không còn tham luyến. Do vậy, khi thấy nữ nhân kia đứng với một người đàn ông khác, nói chuyện, đùa giỡn và cười cợt, người ấy không sanh sầu, bi, khổ, ưu, não.

– Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, (một người) không để cho tự ngã chưa bị nhiếp phục, bị đau khổ nhiếp phục và không từ bỏ lạc thọ hợp pháp, và không để lạc thọ ấy bị chi phối.

Vị ấy biết như sau: "Trong khi ta tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ này, do chống lại nguyên nhân đau khổ, ta không có tham dục. Nhưng trong khi ta xả đối với nguyên nhân đau khổ này, trong khi tu tập xả, ta không có tham dục". Khi (vị ấy) tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, do tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tinh cần chống lại (nguyên nhân đau khổ). Nhưng trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Do vậy, ở đây, vị ấy tu tập xả. Trong khi vị ấy tinh cần chống lại nguyên nhân đau khổ ấy, do tinh cần chống lại nguyên nhân, vị ấy không có tham dục. Như vậy, sự đau khổ đối với vị ấy được diệt tận. Trong khi vị ấy xả đối với nguyên nhân đau khổ ấy, trong khi tu tập xả, vị ấy không có tham dục. Như vậy, sự đau khổ đối với vị ấy được diệt tận. Như vậy, nay các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, sự tinh cần có kết quả.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo lại suy nghĩ như sau: "Khi ta trú vào lạc, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp giảm thiểu. Nhưng khi ta tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng. Vậy ta hãy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã".

Vị ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã. Do tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã, các bất thiện pháp giảm thiểu, các thiện pháp tăng trưởng.

Vị ấy sau một thời gian, không (còn) tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã (nữa). Vì sao vậy? Vì mục đích vị Tỷ-kheo ấy tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã đã thành tựu. Do vậy, sau một thời gian vị ấy không tinh cần dùng đau khổ chống với tự ngã.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người làm tên, hơi nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn. Nhưng này các Tỷ-kheo, khi thân tên của người làm tên, đã được hơi nóng và đốt nóng giữa hai ngọn lửa trở thành thẳng và dễ uốn nắn, người ấy sau một thời gian không còn hơi nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn. Vì sao vậy ? Vì mục đích người làm tên ấy hơi nóng và đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa, khiến thân tên được thẳng và dễ uốn nắn đã được thành tựu. Do vậy, sau một thời gian, người ấy không còn hơi nóng, đốt nóng thân tên giữa hai ngọn lửa để trở thành thẳng và dễ uốn nắn.

(...)

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây, Như Lai sanh ra ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải.. (xem tập I, Tiểu Kinh Ví Dụ Dấu Chân Voi) gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy, từ bỏ năm triền cái làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ muội lược này, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo diệt tầm và tứ, chứng và trú thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú thiền thứ ba. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Và lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh như vậy... (đã có trong các kinh trước) ... như vậy vị ấy nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh như vậy... (đã có trong các kinh trước) ... đều do hạnh nghiệp của họ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh... (xem tập I, Đại Kinh Xóm Ngựa)... sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa. Như vậy, này các Tỷ-kheo là sự tinh tấn có kết quả, là sự tinh cần có kết quả.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai nói như vậy. Này các Tỷ-kheo, mười thuyết tùy thuyết hợp pháp của Như Lai đã nói như vậy đưa đến sự tán thán.

Đề rõ hơn những điều nói ở trên – về sự bị chỉ trích của các Nigantha (suy cho cùng, họ đáng phải bị như thế) – Thế Tôn nói về thành tựu của chính mình:

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân các việc đã làm trong quá khứ thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự đã làm những thiện hạnh trong thời quá khứ nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân một vị Táo hóa tạo ra, thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự được tạo ra bởi một vị Táo hóa hiện thiện, nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện, thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự được thiện kết hợp, nên nay mới thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân sanh loại, thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo Như Lai thật sự được thiện sanh loại, nên nay thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tinh tấn hiện tại thọ lãnh lạc khổ, thời này các Tỷ-kheo, Như Lai thật sự đã tạo thiện tinh tấn hiện tại, vì rằng nay thọ lãnh vô lậu lạc thọ như vậy.

Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân hành động quá khứ thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân hành động quá khứ thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân được một vị Táo hóa tạo ra, thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân được một vị Táo hóa tạo ra, thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân kết hợp các điều kiện thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình không do nhân các điều kiện kết hợp thọ lãnh lạc thọ khổ thọ, Như Lai đáng được tán thán. Này các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân sanh loại thọ lãnh lạc khổ,

Như Lai đáng được tán thán. Nếu các hữu tình, không do nhân sanh loại thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nay các Tỷ-kheo, nếu các hữu tình do nhân tình cần hiện tại thọ lãnh lạc khổ, Như Lai đáng được tán thán. Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói như vậy. Nay các Tỷ-kheo, mười thuyết tùy thuyết hợp pháp này Như Lai đã nói như vậy đưa đến sự tán thán.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Devadaha trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến vấn đề thuộc về lý luận của giáo phái *Nigantha*. Vấn đề này đã hằn sâu vào tâm trí của một số vị Sa-môn, Bà-la-môn – bởi, những gì của bậc “tối cao” phán truyền là duy nhất đúng.

Những gì của bậc “tối cao” phán truyền là duy nhất đúng, đây cũng là nét chung nhất của tất cả những ai chọn con đường *Hữu vi*. Với *Hữu vi* (lớn, bé) đặt vấn đề phản biện (nhằm sáng tỏ) hoặc đặt câu hỏi tại sao ... đều là có tội – và đó là trọng tội !

Pháp Phật – chưa bao giờ và không bao giờ – là pháp chỉ mang tính lý luận suông – như tất cả các pháp thuộc *Hữu vi*. Pháp Phật là thực chứng. Pháp Phật đòi hỏi sự thực chứng.

Sự thực chứng này – không phải là hảo huyền: chỉ sau khi chết đi, thì mới có được những điều theo đuổi.

Sự thực chứng này, của pháp Phật – đúng là pháp Phật – thì, an lạc phải hiện hữu ngay trong đời sống hiện tại này.

Sự thực chứng này, của pháp Phật – đúng là pháp Phật: khi hoàn toàn *ly bất thiện pháp ; ly dục ; ly tham ; ly sân ; đoạn ái* – thì, *hỷ, lạc* (an lạc) hiển nhiên phải hiện hữu ngay trong đời sống hiện tại này.

Cũng có nghĩa: sự an lạc là tự nhiên hiển lộ nếu như thật sự: hoàn toàn *ly bất thiện pháp ; ly dục ; ly tham ; ly sân ; đoạn ái* – cho dù có Phật hay không có Phật.

2.
KINH NĂM-BA
(Pancattayasutam)
(102)

Kinh Năm-ba, một mặt Thế Tôn giảng dạy để cho thấy: có một số những lý thuyết – chỉ làm cho con đường tu thêm rối rắm và không đạt kết quả ; mặt khác, kinh này đề cập – đến tính chất *vi diệu, thâm sâu của pháp Phật* ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tu viện ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo"- "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về tương lai, thảo luận về tương lai, y cứ vào tương lai, tuyên bố nhiều quan điểm sai khác. Ở đây, một số tuyên bố : "Sau khi chết, tự ngã không bệnh, có tướng". Ở đây, một số tuyên bố : "Sau khi chết, tự ngã không bệnh, không tướng". Ở đây một số tuyên bố : "Sau khi chết, tự ngã không bệnh, phi tướng và phi phi tướng (không tướng và có tướng)".

Hay họ chủ trương đoạn diệt hủy hoại, tiêu diệt của loài hữu tình hiện đang sanh tồn.

Hay một số lại tuyên bố về hiện tại Niết-bàn.

Như vậy, những chủ thuyết này, sau khi thành năm trở lại thành ba, sau khi thành ba, trở lại thành năm. Đây là sự tổng thuyết năm-ba.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tướng, không bệnh (1), các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy hoặc chủ trương sau khi chết tự ngã có sắc, có tướng, không bệnh (a); các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không có sắc, có tướng, không bệnh (b) ; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, có tướng, không bệnh (c) ; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc và không không sắc, có tướng, không bệnh (d); các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương tự ngã hoặc nhất tướng, có tướng, không bệnh (e); các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc dị tướng, có tướng, không bệnh (g); các Tôn giả Sa-môn,

Bà-la-môn ấy chủ trương tự ngã sau khi chết hoặc thiếu tướng, có tướng, không bệnh (h); các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc vô lượng tướng, có tướng, không bệnh (i).

Nhưng có một số tuyên bố thức biến này (vinnanakasina) khi vượt qua khỏi (upatīva-ttatam ?) trở thành vô lượng, bất động.

Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau : (...)

Loại tướng nào trong các loại tướng ấy được xưng là thanh tịnh, tối thắng, đệ nhất, vô thượng, tức là sắc tướng, tức là vô sắc tướng, tức là nhứt tướng, tức là dị tướng.

Nói rằng: "vô sở hữu", một số tuyên bố Vô sở hữu xư là vô lượng, bất động.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi, là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt) này, Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi)".

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã không tướng, không bệnh (2); các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc không tướng, không bệnh (a); các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, không tướng, không bệnh (b); các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc không sắc, không tướng, không bệnh (c) ; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết tự ngã hoặc cũng không sắc, không không sắc, không tướng không bệnh (d).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tướng, vô bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Vì sao vậy ? Họ nói rằng : "Tướng là bệnh hoạn, tướng là mụn nhọt, tướng là mũi tên; đây là tịch tịnh, thù diệu tức là vô tướng".

Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau : (...)

Này các Tỷ-kheo, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau : "Ngoài sắc, ngoài thọ, ngoài tướng, ngoài hành, ngoài thức, ta sẽ chủ trương sự lai, vãng, tử, sanh, tăng trưởng, tăng thịnh, hay tăng đại"; sự tình không có như vậy.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt) này, Như Lai thấy sự giải thoát (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Ở đây, này các Tỷ-kheo những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết tự ngã là Phi tướng phi phi tướng, không bệnh (3) ; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh (a) ; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh (b); các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc có sắc và không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh (c) ; các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy chủ trương sau khi chết, tự ngã hoặc không sắc, không không sắc, phi tướng phi phi tướng, không bệnh (d).

Ở đây này các Tỷ-kheo, các vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tướng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy; các Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã không tướng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Vì sao vậy ? (Họ nói rằng) : "Tướng là bệnh hoạn, tướng là mụn nhọt, tướng là mũi tên, không tướng là si ám. Đây là tịch tịnh, thù diệu, tức là phi tướng phi phi tướng".

Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau : (...) Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sự thành tựu của xứ này (ayatana) chỉ nhờ những hành có thể thấy được, nghe được, tư duy được, ý thức được ; đây được xưng, này các Tỷ-kheo, là tổn hại cho sự thành tựu xứ (ayatana) này. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, xứ này không được xưng là có thể đạt thành nhờ sự thành tựu hữu hành (sasankhara), mà này các Tỷ-kheo, xứ này được xưng là có thể đạt thành nhờ sự thành tựu không có hành nào còn lại.

(Hữu vi dừng lại ở hữu hành ; Vô vi vượt qua, để không có hành nào còn lại)

Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương đoạn diệt, hủy hoại, diệt tận của loại hữu tình hiện đang sinh tồn (3).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã có tướng, không bệnh, một số phỉ báng các vị ấy. Còn những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã không tướng không bệnh, một số phỉ

báng các vị ấy. Còn những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào chủ trương sau khi chết, tự ngã phi tướng phi phi tướng, không bệnh, một số phủ báng các vị ấy.

Vì sao vậy ? Tất cả những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này hướng thượng tuyên bố có chấp trước : "Đời sau chúng ta sẽ hiện hữu, đời sau chúng ta sẽ hiện hữu". Ví như một người lái buôn đi buôn bán nghĩ rằng : "Từ đây ta sẽ có vật này, ta sẽ được vật này từ cái này".

Cũng vậy, những vị Sa-môn, Bà-la-môn này, chúng ta nghĩ rằng, cũng giống như những người lái buôn khi các vị này nói : "Đời sau chúng ta sẽ hiện hữu, đời sau chúng ta sẽ hiện hữu".

Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết được : "Những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này chủ trương đoạn diệt, hủy hoại, diệt tận, loại hữu tình hiện đang sinh tồn, những vị ấy sợ hãi tự thân, yếm ly tự thân, chỉ chạy theo và chạy vòng quanh tự thân".

Ví như một con chó bị dây cột vào một cột trụ hay cây cột vững chắc, chạy theo và chạy vòng tròn cột trụ hay cây cột ấy. Cũng vậy, các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy sợ hãi tự thân, yếm ly tự thân, chỉ biết chạy theo và chạy vòng quanh tự thân.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi), và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Này các Tỷ-kheo, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào luận bàn về tương lai, thảo luận về tương lai, y cứ vào tương lai tuyên bố nhiều quan điểm sai khác, tất cả đều tuyên bố năm xứ này hay một trong chúng.

Này các Tỷ-kheo, có một số Sa-môn, Bà-la-môn luận bàn về quá khứ, thảo luận về quá khứ, y cứ vào quá khứ, tuyên bố nhiều quan điểm sai khác : "Tự ngã và thế giới là thường còn; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (1).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là vô thường; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng"(2).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là thường còn (và) là vô thường; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (3).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là không phải thường còn, không phải vô thường; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng"(4).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là hữu biên (giới hạn); chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (5).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là vô biên; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (6).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là hữu biên và vô biên; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (7).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới không phải hữu biên, không phải vô biên; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (8).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là nhứt tướng; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (9).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là dị tướng; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (10).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là thiếu tướng; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (11).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là vô lượng tướng; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (12).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là nhứt hướng lạc; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (13).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là nhứt hướng khổ; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (14).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là lạc và khổ; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (15).

Ở đây, một số tuyên bố : "Tự ngã và thế giới là không khổ, không lạc; chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng" (16).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có chủ thuyết như sau, có quan điểm như sau : "Tự ngã và thế giới là thường còn, chỉ như vậy là chơn thật, ngoài ra là hư vọng". Ngoài tín, ngoài hỷ, ngoài tùy vãn, ngoài thâm định lý do, ngoài kham nhẫn chấp thọ (tà) kiến, trí tự mình sẽ trở thành thanh tịnh, trong sạch; sự tình như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, nếu trí tự mình không trở thành thanh tịnh, trong sạch, thời cho đến chỉ một phần nhỏ của trí, mà những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm cho trong sạch chính như vậy cũng được xưng là chấp trước đối với những vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, không có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có (15) lý thuyết (còn lại nêu trên) thì:

Ngoài lòng tin, ngoài hỷ, ngoài tùy văn, ngoài thâm định lý do, ngoài sự kham nhẫn chấp thọ (tà) kiến, trí tự mình sẽ trở thành thanh tịnh, trong sạch, sự tình như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, nếu trí tự mình không trở thành thanh tịnh, trong sạch, thời cho đến chỉ một phần nhỏ của trí, mà những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy làm cho trong sạch, chính như vậy cũng được xưng là chấp trước đối với những Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi), và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn do từ bỏ những quan điểm về quá khứ, và từ bỏ những quan điểm về tương lai, do không hoàn toàn chú tâm đến những dục kiết sử, đạt được viễn ly hỷ và an trú.

Vị ấy nghĩ: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được viễn ly hỷ, ta an trú". Nhưng nếu viễn ly hỷ ấy của vị này bị đoạn diệt, do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi. Do ưu tư được đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi.

Ví như, này các Tỷ-kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng (mặt trời) lan rộng, chỗ nào sức nóng (mặt trời) từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi. Do ưu tư được đoạn diệt nên viễn ly hỷ sanh khởi.

Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: Vị Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ những quan điểm về quá khứ, và do từ bỏ những quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, sau khi đạt được viễn ly hỷ, liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được viễn ly hỷ, ta an trú". Viễn ly ấy của vị này bị đoạn diệt. Do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, ưu tư sanh khởi; do ưu tư được đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi pháp là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, biết được có (sự đoạn diệt này), Như Lai thấy sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, sau khi đạt được phi vật chất lạc liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu tức là đạt được phi vật chất lạc, ta an trú". Phi vật chất lạc của vị ấy bị đoạn diệt; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi; do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi.

Ví như, này các Tỷ-kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng (mặt trời) lan rộng, chỗ nào sức nóng (mặt trời) từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi; do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi.

Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau : Vị Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, đạt được phi vật chất lạc và an trú : "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được phi vật chất lạc, ta an trú". Phi vật chất lạc ấy của vị này bị đoạn diệt. Do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, viễn ly hỷ sanh khởi; do viễn ly hỷ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành; biết được có (sự đoạn diệt) này, Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi (pháp hữu vi) và đã vượt khỏi (pháp hữu vi).

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Sa-môn hay Bà-la-môn, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, do vượt qua phi vật chất lạc, sau khi đạt được vô khổ vô lạc thọ, liền an trú : "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được vô khổ vô lạc thọ, ta an trú".

Vô khổ vô lạc thọ ấy của vị này bị đoạn diệt. Do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi.

Ví như này các Tỷ-kheo, chỗ nào bóng mát từ bỏ, chỗ ấy sức nóng (mặt trời) lan rộng, chỗ nào sức nóng từ bỏ, chỗ ấy bóng mát lan rộng; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi.

Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: vị Tôn giả Sa-môn hay Bà-la-môn này, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt qua viễn ly hỷ, do vượt qua phi vật chất lạc, sau khi đạt được vô khổ vô lạc thọ, liền an trú: "Đây là sự thật, đây là thù diệu, tức là đạt được vô khổ vô lạc thọ, ta an trú". Vô khổ vô lạc thọ ấy của vị này bị đoạn diệt. Do vô khổ vô lạc thọ bị đoạn diệt, phi vật chất lạc sanh khởi; do phi vật chất lạc bị đoạn diệt, vô khổ vô lạc thọ sanh khởi.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi là thô pháp, nhưng có sự đoạn diệt các hành, sau khi biết được: "Đây có sự đoạn diệt (các hành này), Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi (hữu vi pháp)" và đã vượt khỏi (hữu vi pháp).

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn, do từ bỏ các quan điểm về quá khứ, do từ bỏ các quan điểm về tương lai, do hoàn toàn không chú tâm đến các dục kiết sử, do vượt khỏi viễn ly hỷ, do vượt khỏi phi vật chất lạc, do vượt khỏi vô khổ vô lạc thọ, vị ấy quán: "Ta là tịch tịnh, ta là tịch diệt, ta là không chấp thủ".

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai biết như sau: (...) Chắc chắn vị Đại đức này tuyên bố con đường thích hợp (đưa đến) Niết-bàn. Nhưng vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn này khởi lên chấp thủ, hoặc chấp thủ quan điểm về quá khứ, chấp thủ hoặc chấp thủ quan điểm về tương lai, chấp thủ hoặc chấp thủ dục kiết sử, chấp thủ hoặc chấp thủ viễn ly hỷ, chấp thủ hoặc chấp thủ phi vật chất lạc, chấp thủ hoặc chấp thủ vô khổ vô lạc thọ.

Dẫu cho vị Đại đức này quán: "Ta là tịch tịnh, ta là tịch diệt, ta không có chấp trước", nhưng vị này vẫn được xem là có chấp trước về điểm ấy.

Biết rằng cái này thuộc hữu vi pháp là thô pháp, nhưng có đoạn diệt các hành, sau khi biết được có (sự đoạn diệt các hành) này, Như Lai thấy được sự giải thoát khỏi (hữu vi pháp) và đã vượt khỏi (hữu vi pháp).

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, vô thượng tịch tịnh, tối thắng đạo được Như Lai chánh đẳng giác, nghĩa là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và sự nguy hiểm của sáu xúc xứ, có sự giải thoát không chấp thủ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vô thượng tịch tịnh tối thắng đạo này được Như Lai chánh đẳng giác, nghĩa là sau khi như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt và sự nguy hiểm của sáu xúc xứ, có sự giải thoát không chấp thủ.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Năm-ba trong bộ Kinh Trung Bộ, ngoài những điều Thế Tôn chỉ dạy về một số những lý thuyết – chỉ làm cho con đường tu thêm rối rắm và không đạt kết quả ; mặt khác, kinh này đề cập – đến tính chất hết sức *vi diệu, thâm sâu của pháp Phật* : một khi còn *chấp thủ* (tưởng rằng *không chấp* nhưng thực ra là vẫn *chấp*) là vẫn còn thuộc *Hữu vi* – đó chỉ là *thô pháp*.

3.

KINH NHƯ THẾ NÀO

(Kintisutta)

(103)

Kinh Như Thế Nào ghi lại lời dạy của Thế Tôn – rất cặn kẽ – về thái độ ứng xử – khi gặp những trường hợp “phức tạp” thường ngày trong chúng Tỷ-kheo. Tuy nhiên, đây không phải là những lời dạy riêng cho những Sa-môn – mà đây còn là những lời dạy chí tình cho tất cả mọi người ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Kusinara, tại khu rừng Baliharana. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: “Này các Tỷ-kheo”, – “Thưa vâng, bạch Thế Tôn”. Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông nghĩ như thế nào ? Có phải vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp ? Hay có phải vì nhân đồ ăn khát thực, Sa-môn Gotama thuyết pháp ? Hay có phải vì nhân sàng tọa, Sa-môn Gotama thuyết pháp ? Hay có phải vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp ?

– Thưa không phải vậy, bạch Thế Tôn !

Chúng con không nghĩ rằng : “Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp.. (như trên)... Vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp”.

– Và như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông không nghĩ như sau: “Vì nhân y áo, Sa-môn Gotama thuyết pháp... (như trên)... Vì nhân thành bại, Sa-môn Gotama thuyết pháp”.

Vậy này các Tỷ-kheo, đối với ta, các Ông nghĩ như thế nào ?”

– Như thế này, bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, chúng con nghĩ như sau: “Với từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp”.

– Như vậy, này các Tỷ-kheo, đối với Ta, các Ông nghĩ như sau: “Với từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp”.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, những pháp Ta giảng cho các Ông với thượng trí, như là Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ đề phần, Thánh đạo tám ngành. Ở đây, các ông phải học tập tất cả, trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi nhau.

Và này các Tỷ-kheo, khi các Ông học tập trong các pháp ấy, trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi nhau, có thể có hai vị Tỷ-kheo nói khác nhau về Abhidhamma (Thắng pháp).

Ở đây, nếu các Ông nghĩ như sau: "Giữa các vị Tôn giả này, có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn"; ở đây, Tỷ-kheo nào các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau".

Rồi một Tỷ-kheo nào của phái bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau".

Như vậy, cái gì khó nắm giữ, cần phải thọ trì là khó nắm giữ. Sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì khó nắm giữ, cái gì thuộc về pháp, cái gì thuộc về luật phải được nói lên.

Ở đây, nếu các Ông suy nghĩ như sau : "Giữa các bậc Tôn giả này, có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn". Ở đây, Tỷ-kheo nào các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau. "Giữa các Tôn giả, có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau".

Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự sai khác về nghĩa, có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau".

Như vậy, cái gì khó nắm giữ, cần phải thọ trì là khó nắm giữ, cái gì dễ nắm giữ phải thọ trì là dễ nắm giữ. Sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì khó nắm giữ, sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, cái gì thuộc về pháp, cái gì thuộc về luật phải được nói lên.

Ở đây, nếu các Ông nghĩ như sau : "Giữa các Tôn giả này, có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn". Ở đây, Tỷ-kheo nào các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả, có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất tức là văn : Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau vì một vấn đề nhỏ nhất".

Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy nghĩ đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả, có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa, có sự sai khác về văn như thế này. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất, tức là văn. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau, vì một vấn đề nhỏ nhất" Như vậy, cái gì dễ nắm giữ, phải thọ trì là dễ nắm giữ, cái gì khó nắm giữ, phải thọ trì là khó nắm giữ. Sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, sau khi thọ trì là khó nắm giữ cái gì khó nắm giữ, cái gì thuộc về pháp, cái gì thuộc về luật phải được nói lên.

Ở đây, nếu các Ông nghĩ như sau: "Giữa các Tôn giả này có sự đồng nhất về nghĩa có sự đồng nhất về văn"; ở đây, vị Tỷ-kheo nào các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn nhau".

Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau: "Giữa các Tôn giả, có sự đồng nhất về nghĩa và có sự đồng nhất về văn. Về vấn đề này, các Tôn giả phải biết có sự đồng nhất về nghĩa và cũng có sự đồng nhất về văn như thế này. Các Tôn giả chớ có cãi lộn với nhau". Như vậy, cái gì dễ nắm giữ phải thọ trì là dễ nắm giữ. Sau khi thọ trì là dễ nắm giữ cái gì dễ nắm giữ, cái gì thuộc về pháp, cái gì thuộc về luật hãy được nói lên".

Và này các Tỷ-kheo, khi các Ông học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau, có thể có một Tỷ-kheo khác phạm giới, phạm luật. Ở đây, này các Tỷ-kheo, chớ có khiển trách hấp tấp, cá nhân người kia cần phải giác sát.

(Các Ông phải suy nghĩ): "Sẽ không có hại gì cho ta, và sẽ không có tổn hại gì cho người kia. Nếu người kia không phẫn nộ, uất hận, có ý kiến lành lợi, và dễ thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện".

Này các Tỷ-kheo, nếu các Ông nghĩ như vậy, thời các Ông nên nói là phải. Nhưng nếu, này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ như sau: "Sẽ không có hại gì cho ta, và sẽ có tổn hại cho người kia. Người kia phẫn nộ, uất hận, có ý kiến chậm chạp, nhưng dễ thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất, tức là sự tổn hại cho người kia. Và đây là

sự việc to lớn hơn, là ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện". Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông nghĩ như vậy, thời các Ông nên nói là phải.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như sau : "Sẽ có hại cho ta và không có tổn tại cho người kia. Người kia không có phần nô, uất hận, có ý kiến lạnh lợi, nhưng khó thuyết phục, và ta có thể khiến người ấy vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất, tức là sự tổn hại cho ta. Và đây là sự việc to lớn hơn, là ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện". Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như vậy, thời các Ông nên nói là phải.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như sau : "Sẽ có hại cho ta và sẽ có tổn hại cho người kia. Người khác phần nô, uất hận, có ý kiến chậm chạp, khó thuyết phục và ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện. Nhưng đây chỉ là một vấn đề nhỏ nhất, tức là hại cho ta và tổn hại cho người kia. Và đây là sự việc to lớn hơn, là ta có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện".

Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như vậy, thời các Ông nên nói là phải.

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các Ông suy nghĩ như sau: "Ta sẽ bị hại và người kia cũng bị tổn hại. Người kia phần nô, uất hận, có ý kiến chậm chạp, khó thuyết phục, và ta không có thể khiến người này vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện".

Đối với một người như vậy, này các Tỷ-kheo, hãy xả, chớ có nên khinh miệt.

Và này các Tỷ-kheo, khi các Ông học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn với nhau, có thể khởi lên giữa các Ông, một khẩu hành, một ý kiến ngoan cố, một tâm hiểm hận, ưu não, phần nô.

Ở đây, một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn, hãy đến vị ấy và nói như sau : "Này Hiền giả, dầu chúng tôi học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn nhau, có khởi lên một khẩu hành, một ý kiến ngoan cố, một tâm hiểm hận, ưu não, phần nô. Nếu biết được như thế, vị Sa-môn sẽ quả trách".

Trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau : ""Này Hiền giả, dầu cho, chúng tôi học tập các pháp ấy trong tinh thần hòa đồng, hoan hỷ, không cãi lộn nhau... (như trên)... vị Sa-môn sẽ quả trách. Nhưng này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn có thể chứng được chăng ?"

Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn không có thể chứng được".

Rồi một Tỷ-kheo nào của phe bên kia mà các Ông nghĩ là nhu thuận dễ nói hơn hãy đến vị ấy và nói như sau : "Này Hiền giả, dầu chúng tôi học tập các pháp ấy... (như trên).. vị Sa-môn sẽ quả trách".

Trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, dầu cho chúng tôi ... (như trên)... Sa-môn sẽ quả trách. Nhưng này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn có thể chứng được chăng ?"

Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Này Hiền giả, nếu không từ bỏ điều kiện ấy, Niết-bàn không có thể chứng được".

Nhưng này các Tỷ-kheo, nếu các Ông khác hỏi Tỷ-kheo ấy, nói rằng: "Các Tỷ-kheo ấy có được Tôn giả khiến cho vượt khỏi bất thiện, an trú vào thiện chăng ?" Nếu trả lời một cách chơn chánh, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo phải trả lời như sau: "Ở đây, này Hiền giả, tôi đi đến Thế Tôn và Thế Tôn thuyết pháp của Ngài cho tôi. Sau khi nghe pháp ấy, tôi đã nói lại cho các Tỷ-kheo ấy. Khi các Tỷ-kheo ấy nghe pháp ấy xong, các vị ấy tự vượt khỏi bất thiện và an trú vào thiện".

Trả lời như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tự khen mình chê người. Vị ấy giải thích tùy pháp đúng với pháp, và không một ai trong các Pháp hữu nói lời tùy thuyết, có thể đưa đến phi báng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Như Thế Nào trong bộ Kinh Trung Bộ là những lời dạy của Thế Tôn về cách ứng xử – trước một trường hợp phải “lên tiếng” góp ý (còn gọi là phê bình) cho một ai đó về một việc gì đó cần thiết.

Điều đáng chú ý trong kinh, Thế Tôn hỏi: Mục đích của Ngài thuyết pháp là gì ? Vì bữa ăn ư ? Vì bộ quần áo ư ? Vì chỗ ngồi (sàng tọa) ư ? Hay vì quyền lợi, địa vị, danh vọng ?

Các Tỷ-kheo cũng đã trả lời rõ: "Vời từ tâm, vì lợi tha và do lòng từ Thế Tôn thuyết pháp".

Có thể lấy nội dung trả lời của các vị Tỷ-kheo – đã được Thế Tôn chấp nhận (im lặng) – để soi rọi lại tất cả những việc làm mang tính truyền đạt, giáo hóa chúng

sinh. Thuyết pháp (hoặc hình thức nào đó như thuyết pháp) – có thể xem đó là một trách nhiệm của Bồ Tát – nhằm thực hiện *hạnh Bồ Tát*. Tuy nhiên, thuyết pháp (hoặc hình thức nào đó như thuyết pháp) – không phải là công việc đơn giản – mà ai muốn cũng có thể thực hiện được. Để thực hiện được công việc này – phải có *căn tánh* (*Đại kinh Malukyaputta – trong “Kinh Trung Bộ” chú giải –Tập 2*), sở nguyện, kỹ năng chuyên môn ... mới có thể thực hiện được. Vì không phải là công việc đơn giản nên sai sót rất dễ xảy ra – khi đó, nếu có được sự góp ý đúng đắn, chân tình ; những lời chỉ dạy quý báu ... thì sao mà không hoan hỷ đón nhận ?

Việc được góp ý (một số người cho là bị phê phán) – một cách đúng đắn, chân thực, khách quan – thường là những “nhát dao” nhói buốt – dao càng “bén ngọt”, về thực chất lại là dễ chịu nhất – bởi, nó giúp nhanh chóng cắt bỏ những thứ nguy hại một cách nhanh chóng, dễ dàng ...

4.
KINH LÀNG SAMA
(Samagamasuttam)
(104)

Kinh Làng Sama là những lời dạy của Thế Tôn về sự ngăn ngừa những rạn nứt – có thể xảy ra – trong tăng đoàn Phật tử. Sở dĩ có được sự giáo huấn quý báu này bởi – ngay sau khi vị đứng đầu giáo phái Nigantha: Nigantha Nataputta tạ thế – ngay lập tức, các đệ tử của ông chia rẽ ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở giữa các vị Sakka (Thích Ca), tại Samagama (Xá-di thôn). Lúc bấy giờ, Nigantha Nataputta vừa mới tạ thế ở Pava. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigantha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và sống tàn hại nhau với binh khí miệng lưỡi. "Ông không biết pháp luật này, ta biết pháp luật này. Sao Ông có thể biết pháp luật này ? Ông theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói Ông không tương ưng. Điều đáng nói trước Ông nói sau; điều đáng nói sau, Ông nói trước. Điều Ông quan niệm, trình bày đã bị đảo lộn. Quan điểm của Ông đã bị thách đổ. Ông đã bị đánh bại. Hãy đi giải tòa quan điểm của Ông. Hãy tự thoát khỏi bế tắc nếu Ông có thể làm được !"

Hình như các đệ tử của Nigantha Nataputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nataputta cũng chán ngấy, cơ hiềm, và phản đối các Nigantha, vì pháp luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vững vẻ, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Rồi sa di Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pava, đến thăm Tôn giả Ananda ở Samagama, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Sa di Cunda bạch Tôn giả Ananda:

– Bạch Tôn giả, Nigantha Nataputta đã từ trần ở Pava. Sau khi vị này tạ thế, các Nigantha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda nói với Sa di Cunda :

– Nay Hiền giả Cunda, đây vấn đề đáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Nay Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn; sau khi đến, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

– Thưa vâng, Tôn giả .

Sa di Cunda vâng lời Tôn giả Ananda. Rồi Tôn giả Ananda cùng với Sa di Cunda đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Sa di Cunda có nói : "Nigantha Nataputta đã từ trần ở Pava. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigantha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ". Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: "Sau khi Thế Tôn nhập diệt, chớ để cho tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng. Tranh luận ấy đưa đến sự bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài người".

– Này Ananda, Ông nghĩ thế nào ? Những pháp Ta dạy cho các Ông với thượng trí, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ đề phần, Thánh đạo tám ngành. Ông có thấy chằng, này Ananda, có hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau ?

– Bạch Thế Tôn, những pháp Thế Tôn dạy cho con với thượng trí, như Bốn niệm xứ... (như trên)... Thánh đạo tám ngành, con không thấy cho đến hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau. Bạch Thế Tôn, và những người nào sống y cứ sùng kính Thế Tôn, những người ấy sau khi Thế Tôn nhập diệt, có thể khởi lên những tranh luận giữa tăng chúng, hoặc về Tăng thượng hoạt mạng, hoặc về Tăng thượng (Patimokkha-Giới bốn). Tranh luận ấy đem đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người.

– Là nhỏ nhặt này Ananda, là sự tranh luận ấy, tức là (tranh luận) về Tăng thượng hoạt mạng hay Tăng thượng giới bốn. Này Ananda, sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng về con đường (magga) hay về đường hướng tu hành (patipada), sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người.

Này Ananda, có sáu căn bản tranh chấp này. Thế nào là sáu ?

Ở đây, Tỷ-kheo phẫn nộ, sân hận. Này Ananda, vị Tỷ-kheo nào phẫn nộ, sân hận, vị ấy sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư, sống không cung kính, không tôn trọng Pháp, sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập. Này Ananda, Tỷ-kheo nào sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư... (như trên)... sống không cung kính, không tôn trọng Tăng

chúng, không viên mãn sự học tập, vị ấy khởi lên tranh luận giữa Tăng chúng. Sự tranh luận nào đưa đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người. Nay Ananda nếu Ông thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các Ông hay giữa các người khác, ở đây, nay Ananda, Ông phải tinh tấn đoạn trừ ác căn bản tranh luận ấy. Nay Ananda, nếu Ông không thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các Ông hay giữa các người khác; ở đây, nay Ananda, Ông phải theo một đường hướng để không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy. Có sự đoạn diệt ác căn bản tranh luận ấy, như vậy mới không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy như vậy.

Lại nữa này Ananda, vị Tỷ-kheo hiềm hận nào hại... (như trên)... tật đố, xan tham... (như trên)... gian manh, xảo trá... (như trên)... ác dục tà kiến... (như trên)... chấp thủ thế trí, cố chấp, khó thuyết phục.

Này Ananda, Tỷ-kheo nào chấp thủ thế trí, cố chấp khó thuyết phục, vị ấy sống không cung kính, không tôn trọng Bạc Đạo sư, không cung kính, không tôn trọng Pháp, không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập. Nay Ananda, vị Tỷ-kheo nào sống không cung kính, không tôn trọng bạc Đạo sư... (như trên)... sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập, vị ấy khởi lên sự tranh luận giữa Tăng chúng. Sự tranh luận nào đưa đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người, nay Ananda, nếu Ông thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các Ông hay giữa các người khác, ở đây, nay Ananda, Ông phải tinh tấn đoạn trừ ác căn bản tranh luận ấy. Nay Ananda, nếu Ông không thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các Ông hay giữa người khác, ở đây, nay Ananda, Ông phải theo một đường hướng để không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy. Có sự đoạn diệt ác căn bản tranh luận ấy, như vậy mới không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận như vậy. Những pháp này, nay Ananda, là sáu căn bản tranh chấp.

Này Ananda, có bốn tránh sự này. Thế nào là bốn ?

Tránh sự khởi lên do tranh luận, tránh sự khởi lên do chỉ trích, tránh sự khởi lên do phạm giới tội, tránh sự khởi lên do trách nhiệm (kiccadhikaranam : hành tránh sự). Những pháp này, nay Ananda, là bốn tránh sự.

Nhưng này Ananda, có bảy diệt tránh pháp này để giải quyết diệt trừ các tránh pháp thỉnh thoảng khởi lên :

Phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho (sammukhavinayo databbo: ung dữ hiện tiền tỳ-ni) ;

Phán quyết ức niệm cần được ban cho (sativinayadatabbo: ung dữ ức niệm tỳ-ni) ;

Phán quyết bất si cần được ban cho (amulhavinayo databbo: ung dữ bất si tỳ-ni) ;

Quyết định tùy theo thú nhận (patinnaya karetabbam) ;

Quyết định đa số (yebhuya ssika: đa nhân mịch tội) ;

Quyết định tùy theo giới tội người phạm (tassa papiyyasika) ;

Trái cỏ che lấp (tinavattha rako: như thảo phủ địa).

Này Ananda, thế nào là phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho ?

Ở đây, này Ananda, các Tỷ-kheo tranh chấp nhau : "Đây là pháp, hay đây là phi pháp, hay đây là luật, hay đây là phi luật".

Này Ananda, tất cả các Tỷ-kheo ấy phải tập hợp hòa hợp với nhau, sau khi tập hợp, pháp quy chế (dhammanetti) phải được thảo luận, phân tích. Sau khi pháp quy chế được thảo luận, phân tích, ở đây, làm thế nào để đồng nhất đạt được, như vậy, tránh sự phải được giải quyết. Như vậy, này Ananda, là phán quyết với sự hiện diện; và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự tức là dùng phán quyết với sự hiện diện.

Và này Ananda, thế nào là quyết định đa số (yebbuyyasika) ?

Này Ananda, nếu các Tỷ-kheo kia không có thể giải quyết tránh ấy tại trú xứ ấy, thời này Ananda, các vị Tỷ-kheo kia cần phải đi đến chỗ trú xứ có nhiều Tỷ-kheo hơn, tại đấy tất cả các Tỷ-kheo phải hòa đồng tập hợp lại; sau khi tập hợp, pháp quy chế (dhammanetti) phải được thảo luận, phân tích. Sau khi pháp quy chế được thảo luận, phân tích, ở đây làm thế nào, để đồng nhất đạt được như vậy tránh sự phải được giải quyết. Như vậy, này Ananda, là sự giải quyết một số tránh sự tức là dùng sự quyết định đa số.

Và này Ananda, thế nào phán quyết ức niệm ?

Ở đây, này Ananda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di ?" Vị ấy trả lời như sau : "Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di". Như vậy, này Ananda, một phán quyết ức niệm cần phải cho Tỷ-kheo ấy. Như vậy, này Ananda, là phán quyết ức niệm. Như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự tức là nhờ phán quyết ức niệm.

Và này Ananda, thế nào là phán quyết bất si ?

Ở đây, này Ananda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di ?"

Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di".

Tỷ-kheo ấy bị (các vị Tỷ-kheo kia) dồn ép phải thú nhận: "Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di".

Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: "Này Chư Hiền, tôi đã bị cuồng si, tâm trí tôi điên đảo; do tôi cuồng si như vậy, nhiều việc đã được tôi làm, tôi nói không xứng Sa-môn hạnh. Vì bị cuồng si, tôi không nhớ đã làm như vậy". Này Ananda, phán quyết bắt si cần phải cho Tỷ-kheo ấy. Như vậy, này Ananda, là pháp quyết bắt si. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh pháp, tức là nhờ phán quyết bắt si.

Và này Ananda, thế nào là quyết định tùy theo thú nhận ? Ở đây, này Ananda, bị buộc tội hay không bị buộc tội, Tỷ-kheo nhớ một giới tội, tỏ lộ, trình bày. Tỷ-kheo ấy phải đến một Tỷ-kheo lớn tuổi hơn, đắp y phía một bên vai, đánh lễ chân vị ấy, ngồi gồi hai chân, chấp tay và nói như sau : "Bạch Tôn giả, tôi có phạm giới tội tên như thế này, nay xin sám hối". Tỷ-kheo kia nói như sau: "Ông có thấy chăng ?" - "Tôi có thấy" - "Ông có gìn giữ trong tương lai không ?" - "Tôi sẽ gìn giữ". Như vậy, này Ananda, là quyết định tùy theo thú nhận, như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự tức là nhờ quyết định tùy theo thú nhận.

Và này Ananda, thế nào là quyết định tùy theo giới tội người phạm ?

Ở đây, này Ananda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: "Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di ?"

Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di".

Tỷ-kheo ấy bị (các Tỷ-kheo kia) dồn ép phải tỏ lộ ra : "Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di ?" Tỷ-kheo ấy trả lời như sau : "Chư Hiền, tôi không có nhớ tôi có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di. Chư Hiền, tôi nhớ tôi có phạm khinh tội như thế này".

Tỷ-kheo ấy bị (các Tỷ-kheo kia) dồn ép phải tỏ lộ: "Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di hoặc gần Ba-la-di ?". Vị ấy trả lời như sau: "Chư Hiền, dầu không ai hỏi tội, tôi sẽ thú nhận có phạm khinh tội như thế này, làm sao tôi có thể, khi có người hỏi tôi, lại không thú nhận có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba la di, hoặc gần Ba-la-di ?"

Vị kia nói như sau : "Này Hiền giả, dầu Ông có phạm khinh tội này, nếu không hỏi, Ông sẽ không thú nhận, làm sao khi đã phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nếu có hỏi, Ông lại có thể thú nhận ? Tôn giả hãy biết rõ ràng, nếu Tôn giả nhớ có phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di. hoặc gần Ba-la-di ?"

Vị ấy trả lời như sau : "Chư Hiền, tôi nhớ, tôi có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di. Điều tôi đã nói như vậy, là nói chơi, điều tôi đã nói như vậy là để cười (rava ?) Tôi không có nhớ tôi đã phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di". Như vậy, này Ananda, là quyết định tùy theo giới tội người phạm. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh tội, tức là nhờ quyết định tùy theo giới tội người phạm.

Và này Ananda, thế nào là trái cở che lấp ?

Ở đây, này Ananda, một số Tỷ-kheo sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau, có nhiều việc đã làm, đã nói không xứng Sa-môn hạnh. Tất cả các Tỷ-kheo ấy phải tập hợp hòa đồng với nhau. Sau khi tập hợp, một Tỷ-kheo thông minh có kinh nghiệm hơn của một phe nhóm Tỷ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y về phía một bên vai, chắp tay bạch Tăng chúng, nói rằng: "Chư Tôn giả, Tăng chúng hãy nghe tôi. Khi chúng tôi sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau, nhiều việc đã làm, đã nói không xứng Sa-môn hạnh. Nếu Tăng chúng xem là phải thời, tôi xin tỏ lộ bất cứ giới tội nào của các Tôn giả này và bất cứ giới tội nào của tôi. Vì lợi ích cho chư Tôn giả và cũng vì lợi ích cho tự thân, tôi xin tỏ lộ giữa Tăng chúng, như lấy cở trái ra, trừ các trọng tội, trừ tội liên hệ đến cư sĩ".

Rồi một vị Tỷ-kheo thông minh kinh nghiệm của nhóm Tỷ-kheo khác, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y về phía một bên vai, chắp tay bạch Tăng chúng, nói rằng : "Chư Tôn giả, Tăng chúng hãy nghe tôi. Khi chúng tôi sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau... (như trên)... trừ các tội liên hệ đến cư sĩ" Như vậy, này Ananda, là trái cở che lấp, và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh pháp, tức là nhờ trái cở che lấp.

Này Ananda, có sáu khả niệm pháp này, tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Thế nào là sáu ?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo an trú từ thân nghiệp, đối với các vị đồng Phạm hạnh, chỗ đông người và chỗ vắng người. Khả niệm pháp này, tác thành khả ái, tác thành tôn kính đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất.

Và lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo an trú từ khẩu nghiệp... (như trên)... đồng nhất. Và lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo an trú từ ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh, chỗ đông người và chỗ vắng người.

Khả niệm pháp này tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất". Và lại nữa, này Ananda, với mọi sở đắc như pháp, mọi lợi dưỡng đúng pháp cho đến những thọ lãnh trong bình bát, Tỷ-kheo là vị san sẻ các lợi dưỡng như vậy, là vị thọ hưởng cùng với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức. Khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất.

Và lại nữa, này Ananda, đối với mọi giới luật nào, không sứt mẻ, không tỳ, không vết, không ô uế, giải thoát, được người trí tán thán, không chấp thủ, đưa đến Thiền định, Tỷ-kheo sống thành tựu những giới luật như vậy cùng với các vị đồng Phạm hạnh giữa chỗ đông người và tại chỗ vắng người. Khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất.

Và lại nữa, này Ananda, đối với mọi tri kiến thánh thiện, đưa đến xuất ly, dẫn đến sự chơn chánh, đoạn diệt khổ đau cho những ai thực hành theo, Tỷ-kheo sống thành tựu những tri kiến như vậy cùng với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người. Khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa đồng, đồng nhất.

Này Ananda sáu pháp khả niệm này tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa đồng, đồng nhất. Này Ananda, nếu Ông thọ trì và thực hành sáu pháp khả niệm này, thời này Ananda, Ông thấy có những cách nói nào, hoặc tế hoặc thô, khiến Ông không có thể kham nhẫn ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này Ananda, hãy thọ trì và thực hành sáu pháp khả niệm này, như vậy sẽ đưa đến cho Ông an lạc và hạnh phúc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Làng Sama trong bộ Kinh Trung Bộ là những lời dạy của Thế Tôn về sự ngăn ngừa những rạn nứt – có thể xảy ra – trong tăng đoàn Phật tử.

Trong kinh, Thế Tôn đã hỏi Ngài Ananda:

“Này Ananda, Ông nghĩ thế nào ? Những pháp Ta dạy cho các Ông với thượng trí, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ đề

phần, Thánh đạo tám ngành. Ông có thấy chăng, này Ananda, có hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau ?”

Ngài Ananda trả lời:

– Bạch Thế Tôn, những pháp Thế Tôn dạy cho con với thượng trí, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ đề phần, Thánh đạo tám ngành, con không thấy cho đến hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau.

Tuy nhiên, Ngài Ananda vẫn ưu tư đưa ra dự báo:

Bạch Thế Tôn, và những người nào sống y cứ sùng kính Thế Tôn, những người ấy sau khi Thế Tôn nhập diệt, có thể khởi lên những tranh luận giữa tăng chúng, hoặc về Tăng thượng hoạt mạng, hoặc về Tăng thượng (Patimokkha-Giới bốn). Tranh luận ấy đem đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người.

Trước ưu tư này, Thế Tôn đã chỉ ra rằng:

“Là nhỏ nhất này Ananda, là sự tranh luận ấy, tức là (tranh luận) về Tăng thượng hoạt mạng hay Tăng thượng giới bốn.

Này Ananda, sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng về con đường (magga) hay về đường hướng tu hành (patipada), sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài Trời, loài Người”.

Sẽ không bao giờ có sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng về con đường (magga) hay về đường hướng tu hành (patipada), bởi, pháp Phật – là pháp của sự thấy và sự biết. Sự biết ấy là trí tuệ Ba-la-mật (trí tuệ cao tột cùng).

5.
KINH THIỆN TINH
(Sunakkhattasuttam)
(105)

Tham ái được vị Sa-môn gọi là mũi tên. Thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân.

Mũi tên tham ái đã được ta (vị Sa-môn) đoạn diệt ; thuốc độc vô minh đã được trừ khử ...

Đã đi đến gần sát đích, ấy vậy mà – vị sa môn ấy – lại có thể chết hoặc khổ gần như chết ...

Kinh Thiện Tinh là lời dạy mang tính cảnh báo rất cao của Như Lai ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Vesali (Tỳ-xá-ly), ở Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường (Kutagarasala). Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo, trước mặt Thế Tôn tuyên bố đã chứng trí giác : "Chúng tôi biết rằng sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa".

Sunakkhatta Licchaviputta (Thiện Tinh Ly-xa Tử) nghe nhiều Tỷ-kheo nói như vậy.

Rồi sunakkhatta Licchaviputta đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Sunakkhatta Licchaviputta bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, những Tỷ-kheo ấy, trước mặt Thế Tôn tuyên bố đã chứng trí giác: "Chúng tôi biết rằng sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa". Bạch Thế Tôn, không biết các Tỷ-kheo ấy đã tuyên bố một cách chơn chánh chứng trí giác, hay ở đây có một số Tỷ-kheo, vì tăng thượng mạn đã tuyên bố chứng trí giác ?

– Nay Sunakkhatta, những vị Tỷ-kheo trước mặt Ta đã tuyên bố chứng trí giác : "Chúng tôi biết rằng, sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái này nữa".

Ở đây, có một số Tỷ-kheo đã chơn chánh tuyên bố chứng trí giác; nhưng ở đây, cũng có một số Tỷ-kheo chính vì tăng thượng mạn, đã tuyên bố chứng trí giác.

Ở đây, này Sunakkhatta, những vị Tỷ-kheo nào đã chơn chánh tuyên bố chứng trí giác, thời đối với các vị ấy, thật là đúng như vậy.

Nhưng đối với các vị Tỷ-kheo nào, vì tăng thượng mạn đã tuyên bố chứng trí giác, ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai nghĩ như sau : "Ta hãy thuyết pháp cho những vị ấy".

Và như vậy, ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai suy nghĩ : "Ta hãy thuyết pháp cho những vị ấy".

Nhưng ở đây, nếu có một số người ngu si, bày đặt câu hỏi, đến hỏi Như Lai; ở đây, này Sunakkhatta, Như Lai suy nghĩ như sau: "Ta hãy thuyết pháp cho những người ấy". Như Lai suy nghĩ như vậy, không có làm khác.

– Nay đã đúng thời để thuyết pháp, bạch Thế Tôn ! Nay đã đúng thời để thuyết pháp, bạch Thiện Thệ ! Thế Tôn thuyết pháp như thế nào, sau khi nghe Thế Tôn xong, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Sunakkhatta, hãy nghe và khéo tác ý kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Sunakkhatta Licchaviputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này Sunakkhatta, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm ? Các sắc do mắt nhận thức ; các tiếng do tai nhận thức ; các hương do mũi nhận thức ; các vị do lưỡi nhận thức ; các xúc do thân cảm xúc – khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này Sunakkhatta, những pháp này là năm dục trường dưỡng.

Nhưng này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi ở đây có số người thiên nặng về vật chất thế gian. Đối với người thiên nặng về vật chất thế gian, này Sunakkhatta, câu chuyện (thích hợp với người ấy) phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người nào người ấy thích thú.

Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến bất động, thời người ấy không nghe, không lắng tai, và tâm không an trú vào tri giác. Và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú.

Ví như này Sunakkhatta, có người đã lâu không trú ở trong làng hay thị trấn của mình, và có thể thấy một người vừa mới từ làng ấy hay thị trấn ấy lại. Người này sẽ hỏi người ấy về sự an ninh của làng hay thị trấn ấy, về đồ ăn uống sung túc và

về ít bệnh tật, và người ấy sẽ nói cho người này biết về sự an ổn của làng hay thị trấn ấy, về đồ ăn uống sung túc và về ít bệnh tật.

Này Sunakkhatta, Ông nghĩ thế nào ? Có phải người này sẽ nghe người kia, lắng tai, tâm an trú vào trí giác và người này sẽ giao thiệp với người ấy mà người này thích thú ?

– Thưa phải vậy, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra khi ở đây có số người thiên nặng về vật chất thế gian. Đối với người thiên nặng về vật chất thế gian, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tâm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú.

Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Bất động, thời người ấy không nghe, không lắng tai và tâm không an trú vào thượng trí, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú. Người ấy cần được hiểu như vậy: "Là hạng người thiên nặng về vật chất thế gian".

Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra, khi một số người thiên nặng về Bất động.

Đối với người thiên nặng về Bất động, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp (với người ấy) phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tâm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến vật chất thế gian, thời người ấy không nghe, không lắng tai và tâm không an trú vào thượng trí, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú.

Ví như, này Sunakkhatta, một lá vàng khô đã rời khỏi cành, không còn xanh trở lại; cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về Bất động, đã rời khỏi kiết sử vật chất thế gian. Người ấy cần được hiểu như sau : "Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử vật chất thế gian, thiên nặng về Bất động".

– Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra. Ở đây, có một số người thiên nặng về Vô sở hữu.

Đối với người thiên nặng về Vô sở hữu, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tâm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Bất động, thời người ấy không nghe, không lắng tai, và tâm không an trú vào trí giác, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú.

Ví như, này Sunakkhatta, một hòn đá bị vỡ làm đôi không thể nối liền lại được; cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về Vô sở hữu, đã bị chặt đứt khỏi kiết sử Bất động, người ấy cần được hiểu như sau: "Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử Bất động, thiên nặng về Vô sở hữu".

– Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra. Ở đây, có một số người thiên nặng về Phi tướng phi phi tướng xứ.

Đối với người thiên nặng về Phi tướng phi phi tướng xứ, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú.

Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Vô sở hữu xứ, thì người ấy không nghe, không lắng tai, và tâm không an trú vào trí giác, và người ấy không giao thiệp với người mà người ấy không thích thú.

Ví như, này Sunakkhatta, một người đã ăn các món ăn mỹ vị và đã quăng bỏ. Này Sunakkhatta, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có ưa ăn lại món ăn ấy không?

– Bạch Thế Tôn không. Vì sao vậy? Vì rằng, bạch Thế Tôn, món ăn ấy được xem là ghê tởm rồi.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về Phi tướng phi phi tướng xứ, đã để một bên kiết sử Vô sở hữu xứ. Người ấy cần được hiểu như sau: "Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử Vô sở hữu xứ, thiên nặng về Phi tướng phi phi tướng xứ".

Này Sunakkhatta sự tình này xảy ra, khi ở đây, có số người thiên nặng về chánh Niết-bàn.

Đối với hạng người thiên nặng về chánh Niết-bàn, này Sunakkhatta, câu chuyện thích hợp với người ấy phải tùy thuộc như thế nào để phù hợp với điều người ấy suy tầm và suy tư, và người ấy chỉ giao thiệp với người mà người ấy thích thú. Nhưng nếu câu chuyện chỉ nói liên hệ đến Phi tướng phi phi tướng xứ, thì người ấy không nghe, không lắng tai, và tâm không an trú vào trí giác. Và người ấy không giao thiệp với người mà người mà ấy không thích.

Ví như, này Sunakkhatta, cây tala ngọn cây đã bị chặt đứt không thể lớn được nữa; cũng vậy, này Sunakkhatta, đối với hạng người thiên nặng về chánh Niết-bàn, đã cắt đứt kiết sử Phi tướng phi phi tướng xứ, đã cắt đứt từ rễ, làm cho như cây tala không thể tái sanh, không thể khởi lên lại trong tương lai. Người ấy cần phải được hiểu như sau: "Đây là hạng người không liên hệ với kiết sử Phi tướng phi phi tướng xứ, thiên nặng về chánh Niết-bàn".

– Nay Sunakkhatta, sự tình này xảy ra, khi ở đây, có một số người suy nghĩ như sau : "Tham ái được vị Sa-môn gọi là mũi tên. Thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt; thuốc độc vô minh đã được trừ khử; ta thiên nặng về chánh Niết-bàn". Vị ấy có thể tự hào với mục đích hiện tại.

Vị ấy có thể truy cầu những gì không thích hợp với khuynh hướng chánh Niết-bàn, mắt vị ấy có thể truy cầu sắc không thích hợp, tai có thể truy cầu tiếng không thích hợp, mũi có thể truy cầu hương không thích hợp, lưỡi có thể truy cầu vị không thích hợp, thân có thể truy cầu xúc không thích hợp, ý có thể truy cầu pháp không thích hợp.

Khi mắt truy cầu sắc không thích hợp, tai truy cầu tiếng không thích hợp, mũi truy cầu hương không thích hợp, lưỡi truy cầu vị không thích hợp, thân truy cầu xúc không thích hợp, ý truy cầu pháp không thích hợp, thời tham dục nhiều loạn tâm vị ấy.

Vị ấy do tâm bị tham dục nhiều loạn đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết.

Ví như, nay Sunakkhatta, một người bị mũi tên bắn, tên ấy có tâm thuốc độc rất dày. Bạn bè thân hữu, bà con huyết thống người ấy cho mời một y sĩ giải phẫu. Vị y sĩ giải phẫu ấy có thể cắt xung quanh miệng vết thương với con dao; sau khi cắt xung quanh miệng vết thương với con dao, vị y sĩ giải phẫu có thể dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm. Sau khi dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm, y sĩ có thể rút mũi tên ra. Y sĩ có thể trừ khử hết thuốc độc, còn để lại một ít nhưng nghĩ không có thuốc độc nào còn lại, y sĩ nói như sau : "Này Hiền giả, mũi tên của Bạn đã được rút ra thuốc độc đã được trừ khử, không còn dư tàn, và không còn gì nguy hiểm nữa cho Bạn, nhưng Bạn phải chỉ ăn các đồ ăn thích hợp, và hãy gìn giữ, nếu ăn đồ ăn không thích hợp, vết thương của Bạn sẽ làm mủ lại, và thường thường phải cho rửa vết thương, thường thường phải xức thuốc cho miệng vết thương. Trong khi thường thường cho rửa vết thương, thường thường xức thuốc cho miệng vết thương, chớ có để máu cũ đông khô trên miệng vết thương và hãy cẩn thận khi đi ra giữa gió và nắng; hãy cẩn thận khi đi ra giữa gió và nắng, nếu không, bụi và nhớp có thể nhiều hại miệng vết thương. Và nay Bạn, nếu Bạn chăm sóc vết thương, thời vết thương sẽ được lành". Người ấy suy nghĩ như sau: "Mũi tên đã được rút khỏi (thân) ta, nọc độc đã được trừ khử, không còn dư tàn, và ta đã thoát khỏi nguy hiểm". Và người ấy ăn những đồ ăn không thích hợp. Vì người ấy ăn những đồ ăn không thích hợp, nên vết thương làm mủ lại. Và thường thường người ấy không rửa vết thương, thường thường không xức thuốc miệng vết thương. Vì người ấy thường thường không rửa vết thương, vì người ấy thường thường không xức thuốc miệng vết thương, nên máu cũ đông lại trên miệng vết thương. Và người

ấy thường hay đi giữa gió và nắng. Do người ấy thường hay đi giữa gió và nắng, bụi và chớp nhiều hại miệng vết thương; và vì người ấy không chăm sóc vết thương nên vết thương không được lành. Vì người ấy làm chính những việc không thích hợp, và do thuốc độc được trừ khử nhưng còn dư tàn, do cả hai điều ấy nên miệng vết thương có thể lớn to hơn trước. Do vết thương lớn to, người ấy có thể đi đến chết hay đau khổ gần như chết.

Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự kiện này xảy ra, khi ở đây một số Tỷ-kheo nghĩ như sau : "Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt; thuốc độc vô minh đã được trừ khử. Ta thiên nặng về chánh Niết-bàn". Vị ấy có thể tự hào với mục đích hiện tại. Vị ấy có thể truy cầu những gì không thích hợp với khuynh hướng chánh Niết-bàn. Mắt có thể truy cầu sắc không thích hợp, tai có thể truy cầu tiếng không thích hợp, mũi có thể truy cầu hương không thích hợp, lưỡi có thể truy cầu vị không thích hợp, thân có thể truy cầu xúc không thích hợp, ý có thể truy cầu pháp không thích hợp. Khi mắt truy cầu sắc không thích hợp, tai truy cầu tiếng không thích hợp, mũi truy cầu hương không thích hợp, lưỡi truy cầu vị không thích hợp, thân truy cầu xúc không thích hợp, ý truy cầu pháp không thích hợp. thời tham dục nhiều loạn tâm vị ấy. Vị ấy do tham dục nhiều loạn tâm, đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết.

Như vậy, này Sunakkhatta, là chết trong giới luật của bậc Thánh, khi vị ấy từ bỏ tu tập, trở về hoàn tục, và như vậy, này Sunakkhatta, là khổ như chết, khi vị ấy phạm một ô uế tội nào.

Này Sunakkhatta, sự tình này xảy ra, khi ở đây một số Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt, thuốc độc vô minh đã được trừ khử. Ta thiên nặng về chánh Niết-bàn". Chính vì thiên nặng về chánh Niết-bàn, vị ấy không truy cầu những gì không thích hợp với (khuynh hướng) thiên nặng về Niết-bàn, mắt không truy cầu sắc không thích hợp, tai không truy cầu tiếng không thích hợp, mũi không truy cầu hương không thích hợp, lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, thân không truy cầu xúc không thích hợp, ý không truy cầu pháp không thích hợp. Vì mắt vị ấy không truy cầu sắc không thích hợp, vì tai không truy cầu tiếng không thích hợp, vì mũi không truy cầu hương không thích hợp, vì lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, vì thân không truy cầu xúc không thích hợp, vì ý không truy cầu pháp không thích hợp, nên tham dục không nhiều loạn tâm, vì tham dục không nhiều loạn tâm; nên vị ấy không đi đến chết hay đi đến khổ gần như chết.

Ví như, này Sunakkhatta, một người bị tên bắn, và mũi tên bị tẩm thuốc độc rất dày. Bạn bẻ thân hữu, bà con huyết thống người ấy cho mời một y sĩ giải phẫu. Vị y sĩ giải phẫu ấy có thể cắt xung quanh miệng vết thương với con dao; sau khi cắt xung quanh miệng vết thương với con dao, vị y sĩ giải phẫu có thể dò tìm tên với một vật dụng dò tìm. Sau khi dò tìm mũi tên với một vật dụng dò tìm, y sĩ có thể rút mũi tên ra... Y sĩ có thể trừ khử hết thuốc độc không còn để dư lại và biết rằng không còn để dư lại. Vị ấy nói như sau: "Này Bạn, mũi tên của Bạn đã được rút ra, thuốc độc đã được trừ khử, không có dư tàn, nhưng vẫn còn nguy hiểm cho Bạn. Và Bạn hãy ăn những đồ ăn thích hợp, chớ ăn những đồ ăn không thích hợp khiến vết thương có thể làm mủ; và thường thường hãy rửa vết thương, thường thường hãy súc thuốc miệng vết thương, thường thường rửa vết thương, thường thường súc thuốc miệng vết thương, chớ để máu cũ đóng khô lại trên miệng vết thương. Và chớ có đi ra giữa gió và nắng; đi ra giữa gió và nắng, chớ để bụi và nhớp làm nhiều hại miệng vết thương, hãy sống gìn giữ vết thương, này Bạn, và vết thương sẽ lành". Người ấy suy nghĩ như sau: "Mũi tên đã được rút ra khỏi ta, thuốc độc đã được trừ khử, không có dư tàn. Và ta chưa thoát khỏi nguy hiểm". Và vị ấy có thể chỉ ăn các đồ ăn thích hợp. Do chỉ ăn các đồ ăn thích hợp miệng vết thương có thể không làm mủ. Và thường thường vị ấy có thể rửa vết thương, thường thường có thể súc thuốc miệng vết thương. Do thường thường rửa vết thương, do thường thường súc thuốc miệng vết thương, máu cũ không có thể đóng khô lại trên miệng vết thương. Người ấy không sốt sắng đi giữa gió và nắng. Do người ấy không sốt sắng đi giữa gió và nắng, bụi và nhớp có thể không nhiều hại miệng vết thương và người ấy sống gìn giữ vết thương, và vết thương được lành. Vì người ấy chỉ làm những điều thích hợp và vì thuốc độc được trừ khử không còn dư tàn, do hai (nhân duyên ấy) vết thương được khép kín lại. Khi vết thương được da che kín lại, người ấy không đi đến chết hay không đi đến khổ gần như chết.

Cũng vậy, này Sunakkhatta, sự kiện này xảy ra, khi ở đây một số Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: "Tham ái được bậc Sa-môn gọi là mũi tên, thuốc độc vô minh làm não hại (con người) với dục, tham, sân. Mũi tên tham ái đã được ta đoạn diệt (...) không có truy cầu những gì không thích hợp. Mắt không truy cầu sắc không thích hợp, tai không truy cầu tiếng không thích hợp, mũi không truy cầu hương không thích hợp, lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, thân không truy cầu xúc không thích hợp, ý không truy cầu pháp không thích hợp. Do mắt người ấy không truy cầu sắc không thích hợp, do tai không truy cầu tiếng không thích hợp, do mũi không truy cầu hương không thích hợp, do lưỡi không truy cầu vị không thích hợp, do thân không truy cầu xúc không thích hợp, do ý không truy cầu pháp không thích hợp, tham dục có thể không nhiều hại tâm. Do tâm không bị tham dục nhiều hại, nên người ấy không đi đến chết, hay không đi đến khổ gần như chết.

Này Sunakkhatta, Ta nói ví dụ này với mục đích làm sáng tỏ ý nghĩa. Nghĩa ở đây như sau: Vết thương, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với sáu xúc xú (phassayatana); thuốc độc, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với vô minh; mũi tên, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với ái; vật dụng dò tìm, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với niệm; con dao, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với Thánh trí tuệ. Vị y sĩ giải phẫu, này Sunakkhatta, là đồng nghĩa với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.

Thật vậy, này Sunakkhatta, Tỷ-kheo tự mình phòng hộ đối với sáu xúc xú, nghĩ rằng: "Sanh y (Upadhi) là căn bản của khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y. Vị ấy còn chú thân của mình trên sanh y hay để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra.

Ví như, này Sunakkhatta, một chén uống nước bằng đồng, đẹp đẽ và hương thơm, và chén ấy lại tẩm thuốc độc. Rồi một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, yếm ly khổ. Này Sunakkhatta, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có uống chén bằng đồng này không, nếu người ấy biết: "Sau khi tôi uống từ đây, tôi sẽ đi đến chết hoặc đi đến gần như chết?"

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, Tỷ-kheo ấy chắc chắn phòng hộ đối với sáu xúc xú. "Sanh y là căn bản của đau khổ", sau khi biết vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y. Còn chú thân của vị ấy trên sanh y, để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra.

Ví như, này Sunakkhatta, một con rắn độc hết sức độc hại, và có một người đến, muốn sống, muốn không chết, muốn lạc, yếm ly khổ. Này Sunakkhatta, Ông nghĩ thế nào? Người ấy có đưa tay hay gót chân cho con rắn độc hại này không, nếu người ấy biết: "Nếu ta bị con rắn này cắn, ta sẽ đi đến chết hay khổ gần như chết?"

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Sunakkhatta, Tỷ-kheo ấy chắc chắn phòng hộ sáu xúc xú. "Sanh y là căn bản đau khổ", sau khi biết vậy, vị ấy trở thành vô sanh y, giải thoát nhờ đoạn diệt sanh y. Còn chú thân của vị ấy trên sanh y, hay để tâm đến sanh y, sự tình như vậy không xảy ra.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sunakkhatta Licchaviputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Thiện Tinh trong bộ Kinh Trung Bộ là lời dạy chí tình của Thế Tôn. Sự phòng hộ *sáu xúc xứ* (khi *lục căn* : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với *lục trần*: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là không được một phút giây sao nhãng ... Không một phút giây sao nhãng để – không – *chết trong giới luật của bậc Thánh, khi vị ấy từ bỏ tu tập, trở về hoàn tục, và như vậy, này Sunakkhatta, là khổ như chết, khi vị ấy phạm một ô uế tội nào.*

6.
KINH BÁT ĐỘNG LỢI ÍCH
(Ananjasappayasuttam)
(106)

Kinh Bát Động Lợi Ích cũng là một trong những kinh tối thượng.

Nói cách khác: Đây cũng là một kinh thuộc dạng “gối đầu nằm” của những người tu theo pháp Phật ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kuru (Câu-lâu). Kammassadhamma (Kiềm-sắt-đàm) là thị trấn của dân chúng Kuru. Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, các dục là vô thường, trống rỗng, giả dối, thuộc ngu si tánh. Này các Tỷ-kheo, đây là lời chào xáo của kẻ ngu xây dựng trên giả dối. Các dục hiện tại, và các dục tương lai, các dục tương hiện tại và các dục tương tương lai, cả hai đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma.

Ở đây, các ác bất thiện ý này dẫn đến tham dục, sân hận, kích động, và chính những pháp ấy tác thành chướng ngại ở đây cho Thánh đệ tử học tập.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Các dục hiện tại và các dục tương lai dẫn đến tham dục, sân hận, kích động, và chính những pháp ấy tác thành chướng ngại ở đây cho Thánh đệ tử học tập.

Vậy ta hãy an trú với tâm quảng đại, đại hành, sau khi chiến thắng thế giới, sau khi xác định vị trí của ý.

Khi ta an trú với tâm quảng đại, đại hành chiến thắng thế giới, xác định vị trí của ý, các ác bất thiện ý : tham dục, sân hận, kích động sẽ không khởi lên ; với các pháp ấy được đoạn trừ, tâm của ta không trở thành hạn hẹp, trái lại thành vô lượng, khéo tu tập".

Trong khi ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu bất động ngay hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến (samvattanikam vinnanam) có thể tùy theo đây đạt đến Bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Bất động".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại, và những dục tưởng tương lai, phạm bất cứ sắc pháp gì, là bốn đại chủng và sắc do bốn đại tạo thành". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những sắc tưởng hiện tại và những sắc tưởng tương lai, cả hai đều vô thường. Cái gì vô thường thời không đáng để được hoan hỷ, không đáng để được hoan nghênh, không đáng để được chấp trước".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Bất động ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Bất động.

Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Bất động.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tưởng hiện tại và những dục tưởng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, và những bất động tưởng, tất cả tưởng, chỗ nào các tưởng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là vô sở hữu".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ nhất hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử đi đến khu rừng hay đi đến dưới gốc cây và suy nghĩ như sau: "Trống không là tự ngã hay ngã này sở hữu". Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong giới xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ ngay trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ.

Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là đệ nhị hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Ta không có bất cứ chỗ nào, cho ai và trong hình thức nào, và sở thuộc của ta không có bất cứ chỗ nào, (cho ai) và trong hình thức nào".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó).

Với tâm an tịnh, vị ấy thành tựu Vô sở hữu xứ trong hiện tại hay thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Vô sở hữu xứ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo được gọi là đệ tam hành đạo về lợi ích Vô sở hữu xứ.

Và lại nữa, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại.. và những sắc tướng và những Bất động tướng, và những Vô sở hữu xứ tướng, tất cả các tướng, chỗ nào các tướng ấy được đoạn diệt không có dư tàn, như vậy là tịch tịnh, như vậy là thù diệu, tức là Phi tướng phi phi tướng xứ".

Trong khi vị ấy hành trì như vậy, an trú nhiều lần như vậy, tâm trí trở thành an tịnh trong trú xứ (của nó).

Với tâm an tịnh vị ấy có thể thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ ngay trong hiện tại, hoặc thiên nặng về trí tuệ. Sau khi thân hoại mạng chung, sự tình này xảy ra, thức diễn tiến ấy có thể tùy theo đây đạt đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, được gọi là hành đạo về lợi ích Phi tướng phi phi tướng xứ.

Khi được nói như vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn :

– Ở đây, bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ : "Nếu (trước) không có như vậy, thời có thể không là của ta; nếu (nay) không có như vậy thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Và như vậy vị ấy được xả.

Bạch Thế Tôn, một vị Tỷ-kheo như vậy có chứng được cứu cánh Niết-bàn không ?

– Ở đây, này Ananda, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng được cứu cánh Niết-bàn.

– Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, ở đây, một số Tỷ-kheo có thể chứng được cứu cánh Niết-bàn, và ở đây, một số Tỷ-kheo có thể không chứng cứu cánh Niết-bàn ?

– Ở đây, này Ananda, một Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thời có thể sẽ không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Và như vậy vị ấy được xả. Vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy. Do vị ấy hoan hỷ trong xả ấy, hoan nghênh, chấp trước xả ấy, thức lệ thuộc xả ấy và thủ trước xả ấy. Có thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo không chứng cứu cánh Niết-bàn.

– Bạch Thế Tôn, vị Tỷ-kheo ấy thủ trước là thủ trước chỗ nào ?

– Này Ananda, Phi tướng phi phi tướng xứ.

– Bạch Thế Tôn, Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng ?

– Này Ananda, Vị Tỷ-kheo ấy thủ trước, thủ trước như vậy là thủ trước tối thượng.

Này Ananda, đây là thủ trước tối thượng, tức là Phi tướng phi phi tướng xứ. Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo hành trì như vậy và suy nghĩ: "Nếu (trước) không có như vậy thời có thể không là của ta. Nếu (nay) không có như vậy, thời có thể không là của ta. Ta đoạn trừ những gì hiện có và những gì đã có". Như vậy, vị ấy được xả, vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không chấp trước xả ấy. Do vị ấy không hoan hỷ trong xả ấy, không hoan nghênh, không thủ trước xả ấy, thức không lệ thuộc xả ấy và không thủ trước xả ấy.

Không thủ trước, này Ananda, vị Tỷ-kheo chứng cứu cánh Niết-bàn.

– *Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Chính mười y cứ sự này sự kia, bạch Thế Tôn, sự vượt thoát dòng nước mạnh đã được Thế Tôn nói lên. Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là Thánh giải thoát ?*

– *Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử suy nghĩ như sau: "Những dục hiện tại và những dục tương lai, những dục tướng hiện tại và những dục tướng tương lai, những sắc pháp hiện tại và những sắc pháp tương lai, những Bất động tướng, những Vô sở hữu xứ tướng, và những Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, cái gì thuộc tự thân, là tự thân. Đây là bất tử tức là tâm giải thoát không thủ trước".*

Này Ananda, đây là đạo lộ về lợi ích Bất động được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Vô sở hữu xứ được Ta thuyết giảng, đạo lộ về lợi ích Phi tướng phi phi tướng xứ được Ta thuyết giảng, là sự vượt qua dòng nước mạnh do y cứ sự này sự kia được Ta thuyết giảng, Thánh giải thoát được Ta thuyết giảng.

Những gì, Này Ananda, vị Đạo sư cần phải làm, vì lòng từ mẫn mưu tìm hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy đã được Ta làm, vì lòng từ mẫn của Ta đối với Ông.

Này Ananda, đây là những gốc cây, đây là những khoảng trống. Hãy tu Thiên, này Ananda, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là lời dạy của Ta cho Ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Bất Động Lợi Ích trong bộ Kinh Trung Bộ cũng là một trong những kinh tối thượng.

Trong kinh, Thế Tôn nhấn mạnh về các dục: *Các dục hiện tại, và các dục tương lai, các dục tướng hiện tại và các dục tướng tương lai, cả hai đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma.*

Nói cách khác: Đây cũng là một kinh thuộc dạng “gối đầu nằm” của những người tu theo pháp Phật ...

7.
KINH GANAKA MOGGALLANA
(Ganaka Moggallanasuttam)
(107)

Tu Phật, theo lộ trình nào ?

Trong kinh Ganaka Moggallana Thế Tôn nói rằng: có một lộ trình tu theo pháp Phật – và, *Như Lai chỉ là người chỉ đường ...*

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Pubbarama, nơi lâu đài của Migaramatu (Đông Viên Lộc Mẫu Giảng đường) . Rồi Bà-la-môn Gananka Moggallana đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn :

– Ví như, thưa Tôn giả Gotama, tại lâu đài Migaramatu này, có thể thấy được một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là những tầng cấp của lâu thượng cuối cùng; thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị Bà-la-môn này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là sự học hỏi (các tập Veda). Thưa Tôn giả Gotama, cũng vậy, đối với những vị bản cung này, được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là nghệ thuật bản cung. Cũng vậy, Thưa Tôn giả Gotama, đối với chúng con là những người toán số, sống nhờ nghề toán số, cũng được thấy một học tập tuần tự, một công trình tuần tự, một đạo lộ tuần tự, tức là toán số. Thưa Tôn giả Gotama, vì rằng khi có được người đệ tử, trước hết chúng con bắt người ấy đếm như sau: "Một, một lần, hai, hai lần, ba, ba lần, bốn, bốn lần, năm, năm lần, sáu, sáu lần, bảy, bảy lần, tám, tám lần, chín, chín lần, mười, mười lần". Và thưa Tôn giả Gotama, chúng con bắt đếm tới một trăm. Có thể trình bày chững, thưa Tôn giả Gotama, trong pháp và luật này, cũng có một tuần tự học tập, một tuần tự công trình, một tuần tự đạo lộ như vậy ?

– Có thể trình bày, này Bà-la-môn, trong pháp và luật này, có một tuần tự học tập, có một tuần tự công trình, có một tuần tự đạo lộ.

Ví như, này Bà-la-môn, một người huấn luyện ngựa thiện xảo, sau khi được một con ngựa hiền thiện, trước tiên luyện tập cho nó quen mang dây cương, rồi tập luyện cho nó quen các hạnh khác;

cũng vậy, này Bà-la-môn, Như Lai khi được một người đáng được điều phục, trước tiên huấn luyện người ấy như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy giữ giới hạnh, hãy sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới".

Này Bà-la-môn, khi vị Tỷ-kheo giữ giới hạnh, chế ngự với sự chế ngự của giới bốn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ trì và học tập các học giới, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy hộ trì các căn, khi mắt thấy sắc chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, vị Tỷ-kheo tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng.... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị.. thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, vị ấy không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái, ưu bi, các pháp ác bất thiện khởi lên, Tỷ-kheo chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo hộ trì các căn rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới; và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Này Bà-la-môn, sau khi Tỷ-kheo tiết độ trong ăn uống rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy chú tâm cảnh giác ! Ban ngày trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh đầu, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp; ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy lại. Ban đêm trong canh cuối, khi đã thức dậy, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp".

Này, Bà-la-môn, sau khi vị Tỷ-kheo chú tâm tỉnh giác, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm nữa như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác, khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác;

khi ăn, uống, nhai, nuốt, đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".

Này Bà-la-môn, sau khi chánh niệm tỉnh giác rồi, Như Lai mới huấn luyện vị ấy thêm như sau: "Hãy đến Tỷ-kheo, hãy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rom". Vị ấy lựa một chỗ thanh vắng, tịch mịch, như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rom. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, vị ấy ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên; từ bỏ trạo cử hồi tiếc, vị ấy sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng gột rửa tâm hết trạo cử hồi tiếc; từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với các thiện pháp.

Khi đoạn trừ năm triền cái ấy, những pháp làm ô nhiễm tâm, làm trí tuệ yếu ớt, vị ấy ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm với tứ.

Vị ấy diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

Vị ấy ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba.

Xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

Này Bà-la-môn, đối với những Tỷ-kheo nào là bậc hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu sự vô thương an tịnh các triền ách, đó là sự giảng dạy của Ta như vậy đối với những vị ấy.

Còn đối với những vị Tỷ-kheo là bậc A-la-hán, các lậu đã tận, tu hành thành mãn, các việc nên làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt lý tưởng, đã tận trừ hữu kiết sử, chánh trí giải thoát, những pháp ấy đưa đến sự hiện tại lạc trú và chánh niệm tỉnh giác.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggallana bạch Thế Tôn:

– Các đệ tử của Sa-môn Gotama, khi được Sa-môn Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, có phải tất cả đều chứng được cứu cánh đích Niết-bàn hay chỉ có một số chứng được ?

– Nay Bà-la-môn, một số đệ tử của Ta, khi được khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được.

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đưa đến Niết-bàn, trong khi có mặt Tôn giả Gotama là bậc chỉ đường, tuy vậy các đệ tử Tôn giả Gotama, được Tôn giả Gotama khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được ?

– Nay Bà-la-môn, ở đây Ta sẽ hỏi Ông. Nếu Ông kham nhẫn, hãy trả lời cho Ta. Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Ông có giỏi về con đường đi đến Rajagaha (Vương Xá) ?

– Thưa Tôn giả, con có giỏi về con đường đi đến Rajagaha.

– Nay Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào ? Ở đây, có một người, muốn đi đến Rajagaha, người này đến Ông và nói như sau : "Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha. Hãy chỉ cho tôi con đường đi đến Rajagaha". Ông nói với người ấy như sau: "Được, này Bạn, đây là con đường đưa đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn tên như thế này. Hãy đi theo trong một thời gian. Sau khi đi trong một thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những hồ ao mỹ diệu".

Dẫu cho người ấy được khuyến giáo như vậy, được giảng dạy như vậy, nhưng lại lấy con đường sai lạc, đi về hướng Tây.

Rồi một người thứ hai đến, muốn đi đến Rajagaha. Người này đến Ông và hỏi như sau : "Thưa Tôn giả, tôi muốn đi đến Rajagaha, mong Tôn giả chỉ con đường ấy cho tôi". Rồi Ông nói với người ấy như sau : "Được, này Bạn, đây là đường đi đến Rajagaha. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một làng có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi một thời gian, Bạn sẽ thấy một thị trấn có tên như thế này. Hãy đi theo con đường ấy trong một thời gian. Sau khi đi theo con đường ấy trong một

thời gian, Bạn sẽ thấy Rajagaha với những khu vườn mỹ diệu, với những khu rừng mỹ diệu, với những vùng đất mỹ diệu, với những ao hồ mỹ diệu".

Người ấy được Ông khuyến giáo như vậy, giảng như vậy, đi đến Rajagaha một cách an toàn.

– Nay Bà-la-môn, do nhân gì, do duyên gì, trong khi có mặt Rajagaha, trong khi có mặt con đường đưa đến Rajagaha, trong khi có mặt Ông là người chỉ đường, dầu cho Ông có khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một người lầy con đường sai lạc, đi về hướng Tây, còn một người có thể đi đến Rajagaha một cách an toàn ?

– Thưa Tôn giả Gotama, ở đây, con làm gì được ? Con chỉ là người chỉ đường, thưa Tôn giả Gotama.

– Cũng vậy, này Bà-la-môn, trong khi có mặt Niết-bàn, trong khi có mặt con đường đi đến Niết-bàn, và trong khi có mặt Ta là bậc chỉ đường. Nhưng các đệ tử của Ta, được Ta khuyến giáo như vậy, giảng dạy như vậy, một số chứng được cứu cánh đích Niết-bàn, một số không chứng được. Ở đây, này Bà-la-môn, Ta làm gì được ? Như Lai chỉ là người chỉ đường.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Ganaka Moggalana bạch Thế Tôn :

– Thưa Tôn giả Gotama, đối với những người không phải vì lòng tin, chỉ vì sinh kế, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình, những người xảo trá, lường gạt, hư ngụy, mất thẳng bằng, cao mạn, dao động, nói phô tạp nhạp, không hộ trì các căn, ăn uống không tiết độ, không chú tâm cảnh giác, thờ ơ với Sa-môn hạnh, không tôn kính học tập, sống quá đầy đủ, uể oải, đi đâu trong thói thất, từ bỏ gánh nặng viễn ly, biếng nhác, tinh cần thấp kém, thất niệm, không tỉnh giác, không định tâm, tâm tán loạn, liệt tuệ, tâm ngọng; Tôn giả Gotama không thể sống với những người như vậy.

Còn những Thiện gia nam tử vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, không xảo trá, không lường gạt, không hư ngụy, không mất thẳng bằng, không cao mạn, không dao động, không nói phô tạp nhạp, hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, chú tâm tỉnh giác, không thờ ơ với Sa-môn hạnh, tôn kính học tập, sống không quá đầy đủ, không uể oải, từ bỏ thói thất, đi đâu trong viễn ly, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, an trú, tỉnh giác, định tĩnh, nhứt tâm, có trí tuệ, không tâm ngọng; Tôn giả Gotama sống (hòa hợp) với những vị ấy.

Ví như Tôn giả Gotama, trong các loại căn hương, hắc chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại lõi cây hương, xích chiên đàn hương được gọi là tối thượng; trong các loại hoa hương, vũ quý hương (jasmine) được gọi là tối thượng.

Cũng vậy là lời khuyên giáo của Tôn giả Gotama được xem là cao nhất trong những lời khuyên giáo hiện nay.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.

Con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và chúng Tỷ-kheo Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh Ganaka Moggallana trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập rất rõ về lộ trình mà người tu Phật phải theo.

Các tu viện ... nên xem lộ trình này là một “cái khung” để xây dựng các giáo trình tu học phù hợp.

Trong kinh, điều hết sức đáng lưu tâm, đó là câu nói của Thế Tôn: *Như Lai chỉ là người chỉ đường.*

Cho nên, đừng bao giờ mang nhận thức cầu xin đến với Ngài. Cũng cần xin nhắc lại: Trong kinh “Kim Cương Bát Nhã Ba-La-Mật-Đa” có bài kệ quý:

*Tìm ta qua hình sắc
 Cầu ta qua âm thanh
 Là kẻ hành tà đạo
 Không thấy được Như Lai*

8.
KINH GOPAKA MOGGAKAMMA
(Gopakamoggallanasuttam)
(108)

Sau khi Thế Tôn *thị tịch*, có hai câu hỏi lớn được đặt ra là:

Có thể chăng, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu ?

Liệu rằng, có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt : "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này" ?

Hai câu hỏi lớn này đã được Ngài Ananda trả lời rất hay trong kinh Gopaka Moggakamma:

"Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda trú ở Rajagaha (Vương Xá) tại Veluvana (Trúc Lâm), chỗ nuôi dưỡng các con sóc, khi Thế Tôn thị tịch không bao lâu. Lúc bấy giờ, Vua Ajatasattu con bà Videhi nước Magadha (Ma-kiệt-đà), vì nghi ngờ Pajjota (Đấng Quang Vương), nên cho xây kiên cố thành Rajagaha. Tôn giả Ananda buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Rajagaha để khát thực. Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Nay còn quá sớm để vào Rajagaha khát thực. Vậy ta hãy đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallana và chỗ làm việc của vị này". Rồi Tôn giả Ananda đi đến Bà-la-môn Gopaka Moggallana và chỗ làm việc của vị này. Bà-la-môn Gopaka Moggallana thấy Tôn giả Ananda từ xa đi đến, sau khi thấy, liền nói với Tôn giả Ananda :

– Hãy đến, Tôn giả Ananda ! Thiện lai, Tôn giả Ananda ! Đã lâu rồi Tôn giả Ananda mới tạo được cơ hội này, tức là đến đây. Tôn giả Ananda hãy ngồi xuống, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Tôn giả Ananda ngồi xuống trên chỗ ngồi đã soạn sẵn. Còn Bà-la-môn Gopaka Moggallana chọn một chỗ ngồi thấp khác rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Gopaka Moggallana thưa với Tôn giả Ananda :

– Có thể chăng, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu ?

– Không thể có một Tỷ-kheo, này Bà-la-môn, thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và nay các đệ tử là những vị sống hành đạo và tùy hành, và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau.

Nhưng cuộc nói chuyện giữa Tôn giả Ananda và Bà-la-môn Gopaka Moggallana bị gián đoạn. Bà-la-môn Vassaka ra bậc đại thần nước Magadha đi thị sát các công sự Rajagaha (Vương Xá), đến công trường của Bà-la-môn Gopaka Moggallana, đến chỗ Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Vassaka ra, bậc đại thần nước Magadha thưa với Tôn giả Ananda :

– Ở đây, thưa Tôn giả Ananda, Tôn giả đang ngồi đàm luận câu chuyện gì ? Và câu chuyện gì của Tôn giả bị gián đoạn ?

– Này Bà-la-môn, ở đây, Bà-la-môn Gopaka Moggallana nói với tôi như sau : "Có thể có chăng, Tôn giả Ananda, một Tỷ-kheo thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Tôn giả Gotama, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu ?" Khi được nói vậy, này Bà-la-môn, tôi nói với Bà-la-môn Gopaka Moggallana như sau: "Này Bà-la-môn, không thể có một vị Tỷ-kheo nào thành tựu một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ tất cả các pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, Thế Tôn là bậc làm khởi dậy con đường trước đây chưa được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói, là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về đạo. Và các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau".

– Thưa Tôn giả Ananda, có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt : "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này".

– *Này Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác sắp đặt : "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông sẽ y chỉ vị này".*

– *Thưa Tôn giả Ananda, có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận và một số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt : "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này ?"*

– *Không có một vị Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn, được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt: "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này".*

– *Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thưa Tôn giả Ananda, như vậy do nhân gì (Quý vị) có thể hòa hợp ?*

– *Này Bà-la-môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa. Này Bà-la-môn, chúng tôi có chỗ nương tựa, và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi.*

– *Khi được hỏi : "Có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt : "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông, và các Ông nay sẽ y chỉ vị này ?""*, Tôn giả trả lời : *"Này Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác sắp đặt: "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông", và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này".* Khi được hỏi : *"Có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận và một số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt : "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, các Ông nay sẽ y chỉ vị này".* Và Tôn giả trả lời : *"Không có một vị Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn được chúng Tăng thỏa thuận và được số đông các vị Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt : "Vị này, sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi, và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này".* Khi được hỏi : *"Và như vậy là không có chỗ nương tựa, thưa Tôn giả Ananda, như vậy do nhân gì, (Quý vị) có thể hòa hợp ?"*. Tôn giả trả lời : *"Này Bà-la-môn, chúng tôi không phải không có chỗ nương tựa. Chúng tôi có chỗ nương tựa này Bà-la-môn, và Pháp là chỗ nương tựa của chúng tôi".*

Nhưng thưa Tôn giả Ananda, ý nghĩa lời nói này cần phải hiểu như thế nào ?

– *Này Bà-la-môn, Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác đã thi thiết học pháp, đã tuyên bố giới bốn Patimokkha cho các Tỷ-kheo. Trong những ngày Bó-tát (Uposatha) chúng tôi cận trú ở chung một thôn điền, tất cả*

chúng tôi hội họp với nhau tại một chỗ; sau khi tụ họp, chúng tôi hỏi những gì đã xảy ra cho mỗi một người. Nếu trong khi hỏi nhau như vậy, có Tỷ-kheo phạm tội, phạm giới, chúng tôi bảo vị ấy làm đúng Pháp, đúng lời dạy. Thật vậy, không phải các Tôn giả xử sự chúng tôi, chính pháp xử sự chúng tôi.

– Thưa Tôn giả Ananda, có Tỷ-kheo nào mà nay Quý vị cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, sau khi cung kính, tôn trọng, Quý vị nương tựa ?

– Nay Bà-la-môn, có Tỷ-kheo mà nay chúng tôi cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường, và sau khi chúng tôi cung kính, tôn trọng, chúng tôi nương tựa.

– Thưa Tôn giả Ananda, khi được hỏi : "Có một vị Tỷ-kheo nào được Tôn giả Gotama sắp đặt : "Sau khi Ta diệt độ, vị này sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông và các Ông nay sẽ y chỉ vị này ?"". Và Tôn giả trả lời : "Nay Bà-la-môn, không có một vị Tỷ-kheo nào được Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác sắp đặt : "Vị này, sau khi Ta diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho các Ông", và chúng tôi nay y chỉ vị này". Khi được hỏi : "Thưa Tôn giả Ananda, có một vị Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận, được một số đông Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt : "Vị này sau khi Thế Tôn diệt độ, sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi và các Ông nay sẽ y chỉ vị này", và Tôn giả trả lời : "Không có một Tỷ-kheo nào được chúng Tăng thỏa thuận, được một số đông Tỷ-kheo Trưởng lão sắp đặt : "Vị này sau khi Thế Tôn diệt độ sẽ là chỗ nương tựa cho chúng tôi", và chúng tôi nay sẽ y chỉ vị này". Khi được hỏi : "Có một Tỷ-kheo nào, thưa Tôn giả Ananda, nay quý vị cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường vị ấy và sau khi cung kính, tôn trọng, quý vị an trú nương tựa vị ấy ?", và Tôn giả trả lời : "Nay Bà-la-môn, có Tỷ-kheo, chúng tôi cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường và sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú nương tựa vị ấy".

Thưa Tôn giả Ananda, ý nghĩa lời nói ấy cần phải hiểu như thế nào ?

– Nay Bà-la-môn, có mười khả hỷ pháp được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Giữa chúng tôi, vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường vị ấy; sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy. Thế nào là mười ?

(1) Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, sau khi thọ trì, học tập trong các học pháp.

(2) Vị ấy là bậc đa văn, thọ trì những điều đã nghe, cất chứa những điều đã nghe; những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, với nghĩa, với văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp ấy đều được nghe nhiều, được thọ trì, được lời nói làm cho quen thuộc, được ý tư niệm, được chánh kiến khéo ngộ nhập.

(3) Vị ấy biết đủ đối với các vật thực dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, được phẩm trị bệnh.

(4) Vị ấy là người tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, chứng được bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm hiện tại lạc trú.

(5) Vị ấy thực hiện các loại thần thông sai biệt, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện ra một thân, hiện hình, biến hình đi ngang qua vách, qua tường, qua núi, như đi ngang hư không; độn thổ trời lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như trên đất liền; ngồi kiết-già đi trên hư không như chim có cánh; với bàn tay, vị ấy chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thân như vậy; có thể tự thân bay đến Phạm thiên.

(6) Sau khi đi sâu vào tâm chúng sanh, tâm loài Người với tâm của mình, vị ấy được biết như sau: Tâm có tham, biết tâm có tham. Tâm không tham, biết tâm không tham. Tâm có sân, biết tâm có sân. Tâm không sân, biết tâm không sân. Tâm có si, biết tâm có si. Tâm không si, biết tâm không si. Tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú. Tâm tán loạn, biết tâm tán loạn. Đại hành tâm, biết là đại hành tâm; không phải đại hành tâm, biết không phải đại hành tâm. Tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng. Tâm vô thượng, biết tâm vô thượng. Tâm Thiền định, biết tâm Thiền định. Tâm không Thiền định, biết tâm không Thiền định. Tâm giải thoát, biết tâm giải thoát. Tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.

(7) (Vị ấy) nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... nhớ đến các đời sống quá khứ.

(8) Vị ấy với thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh.

(9) Vị ấy biết, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

(10) Với sự đoạn diệt các lậu hoặc, sau khi với thượng trí đã chứng ngộ, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Này Bà-la-môn, mười pháp khả hỷ này đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên giữa chúng tôi. Vị nào có đầy đủ mười pháp này, chúng tôi nay cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường vị ấy; sau khi cung kính, tôn trọng, chúng tôi an trú, nương tựa vị ấy.

Khi nghe nói vậy, Bà-la-môn Vassakara, (Vũ Thế) đại thần nước Magadha, nói với tướng quân Upananda :

– Tướng quân nghĩ thế nào ? Nếu là như vậy, này tướng quân, những vị Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường; thời chắc chắn những Tôn giả này cung kính những ai đáng cung kính, tôn trọng những ai đáng tôn trọng, lễ bái những ai đáng lễ bái, cúng dường những ai đáng cúng dường. Và nếu những Tôn giả ấy không cung kính, không tôn trọng, không lễ bái, không cúng dường (Tỷ-kheo) này, thời những Tôn giả ấy cung kính, tôn trọng, lễ bái, cúng dường ai ?

Rồi Bà-la-môn Vassakara, vị đại thân nước Magadha thưa với Tôn giả Ananda :

– Tôn giả Ananda nay trú tại đâu ?

– Này Bà-la-môn, tôi trú ở Veluvana (Trúc Lâm).

– Thưa Tôn giả Ananda, có phải Veluvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh ?

– Thật vậy, này Bà-la-môn, Veluvana (Trúc Lâm) là một khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa cách dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh, xứng đáng với những vị hộ trì và thủ hộ như Ngài.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ananda, Veluvana là một chỗ khả ái, ít tiếng động, ít tiếng ồn, được che khỏi gió, xa lánh dân cư đông đúc, thích hợp Thiền tịnh, xứng đáng với những người tu Thiền và tánh thiên về Thiền định như quý vị Tôn giả. Và chư vị Tôn giả là những vị tu Thiền và tánh thiên về Thiền định. Thưa Tôn giả Ananda, một thời Tôn giả Gotama ở tại Vesali, Đại Lâm, ở Kutagarasala (Trùng Các giảng đường). Rồi thưa Tôn giả Ananda, tôi đi đến Mahavana (Đại Lâm), Kutagarasala, đến Tôn giả Gotama. Ở đây, Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện nói về Thiền định luận. Tôn giả Gotama thật là vị tu Thiền và tánh thiên về Thiền định. Và Tôn giả Gotama tán thán tất cả Thiền định.

– Này Bà-la-môn, Thế Tôn ấy không tán thán tất cả Thiền định, không không tán thán tất cả Thiền định. Và này Bà-la-môn, loại Thiền định nào Thế Tôn ấy không tán thán ?

Ở đây, này Bà-la-môn, một số vị sống với tâm thâm nhuần dục tham, bị dục tham chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi dục tham đã được khởi lên. Vị ấy lấy dục tham làm đối tượng tối hậu. Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

Vị ấy sống với tâm tham nhuần sân hận, bị sân hận chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi sân hận đã được khởi lên. Vị ấy lấy sân hận làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập. Vị ấy sống với tâm tham nhuần hôn trầm thụy miên, bị hôn trầm thụy miên chi phối, và không như thật biết sự giải thoát khỏi hôn trầm thụy miên đã được khởi lên. Vị ấy lấy hôn trầm thụy miên làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập. Vị ấy sống với tâm tham nhuần trạo hối, bị trạo hối chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi tạo hối đã được khởi lên. Vị ấy lấy trạo hối làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập. Vị ấy sống với tâm tham nhuần nghi hoặc, bị nghi hoặc chi phối và không như thật biết sự giải thoát khỏi nghi hoặc đã được khởi lên. Vị ấy lấy nghi hoặc làm đối tượng tối hậu, Thiền tu, Thiền tư, Thiền định, Thiền nhập.

Này Bà-la-môn, Thế Tôn không tán thán loại Thiền định như vậy. Và này Bà-la-môn, loại Thiền định nào Thế Tôn ấy tán thán ? Ở đây, này Bà-la-môn, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm, chứng và trú Thiền thứ ba, Thiền thứ tư. Này Bà-la-môn, loại Thiền như vậy, Thế Tôn ấy tán thán.

– Thật vậy, thưa Tôn giả Ananda, Tôn giả Gotama khiến trách Thiền đáng được khiến trách, tán thán Thiền đáng được tán thán. Nay thưa Tôn giả Ananda, chúng tôi phải đi. Chúng tôi có những việc, có nhiều phận sự phải làm.

– Này Bà-la-môn, hãy làm gì Bà-la-môn nghĩ là hợp thời.

Rồi Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha, hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ananda giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Bà-la-môn Gopaka Moggalana, khi Bà-la-môn Vassakara, đại thần nước Magadha đi không bao lâu, thưa với Tôn giả Ananda :

– Nếu chúng tôi không hỏi Tôn giả Ananda thì Tôn giả Ananda đã không trả lời.

– Này Bà-la-môn, có phải chúng tôi đã nói với Ông: "Không có một Tỷ-kheo nào, này Bà-la-môn, thành tựu mười pháp ấy một cách trọn vẹn, một cách đầy đủ, những pháp mà Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thành tựu. Này Bà-la-môn, vị Thế Tôn ấy là bậc làm cho khởi dậy con đường trước đây chưa từng được hiện khởi, làm cho biết con đường trước đây chưa từng được biết, nói lên con đường trước đây chưa từng được nói; là bậc hiểu đạo, biết đạo và thiện xảo về

đạo. Và nay các đệ tử Ngài là những vị sống hành đạo và tùy hành đạo, và sẽ thành tựu (những pháp ấy) về sau".

Như vậy, kinh Gopaka Moggakamma trong bộ Kinh Trung Bộ ghi lại những điều mà Ngài Ananda trả lời hai câu hỏi của thời đại lúc bấy giờ – thời đại ngay sau khi Thế Tôn *thị tịch*.

Câu hỏi thời đại này được đại diện Bà-la-môn Gopaka Moggalana nêu ra – với sự *biết* và *hiểu* của một *đại đệ tử* của Thế Tôn – Ngài Ananda đã trả lời một cách hết sức thỏa đáng – đến mức, người nghe không còn chút máy may nào phải băn khoăn nghi ngại.

9.
ĐẠI KINH MÃN NGUYỆT
(Mahapunnamasuttam)
(109)

Đại kinh Mãn nguyệt đề cập đến những khái niệm, những vấn đề hết sức cơ bản của pháp Phật. Những khái niệm, những vấn đề rất mực cơ bản này được Thế Tôn chỉ dạy – hết sức mạch lạc – khiến sự tiếp thu sẽ rất mực dễ dàng ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở tại Savatthi (Xá-vệ), Pubbarama (Đông Viên), Migaramatupasada (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bảy giờ trong ngày BỐ-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăng rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoan trang vây. Rồi một Tỷ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chắp tay vái Thế Tôn và bạch Thế Tôn :

– Con muốn hỏi Thế Tôn một vấn đề đặc biệt, nếu Thế Tôn cho con được phép nói lên câu hỏi.

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy ngồi trên chỗ của Ông và hỏi như ý Ông muốn. Rồi vị Tỷ-kheo ấy, sau khi ngồi xuống trên chỗ ngồi của mình, bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, có phải có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn và thức thủ uẩn ?

– Này Tỷ-kheo, có năm thủ uẩn này, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn.

– Lành thay, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy sau khi hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn nói, hỏi Thế Tôn một câu hỏi khác:

– Bạch Thế Tôn, năm thủ uẩn này, lấy gì làm căn bản ?

– Này Tỷ-kheo, năm thủ uẩn này lấy dục làm căn bản.

– Bạch Thế Tôn, có phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, hay là ngoài năm thủ uẩn, có một chấp thủ (khác) ?

– Nay Tỳ-kheo, không phải chính chấp thủ ấy là năm thủ uẩn, cũng không phải ngoài năm thủ uẩn có sự chấp thủ. Nay Tỳ-kheo, khi nào có lòng dục, lòng tham đối với năm thủ uẩn, ở đấy chính là chấp thủ.

– Bạch Thế Tôn, phải chăng có thể có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm thủ uẩn ?

Thế Tôn trả lời :

– Nay Tỳ-kheo, có thể có. Ở đây, nay Tỳ-kheo có người nghĩ như sau : "Mong rằng có sắc như thế này trong tương lai ! Mong rằng có thọ như thế này trong tương lai ! Mong rằng có tưởng như thế này trong tương lai ! Mong rằng có hành như thế này trong tương lai ! Mong rằng có thức như thế này trong tương lai !"

Như vậy, nay Tỳ-kheo, có sự sai khác trong lòng dục, lòng tham đối với năm uẩn.

– Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến như thế nào là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn ?

– Nay Tỳ-kheo, phàm sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, như vậy là sắc uẩn. Phàm cảm thọ gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, như vậy là thọ uẩn. Phàm tưởng gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại.. (như trên)... xa hay gần, như vậy là tưởng uẩn. Phàm những hành gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại... (như trên).. xa hay gần, như vậy là hành uẩn. Phàm thức gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại.. (như trên)... xa hay gần, như vậy là thức uẩn. Cho đến như vậy, nay Tỳ-kheo là ý nghĩa chữ uẩn trong các uẩn.

– Do nhân gì, bạch Thế Tôn, do duyên gì được chấp nhận gọi là sắc uẩn ? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thọ uẩn ? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là tưởng uẩn ? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là hành uẩn ? Do nhân gì, duyên gì được chấp nhận gọi là thức uẩn ?

– Bốn đại là nhân, nay Tỳ-kheo, bốn đại là duyên được chấp nhận gọi là sắc uẩn. Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là thọ uẩn. Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là tưởng uẩn. Xúc là nhân, xúc là duyên được chấp nhận gọi là hành uẩn. Danh sắc là nhân này Tỳ-kheo, danh sắc là duyên được chấp nhận gọi là thức uẩn.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là thân kiến ?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phàm phu không hiểu rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không hiểu rõ các bậc Chơn nhân, không thuần thực pháp các bậc Chơn nhân, không tu tập pháp các bậc Chơn nhân, xem sắc như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có sắc, hay xem sắc như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong sắc; xem thọ như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thọ, hay xem thọ như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thọ; xem tướng như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có tướng, hay xem tướng như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong tướng; xem hành như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có hành, hay xem hành như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong hành; xem thức như là tự ngã, hay xem tự ngã như là có thức, hay xem có thức như là trong tự ngã, hay xem tự ngã như là trong thức.

– Nhưng bạch Thế Tôn, thế nào là không thân kiến ?

– Ở đây, này Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử, đi đến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chơn nhân, thuần thực pháp các bậc Chơn nhân, tu tập pháp các bậc Chơn nhân, không xem sắc như là tự ngã, hay không xem tự ngã như là có sắc, hay không xem sắc như là trong tự ngã, hay không xem tự ngã như là trong sắc; không xem thọ như là tự ngã... không xem tự ngã như là trong thọ, không xem tướng như là tự ngã.., hay không xem tự ngã như là trong tướng; không xem hành như là tự ngã... hay không xem tự ngã như là trong hành; không xem thức như là tự ngã.. không xem tự ngã như là trong thức. Như vậy, này Tỷ-kheo, là không thân kiến.

– Bạch Thế Tôn, cái gì là vị ngọt của sắc, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly ? Cái gì là vị ngọt của thọ, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly ? Cái gì là vị ngọt của tướng, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly ? Cái gì là vị ngọt của hành, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly ? Cái gì là vị ngọt của thức, cái gì là sự nguy hiểm, cái gì là sự xuất ly ?

– Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên sắc khởi lên, như vậy là vị ngọt của sắc. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong sắc như vậy là sự nguy hiểm của sắc. Sự nhiếp phục dục tham đối với sắc, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của sắc.

Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thọ khởi lên, như vậy là vị ngọt của thọ... như vậy là sự xuất ly của thọ. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên tướng khởi lên như vậy là vị ngọt của tướng.... là sự xuất ly của tướng. Này Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên hành khởi lên

như vậy là vị ngọt của hành... là sự xuất ly của hành. Nay Tỷ-kheo, lạc hỷ gì duyên thức khởi lên, như vậy là vị ngọt của thức. Cái gì vô thường, khổ, bị biến hoại trong thức, như vậy là sự nguy hiểm của thức. Sự nhiếp phục dục tham đối với thức, sự đoạn diệt dục tham, như vậy là sự xuất ly của thức.

– Bạch Thế Tôn, do biết gì, do thấy gì, mà không có mạn tùy miên rằng : "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với cả tướng ở ngoài ?

– Nay Tỷ-kheo, phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả sắc, thấy được như thật với trí tuệ là : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm có thọ gì... tưởng gì... hành gì... phàm có thức gì, quá khứ vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần, đối với tất cả thức, thấy được như thật với trí tuệ là : "Cái này không phải của tôi, cái này là tôi. Cái này không phải tự ngã của tôi".

Nay Tỷ-kheo, do biết như vậy, thấy như vậy, nên không có mạn tùy miên rằng : "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", đối với tự thân có ý thức, và đối với tất cả tướng ở ngoài.

Rồi một Tỷ-kheo khác khởi lên sự suy tư như sau: "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả ?"

Thế Tôn biết được tâm tư của Tỷ-kheo ấy với tâm tư của mình liền nói với các Tỷ-kheo :

– Nay các Tỷ-kheo, sự kiện này xảy ra, khi ở đây có kẻ ngu si, vô tri, vô minh, với tâm bị tham dục chi phối, lại nghĩ cần phải vượt qua lời dạy của bậc Đạo sư với (câu hỏi): "Nếu được nói rằng, chư Tôn giả, sắc là vô ngã, thọ là vô ngã, tưởng là vô ngã, hành là vô ngã, thức là vô ngã; như vậy những hành động do vô ngã làm đã được ngã nào cảm thọ kết quả ?" Nay các Tỷ-kheo, các Ông đã được Ta huấn luyện tìm kiếm nhân duyên, chỗ này chỗ kia, đối với những pháp này, pháp khác. Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, sắc là thường hay vô thường ?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường là khổ hay lạc ?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem : "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi ?"

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Các Ông nghĩ thế nào, này các Tỷ-kheo, thọ.. (như trên).. tưởng.. hành... thức là thường hay vô thường ?

– Vô thường, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, là khổ hay lạc ?

– Là khổ, bạch Thế Tôn.

– Những gì vô thường, khổ, bị biến hoại, có hợp lý chăng khi xem : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi ?"

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì, quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại... tất cả loại sắc, cần phải như thật quán : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Phàm có thọ gì, phàm có tưởng gì, phàm có hành gì, phàm có thức gì quá khứ, vị lai hay hiện tại, nội hay ngoại.. tất cả loại thức, cần phải như thật quán : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly đối với sắc, yếm ly đối với thọ, yếm ly đối với tưởng, yếm ly đối với hành, yếm ly đối với thức.

Do yếm ly nên ly tham, do ly tham nên được giải thoát.

Trong sự giải thoát, vị ấy biết được vị ấy đã giải thoát. Vị ấy biết : "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm. Từ nay không còn trở lại đời sống thế này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Trong khi sự giảng giải này được nói lên, tâm của sáu mươi vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Như vậy, Đại kinh Mãn nguyệt trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến một số những khái niệm, những vấn đề hết sức cơ bản của pháp Phật.

Những khái niệm, những vấn đề rất mực cơ bản này được Thế Tôn chỉ dạy – hết sức mạch lạc – khiến sự tiếp thu dễ dàng đến mức: có *sáu mươi vị Tỷ-kheo được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ* .

10.
TIÊU KINH MÃN NGUYỆT
(Culapunnamasuttam)
(110)

Tiểu kinh Mãn Nguyệt có thể xem là một định nghĩa của Thế Tôn đầy đủ nhất về hai loại người: *bất chánh* và *chơn chánh*.

Thế giới (cảnh giới) của họ sau khi chết – hẳn nhiên là rất dị biệt ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Pubbarama (Đông Viên) Migaramatupasada (Lộc Mẫu Giảng đường). Lúc bấy giờ trong ngày Bố-tát, ngày trăng tròn, trong đêm trăm rằm, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, xung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây. Rồi Thế Tôn nhìn chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng và bảo các Tỷ-kheo :

– Này các Tỷ-kheo, một người bất chánh (asappurisa) có thể biết một người bất chánh : "Người bất chánh là vị này", hay không ?

– Bạch Thế Tôn, không biết được.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo ! Này các Tỷ-kheo không thể có sự tình, không thể có sự kiện, một người bất chánh có thể biết một người bất chánh : "Người bất chánh là vị này." Này các Tỷ-kheo, nhưng một người bất chánh có thể biết một người chơn chánh : "Người chơn chánh là vị này" hay không ?

– Bạch Thế Tôn, không biết được.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo ! Này các Tỷ-kheo không thể có sự tình, không thể có sự kiện một người bất chánh có thể biết được một người chơn chánh : "Người chơn chánh là vị này".

Người bất chánh, này các Tỷ-kheo, là người đầy đủ pháp bất chánh, giao du với người bất chánh, suy tư như người bất chánh, tư lường như người bất chánh, nói năng như người bất chánh, hành động như người bất chánh, có tà kiến như người bất chánh, bố thí như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh bất tín, vô tâm (không biết xấu hổ), vô quý (không biết thẹn), nghe ít, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh đầy đủ pháp bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh giao du với những người bất chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Bà-la-môn nào bất tín, vô tâm, vô quý, ít nghe, biếng nhác, thất niệm, liệt tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu với người bất chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh giao du với người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh suy tư như người bất chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh suy nghĩ tự làm hại mình, suy nghĩ làm hại người khác, suy nghĩ làm hại cả hai.. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh suy tư như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh tư lường như người bất chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh tư lường (âm mưu, tính toán) tự làm hại mình, tư lường làm hại người, tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh tư lường như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh nói năng như người bất chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh nói lời nói láo, nói lời hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm. Như vậy này các Tỷ-kheo, là người bất chánh nói năng như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh hành động như người bất chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh sát sanh, lấy của không cho, làm các tà hạnh trong các dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người bất chánh hành động như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh có tà kiến như sau : "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có cha, không có mẹ, không có loại hóa sanh. Ở đời, không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại". Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh có tà kiến như người bất chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người bất chánh bố thí như người bất chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người bất chánh bố thí một cách vô lễ, bố thí không phải tự tay, bố thí không có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật không cần dùng, bố thí không nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người bất chánh bố thí như người bất chánh.

Này các Tỷ-kheo, người bất chánh ấy, đầy đủ pháp bất chánh như vậy, giao du với người bất chánh như vậy, suy tư như người bất chánh như vậy, tư lường như người bất chánh như vậy, nói năng như người bất chánh như vậy, hành động như người bất chánh như vậy, có tà kiến như người bất chánh như vậy, bố thí như người bất chánh như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người bất chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người bất chánh ?

Địa ngục hay là bàng sanh.

Này các Tỷ-kheo, một người chơn chánh có thể biết được một người chơn chánh : "Người chơn chánh là vị này" hay không ?

– Thưa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo ! Sự tình này xảy ra là người chơn chánh có thể biết được người chơn chánh: "Người chơn chánh là vị này". Nhưng này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có thể biết được người bất chánh : "Người bất chánh là vị này" hay không ?

– Thưa biết được, bạch Thế Tôn.

– Lành thay, này các Tỷ-kheo ! Này các Tỷ-kheo, có sự tình này là người chơn chánh có thể biết được người bất chánh : "Người bất chánh là vị này".

Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp, giao du với các bậc chơn chánh, suy nghĩ như các bậc chơn chánh, tư lường như các bậc chơn chánh, nói năng như bậc chơn chánh, hành động như bậc chơn chánh, có chánh kiến như bậc chơn chánh, bố thí như bậc chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh đầy đủ Chánh pháp ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có lòng tin, có lòng tâm, có lòng quý, có nghe nhiều, có tinh cần, tinh tấn, có chánh niệm, có trí tuệ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh đầy đủ những Chánh pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào có lòng tin, có lòng tâm, có lòng quý nghe nhiều, tinh cần, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ, những vị ấy là bạn, là thân hữu của vị chơn chánh ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh giao du với các bậc chơn chánh.

Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không suy nghĩ tự làm hại mình, không suy nghĩ làm hại người khác, không suy nghĩ làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh suy tư như người chơn chánh.

Và này, các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh không tư lường tự làm hại mình, không tư lường làm hại người khác, không tư lường làm hại cả hai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh tư lường như người chơn chánh ?

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ không nói láo, từ bỏ không nói hai lưỡi, từ bỏ không nói ác khẩu, từ bỏ không nói phiếm luận. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là người chơn chánh nói năng như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh hành động như người chơn chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ làm các tà hạnh trong dâm dục. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh hành động như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh có chánh kiến như bậc chơn chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh có chánh kiến như sau : "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có cha, có mẹ, có loại hóa sanh. Ở đời có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh, đã tự mình chứng đạt với thượng trí đời này và đời khác, và truyền dạy lại. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh có chánh kiến như người chơn chánh.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người chơn chánh bố thí một cách lễ độ, bố thí với tự tay, bố thí có suy tư kỹ lưỡng, bố thí những vật cần dùng, bố thí có nghĩ đến tương lai. Như vậy, này các Tỷ-kheo là người chơn chánh bố thí như người chơn chánh.

Này các Tỷ-kheo, người chơn chánh ấy, đầy đủ Chánh pháp như vậy, giao du với người chơn chánh như vậy, suy tư như người chơn chánh như vậy, tư lường như

người chơn chánh như vậy, nói năng như người chơn chánh như vậy, hành động như người chơn chánh như vậy, có chánh kiến như người như người chơn chánh như vậy, bố thí như người chơn chánh như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào cảnh giới của những người chơn chánh. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là cảnh giới của những người chơn chánh ?

Đại tánh của chư Thiên hay đại tánh của loài Người.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, Tiểu kinh Mãn Nguyệt trong bộ Kinh Trung Bộ – có thể xem là một định nghĩa của Thế Tôn – đầy đủ nhất về hai loại người: *bất chánh* và *chơn chánh*.

Thế giới (cảnh giới) của họ sau khi chết, với người *bất chánh* đó là: *Địa ngục* hoặc *Bàng sanh* (súc sanh) ; với người *chơn chánh* đó là: *Đại tánh của chư Thiên hay đại tánh của loài Người* – có nghĩa: nếu sanh vào cảnh giới chư thiên – thì *căn tánh* là *đại tánh* – còn nếu như sanh vào cảnh giới của loài người – thì, *căn tánh* cũng là *đại tánh*.

Ở thế giới loài người: với *đại tánh* này, trong bất kỳ lĩnh vực nào cũng đều chiếm địa vị cao – và được sự tôn quý của toàn xã hội.

11.
KINH BÁT ĐOẠN
(Anupadasuttam)
(111)

Kinh Bát đoạn (không gián đoạn, liên tục) nói về thành tựu pháp của Ngài Xá Lợi Phất – một trong mười đại đệ tử của Thế Tôn. Chính Thế Tôn nói về những thành tựu pháp của Ngài ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hiền trí; này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Đại tuệ; này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quảng tuệ; này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hỷ tuệ (Hasupanna); này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Tiệp tuệ (javanapanna); này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Lợi tuệ (tikkhapanna); này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quyết trạch tuệ (nibbedhikapanna). Này các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sariputta quán bất đoạn pháp quán. Này các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sariputta.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú sơ Thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Và những pháp thuộc về Thiên thứ nhất như tâm, tứ, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý ; các pháp ấy được an trú bất đoạn . Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi an trú, được Sariputta biết đến khi đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau : "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt".

Sariputta đối với những pháp ấy, cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết : "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta diệt tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Và

những pháp thuộc về Thiền thứ hai như nội tĩnh, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được an trú bất đoạn.

Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau : "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt".

Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết : "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiền thứ ba.

Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba, như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý ; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết : "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư, như xả, bất khổ bất lạc thọ, thọ (passivedana ?), vô quán niệm tâm (Cetaso anabhogo), thanh tịnh nhờ niệm, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý ; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết : "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn sắc tưởng, diệt trừ mọi chướng ngại tưởng, không tác ý đối với dị tưởng, nghĩ rằng : "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ.

Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không, vô biên xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý ; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt.

Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết : "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng : "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như Thức vô biên xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý ; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt.

Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết : "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng : "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Và những pháp thuộc về Vô sở hữu xứ, như Vô sở hữu xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý ; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt.

Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết : "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu chúng đoạn diệt".

Sariputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế.

Sariputta biết : "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng và an trú Diệt thọ tướng (định). Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại : "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt".

Sariputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sariputta biết : "Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sariputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa".

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau : "Người này được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát.

Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau : "Sariputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát".

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau : "Người này là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất".

Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "(Sariputta) là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất".

Sariputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển Pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Bất đoạn (không gián đoạn, liên tục) trong bộ Kinh Trung Bộ nói về thành tựu pháp của Ngài Xá Lợi Phất – một trong mười đại đệ tử của Thế Tôn. Chính Thế Tôn nói về những thành tựu pháp của Ngài.

12.

KINH SÁU THANH TỊNH

(Chabbisodhanasuttam)

(112)

Như thế nào mới nói một cách chơn chánh câu : "*Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa*" ? Thế Tôn giảng sâu về điều này trong kinh Sáu Thanh Tịnh ...

"Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tinh xá ông Anathapindika. Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo, "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói lên chánh trí (annam) như sau : "Ta tuệ tri như vậy: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa"".

Này các Tỷ-kheo, lời nói của vị Tỷ-kheo ấy, không nên tán thán cũng không nên bác bỏ.

Không tán thán, không bác bỏ, cần hỏi câu hỏi : "Này Hiền giả, có bốn hình thức tuyên bố này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Thế nào là bốn ?

Cái gì được thấy được nói lên như là được thấy.

Cái gì được nghe được nói lên là được nghe.

Cái gì được cảm giác được nói lên như là cảm giác.

Cái gì được nhận thức được nói lên như là được nhận thức.

Bốn hình thức tuyên bố này, Này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên.

Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với bốn hình thức tuyên bố này, Tôn giả có thể nói là tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ ?"

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo, các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp (anudhamma) của vị ấy phải như sau: "Này chư Hiền, tôi không cảm thấy luyến ái,

không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế, đối với những vật được thấy... được nghe... được cảm giác... được nhận thức. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với bốn hình thức tuyên bố này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói : "Lành thay ! Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói : "Lành thay, một câu hỏi nữa cần phải được hỏi. : "Này Hiền giả, năm thủ uẩn này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên. Thế nào là năm ?

Tức là sắc thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, thọ thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Năm thủ uẩn này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chân chánh nói lên.

Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, đối với năm thủ uẩn này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ ?"

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau : "Này chư Hiền, sau khi biết sắc này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với những sắc là những chấp thủ phương tiện (upayupadana), là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên, đối với những sắc ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Này chư Hiền, sau khi biết thọ này... Này chư Hiền, sau khi biết tưởng này.. Này chư Hiền, sau khi biết hành này.. Này chư Hiền, sau khi biết thức này là vô lực, biến hoại, không an ổn, đối với thức là những chấp thủ phương tiện, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên. Đối với những thức ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với năm thủ uẩn này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, phải được tùy hỷ với lời nói : "Lành thay". Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói : "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm : "Này Hiền giả, sáu giới này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu ?

Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Sáu giới này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì với sáu giới này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ ?"

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau : "Chư Hiền, tôi đã đi đến địa giới như là không phải tự ngã, và (đi đến) tự ngã như là không tùy thuộc địa giới. Đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc địa giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến thủy giới.. Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến hỏa giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến phong giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến không giới... Này chư Hiền, sau khi tôi đã đi đến thức giới như là không phải tự ngã, và (đi đến) tự ngã như là không tùy thuộc thức giới. Đối với những pháp là những chấp thủ phương tiện tùy thuộc thức giới, là những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu giới này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tủy hỷ với lời nói : "Lành thay". Sau khi tán thán tùy hỷ với lời nói: "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi : "Này Hiền giả, sáu nội ngoại xứ này được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chơn chánh nói lên. Thế nào là sáu ?

Mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Sáu nội ngoại xứ này, này Hiền giả, được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác nói lên. Nhưng biết cái gì, thấy cái gì, thấy cái gì đối với sáu nội ngoại xứ này, Tôn giả có thể nói tâm của Tôn giả được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm đã làm, đã đặt gánh nặng xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Chư Hiền, đối với mắt, đối với sắc, đối với nhãn thức, đối với những pháp được nhận thức bởi nhãn thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những pháp chấp thủ phương tiện, những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy

miên. Đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Chư Hiền, đối với tai, đối với tiếng, đối với nhĩ thức; chư Hiền, đối với mũi, đối với hương, đối với tỷ thức; chư Hiền, đối với lưỡi, đối với vị, đối với thiệt thức; chư Hiền, đối với thân, đối với xúc, đối với thân thức; chư Hiền, đối với ý, đối với pháp, đối với ý thức, đối với các pháp được nhận thức bởi ý thức, phàm có dục gì, tham gì, hỷ gì, ái gì, phàm có những chấp thủ phương tiện, những tâm cố chấp, thiên chấp, tùy miên; đối với những pháp ấy, với sự đoạn tận, đoạn ly, đoạn diệt, đoạn trừ, đoạn xả, tôi tuệ tri tâm tôi được giải thoát. Chư Hiền, vì rằng tôi biết như vậy, thấy như vậy, đối với sáu nội ngoại xứ này, tôi có thể nói tâm tôi được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ".

Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói : "Lành thay !" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói : "Lành thay", một câu hỏi nữa cần phải được hỏi thêm : "Nhưng này Hiền giả, do biết gì, thấy gì, do đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, Tôn giả có thể nói về mạn tùy miên : "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm", mạn tùy miên của Tôn giả được đoạn trừ một cách hoàn toàn".

Chư Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo các lậu hoặc đã đoạn tận, tu hành thành mãn, những việc phải làm, đã làm, đã đặt gánh xuống, đã thành đạt mục đích, đã đoạn trừ hữu kiết sử, và đã được giải thoát nhờ chánh trí, câu trả lời tùy pháp của vị ấy phải như sau: "Chư Hiền, thuở xưa, khi tôi chưa xuất gia, tôi còn ngu muội. Tôi được Như Lai, đệ tử Như Lai thuyết pháp. Sau khi nghe pháp. Tôi có lòng tịnh tín đối với Như Lai. Thánh tựu được tịnh tín ấy, tôi suy nghĩ : "Đời sống gia đình đầy những triền phược, con đường đầy những bụi đời. Đời sống xuất gia phóng khoáng như hư không. Thật rất khó cho một người sống ở gia đình có thể sống theo Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ, hoàn toàn thanh tịnh, trắng bạch như vỏ ốc. Vậy ta nên cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

"Chư Hiền, một thời gian sau, tôi từ bỏ tài sản nhỏ hay từ bỏ tài sản lớn, từ bỏ bà con quyến thuộc nhỏ hay từ bỏ bà con quyến thuộc lớn, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, và xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Khi đã xuất gia như vậy, tôi thành tựu học giới và nếp sống các vị Tỷ-kheo, tôi từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót tất cả chúng sanh và các loại hữu tình. Tôi từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho, chỉ lấy những vật đã cho, chỉ mong những vật đã cho,

tự sống thanh tịnh không có trộm cướp. Tôi từ bỏ phi Phạm hạnh, sống theo Phạm hạnh, sống tránh xa (phi Phạm hạnh), từ bỏ dâm dục tục pháp. Tôi từ bỏ nói láo, tránh xa nói láo, nói những lời chơn thật, y chỉ trên sự thật, chắc chắn, đáng tin cậy, không phản lại đời. Tôi từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi; nghe điều gì ở chỗ này, không đến nói chỗ kia để sanh chia rẽ ở những người này; nghe điều này ở chỗ kia, không đi nói với những người này, để sanh chia rẽ ở những người kia.

Tôi sống hòa hợp những kẻ ly gián, khuyến khích những kẻ hòa hợp, hoan hỷ trong hòa hợp, thoả mái trong hòa hợp, hân hoan trong hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp.

Tôi từ bỏ nói lời độc ác, tránh xa nói lời độc ác, tôi nói những lời nhẹ nhàng, thuận tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, tôi nói những lời nói như vậy. Tôi từ bỏ nói lời phù phiếm, tránh xa nói phù phiếm, nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ, những lời hợp thời thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi.

Tôi (từ bỏ) không làm hại đến các hội giống và các loại cây cỏ, dùng một ngày một bữa, không ăn ban đêm, từ bỏ không ăn phi thời. Tôi từ bỏ không đi xem múa, hát, nhạc, các cuộc trình diễn.

Tôi từ bỏ không trang sức bằng vòng hoa, hương liệu, dầu thoa, các thời trang, các thời sức. Tôi từ bỏ không dùng giường cao và giường lớn. Tôi từ bỏ không nhận các hạt sống. Tôi từ bỏ không nhận thịt sống. Tôi từ bỏ không nhận đàn bà, con gái. Tôi từ bỏ không nhận nô tỳ gái và trai. Tôi từ bỏ không nhận cừu dê. Tôi từ bỏ không nhận gia cầm và heo. Tôi từ bỏ không voi, bò, ngựa và ngựa cái. Tôi từ bỏ không nhận ruộng nương và đất đai. Tôi từ bỏ không nhận người môi giới hoặc tự mình làm môi giới. Tôi (từ bỏ) không buôn bán. Tôi từ bỏ các sự gian lận bằng cân tiền bạc và đo lường. Tôi từ bỏ các tà hạnh như hối lộ, gian trá, lừa đảo. Tôi từ bỏ không làm thương tổn, sát hại, câu thúc, bức đoạt, trộm cắp, cướp phá. Tôi bằng lòng (tri túc) với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y bát). Ví như con chim bay đến chỗ nào cũng mang theo hai cánh; cũng vậy, tôi bằng lòng với tấm y để che thân, với đồ ăn khát thực để nuôi bụng, đi tại chỗ nào cũng mang theo (y bát).

Tôi thành tựu Thánh giới uân này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không lỗi lầm. Khi mắt thấy sắc, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì con mắt không được chế ngự khiến tham ái, uyu bi, các

ác bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thực hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc... ý nhận thức các pháp, tôi không nắm giữ tướng chung, không nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì ý căn không được chế ngự khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, tôi tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thực hành sự hộ trì ý căn. Tôi thành tựu Thánh hộ trì các căn này, cảm giác lạc thọ thuộc nội tâm, không vẫn đục.

Khi đi tới, khi đi lui, tôi đều tỉnh giác. Khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh, tôi đều tỉnh giác. Khi co tay, khi duỗi tay, tôi đều tỉnh giác. Khi mang y kép, y bát, tôi đều tỉnh giác. Khi ăn, uống, nhai, nuốt, tôi đều tỉnh giác. Khi đi đại tiện, tiểu tiện, tôi đều tỉnh giác. Khi đi, đứng, ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng, tôi đều tỉnh giác.

"Và tôi đều thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này và thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này chọn một chỗ thanh vắng, tịch mịch như rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây, ngoài trời, đồng rơm. Sau khi đi khát thực về và ăn xong, tôi ngồi kiết-già, lưng thẳng tại chỗ nói trên và an trú chánh niệm trước mặt. Tôi từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái. Từ bỏ sân hận, tôi sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận. Từ bỏ hôn trầm thụy miên, tôi sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên. Từ bỏ trạo cử hối quá, tôi sống không trạo cử, hối quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá. Từ bỏ nghi ngờ, tôi sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

"Tôi từ bỏ năm triền cái, các pháp làm cho tâm ô uế, làm cho trí tuệ muội lược này, ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục, sanh có tầm có tứ. Tôi diệt tầm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tôi ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba. Tôi xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh.

"Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tôi dẫn tâm, hướng tâm đến lậu tận trí. Tôi biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của lậu

hoặc", biết như thật : "Đây là các lậu hoặc được đoạn trừ", biết như thật : "Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc được diệt trừ".

"Tôi nhờ biết như vậy, nhờ thấy như vậy, tâm của tôi thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, tôi khởi lên sự hiểu biết : "Ta đã giải thoát"". Tôi biết : "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

"Chư Hiền do biết như vậy, thấy như vậy, đối với các thân có nhận thức này và đối với tất cả tướng ở ngoài, mạn tùy miên : "Ta là người làm, sở thuộc của ta là người làm" (người thực hành, không phải là lý luận suông), mạn tùy miên này được đoạn trừ một cách hoàn toàn".

Này các Tỷ-kheo Tỷ-kheo ấy cần phải được tán thán, cần phải được tùy hỷ với lời nói : "Lành thay !" Sau khi tán thán, tùy hỷ với lời nói : "Lành thay" vị ấy cần phải nói như sau : "Thật lợi ích thay cho chúng tôi, thật khéo lợi ích thay cho chúng tôi, khi chúng tôi được thấy một vị sống Phạm hạnh như Tôn giả".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Sáu Thanh Tịnh trong bộ Kinh Trung Bộ lý giải rõ: khi nào nói được một cách chơn chánh rằng: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa".

13.
KINH CHÂN NHÂN
(Sappurisasuttam)
(113)

Thuyết pháp (hoặc làm những công việc như thuyết pháp) ; khát thực ; thiên định ; chứng và trú thiền thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư ... vẫn chưa phải là chân nhân pháp – nếu như ...

“Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau : "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp. Các Ông hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau :

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Chân nhân pháp ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân xuất gia từ một gia đình cao sang. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta xuất gia từ một gia đình cao sang. Còn các Tỷ-kheo, này không xuất gia từ một gia đình cao sang". Vì người ấy thuộc gia đình cao sang nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau : "Không phải vì thuộc một gia đình cao sang mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia, không phải từ một gia đình cao sang, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ (patipadam) làm chánh yếu (antaram ?) không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình cao sang.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân xuất gia từ một gia đình.... (như trên).... xuất gia từ một gia đình đại phú.. (như trên)... xuất gia từ một gia đình quý phái. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta xuất gia từ một gia đình quý phái, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình quý phái". Vì người ấy thuộc gia đình quý phái, nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau : "Không phải vì thuộc về một gia đình quý phái mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình quý phái và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy được sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu không khen mình chê người vì tự mình thuộc vào gia đình quý phái.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân được nhiều người biết, có danh xưng. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta được nhiều người biết, có danh xưng, còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng". Vì người ấy tự mình được nhiều người biết đến nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân Nhân suy nghĩ như sau : "Không phải vì mình được nhiều người biết đến mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không được nhiều người biết, không có danh xưng, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu, không khen mình chê người vì tự mình được nhiều người biết và danh xưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân được các vật (cúng dường) như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta nhận được các vật (cúng dường) như y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, còn các Tỷ-kheo này không nhận được y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh". Vì người ấy thân nhận được như vậy nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau : "Không phải vì tự mình nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh và người

ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp hành, trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người tự mình được thấu nhận như vậy.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo có người phi Chân nhân là người nghe nhiều. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta là người nghe nhiều, còn các Tỷ-kheo này không nghe nhiều". Người ấy do được nghe nhiều nên khen mình chê người.

Như vậy này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, Người Chân nhân suy nghĩ như sau : "Không phải vì nghe nhiều mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không nghe nhiều và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình được nghe nhiều. Như vậy này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là bậc trì luật. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta là bậc trì luật, còn các Tỷ-kheo này không là bậc trì luật". Do tự mình trì luật, người ấy khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp.

Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau : "Không phải vì tự mình là bậc trì luật mà các tham pháp đi đến đoạn trừ hay các sân pháp đi đến đoạn trừ hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không phải là bậc trì luật, những người này hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc trì luật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người thuyết pháp. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta là người thuyết pháp, còn các Tỷ-kheo này không phải là người thuyết pháp". Vì tự mình là người thuyết pháp, nên người ấy khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau : "Không phải do tự mình là bậc thuyết pháp mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không phải là người thuyết pháp, nhưng hành trì đúng pháp, và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết pháp.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người theo hạnh sống ở rừng rùng. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta là người theo hạnh sống ở rừng núi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống ở rừng núi". Người ấy vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Không phải vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống ở rừng núi nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo hạnh mặc phẩn tảo y. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta là người theo hạnh mặc phẩn tảo y. Còn các Tỷ-kheo này không là người theo hạnh mặc phẩn tảo y". Người này do tự mình theo hạnh mặc phẩn tảo y nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Không phải vì tự mình theo hạnh mặc phẩn tảo y mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh mặc phẩn tảo y nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình mặc phẩn tảo y.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là người theo hạnh khát thực. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta theo hạnh khát thực, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh khát thực". Người ấy, do tự mình theo hạnh khát thực nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau : "Không phải vì tự mình theo hạnh khát thực mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh khát thực nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình theo hạnh khát thực.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân theo hạnh sống dưới gốc cây. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta là người theo hạnh sống dưới gốc cây, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống dưới gốc cây". Người ấy do tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Không phải vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống dưới gốc cây, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh và hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo hạnh sống tại nghĩa địa.. (như trên)... theo hạnh sống ngoài trời.. (như trên)... theo hạnh thường ngồi (không nằm)... (như trên)... Theo hạnh ngồi tại chỗ ngồi... (như trên)... theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi. Do tự mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Không phải vì mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh chỉ ăn một lần nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình sống chỉ ăn một lần ngồi.
Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú sơ Thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta là người chứng được sơ Thiên, các người Tỷ-kheo này không chứng được sơ Thiên". Người ấy do tự mình chứng được sơ Thiên nên khen mình chê người.
Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Định sơ Thiên, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng được định sơ Thiên.
Như vậy, này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân pháp diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tỉnh nhứt tâm.. Thiên thứ ba.. chứng và trú thiên thứ tư. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta chứng đắc định Thiên thứ tư. Còn các Tỷ-kheo này không chứng đắc định Thiên thứ tư". Người ấy vì chứng đắc định Thiên thứ tư ấy nên khen mình chê người.
Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Định Thiên thứ tư, tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chứng đắc định Thiên thứ tư.
Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, người ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau :

"Ta chứng được định Không vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Không vô biên xứ". Người ấy, vì chứng được định Không vô biên xứ ấy, nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau : "Định Không vô biên, xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ như thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Không vô biên xứ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân, vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng : "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta chứng được định Thức Vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Thức vô biên xứ". Người ấy vì chứng được định Thức vô biên xứ ấy nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Định Thức vô biên xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"... Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Thức vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng : "Không có sở hữu" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta chứng được định Vô sở hữu xứ còn, các Tỷ-kheo này không chứng được định Vô sở hữu xứ". Người ấy, vì chứng được định Vô sở hữu xứ ấy, nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Định Vô sở hữu xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Vô sở hữu xứ.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên Vô sở hữu xứ, chứng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Người ấy suy nghĩ như sau : "Ta chứng được

định Phi tướng phi phi tướng xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Phi tướng phi phi tướng xứ". Người ấy vì chứng được định Phi tướng phi phi tướng xứ ấy nên khen mình chê người.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp.

Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau : "Định Phi tướng phi phi tướng xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này thế khác thời tự tánh liền đổi khác". Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì định Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người Chân nhân sau khi vượt lên Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và trú Diệt thọ tướng định sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này không nghĩ mình là bất cứ vật gì, không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, không nghĩ đến bất cứ vì sự việc gì.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Chân Nhân trong bộ Kinh Trung Bộ ghi lại những lời giảng của Thế Tôn về duy nhất một vấn đề: khen mình, chê người.

Một khi còn khen mình, chê người – là ngã vẫn còn – tức là vẫn còn chấp thủ. Một khi không buông được cái ngã thì, tất cả đều vẫn chỉ là ở ... mức “xuất phát ban đầu”.

14.

KINH NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ

(Sevitabha-asevitabhasuttam)

(114)

Kinh Nên Hành Trì-Không Nên Hành Trì là một triết lý – sau này được các nền triết học phát triển và gọi đó là “tính hai mặt” hoặc “hai mặt của một vấn đề” hoặc “hai mặt đối lập trong một chỉnh thể” ...

Triết lý này, về thực chất – là một triết lý quan trọng, thiết thực và sâu sắc cho đời sống của con người ... Thế nhưng, cũng chẳng mấy ai quan tâm – cứ “vô tư” – trước mọi suy nghĩ, lời nói, hành động ... của mình ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông pháp môn về nên hành trì, không nên hành trì. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng"

– "Thưa vâng bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, Ta nói thân hành có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa thân hành". Này các Tỷ-kheo, Ta nói khẩu hành cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa khẩu hành". Này các Tỷ-kheo, Ta nói ý hành cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ý hành".

Này các Tỷ-kheo, Ta nói tâm sanh cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tâm sanh".

Này các Tỷ-kheo, Ta nói tướng đấng cũng có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa tướng đấng".

Kiến đấng, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa kiến đấng (ditthipatilabha)".

Ngã tánh đấng, này các Tỷ-kheo, Ta nói cũng có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và đây là sự tương đối giữa ngã tánh đấng".

Được nghe nói vậy Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên vẫn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau :

Thân hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Thế Tôn đã nói như vậy.

Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ? Bạch Thế Tôn nếu một thân hành nào khi hành trì, bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn, và một thân hành nào khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người sát sanh, tàn nhẫn (?) tay lấm máu, tâm chuyên sát hại, đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người này lấy của không cho, bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục vọng, giao cấu các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Bạch Thế Tôn, thân hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi, không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Người ấy từ bỏ sống tà hạnh trong các dục vọng, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm các thiện pháp tăng trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ? Bạch Thế Tôn, một khẩu hành nào khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn và một khẩu hành nào khi hành trì bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng khẩu hành như vậy nên hành trì.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi : "Này Người kia, hãy nói những gì Ông biết". Dầu cho người ấy không biết, người ấy nói : "Tôi biết"; dầu cho người ấy biết, người ấy nói : "Tôi không biết" hay dầu cho người ấy không thấy, người ấy nói : "Tôi thấy" hay dầu cho người ấy thấy, người ấy nói : "Tôi không thấy". Như vậy lời nói của người ấy trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Và người ấy là người nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người này, nghe điều gì ở chỗ kia, đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia. Như vậy, người ấy ly gián những kẻ hòa hợp, hay xúi dục những kẻ ly gián, ưa thích phá hoại, vui thích phá hoại, thích thú phá hoại, nói những lời đưa đến phá hoại. Và người ấy là người nói lời thô ác. Bất cứ lời gì thô ác, tàn ác, khiến người đau khổ, khiến người tức giận, liên hệ đến phần nộ, không đưa đến Thiền định, người ấy nói những lời như vậy. Và người ấy nói những lời phù phiếm, nói phi thời, nói những lời phi chơn, nói những lời không lợi ích, nói những lời phi pháp, nói những lời phi luật, nói những lời không đáng gìn giữ. Vì nói phi thời nên lời nói không có thuận lý, không có mạch lạc, hệ thống, không có lợi ích. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Bạch Thế Tôn, khẩu hành gì khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người từ bỏ vọng ngữ, tránh xa vọng ngữ, đến chỗ tập hội, hay đến chỗ chúng hội, hay đến giữa các thân tộc, hay đến giữa các tổ hợp, hay đến giữa vương tộc, khi bị dẫn xuất làm chứng và được hỏi: "Này người kia, hãy nói những gì Ông biết". Nếu biết, người ấy nói: "Tôi biết" nếu không biết, người ấy nói : "Tôi không biết" hay nếu không thấy, người ấy nói : "Tôi không thấy" nếu thấy, người ấy nói : "Tôi thấy". Như vậy lời nói của người ấy không trở thành cố ý vọng ngữ, hoặc vì nguyên nhân tự kỷ, hoặc vì nguyên nhân tha nhân, hoặc vì nguyên nhân một vài quyền lợi gì. Từ bỏ nói hai lưỡi, tránh xa nói hai lưỡi, nghe điều gì ở chỗ này, không đi đến chỗ kia nói để sanh chia rẽ ở những người

này, nghe điều gì ở chỗ kia không đi nói với những người này để sanh chia rẽ ở những người kia; như vậy, người ấy sống hòa hợp những kẻ ly gián, tăng trưởng những kẻ hòa hợp, ưa thích hòa hợp, vui thích hòa hợp, thích thú hòa hợp, nói những lời đưa đến hòa hợp. Từ bỏ lời nói độc ác, tránh xa lời nói độc ác; như vậy người ấy nói những lời nói nhu hòa, đẹp tai, dễ thương, thông cảm đến tâm, tao nhã, đẹp lòng nhiều người, vui lòng nhiều người. Từ bỏ lời nói phù phiếm, tránh xa lời nói phù phiếm; người ấy nói đúng thời, nói những lời chơn thật, nói những lời có ý nghĩa, nói những lời về Chánh pháp, nói những lời về luật, nói những lời đáng được gìn giữ. Vì nói hợp thời, nên lời nói thuận lý, có mạch lạc hệ thống, có ích lợi. Khẩu hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Ý hành, này các Tỷ-kheo, Tôi nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành".

Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ? Bạch Thế Tôn, một ý hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Bạch Thế Tôn, và một ý hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ý hành như vậy nên hành trì.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiệp pháp thối giảm ?

Ở đây, bạch Thế Tôn có người có tham ái, tham lam tài vật kẻ khác, nghĩ rằng : "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác trở thành của mình !" Lại có người sân tâm, khởi lên hại ý, hại niệm như sau : "Mong rằng những loài hữu hình này bị giết, hay bị tàn sát, hay bị tiêu diệt hay bị làm hại, hay mong chúng không còn tồn tại". Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Ý hành gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng ?

Ở đây có người không có tham ái, không tham lam tài vật của kẻ khác, nghĩ rằng : "Ôi, mong rằng mọi tài vật của người khác không trở thành của mình !" Lại có người không có sân tâm, không khởi lên hại ý, hại niệm, nhưng nghĩ rằng: "Mong rằng những loài hữu tình này sống không thù hận, không oán thù, không nhiễu loạn, được an lạc, lo nghĩ tự thân". Ý hành như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Ý hành, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì và như vậy là sự tương đối giữa ý hành". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ?

Bạch Thế Tôn, nếu một tâm sanh nào khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tâm sanh như vậy không nên hành trì. Và một tâm sanh nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tâm sanh như vậy nên hành trì.

Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục, sống với tâm câu hữu với tham dục; người ấy sân hận và sống với tâm câu hữu với sân hận; người ấy có hại tâm và sống với tâm câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm.

Tâm sanh gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có tham dục; sống với tâm không câu hữu với tham dục; người ấy không có sân hận và sống với tâm không câu hữu với sân hận; người ấy không có hại tâm và sống với tâm không câu hữu với hại tâm. Tâm sanh như vậy, bạch Thế Tôn, nếu hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

Tâm sanh, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tâm sanh". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Tướng đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ?

Một tướng đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, tướng đắc như vậy không nên hành trì. Và một tướng đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tướng đắc như vậy nên hành trì.

Tướng đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có tham dục sống với tướng câu hữu với sân hận, người ấy có hại tâm và sống với tướng câu hữu với hại tâm. Tướng đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm.

Tướng đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì, bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người không có tham dục, sống với tướng không câu hữu với tham dục, người ấy không có sân hận và sống với tướng không câu hữu với sân hận, người ấy không có hại tâm và sống với tướng không câu hữu với hại tâm. Tướng đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng.

Tướng đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa tướng đắc". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Kiến đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại : "Nên hành trì và không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa kiến đắc". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ?

Một kiến đắc nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, kiến đắc như vậy không nên hành trì. Và một kiến đắc nào khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, kiến đắc như vậy nên hành trì.

Kiến đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng; thiện pháp thối giảm ?

Ở đây, bạch Thế Tôn có người có (tà) kiến như sau : "Không có bố thí, không có lễ hy sinh, không có tế tự, không có quả dị thực các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có loại hóa sanh, ở đời không có những vị Sa-môn, những vị Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đạt và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại". Kiến đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Kiến đắc gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng ?

Ở đây, bạch Thế Tôn, có người có (chánh) kiến như sau : "Có bố thí, có lễ hy sinh, có tế tự, có quả dị thực các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh, ở đời có những vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh hướng, chánh hạnh đã tự mình với thượng trí chứng tri, chứng đắc và an trú đời này, đời khác và truyền dạy lại". Kiến đắc như vậy, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Kiến đắc, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự sai trái về kiến đắc". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Ngã tánh đắ, này các Tỷ-kheo, tôi nói cũng có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ?

Ngã tánh đắ nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, ngã tánh đắ như vậy không nên hành trì. Ngã tánh đắ nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, ngã tánh đắ như vậy nên hành trì.

Ngã tánh đắ gì, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm ?

Ngã tánh đắ có hại, bạch Thế Tôn, vì sự không rớt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp phải tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Ngã tánh đắ vô hại, bạch Thế Tôn, vì sự rớt ráo khi được sanh khởi, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Ngã tánh đắ, này các Tỷ-kheo, tôi nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự sai khác về ngã tánh đắ". Thế Tôn đã nói như vậy, và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

Bạch Thế Tôn, lời nói mà được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Lành thay, lành thay, này Sariputta ! Lành thay, này Sariputta ! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Ta đã nói như vậy và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ? Thân hành nào, này Sariputta, khi hành trì thời bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm, thân hành như vậy không nên hành trì. Và thân hành nào, này Sariputta, khi hành trì thời bất thiện pháp thối giảm, thiện pháp tăng trưởng, thân hành như vậy nên hành trì.

Thân hành gì, này Sariputta, khi hành trì bất thiện pháp tăng trưởng, thiện pháp thối giảm ?

Ở đây, này Sariputta, có người sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại hữu tình. Người này lấy của không cho; bắt cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy lấy trộm tài vật ấy. Người ấy sống tà hạnh trong các dục vọng, giao cấu các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này

Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm.

Thân hành gì, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng ?

Ở đây, này Sariputta, có người từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình. Người ấy từ bỏ lấy của không cho, tránh xa lấy của không cho; bất cứ tài vật gì của người khác, hoặc tại thôn làng, hoặc tại rừng núi không cho người ấy, người ấy không lấy trộm tài vật ấy. Người ấy từ bỏ sống theo tà hạnh trong các dục vọng, không giao cấu với các hạng nữ nhân có mẹ che chở, có cha che chở, có anh che chở, có chị che chở, có bà con che chở, đã có chồng, được hình phạt gây gộc bảo vệ, cho đến những nữ nhân được trang sức bằng vòng hoa. Thân hành như vậy, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng.

Thân hành, này các Tỷ-kheo, ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa thân hành". Ta đã nói như vậy và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Khẩu hành, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa khẩu hành". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ?

Này Sariputta, khẩu hành nào khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, khẩu hành như vậy không nên hành trì. Và khẩu hành nào, này Sariputta, khi hành trì, các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, khẩu hành như vậy nên hành trì.

Khẩu hành gì, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm ?

Ở đây, này Sariputta, có người vọng ngữ đến chỗ tập hội... (như trên)... (những thay đổi cần thiết cho đến đoạn ngã tánh đắc...) "Ngã tánh đắc, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì; và như vậy là sự tương đối giữa ngã tánh đắc", Ta đã nói như vậy, và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói một cách vắn tắt, cần phải hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì không nên hành trì". Vị do lưỡi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có

hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau :

"Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ?

Sắc nào do mắt nhận thức bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm, sắc do mắt nhận thức như vậy không nên hành trì.

Sắc nào do mắt nhận thức, bạch Thế Tôn khi hành trì thời các bất thiện pháp thoái giảm, các thiện pháp tăng trưởng, sắc ấy do mắt nhận thức như vậy nên hành trì.

"Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ?

Tiếng nào do tai nhận thức bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm, tiếng do tai nhận thức như vậy không nên hành trì.

Tiếng nào do tai nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thoái giảm, các thiện pháp tăng trưởng, tiếng do tai nhận thức như vậy nên hành trì.

"Tiếng do tai nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ?

Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thoái giảm, hương do mũi nhận thức như vậy không nên hành trì.

Hương nào do mũi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp thoái giảm, các thiện pháp tăng trưởng, hương do mũi nhận thức như vậy nên hành trì :

"Hương do mũi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Vị do lưỡi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên. Vị nào

do lỗi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, vị do lỗi nhận thức như vậy không nên hành trì.

Vị nào do lỗi nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, vị do lỗi nhận thức như vậy nên hành trì. "Vị do lỗi nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ? Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, xúc do thân nhận thức như vậy không nên hành trì.

Xúc nào do thân nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, xúc do thân nhận thức như vậy nên hành trì. "Xúc do thân nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

"Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì lời nói ấy được nói lên ? Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, pháp do ý nhận thức như vậy không nên hành trì. Pháp nào do ý nhận thức, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, pháp do ý nhận thức như vậy nên hành trì. Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy và do duyên như vậy lời nói ấy được nói lên.

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sariputta ! Lành thay, này Sariputta ! Lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa rộng rãi, Ông đã hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy.

Sắc do mắt nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Lời nói như vậy được Ta nói lên. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ?... (như trên)... Pháp do ý nhận thức, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Lời nói như vậy được Ta nói lên và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói lên một cách vắn tắt, ý nghĩa lời nói ấy được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Ý, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì".

Đồ ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì".

Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì".

Làng, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì".

Thị trấn, này Sariputta, Ta nói có hai loại: "Nên hành trì, không nên hành trì".

Đô thị, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì".

Quốc độ, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì".

Người (Puggala), này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, con được hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau :

"Y, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ?

Y nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì, các bất thiện pháp tăng trưởng, các thiện pháp thối giảm, y như vậy không nên hành trì.

Y nào, bạch Thế Tôn, khi hành trì thời các bất thiện pháp thối giảm, các thiện pháp tăng trưởng, y như vậy nên hành trì. "Y, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Thế Tôn đã nói lên như vậy. Và do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

"Món ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Làng, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Thị trấn, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Đô thị, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Quốc độ, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

"Người, này Sariputta, Ta nói có hai loại... do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên".

Bạch Thế Tôn, lời nói này được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải thích rộng rãi, con đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Sariputta ! Lành thay, này Sariputta ! Lời nói này được Ta nói lên vắn tắt, không giải thích rộng rãi, Ông đã hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Y, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Ta đã nói lên như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ? Y nào, này Sariputta, khi hành trì thời các bất thiện pháp tăng trưởng... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Đồ ăn khát thực, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ?... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Sàng tọa, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì, không nên hành trì"... (như trên)... Sàng tọa như vậy không nên hành trì. Sàng tọa như vậy nên hành trì.... (như trên)... Làng như vậy không nên hành trì ... (như trên) ... Làng như vậy nên hành trì... (như trên).. Thị trấn như vậy không nên hành trì... (như trên)... Thị trấn như vậy nên hành trì.... (như trên)... Đô thị như vậy không nên hành trì... (như trên)... Đô thị như vậy nên hành trì... (như trên)... Quốc độ như vậy không nên hành trì ... (như trên) ... Quốc độ như vậy nên hành trì ... (như trên) ... Người, này Sariputta, Ta nói có hai loại : "Nên hành trì và không nên hành trì". Ta đã nói như vậy. Và do duyên gì, lời nói ấy được nói lên ? Người, này Sariputta... Do duyên như vậy, lời nói ấy được nói lên.

Này Sariputta, lời nói này được Ta nói vắn tắt, ý nghĩa (lời nói ấy) cần được hiểu một cách rộng rãi như vậy.

Này Sariputta, nếu tất cả những vị Sát đế ly, đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc, an lạc lâu dài.

Này Sariputta, nếu tất cả những vị Bà-la-môn .. nếu tất cả những vị Vessa... Này Sariputta, nếu tất cả những vị Thủ đà (Sudda), đối với lời nói này được Ta nói vắn tắt, có thể hiểu ý nghĩa lời nói ấy một cách rộng rãi như vậy, tất cả những vị ấy sẽ được hưởng hạnh phúc an lạc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Nền Hành Trì-Không Nền Hành Trì trong bộ Kinh Trung Bộ là một triết lý quan trọng, thiết thực và sâu sắc cho đời sống của con người ...

Triết lý ấy gọi là quan trọng, thiết thực – bởi, đằng sau mọi suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm ... thường nhật của con người – đều mang đến một hậu quả: gieo phước đức để gặt hái phước đức hay gieo tai họa khiến gặt hái tai họa ?

Thiết thực và quan trọng đến như vậy – song con người chẳng mấy ai quan tâm – tại sao ? Câu trả lời vốn đã được nghe quá nhiều lần: *vô minh*. Vì *vô minh* – nên nghĩ rằng, cho rằng: chẳng hề có *nhân-quả*. Vì nghĩ rằng, cho rằng không có *nhân-quả* nên “vô tu” làm những điều sằng bậy, sai trái.

Mặt khác, con người còn hời hợt trong nhận thức của mình. Thực ra, con người còn quá nhiều giới hạn – trong đó mặt giới hạn vô cùng tệ hại, đó là: trí tuệ chưa đi trước, không dẫn đường cho mọi suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm ... Vì vậy mà xảy ra rất nhiều điều hối tiếc (với những người còn có “*luơng tâm*”).

Vì hời hợt nên rất thường – không đo lường hết mọi suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm ... của mình.

Ví như, câu chuyện rất nhỏ, rất vụn vặt, rất thường hay xảy ra: một người “vô tu” nói với người quen của mình: “Thịt gà ở đây ngon lắm”. Câu nói ấy, tưởng chừng vô hại – song, hệ quả của nó là tội sát sanh không tránh khỏi. Bởi, có thể, người nghe câu nói ấy “khắc dạ, ghi tâm”, khởi lên sự ham muốn thưởng thức món thịt gà ở chỗ ấy, hôm sau người ấy đi mua một con mang về, cắt cổ ... rồi hôm sau, hôm sau nữa ... Cho nên tội sát sanh của người kia – hẳn nhiên, có sự đóng góp tích cực của chính mình – sự đóng góp tích cực như vậy mà có khi chẳng hay...

Cho nên, trong kinh Nền Hành Trì-Không Nền Hành Trì, Thế Tôn đã chỉ ra rất rõ: trước mọi suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm ... của mình – phải hiểu ra lẽ: những suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm ... ấy – có giúp *cái thiện* phát triển và đẩy lùi *cái bất thiện* không ? Từ đó mới quyết định *hành trì* hay không *hành trì*.

Nếu luôn nhận thức rõ như vậy – thì khi đó mới có thể gọi là: làm chủ bản thân mình.

15.
KINH ĐA GIỚI
(Bahudhàtukasuttam)
(115)

Như Lai nói rằng: Sợ hãi, thất vọng, tai ương hoạn nạn – dành cho kẻ ngu không dành cho người hiền trí. Hãy là người hiền trí ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).

Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: – "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Phàm có những sợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí (pandita).

Phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Ví như, này các Tỷ-kheo, tia lửa từ ngôi nhà bằng cỏ, thiêu cháy ngôi nhà có lầu gác được trét trong trét ngoài, được che chở khỏi gió, có chốt khóa gài kỹ, có cửa sổ đóng kỹ;

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có những sợ hãi gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những sợ hãi ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những thất vọng gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những thất vọng ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí; phàm có những hoạn nạn gì sanh khởi, này các Tỷ-kheo, tất cả những hoạn nạn ấy sanh khởi cho người ngu, không phải cho người hiền trí.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, kẻ ngu đầy những sợ hãi, người hiền trí không có sợ hãi. Kẻ ngu đầy những thất vọng, người hiền trí không có thất vọng. Kẻ ngu đầy những hoạn nạn, người hiền trí không có hoạn nạn. Này các Tỷ-kheo, không có sợ hãi cho người hiền trí, không có thất vọng cho người hiền trí, không có hoạn nạn cho người hiền trí.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, (hãy tự nhủ rằng) "Chúng tôi sẽ thành người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu", như vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn :

– Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu ?"

– Cho đến khi, này Ananda, Tỷ-kheo thiện xảo về giới, thiện xảo về xứ, thiện xảo về duyên khởi và thiện xảo về xứ phi xứ đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo là người hiền trí, biết suy tư tìm hiểu".

– Đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới ?"

– Này Ananda, có mười tám giới này : nhĩ giới, sắc giới, nhĩ thức giới; nhĩ giới, thanh giới, nhĩ thức giới; tỷ giới, hương giới, tỷ thức giới; thiệt giới, vị giới, thiệt thức giới; thân giới, xúc giới, thân thức giới; ý giới, pháp giới, ý thức giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được mười tám giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới ?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda có sáu giới này: địa giới, thủy giới, phong giới, hỏa giới, không giới, thức giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda có sáu giới này : lạc giới, khổ giới, hỷ giới, ưu giới, xả giới, vô minh giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới ?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có sáu giới này : dục giới, ly dục giới, sân giới, vô sân giới, hại giới, bất hại giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy

được sáu giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới ?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có ba giới này : dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được ba giới này, cho đến mức độ như vậy này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới".

– Nhưng bạch Thế Tôn, có thể có pháp môn nào khác, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới ?"

– Có thể có, này Ananda. Này Ananda, có hai giới này: hữu vi giới và vô vi giới. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được hai giới này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về giới"

– Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ ?"

– Này Ananda, có sáu nội xứ, ngoại xứ này: mắt và sắc, tai và tiếng, mũi và hương, lưỡi và vị, thân và xúc, ý và pháp. Này Ananda, cho đến khi biết được, thấy được sáu nội ngoại xứ này, cho đến mức độ như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ".

– Nhưng bạch Thế Tôn, cho đến mức độ nào là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi ?"

– Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau : Nếu cái này có, cái kia có; do cái này sanh, cái kia sanh. Nếu cái này không có, cái kia không có; do cái này diệt, cái kia diệt. Tức là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu; hữu duyên sanh; do duyên sanh lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não sanh khởi. Như vậy, này Ananda, là sự tập khởi của toàn bộ khổ uẩn này. Nhưng do sự diệt trừ, sự ly tham hoàn toàn của chính vô minh này, các hành diệt; do các hành diệt, danh sắc diệt; do danh sắc diệt, lục nhập diệt; do lục nhập diệt, xúc diệt; do xúc diệt, thọ diệt; do thọ diệt, ái diệt; do ái diệt, thủ diệt, do thủ diệt, hữu diệt; do hữu diệt, sanh diệt, do sanh diệt, lão tử, sầu, bi, khổ, ưu, não đoạn diệt. Như vậy là sự

đoạn diệt hoàn toàn của khổ uẩn này. Cho đến như vậy, này Ananda, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về duyên khởi".

– Nhưng cho đến mức độ nào, bạch Thế Tôn, là vừa đủ để nói : Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ ?"

– Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu : khi một người thành tựu (chánh) kiến lại đi đến các hành (samkhara) và xem là thường còn. Sự kiện như vậy không xảy ra".

Và vị ấy biết rằng : "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu : Khi một người phàm phu đi đến các hành và xem là thường còn. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người phàm phu đi đến các hành với ý niệm lạc thọ. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu : Khi một người nào thành tựu (chánh) kiến, lại có thể đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rằng : "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu : Khi một người phàm phu đi đến các pháp với ý niệm tự ngã. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một người phàm phu có thể giết sinh mạng người mẹ. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến, có thể giết sinh mạng người cha .Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một người phàm phu có thể giết sinh mạng người cha. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một người phàm phu với ác tâm làm Như Lai chảy máu. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể phá hòa hợp Tăng. Sự kiện như vậy không xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một người phàm phu có thể phá hòa hợp với Tăng. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người thành tựu (chánh) kiến có thể đề cao một Đạo sư khác. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người phàm phu đề cao một Đạo sư khác. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi cùng trong một thế giới (lokadhatu), hai A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể xuất hiện (một lần) không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi cùng trong một thế giới, một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra : Khi cùng trong một thế giới hai vua Chuyển luân có thể xuất hiện (một lần), không trước không sau. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi trong một thế giới, một vị vua Chuyển luân có thể xuất hiện. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : Sự kiện này có xảy ra: Khi một nam nhân có thể thành một A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự kiện như vậy có xảy ra.

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể thành Sakka (Đế -thích). Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một nam nhân có thể trở thành Sakka. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một nữ nhân có thể trở thành Ma vương. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra khi một nam nhân trở thành một Ma vương. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng: "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu : Khi một nữ nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một nam nhân có thể trở thành Phạm thiên. Sự kiện này như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện này không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một thân ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu : Khi một khẩu ác hành... Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một ý ác hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra: Khi một thân thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một khẩu thiện hành... một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo không khả ái, không khả hỷ, không khả lạc. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một ý thiện hành có thể sanh ra quả báo khả ái, khả hỷ, khả lạc. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra : Khi một người hành trì thân ác hành, do nhân thân ác hành ấy, do duyên thân ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện này có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu ác hành... hành trì ý ác hành, do nhân ý ác hành ấy, do duyên ý ác hành ấy, sau khi thân hoại mạng chung, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra, khi một người hành trì khẩu ác hành... ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu : Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra". Và vị ấy biết rằng: "Sự kiện này có xảy ra: Khi một người hành trì thân thiện hành, do nhân thân thiện hành ấy, do duyên thân thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này. Sự kiện như vậy có xảy ra".

Vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này không có xảy ra, không có hiện hữu : Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Sự kiện như vậy không có xảy ra".

Và vị ấy biết rõ rằng : "Sự kiện này có xảy ra, có hiện hữu: Khi một người hành trì khẩu thiện hành... hành trì ý thiện hành, do nhân ý thiện hành ấy, do duyên ý thiện hành ấy, có thể sanh lên thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Sự kiện như vậy có xảy ra". Cho đến mức độ như vậy, là vừa đủ để nói : "Tỷ-kheo thiện xảo về xứ phi xứ".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn :

– Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn ! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn ! Bạch Thế Tôn pháp môn này có tên gì ?

– Do vậy, này Ananda, Ông hãy thọ trì pháp môn này là Đa giới, hãy thọ trì pháp môn này là Bốn chuyển (Dhammadaśa) hãy thọ trì pháp môn này là Pháp kinh (Dhammadaśa), hãy thọ trì pháp môn này là Trống bát tử, hãy thọ trì pháp môn này là Vô thượng chiến thắng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Đa Giới trong bộ Kinh Trung Bộ ghi lại lời dạy vô cùng quý báu của Thế Tôn: hãy là người *hiền trí* để không còn phải: lo lắng - sợ hãi ; thất vọng hoặc tai ương - hoạn nạn ...

Kinh Đa Giới còn như là một “từ điển” – khi đề cập về khái niệm *giới*.

16.
KINH THÔN TIÊN
(Isigilisutta)
(116)

Kinh Thôn Tiên có thể xem là một “xung tụng ca”. Kinh này Thế Tôn xưng danh một số đức Phật – trong số năm trăm đức Phật – tu tại một nơi được gọi là “thôn tiên” ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Isigili. Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo" – "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy núi Vebhara (Phụ Trọng) này không ?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho núi Vebhara này, một tên gọi khác.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy núi Pandava (Bạch Thiện) này không ?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho núi Pandava này, một tên gọi khác.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy núi Vepulla (Quảng Phổ) này không ?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho núi Vepulla này, một tên gọi khác.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy núi Gijjhakuta (Linh Thứu) này không ?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn.

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng khác cho núi Gijjhakuta này, một tên gọi khác.

Này các Tỷ-kheo, các Ông có thấy núi Isigili này không ?

– Thưa có thấy, bạch Thế Tôn

– Này các Tỷ-kheo, đây chỉ là một danh xưng của núi Isigili, một tên gọi khác. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, có năm trăm vị Độc Giác Phật sống trong một thời gian khá dài, trong núi Isigili này. Những vị ấy được thấy đi vào trong ngọn núi này (nhưng) khi đi vào rồi thời không được thấy nữa. Quần chúng thấy vậy nói như sau : "Ngọn núi này nuốt những ẩn sĩ ấy (Ime Isi gilatiti) nên được danh xưng là Isigili. Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ kể tên các vị Độc Giác Phật; này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng tên các vị Độc Giác Phật. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói .

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn

– Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau :

– Arittha (A-lợi-sá), này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Uparittha (Bà-lợi-sá) này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Tagarasikhi, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Yasassi, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Sudassana (Thiện Kiến), này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Piyadassi, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Gandhara, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Pindola, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Upasabha, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Nitha, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Tatha, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Sutava, này các Tỷ-kheo, là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này. Bhavitatta, này các Tỷ-kheo là tên vị Độc Giác Phật đã trú lâu ngày trong núi Isigili này.

Chư hữu tình tình hoa,
Không khổ, không tham ái,
Riêng tự mình chứng đắc,
Chánh Đẳng Giác (vô thượng)

Chư vị thượng thắng nhân,

*Vượt ngoài mũi tên bắn,
Hãy lóng tai nghe kỹ,
Ta sẽ xưng danh hiệu:*

*Arittha, Uparittha, Tagarasikhi, Yasassi
Sudassan, Phậ Piyadassi
Gandhara, Pindola,
Upasabha, Nitha, Tatha, Sutava, Bhavitatta.
Sumbha, Subha, Methula,
Atthama, Athassumegha,
Anigha, Sudatha*

*Chư vị Độc Giác Phậ,
Đoạn trừ nguồn tái sanh.*

*Hingu và Hinga
Chư vị Đại Uy lực,
Hai ẩn sĩ Jali
Rời đến Atthaka,
Đức Phậ Kosala,
Tiếp đến Subahu.*

*Ngài Upanemi, cả Ngài Nemi này,
Ngài Santacitta, các Ngài bậc Chân thực,
Sống như chân, ly trần,
Cũng là bậc Hiền triết.*

*Kala, Upakala, Vijita, Jita
Anga, Panga và Gutijjita
Passi bỏ chấp thủ
Căn rễ của khổ đau.*

*Aparajita, đánh bại ma quân lực,
Satthà, Pavatta, Sarabhanga, Lomahansa,
Uccangamaya, Asita, Anasava,
Manomaya đoạn trừ được nạn,*

*Và Bandhuma,
Tadadhimutta vô cấu uế,*

Và *Ketuma*.
Ketumbaraga và Matanga Ariya,
Accuta, Accutagama, Byamaka,
Sumangala, Dabbila, Supatitthita
Asayha, Khemabhirata và Sorata,
Durannaya, Sangha, rồi đến Ujjaya,

Rồi đến ả sĩ Sayha,
Với can đảm phi thường
Ananda, Nanda, Upananda,
Tất cả là mười hai.

Bharadvaja thọ trì thân cuối cùng,
Bodhi, Mahanama, kể cả Bharadvaja
Thượng thắng, có chóp tóc và đẹp trai,
Tissa, Upatissa, Upasidari
Đã đoạn hữu kiết sử,

Và Sidari, đã đoạn trừ tham ái.
Đức Phật tên Mangala,
Với tham được đoạn trừ,
Usabha đã cắt lười khổ căn.
Upanita, vị chứng an tịnh đạo,
Uposatha, Sundara, Saccanama,
Jeta, Jayanta, Paduma, Uppala và
Padumuttara,
Rakkhita và Pabbata,
Manatthaddha, Sobhita, Vitaraga,

Và Đức Phật Kanha
Với tâm được giải thoát.

Những vị này, vị khác
Là những bậc Độc Giác,
Những bậc Đại Uy Lực,
Đã đoạn nguồn tái sanh.

*Hãy đánh lễ chư vị,
Đại Ân sĩ vô lượng,
Đã thắng mọi chiến trận,
Đã đạt bát Niết-bàn.*

Như vậy, kinh Thôn Tiên trong bộ Kinh Trung Bộ ghi lại việc Thế Tôn xưng danh (xưng tụng) một số đức Phật – trong số năm trăm đức Phật – tu tại những núi được gọi là “thôn tiên” .

Các vị Phật này được gọi là *Độc Giác Phật*, bởi các chư vị đã: *Riêng tự mình chứng đắc, Chánh Đẳng Giác (vô thượng)*.

17.

ĐẠI KINH BỐN MƯƠI
(Mahacattarisakasuttam)
(117)

Có thể, chúng ta đã nghe, đã đọc, đã hiểu về *Thánh đạo Tám ngành* cũng còn gọi là *Bát Chánh Đạo* – thế nhưng, có thể: sự ghe, sự đọc, sự hiểu ấy – chưa thể được gọi là *cận kẽ* – nếu như chưa tiếp cận lời giảng dạy của Thế Tôn trong Đại kinh Bốn Mươi này ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo".

– *"Bạch Thế Tôn".*

– *"Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Thánh chánh định cùng với các cận duyên và các tư trợ. Hãy lắng tai nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng".*

– *"Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Thánh chánh định với các cận duyên và các tư trợ ? Chính là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm. Này các Tỷ-kheo, phàm có nhất tâm nào (ekaggata) được tư trợ với bảy chi phần này, này các Tỷ-kheo, như vậy gọi là Thánh chánh định cùng với các cận duyên và các tư trợ.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào là, các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu ?

Tuệ tri tà kiến là tà kiến, tuệ tri chánh kiến là chánh kiến. Như vậy là chánh kiến của vị ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà kiến ? Không có bố thí, không có cúng dường, không có tế tự, không có quả báo các nghiệp thiện ác, không có đời này, không có đời khác, không có mẹ, không có cha, không có các loại hóa sanh; ở đời không có các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thượng trí tự mình chứng đạt lại tuyên bố lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo là tà kiến.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh kiến ? Chánh kiến này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại. Này các Tỷ-kheo, có loại chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y (*upadhivepakka*); có loại chánh kiến, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi (*magganga*).

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y ?

Có bố thí, có cúng dường, có tế tự, có quả báo các nghiệp thiện ác, có đời này, có đời khác, có mẹ, có cha, có các loại hóa sanh; ở đời có các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thượng trí tự mình chứng đạt đời này và đời khác lại tuyên bố lên. Như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh kiến thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi ? Phàm cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc trí tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, đạo chi của một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm. Chánh kiến như vậy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà kiến, thành tựu chánh kiến; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà kiến, chánh niệm đạt được và an trú chánh kiến; như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh kiến, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu ?

Tuệ tri tà tư duy là tà tư duy, tuệ tri chánh tư duy là chánh tư duy, như vậy là chánh kiến của các vị ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà tư duy ? Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy, này các Tỷ-kheo, như vậy là tà tư duy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tư duy ?

Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại : có loại chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tư duy hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y ? Ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy, như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh tư duy, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh tư duy, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi ?

Phàm cái gì này các Tỷ-kheo thuộc suy tư, tâm cầu, tư duy, một ngữ hành do sự hoàn toàn chú tâm chuyên tâm của một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm; chánh tư duy như vậy, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà tư duy, thành tựu chánh tư duy, như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà tư duy, chánh đạt được và an trú chánh tư duy, như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh tư duy, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo chánh kiến đi hàng đầu ?

Tuệ tri tà ngữ là tà ngữ, tuệ tri chánh ngữ là chánh ngữ; như vậy là chánh kiến của vị ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà ngữ ?

Vọng ngữ, nói hai lưỡi, ác khẩu, nói lời phù phiếm; như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà ngữ. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ ?

Chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại : có loại chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh ngữ, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y ?

Viễn ly vọng ngữ, viễn ly nói hai lưỡi, viễn ly ác khẩu, viễn ly phù phiếm ngữ; như vậy, này các Tỷ-kheo, là chánh ngữ, hữu lậu thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh ngữ thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi ?

Cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly bốn ngữ ác hành, đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuần thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh ngữ, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà ngữ, thành tựu chánh ngữ; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà ngữ, chánh niệm đạt được và an trú chánh ngữ; như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy, ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh ngữ, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu ?

Biết được tà nghiệp là tà nghiệp, biết được chánh nghiệp là chánh nghiệp; như vậy là chánh kiến của vị ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà nghiệp ? Sát sanh, lấy của không cho, tà hạnh trong các dục; như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà nghiệp. Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp ?

Chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại : Có loại chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có loại chánh nghiệp, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp thuộc hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y ?

Viễn ly sát sanh, viễn ly lấy của không cho, viễn ly tà hạnh trong các dục; như vậy, này các Tỷ-kheo, là chánh nghiệp, thuộc hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh nghiệp, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi ?

Cái gì, này các Tỷ-kheo, thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly ba thân ác hành đối với một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỷ-kheo, là chánh nghiệp, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà nghiệp, thành tựu chánh nghiệp; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà nghiệp, chánh niệm đạt được và an trú chánh nghiệp; như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh nghiệp, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu ?

Tuệ tri được tà mạng là tà mạng, tuệ tri được chánh mạng là chánh mạng; như vậy là chánh kiến của vị ấy.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là tà mạng ?

Lừa đảo, nói lời mê ly, hiện tướng, gian trá, lấy lợi cầu lợi; như vậy, này các Tỷ-kheo, là tà mạng.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo, là chánh mạng ?

Chánh mạng, này các Tỷ-kheo, Ta nói có hai loại : có loại chánh mạng, này các Tỷ-kheo, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y; có chánh mạng, này các Tỷ-kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Và thế nào, này các Tỷ-kheo là chánh mạng, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử bỏ tà mạng, nuôi sống với chánh mạng, như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh mạng, hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chánh mạng, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi ?

Cái gì, này các Tỷ-kheo thuộc về từ bỏ, từ đoạn, từ khước, viễn ly tà mạng đối với một vị tu tập Thánh đạo, thuần thực trong Thánh đạo. Có vô lậu tâm, có Hiền Thánh tâm; như vậy, này các Tỷ-kheo là chánh mạng, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi.

Ai tinh tấn đoạn trừ tà mạng, thành tựu chánh mạng; như vậy là chánh tinh tấn của vị ấy. Ai chánh niệm đoạn trừ tà mạng, chánh niệm đạt được và an trú chánh mạng, như vậy là chánh niệm của vị ấy. Như vậy là ba pháp này chạy theo, chạy vòng theo chánh mạng, tức là chánh kiến, chánh tinh tấn, chánh niệm.

Ở đây, này các Tỷ-kheo chánh kiến đi hàng đầu. Và thế nào, này Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu ?

Chánh tư duy, này các Tỷ-kheo, do chánh kiến, được khởi lên.

Chánh ngữ do chánh tư duy được khởi lên.

Chánh nghiệp do chánh tà ngữ được khởi lên.

Chánh mạng do chánh nghiệp được khởi lên.

Chánh tinh tấn do chánh mạng được khởi lên.

Chánh niệm do chánh tinh tấn được khởi lên.

Chánh định do chánh niệm được khởi lên.

Chánh trí do chánh định được khởi lên.

Chánh giải thoát do chánh trí được khởi lên.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, đạo lộ của vị hữu học gồm có tám chi phần và đạo lộ của vị A-la-hán, gồm có mười chi phần.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu. Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, chánh kiến đi hàng đầu ?

Tà kiến này các Tỷ-kheo, do chánh kiến làm cho tiêu diệt.

Và những ác bất thiện pháp được tà kiến duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong vị có chánh kiến.

Và những thiện pháp được chánh kiến duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà tư duy, này các Tỷ-kheo, do chánh tư duy làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp, được tà tư duy duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh tư duy.

Và những thiện pháp được chánh tư duy duyên khởi, các pháp ấy được phát triển trở thành viên mãn.

Tà ngữ, này các Tỷ-kheo, do chánh ngữ làm cho tiêu diệt và những ác bất thiện pháp được tà ngữ duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh ngữ.

Và những thiện pháp được chánh ngữ duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà nghiệp, này các Tỷ-kheo, do chánh nghiệp làm cho tiêu diệt, và những ác bất thiện pháp được tà nghiệp duyên khởi, các pháp ấy bị tiêu diệt trong người có chánh nghiệp.

Và những thiện pháp được chánh nghiệp duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà mạng, này các Tỷ-kheo, do chánh mạng làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà mạng duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh mạng. Và những thiện pháp được chánh mạng duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà tinh tấn, này các Tỷ-kheo, do chánh tinh tấn làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà tinh tấn duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh tinh tấn. Và những thiện pháp sai biệt được khởi lên do duyên chánh tinh tấn, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà niệm, này các Tỷ-kheo, do chánh niệm làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà niệm duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh niệm. Và những thiện pháp được chánh niệm duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà định, này các Tỷ-kheo do chánh định làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà định duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh định. Và những thiện pháp được chánh định duyên khởi, các pháp ấy được tu tập và trở thành viên mãn.

Tà trí, này các Tỷ-kheo, do chánh trí làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà trí duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh trí. Và những thiện pháp được chánh trí duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Tà giải thoát, này các Tỷ-kheo, do chánh giải thoát làm cho tiêu diệt. Và những ác bất thiện pháp được tà giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được tiêu diệt trong người có chánh giải thoát. Và các thiện pháp sai biệt được chánh giải thoát duyên khởi, các pháp ấy được phát triển và trở thành viên mãn.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, có hai mươi thiện phần, hai mươi bất thiện phần. Đại pháp môn Bốn mươi đã được chuyển vận không bị chặn đứng lại bởi một Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên, Ma, Phạm thiên hay một ai ở đời.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi này đáng bị phê bình, đáng bị phỉ báng, thời ngay hiện tại, mười thuận thuyết tùy thuyết hợp pháp được nói lên để chỉ trích người ấy.

Nếu Tôn giả chỉ trích chánh kiến, thời các Sa-môn có tà kiến, các Tôn giả ấy là những vị đáng được cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán. Nếu Tôn giả chỉ trích chánh tư duy, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà tư duy, các Tôn giả ấy là những vị đáng được cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán. Nếu Tôn giả chỉ trích chánh ngữ... chánh nghiệp... chánh mạng... chánh tinh tấn... chánh niệm... chánh định... chánh trí... Nếu Tôn giả chỉ trích chánh giải thoát, thời các Sa-môn, Bà-la-môn có tà giải thoát, các Tôn giả ấy là những vị đáng được cúng dường, các Tôn giả ấy là những vị đáng được tán thán.

Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn nào, này các Tỷ-kheo, nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi này đáng bị phê bình, đáng bị phỉ báng, thời ngay hiện tại, mười thuận thuyết hợp pháp được nói lên để chỉ trích người ấy.

Này các Tỷ-kheo, cho đến các dân chúng ở Ukkala và dân chúng Vassa, dân chúng Bhanna theo vô nhân luận, theo vô tác luận, theo hư vô luận, những vị ấy cũng không nghĩ rằng đại pháp môn Bốn mươi đáng chỉ trích, đáng bị phỉ báng. Vì sao vậy ? Vì sợ quả trách, phần nô, công kích.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, Đại kinh Bốn Mươi trong bộ Kinh Trung Bộ là lời giảng dạy của Thế Tôn hết sức cặn kẽ về *Thánh đạo Tám ngành* cũng còn gọi là *Bát Chánh Đạo*.

Với vị hữu học thì đạo lộ gồm có tám chi phần (Bát Chánh Đạo)

Nhưng với bậc A-la-Hán thì đạo lộ gồm có mười chi phần, đó là *Bát Chánh Đạo* và hai chi phần nữa là: *Chánh trí (do chánh định được khởi lên)* và *Chánh giải thoát (do chánh trí được khởi lên)*.

Với những tài liệu, sách vở ... thậm chí đâu đó trong website ChuàNet này, nếu như có những giải thích về *Thánh đạo Tám ngành* chưa thỏa đáng, thậm chí một vài chỗ sai – so với những gì Thế Tôn đã giảng dạy trong Đại kinh Bốn Mươi này – thì xem đây là những lời xin lỗi, đồng thời xin “đính chính” sửa lại cho đúng vậy.

18.
KINH NHẬP TỨC XUẤT TỨC NIỆM
(Anapanasatisuttam)
(118)

Một lần nữa, thiên quán được đề cập lại một cách đầy đủ hơn trong kinh Nhập Tức Xuất Tức Niệm. Trong kinh Niệm Xứ (*Tứ niệm xứ*) – Tập một, vấn đề này đã được đề cập, ở đây sẽ tìm được thêm những ý mới mẻ nhằm bổ sung cho kinh Niệm Xứ vậy ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Đông Viên (Pubbarama), giảng đường Lộc Mẫu (Migaramatupasade), cùng với rất nhiều Thượng tọa có thời danh, có danh xưng... như Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất), Tôn giả Mahamoggallana (Đại Mục-kiền-liên), Tôn giả Mahakaccayana (Đại Ca-chiên-diên), Tôn giả Mahakotthita (Đại Câu-hy-la), Tôn giả Mahakappina (Đại Kiếp-tân-na), Tôn giả Mahacunda (Đại Thuần-đà), Tôn giả Anuruddha (A-na-luật), Tôn giả Revata (Ly-bà-đa) và Tôn giả Ananda (A-nan), cùng với nhiều bậc Thượng tọa đệ tử khác có thời danh, có danh xưng. Lúc bảy giờ, các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy các tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy mười tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy hai mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ba mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy bốn mươi tân Tỷ-kheo. Và các tân Tỷ-kheo được các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ý thức rõ ràng những quả vị cao diệu, tiêm thứ, thù thắng đã chứng đạt. Lúc bảy giờ Thế Tôn, vào ngày Bố-tát, ngày rằm, vào đêm trăng tròn sau ngày Tụ tứ, đang ngồi giữa trời với chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Thế Tôn nhìn quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng, rồi bảo các Tỷ-kheo :

– Ta được thỏa mãn, này các Tỷ-kheo, với đạo lộ này. Tâm ta được thỏa mãn, này các Tỷ-kheo, với đạo lộ này. Do vậy, này các Tỷ-kheo, hãy tinh tấn hơn nữa, để chứng đạt những gì chưa chứng đạt, để chứng đắc những gì chưa chứng đắc, để chứng ngộ những gì chưa chứng ngộ. Ta sẽ ở đây, tại Savatthi cho đến tháng tư, lễ Komudi.

Những Tỷ-kheo địa phương được nghe: "Thế Tôn sẽ ở đây, tại Savatthi, cho đến tháng tư, lễ Komudi". Các Tỷ-kheo địa phương tụ họp tại Savatthi để yết kiến Thế Tôn.

Và các Thượng tọa Tỷ-kheo lại càng khuyến giáo, giảng dạy các tân Tỷ-kheo nhiều hơn nữa. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy mười tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy hai mươi tân Tỷ-kheo, Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ba mươi tân Tỷ-kheo. Một số Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy bốn mươi tân Tỷ-kheo. Và những tân Tỷ-kheo được các Thượng tọa Tỷ-kheo khuyến giáo, giảng dạy ý thức rõ ràng những quả vị cao diệu, tiếm thú, thù thắng đã chứng đạt. Lúc bảy giờ Thế Tôn vào ngày Bố-tát, ngày rằm, vào đêm trăng tròn, ngày lễ Komudi vào tháng tư, Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, chung quanh có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Thế Tôn sau khi nhìn xung quanh chúng Tỷ-kheo đang yên lặng, hết sức yên lặng liền bảo các Tỷ-kheo:

– Hội chúng này, này các Tỷ-kheo, không có lời thừa thãi. Hội chúng này, này các Tỷ-kheo, không có lời dư thừa, đã được an trú trong lối cây thanh tịnh. Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo là một hội chúng đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là phước điền vô thượng ở đời. Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng bố thí ít, được (phước báo) nhiều, bố thí nhiều, càng được (phước báo) nhiều; hơn nữa. Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng khó thấy ở đời. Chúng Tỷ-kheo như thế này, này các Tỷ-kheo, hội chúng như thế này, này các Tỷ-kheo, là một hội chúng xứng đáng đi nhiều do tuần (yojana) với một bao lương thực trên vai để đến yết kiến. Chúng Tỷ-kheo này là như vậy, này các Tỷ-kheo; hội chúng này là như vậy, này các Tỷ-kheo. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những A-la-hán, các lậu hoặc đã đoạn trừ, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, gánh nặng đã đặt xuống, mục đích đã thành đạt, hữu kiết sử đã được đoạn tận, được giải thoát nhờ chánh trí. Này các Tỷ-kheo, có những bậc Tỷ-kheo như vậy trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, từ ở đây được nhập Niết-bàn, không còn phải trở lại đời này nữa. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, này có những Tỷ-kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, đã làm cho muội lực tham, sân, si, là bậc Nhất lai, sau khi sanh vào đời này một lần nữa, sẽ đoạn tận khổ đau. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo, có những Tỷ-kheo đã đoạn trừ ba kiết sử, là bậc Dự lưu,

không còn đọa vào ác đạo, chắc chắn sẽ được giác ngộ. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập bốn niệm xứ. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập bốn chánh căn. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong hội chúng này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bốn như ý túc. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập năm căn. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập năm lực. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bảy giác chi. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập Thánh đạo tám ngành. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập từ (tâm). Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bi (tâm). Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập hỷ (tâm). Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập xả (tâm). Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo, sống chuyên tâm, chú tâm tu tập bất tịnh. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập vô thường tưởng. Các bậc Tỷ-kheo như vậy, này các Tỷ-kheo, có mặt trong chúng Tỷ-kheo này. Này các Tỷ-kheo, trong chúng Tỷ-kheo này, có những Tỷ-kheo sống chuyên tâm, chú tâm tu tập nhập tức xuất tức niệm.

Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, công đức lớn. Nhập tức xuất tức niệm, được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn. Bốn niệm xứ được tu tập, làm cho

sung mãn, khiến cho bảy giác chi được viên mãn. Bảy giác chi được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho mình giải thoát (vijjavimutti) được viên mãn.

Và này các Tỷ-kheo, như thế tu tập nhập tức xuất tức niệm ? Như thế nào làm cho sung mãn ? Như thế nào là quả lớn, công đức lớn ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống, và ngôi kiết-già, lưng thẳng và trú niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thờ vô; chánh niệm, vị ấy thờ ra.

Thờ vô dài, vị ấy biết : "Tôi thờ vô dài".

Hay thờ ra dài, vị ấy biết : "Tôi thờ ra dài".

Hay thờ vô ngắn, vị ấy biết : "Tôi thờ vô ngắn".

Hay thờ ra ngắn, vị ấy biết : "Tôi thờ ra ngắn".

"Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"An tịnh thân hành, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"An tịnh thân hành, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"An tịnh tâm hành, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"An tịnh tâm hành, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Cảm giác về tâm, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Cảm giác về tâm, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Với tâm hân hoan, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Với tâm hân hoan, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Với tâm định tĩnh, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Với tâm giải thoát, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Với tâm giải thoát, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Quán vô thường, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Quán vô thường, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Quán ly tham, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Quán ly tham, tôi sẽ thờ ra", vị ấy tập.

"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thờ vô", vị ấy tập.

"Quán đoạn diệt, tôi sẽ thờ ra, vị ấy tập.

"Quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập.
"Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, tu tập như vậy, làm cho sung mãn như vậy, được quả lớn, được công đức lớn.

Và như thế nào, này các Tỷ-kheo, là nhập tức xuất tức niệm được tu tập ? Như thế nào, làm cho sung mãn, khiến bốn niệm xứ được viên mãn ?

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thở vô dài, vị ấy biết : "Tôi thở vô dài". Hay khi thở ra dài, vị ấy biết "Tôi thở ra dài". Hay thở vô ngắn, vị ấy biết : "Tôi thở vô ngắn". Hay khi thở ra ngắn, vị ấy biết : "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi tùy quán thân trên thân, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đối với các thân, Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra. Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, vị Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo nghĩ : "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác hỷ thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác lạc thọ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh tâm hành tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi tùy quán thọ trên các thọ, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, đối với các cảm thọ, Ta nói đây là một, tức là thở vô thở ra.

Do vậy này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thọ trên các cảm thọ, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghĩ : "Cảm giác tâm, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác tâm, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở vô", vị ấy tu tập. "Với tâm hân hoan, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm Thiên định, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm Thiên định, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Với tâm giải thoát, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi tùy quán tâm trên tâm, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời. Này các Tỷ-kheo, sự tu tập nhập tức xuất tức niệm không thể đến với kẻ thất niệm, không có tỉnh giác.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán tâm trên tâm, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời.

Khi nào này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo nghĩ : "Quán vô thường, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán vô thường, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. "Quán ly tham.... quán đoạn diệt... quán từ bỏ, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Quán từ bỏ, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập.

Trong khi tùy quán trên các pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo an trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Vị ấy, do đoạn trừ tham ưu, sau khi thấy với trí tuệ, khéo nhìn (sự vật) với niệm xả ly. Do vậy, này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, được tu tập như vậy được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn.

Và bốn niệm xứ, này các Tỷ-kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho bảy giác chi được viên mãn ?

Này các Tỷ-kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, Tỷ-kheo trú, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời, trong khi ấy, niệm không hôn mê của vị ấy được an trú. Trong khi niệm không hôn mê của vị ấy cũng được an trú, này các Tỷ-kheo, trong khi ấy niệm giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỷ-kheo, trong khi ấy, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi. Trong khi ấy niệm giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Này các Tỷ-kheo, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thâm sát pháp ấy.

Này các Tỷ-kheo, trong khi trú với chánh niệm như vậy, Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thâm sát pháp ấy, trong khi ấy trạch pháp giác chi được bắt đầu khởi lên, với Tỷ-kheo. Trong khi ấy, Tỷ-kheo tu tập trạch pháp giác chi. Trong khi ấy trạch pháp giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn. Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thâm sát pháp ấy, sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với vị Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thâm sát pháp ấy, trong khi ấy sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với Tỷ-kheo ấy. Trong khi ấy tinh tấn giác chi được bắt đầu khởi lên với Tỷ-kheo. Trong khi ấy Tỷ-kheo tu tập

ting tấn giác chi. Trong khi ấy, ting tấn giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn.

Hỷ không liên hệ đến vật chất được khởi lên nơi vị ting tấn ting cần. Nay các Tỷ-kheo, trong khi hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên nơi Tỷ-kheo ting tấn ting cần, trong khi ấy hỷ giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy hỷ giác chi được vị Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy hỷ giác chi được Tỷ-kheo tu tập đi đến viên mãn.

Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy, khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy, khinh an giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.

Một vị có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy định giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy định giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy định giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.

Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly, trong khi ấy xả giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy xả giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy xả giác chi được Tỷ-kheo làm cho đến sung mãn.

Nay các Tỷ-kheo, trong khi quán thọ trên các cảm thọ... (như trên)... quán tâm trên tâm... (như trên)... quán pháp trên các pháp, Tỷ-kheo an trú, nhiệt tâm, ting giác, chánh niệm với mục đích điều phục tham ưu ở đời, trong khi ấy niệm của vị ấy được an trú, không có hôn mê. Nay các Tỷ-kheo, trong khi niệm của Tỷ-kheo được an trú, không có hôn mê, niệm giác chi trong khi ấy được bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Niệm giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập. Niệm giác chi trong khi ấy, được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy an trú với chánh niệm như vậy, suy tư, tư duy, thâm sát pháp ấy với trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, trong khi an trú với chánh niệm như vậy, vị ấy suy tư, tư duy, thâm sát pháp ấy với trí tuệ. Trạch pháp giác chi trong khi ấy được bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trạch pháp giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập. Trạch pháp giác chi trong khi ấy đi đến sung mãn, ting tấn không thụ động bắt đầu khởi lên nơi vị ấy. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo suy tư, tư duy, thâm sát pháp ấy với trí tuệ, và ting tấn không thụ động bắt đầu

khởi lên nơi vị ấy, tinh tấn giác chi trong khi ấy bắt đầu khởi lên nơi vị Tỷ-kheo. Tinh tấn giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Tinh tấn giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Đối với vị ấy tinh cần tinh tấn, hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo tinh cần tinh tấn và hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên, hỷ giác chi trong khi ấy bắt đầu được khởi lên nơi Tỷ-kheo. Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo tu tập. Hỷ giác chi trong khi ấy được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với ý hoan hỷ được thân khinh an, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy khinh an giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy khinh an giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy khinh an giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Một vị có tâm khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh. Nay các Tỷ-kheo, trong khi vị ấy có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy định giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy định giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy định giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy với tâm định tĩnh như vậy khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly. Nay các Tỷ-kheo, trong khi Tỷ-kheo với tâm định tĩnh như vậy, khéo nhìn (sự vật) với ý niệm xả ly, trong khi ấy xả giác chi bắt đầu khởi lên nơi Tỷ-kheo. Trong khi ấy xả giác chi được Tỷ-kheo tu tập. Trong khi ấy xả giác chi được Tỷ-kheo làm cho đi đến sung mãn.

Này các Tỷ-kheo, bốn niệm xứ được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy khiến cho bảy giác chi được sung mãn.

Và này các Tỷ-kheo, bảy giác chi tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, khiến cho mình giải thoát được viên mãn.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly; tu tập trạch pháp giác chi... (như trên)... tu tập tinh tấn giác chi... (như trên)... tu tập hỷ giác chi... (như trên)... tu tập khinh an giác chi... (như trên)... tu tập định giác chi... (như trên)... tu tập xả giác chi, liên hệ đến viễn ly, liên hệ đến ly tham, liên hệ đến diệt, hướng đến xả ly.

Này các Tỷ-kheo, bảy giác chi được tu tập như vậy, được làm cho sung mãn như vậy, khiến cho mình giải thoát được viên mãn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Nhập Túc Xuất Túc Niệm trong bộ Kinh Trung Bộ, một lần nữa, thiền quán lại được đề cập.

Trong kinh Niệm Xứ (*Tứ niệm xứ*) – Tập một, vấn đề này đã được đề cập, ở đây sẽ tìm được thêm những ý mới mẻ nhằm bổ sung cho kinh Niệm Xứ vậy .

19.
KINH THÂN HÀNH NIỆM
(Kayagatasatisuttam)
(119)

Làm sao để nhanh chóng tu tập chúng và an trú *Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ Tư* ? Thế Tôn đã chỉ dạy rất cụ thể, rất dễ hiểu trong kinh Thân Hành Niệm này ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một số đông Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về, đang ngồi tụ họp trong hội trường, câu chuyện này được khởi lên giữa chúng Tăng:

– Thật vi diệu thay, chư Hiền giả ! Thật hy hữu thay, chư Hiền giả ! Thân hành niệm, khi được tu tập và làm cho sung mãn, có được quả lớn, có được công đức lớn, như đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Và câu chuyện này giữa các Tỷ-kheo ấy đã bị gián đoạn.

Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiện tịnh độc cư đứng dậy, đi đến hội trường, sau khi đến ngồi lên chỗ soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo :

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, các Ông hiện nay đang ngồi bàn vấn đề gì ? Câu chuyện gì của các Ông bị gián đoạn ?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, sau khi ăn xong, sau khi đi khát thực trở về, chúng con ngồi tụ họp tại hội trường, và câu chuyện sau này được khởi lên: "Thật vi diệu thay, chư Hiền giả ! Thật hy hữu thay, chư Hiền giả ! Thân hành niệm này được tu tập, được làm cho sung mãn, có quả lớn, có công đức lớn, đã được Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố". Bạch Thế Tôn, câu chuyện này của chúng con chưa bàn xong thời Thế Tôn đến.

– Và này các Tỷ-kheo, thân hành niệm tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào, có quả lớn, có công đức lớn ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến ngôi nhà trống và ngôi kiết-già, lưng thẳng và an trú chánh niệm trước mặt. Chánh niệm, vị ấy thờ vô. Chánh niệm, vị ấy thờ ra. Hay thờ vô dài, vị ấy biết : "Tôi thờ

vô dài". Hay thở ra dài vị ấy biết: "Tôi thở ra dài". Hay thở vô ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở vô ngắn". Hay thở ra ngắn, vị ấy biết: "Tôi thở ra ngắn". "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "Cảm giác cả toàn thân, tôi sẽ thở ra". An tịnh thân hành, tôi sẽ thở vô", vị ấy tập. "An tịnh thân hành, tôi sẽ thở ra", vị ấy tập. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đi, biết rằng: "Tôi đi". Hay đứng, biết rằng: "Tôi đứng". Hay ngồi, biết rằng: "Tôi ngồi". Hay nằm, biết rằng: "Tôi nằm". Thân thể được sử dụng như thế nào, vị ấy biết thân thể như thế ấy. Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo khi bước tới, bước lui biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới ngó lui biết rõ việc mình đang làm; khi co tay, khi duỗi tay, biết rõ việc mình đang làm; khi mang áo tăng-già-lê (sanghati), mang bát, mang y, biết rõ việc mình đang làm; khi ăn, uống, nhai, nếm, biết rõ việc mình đang làm; khi đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng biết rõ việc mình đang làm.

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này, dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đánh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt: "Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, thận, tủy, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đàm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu".

Này các Tỷ-kheo, cũng như một bao đồ, hai đầu trổng đựng đầy các loại hạt như gạo, lúa, đậu xanh, đậu lớn, mè, gạo đã xay rồi. Một người có mắt, đổ các hạt ấy ra và quán sát: "Đây là hạt gạo, đây là hạt lúa, đây là đậu xanh, đây là đậu lớn, đây là mè, đây là hạt lúa đã xay rồi".

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo quán sát thân này dưới từ bàn chân trở lên, trên cho đến đánh tóc, bao bọc bởi da và chứa đầy những vật bất tịnh sai biệt:

‘Trong thân này, đây là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mủ, nước ở khớp xương, nước tiểu’.
Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát thân này về các vị trí các giới và sự sắp đặt các giới : "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại, và phong đại".
Này các Tỷ-kheo, như một người đồ tể thiện xảo, hay đệ tử của một người đồ tể giết một con bò, ngồi cắt chia từng thân phần tại ngã tư đường; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo quán sát thân này về vị trí các giới và về sự sắp đặt các giới : "Trong thân này có địa đại, thủy đại, hỏa đại và phong đại".

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa một ngày, hai ngày, ba ngày, thi thể ấy trương phồng lên, xanh đen lại, nát thối ra; Tỷ-kheo quán thân ấy như sau : "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy".

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa bị các loài quạ ăn, hay bị các loài điều hâu ăn, hay bị các chim kên ăn, hay bị các loài chó ăn, hay bị các loài giả can ăn, hay bị các loài côn trùng ăn; Tỷ-kheo quán thân ấy như sau : "Thân này tánh chất là như vậy, bản chất là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy".

Trong khi vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, các niệm và tư duy thuộc về thế tục được đoạn trừ. Nhờ đoạn trừ các pháp ấy, nội tâm được an trú, an

tọa, chuyên nhất, định tĩnh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể bị quăng bỏ trong nghĩa địa, với các bộ xương còn liên kết với nhau, còn dính thịt và máu, còn được các đường gân cột lại... với các bộ xương còn liên kết với nhau, không còn dính thịt nhưng còn dính máu, còn được các đường gân cột lại... chỉ còn có xương không dính lại với nhau, rải rác chỗ này chỗ kia. Ở đây là xương tay, ở đây là xương chân, ở đây là xương ống, ở đây là xương bắp vế, ở đây là xương hông, ở đây là xương sống, ở đây là xương đầu; Tỷ-kheo quán thân ấy như sau : "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy". Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên).. Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như thấy một thi thể quăng bỏ trong nghĩa địa, chỉ còn toàn xương trắng màu vỏ ốc... chỉ còn một đống xương lâu hơn một năm... chỉ còn là xương thối trở thành bột; Tỷ-kheo quán thân ấy như sau : "Thân này tánh chất là như vậy, bản tánh là như vậy, không vượt khỏi bản chất ấy". Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên).. Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly ác pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm và tứ. Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, như một người hầu tắm lão luyện hay đệ tử người hầu tắm; sau khi rắc bột tắm trong thau bằng đồng, liền nhồi bột ấy với nước, cục bột tắm ấy được thấm nhuần nước ướt, trào trộn với nước ướt, thấm ướt cả trong lẫn ngoài với nước, nhưng không chảy thành giọt. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do ly dục sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do ly dục sanh ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật.. (như trên) ... Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy diệt tâm và tứ, chứng và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Tỷ-kheo ấy thấm nhuần, tâm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, ví như một hồ nước, nước tự trong dâng lên, phương Đông không có lỗ nước chảy ra, phương Tây không có lỗ nước chảy ra, phương Bắc không có lỗ nước chảy ra, phương Nam không có lỗ nước chảy ra và thỉnh thoảng trời lại mưa lớn. Suối nước mát từ hồ nước ấy phun ra thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy hồ nước ấy, với nước mát lạnh, không một chỗ nào của hồ nước ấy không được nước mát lạnh thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với hỷ lạc do định sanh, không một chỗ nào trên toàn thân, không được hỷ lạc do định sanh ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống không phóng dật... (như trên)... Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là "Xả niệm lạc trú", chứng và an trú Thiền thứ ba. Tỷ-kheo, thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân, không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Như vậy, Tỷ-kheo an trú không phóng dật... (như trên)... Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Này các Tỷ-kheo, ví như trong hồ sen xanh, hồ sen hồng, hồ sen trắng, có những sen xanh, sen hồng hay sen trắng. Những bông sen ấy sanh trong nước, lớn lên trong nước, không vượt khỏi nước, nuôi sống dưới nước, từ đầu ngọn cho đến gốc rễ đều thấm nhuần, tắm ướt, đầy tràn thấu suốt bởi nước mát lạnh ấy, không một chỗ nào của toàn thể sen xanh, sen hồng hay sen trắng không được nước mát lạnh ấy thấm nhuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo thấm nhuần, tắm ướt, làm cho sung mãn, tràn đầy thân mình với lạc thọ không có hỷ ấy, không một chỗ nào trên toàn thân không được lạc thọ không có hỷ ấy thấm nhuần. Như vậy Tỷ-kheo an trú không phóng dật... (như trên)... Tỷ-kheo, tu tập thân hành niệm.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo, xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và an trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Tỷ-kheo ấy ngồi, thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần.

Này các Tỷ-kheo, ví như một người ngồi, dùng tấm vải trắng trùm đầu, không một chỗ nào trên toàn thân không được vải trắng ấy che thấu; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngồi thấm nhuần toàn thân mình với tâm thuần tịnh, trong sáng, không một chỗ nào trên toàn thân không được tâm thuần tịnh trong sáng ấy thấm nhuần. Trong khi vị ấy sống an trú không phóng dật... (như trên)... Tỷ-kheo tu tập thân hành niệm.

Này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập, làm cho sung mãn thân hành niệm, các thiện pháp của vị ấy đi vào nội tâm (antogadha ?) đều thuộc về minh phần (vijjabhagiya). Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn của ai được thấm nhuần bởi tâm, thì các con sông của vị ấy đi vào trong biển, đều thuộc về biển lớn; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập làm cho sung mãn thân hành niệm, các thiện pháp của vị ấy đi vào nội tâm, đều thuộc về minh phần. Này các Tỷ-kheo, đối với Tỷ-kheo nào không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, thì Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy. Ví như này các Tỷ-kheo, có người quăng một hòn đá nặng vào một đồng đất sét ướt nhuyễn, này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Có phải hòn đá nặng ấy có cơ hội (lún sâu) vào đồng đất sét ướt nhuyễn ấy ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một cây khô không có nhựa, có người đến cầm phần phía trên của đồ quay lửa và nói : "Tôi sẽ làm cho ngọn lửa sanh ra, tôi sẽ làm cho sức nóng hiện lên". Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Người ấy mang đến phần phía trên của đồ quay lửa, quay với cành cây khô không có nhựa ấy, người ấy có làm cho ngọn lửa sanh ra, có làm cho sức nóng hiện lên không ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với ai không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với người ấy, Ma (vương) có cơ duyên với người ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một bình nước, trống rỗng, trống không, được đặt trên cái giá, có một người đi đến, mang theo đầy nước. Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Người ấy có thể đổ nước (vào bình) không ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị nào không tu tập thân hành niệm, không làm cho sung mãn, Ma (vương) có cơ hội với vị ấy, Ma (vương) có cơ duyên với vị ấy. Này các Tỷ-kheo, vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội với vị ấy. Ma (vương) không có duyên với vị ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, có người quăng một trái banh dây nhẹ vào một cánh cửa làm hoàn toàn

bằng lõi cây. Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Trái banh dây nhẹ ấy có cơ hội đối với cánh cửa làm hoàn toàn bằng lõi cây không ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với vị ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với vị ấy. Ví như, nay các Tỷ-kheo, một cây ươi có nhựa, rồi một người đi đến mang theo phần trên đồ quay lửa và nói : "Tôi sẽ làm cho lửa sinh ra, tôi sẽ làm cho hơi nóng hiện lên". Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Người ấy mang theo phần trên đồ quay lửa, quay với các cây ươi và có nhựa, có thể làm cho lửa sanh ra, làm cho hơi nóng hiện lên được không ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, đối với vị nào có tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với vị ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với vị ấy. Ví như, nay các Tỷ-kheo, một bình nước đầy tràn nước đến nỗi con quạ có thể uống được, được đặt trên cái giá, rồi có người đi đến, mang theo đầy nước. Nay các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Người ấy có thể đổ được nước vào (bình ấy) không ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, Ma (vương) không có cơ hội đối với người ấy, Ma (vương) không có cơ duyên đối với người ấy.

Nay các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt đạt được sự tinh xảo, (của pháp ấy) dầu thuộc giới xứ nào (sati sati ayatane). Ví như, nay các Tỷ-kheo, một bình đầy tràn nước đến nỗi con quạ có thể uống được, được đặt trên cái giá và có người lực sĩ đến và lắc qua lắc lại cái bình ấy, như vậy nước có thể trào ra ngoài không ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt đạt được sự tinh xảo (của pháp ấy) dầu thuộc

giới xứ nào. Ví như có một hồ nước trên một miếng đất bằng, bốn phía có đê đắp làm cho vững chắc, và tràn đầy nước đến nỗi con quạ có thể uống được. Rồi có người lực sĩ đến và phá một khúc đê, nước có thể tràn ra ngoài không ?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo (của pháp ấy) dầu thuộc giới xứ nào. Ví như, này các Tỷ-kheo, trên đất bằng tại chỗ ngã tư có một chiếc xe đậu, thắng với những con ngựa thuần thục, có roi ngựa đặt ngang sẵn sàng, có người mã thuật sư thiện xảo, người đánh xe điều ngự các con ngựa đáng được điều ngự, leo lên xe ấy, tay trái nắm dây cương, tay mặt cầm lấy roi ngựa, có thể đánh xe ngựa ấy đi tới đi lui, tại chỗ nào và như thế nào theo ý mình muốn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, đối với vị nào tu tập thân hành niệm, làm cho sung mãn, vị ấy hướng tâm đã được chứng ngộ nhờ thắng trí đến pháp nào cần phải chứng ngộ nhờ thắng trí, vị ấy đối mặt được sự tinh xảo (của pháp ấy), dầu thuộc giới xứ nào.

Này các Tỷ-kheo, thân hành niệm được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như thành cỗ xe, được làm như thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành, thời mười công đức này có thể được mong đợi. Thế nào là mười ?

Lạc bất lạc được nhiếp phục, và bất lạc không nhiếp phục vị ấy, và vị ấy sống luôn luôn nhiếp phục bất lạc được khởi lên;

Khiếp đảm sợ hãi được nhiếp phục, và khiếp đảm sợ hãi không nhiếp phục vị ấy, và vị ấy luôn luôn nhiếp phục khiếp đảm sợ hãi được khởi lên.

Vị ấy kham nhẫn được lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của ruồi, muỗi, gió, mặt trời, các loài rắn rết, các cách nói khó chịu, khó chấp nhận.

Vị ấy có khả năng chịu đựng được những cảm thọ về thân khởi lên, khổ đau, nhói đau, thô bạo, chói đau, bất khả ý, bất khả ái, đưa đến chết điếng.

Tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, vị ấy chứng được bốn Thiên, thuần túy tâm tư, hiện tại lạc trú.

Vị ấy chứng được các loại thân thông, một thân hiện ra nhiều thân, nhiều thân hiện một thân; hiện hình biến đi ngang qua vách, qua tường, qua núi như đi ngang hư không; độn thổ trôi lên ngang qua đất liền như ở trong nước; đi trên nước không chìm như đi trên đất liền; ngôi kiết-già đi trên hư không như con chim; với bàn tay, chạm và sờ mặt trăng và mặt trời, những vật có đại oai lực, đại oai thân

như vậy; có thể, thân có thần thông bay cho đến Phạm thiên; với thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, có thể nghe hai loại tiếng, chư Thiên và loài Người, ở xa hay ở gần. Với tâm của vị ấy, vị ấy biết tâm của các chúng sanh, các loại người; tâm có tham, biết tâm có tham; tâm không tham, biết tâm không tham; tâm có sân, biết tâm có sân; tâm không sân, biết tâm không sân; tâm có si, biết tâm có si; tâm không si, biết tâm không si; tâm chuyên chú, biết tâm chuyên chú; tâm tán loạn, biết tâm tán loạn; tâm đại hành, biết tâm đại hành; tâm không đại hành, biết tâm không đại hành; tâm chưa vô thượng, biết tâm chưa vô thượng; tâm vô thượng, biết tâm vô thượng; tâm Thiên định, biết tâm Thiên định; tâm không Thiên định, biết tâm không Thiên định; tâm giải thoát, biết tâm giải thoát; tâm không giải thoát, biết tâm không giải thoát.

Vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời... vị ấy nhớ đến các đời sống quá khứ với các nét đại cương và các chi tiết.

Với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, vị ấy thấy sự sống và sự chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ.

Với sự diệt trừ các lậu hoặc, sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, vị ấy chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại, tâm giải thoát, tuệ giải thoát không có lậu hoặc.

Này các Tỷ-kheo, thân hành niệm được thực hành, được tu tập, được làm cho sung mãn, được làm như cỗ xe, được làm như thành căn cứ địa, được làm cho kiên trì, được làm cho tích tập, được khéo tinh cần thực hành, thời mười công đức này có thể mong đợi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Thân Hành Niệm trong bộ Kinh Trung Bộ ghi lại lời dạy của Thế Tôn rất cụ thể, mạch lạc, dễ hiểu về phương pháp thực hành nhằm chứng và an trú Thiên thứ nhất, Thiên thứ hai, Thiên thứ ba, Thiên thứ Tư ...

Qua đây, Thế Tôn cũng nhắc đi nhắc lại nhiều lần: Nếu như không nỗ lực, tinh tấn hành trì tu tập – sẽ là cơ hội, là cái duyên đối với Ma Vương vậy.

20.

KINH HÀNH SANH

(Sankharuppatissuttam)

(120)

Muốn tái sanh ở đâu ? Mỹ, Nhật, Anh, Thụy sỹ ... hay ở cõi trời (*Thiên đàng*) ... hay không muốn tái sinh ở bất kỳ chốn nào ? Thế Tôn trả lời rất rõ trong kinh Hành Sanh này ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

"Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông sự tái sanh do hành đưa lại. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ. Ta sẽ giảng".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn (suta), đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy nghĩ như sau : "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Sát đế lỵ !" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy nghĩ : "Mong rằng, sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú trong đại gia tộc Bà-la-môn !... hay trong đại gia tộc cú sĩ !" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy. Này các Tỷ-kheo, đây là đạo, đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Bốn Đại Thiên vương có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ: "Mong rằng sau khi thân hoại mạng

chung, ta được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi trời Tứ thiên !" Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy. Những hành ấy của Tỷ-kheo được an trú, tu tập, ... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Chư Thiên Tavatimsa (Tam thập tam thiên)... , chư Thiên Yama (Đạ-ma)..., chư Thiên Tusita (Đâu-suất-đà)..., chư Thiên Nimmanarati (Hóa Lạc)..., chư Thiên Paramimmitavasavatti (Tha Hóa Tự Tại) có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Vị ấy nghĩ : "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư Thiên ở Tha Hóa Tự Tại Thiên !" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ"... Này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thắm nhuận biến mãn một ngàn thế giới. Và vị ấy sống thắm nhuận, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm một trái amanda (a-ma-lặc) trong tay và nhìn trái ấy; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ngàn Phạm thiên sống thắm nhuận, biến mãn một ngàn thế giới . Và vị ấy sống thắm nhuận, biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Vị ấy nghĩ : "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với ngàn Phạm thiên !" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín..., đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Hai ngàn Phạm thiên giới... ba ngàn Phạm thiên.. bốn ngàn Phạm thiên... năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thắm nhuận, biến mãn năm ngàn thế giới. Và vị ấy sống thắm nhuận biến mãn các chúng sanh được sanh lên thế giới ấy. Ví như này các Tỷ-kheo, một người có mắt cầm năm trái amanda (a-ma-lặc) trong tay và nhìn các trái ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, năm ngàn Phạm thiên sống thắm nhuận, biến mãn năm ngàn thế giới. Và vị ấy sống thắm nhuận biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy". Vị ấy nghĩ : "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ được sanh cộng trú với năm ngàn Phạm thiên !" Vị ấy chuyên định tâm ấy.... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... giới... văn... thí... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Mười ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Này các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên giới thắm nhuận biến mãn

mười ngàn thế giới. Vị ấy sống thắm nhuần biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hòn lưu ly bảo châu, đẹp đẽ trong suốt, có tám mặt, khéo dũa, khéo mài, đặt trên một tấm nệm màu lạt, sẽ chiếu sáng, sáng chói; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, mười ngàn Phạm thiên sống thắm nhuần, biến mãn mười ngàn thế giới ấy. Vị ấy nghĩ : "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với mười ngàn Phạm thiên !" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Trăm ngàn Phạm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Này các Tỷ-kheo, trăm ngàn Phạm thiên, sống thắm nhuần, biến mãn trăm ngàn thế giới... Vị ấy cũng thắm nhuần, biến mãn các chúng sanh được sanh lên các thế giới ấy. Ví như một đồ trang sức làm bằng vàng ròng (jambonada), được khéo tô luyện trong lò của một thợ vàng thiện xảo, nếu được đặt trên một tấm màn màu lạt sẽ chiếu sáng, rực sáng, chói sáng; cũng vậy này các Tỷ-kheo, trăm ngàn Phạm thiên an trú thắm nhuần biến mãn trăm ngàn thế giới... Vị ấy nghĩ : "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với trăm ngàn Phạm thiên !" Vị ấy chuyên định tâm ấy... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Chư Quang thiên... Thiếu Quang thiên, Vô Lượng Quang thiên... Quang Âm thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ : "Mong rằng ta.. ".... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Chư Tịnh thiên.... Thiếu Tịnh thiên... Vô lượng Tịnh thiên... Biến Tịnh thiên có thọ mạng lâu dài, có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ : "Mong rằng ta.. " . , đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Quảng Quả thiên... Vô Phiền thiên... Vô Nhiệt thiên... Thiện Kiến thiên.. A-ca-ni-sa thiên có thọ mạng lâu dài có mỹ tướng, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ : "Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta được sanh cộng trú với chư A-ca-ni-sa-thiên". Vị ấy chuyên định tâm ấy.... đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Chư Thiên đã đạt được Hư không vô biên xứ, có thọ mạng lâu dài, cửu trú, có nhiều lạc thọ". Vị ấy nghĩ : "Mong rằng ta.. " , đưa đến tái sanh chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy được nghe : "Chư Thiên đã đạt được Thức vô biên xứ... đã được Vô sở hữu xứ.. đã đạt được Phi tướng phi phi tướng xứ có thọ mạng lâu dài, cứu trú, có nhiều lạc thọ" Vị ấy nghĩ : "Mong rằng ta.. "... , đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ tín... đầy đủ trí tuệ. Vị ấy nghĩ : "Mong rằng, với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, ta chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu !" Vị ấy với sự đoạn trừ các lậu hoặc, với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại tâm giải thoát, tuệ giải thoát vô lậu. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này không sinh ra một nơi nào, không sinh ra một chỗ nào.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Hành Sanh trong bộ Kinh Trung Bộ là câu trả lời rất rõ của Thế Tôn về câu hỏi – vốn là sự quan tâm của rất nhiều người: Sau khi chết, muốn tái sanh ở: Mỹ, Nhật, Anh, Thụy sỹ ... hay ở cõi trời (Thiên đàng) ... hay không muốn tái sinh ở bất kỳ chốn nào – thì làm thế nào ?

Thế Tôn nói rằng:

Trước hết, phải là người: *Đầy đủ tín, đầy đủ giới, đầy đủ văn, đầy đủ thí, đầy đủ trí tuệ.*

Sau đó, thể hiện cụ thể ước muốn của mình. Thí dụ như muốn “lên” Thiên đàng, thì luôn tâm niệm: *"Mong rằng sau khi thân hoại mạng chung, ta sẽ sanh cộng trú ở Thiên đàng !"*

Và rồi: *Vị ấy chuyên định tâm ấy, an trú tâm ấy, tu tập tâm ấy.*

Cuối cùng: *Những hành của vị ấy được an trú, tu tập, làm cho sung mãn như vậy đưa vị ấy thọ sanh tại chỗ ấy.*

Đây là đạo, đây là lộ trình đưa đến tái sanh tại chỗ ấy.

Ở đây, hoàn toàn không có sự “ban ơn” – do cầu xin mà được. Nếu như không phải là người có đầy đủ đức, hạnh của một con người – thì, nơi tái sanh – sau khi chết –

sẽ là Địa ngục hoặc cõi *Bàng sanh* (súc sinh) – khi đó, điều chắc chắn là: sẽ chẳng hề có một sự “cứu vớt”, “cứu rồi nào ...

21.
KINH TIỂU KHÔNG
(Culasunnatasuttam)
(121)

Tánh không, một phạm trù siêu việt trong triết lý Phật. Tại một số tu viện, những tu sinh phải dành ra nhiều tháng, thậm chí là nhiều năm để học, tìm hiểu về phạm trù đặc biệt này. Trong kinh Tiểu Không, Thế Tôn giảng giải về *Tánh không* ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Pubbarama (Đông Viên), lâu đài của Migaramatu (Lộc Mẫu). Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn :

– Một thời, bạch Thế Tôn, Thế Tôn trú giữa các Sakka (Thích-ca). Nagaraka là tên một thị trấn của các Sakka. Tại đây, bạch Thế Tôn, con được nghe trước mặt Thế Tôn, con được ghi nhớ trước mặt (Thế Tôn) như sau : "Này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều". Phải chăng, bạch Thế Tôn, điều con đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng ?

– Thật vậy, này Ananda, điều Ông đã nghe là nghe đúng, ghi nhớ đúng, tác ý đúng, thọ trì đúng. Thuở xưa và nay, này Ananda, Ta nhờ an trú không, nên nay an trú rất nhiều.

Ví như lâu đài Lộc Mẫu này không có voi, bò, ngựa, ngựa cái, không có vàng và bạc, không có đàn bà, đàn ông tụ hội, và chỉ có một cái không phải không, tức là sự nhất trí (ekattam) do duyên chúng Tỷ-kheo; cũng vậy, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý thôn tưởng, không tác ý nơn tưởng, chỉ tác ý sự nhất trí, do duyên lâm tưởng. Tâm của vị ấy được thích thú hân hoan, an trú, hướng đến lâm tưởng. Vị ấy tuệ tri như sau : "Các ưu phiền do duyên thôn tưởng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên nhân tưởng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên lâm tưởng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tưởng này không có thôn tưởng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tưởng này không có nhân tưởng". Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí (ekattam) do duyên lâm tưởng".

Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có.

Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri : "Cái kia có, cái này có".

Như vậy, này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không tác ý nhân tướng, không tác ý lâm tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tướng. Ví như, này Ananda, tấm da con bò đực được căng thẳng trên một trăm cọc gỗ, đặc tánh tấm da được đoạn trừ (vigatavasika ?); cũng vậy, này Ananda, Tỷ-kheo, không tác ý đối với tất cả vật gì trên đất này: đất khô và vùng lầy, sông và vùng lầy, các cây có thân và có gai, núi và đất bằng, vị ấy tác ý sự nhất trí do duyên địa tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến địa tướng. Vị ấy tuệ tri như sau : "Các ưu phiền do duyên nhân tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên lâm tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, sự nhất trí do duyên địa tướng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có Nhơn tướng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có lâm tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên địa tướng".

Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có.

Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri : "Cái kia có, cái này có".

Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý lâm tướng, không tác ý địa tướng, tác ý sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Không vô biên xứ. Vị ấy tuệ tri như sau : "Các ưu phiền, do duyên lâm tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng". Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có lâm tướng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có địa tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Không vô biên xứ tướng".

Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có.

Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết : "Cái kia có, cái này có".

Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý địa tướng, không tác ý Không vô biên xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Thức vô biên xứ. Vị ấy tuệ tri như sau : "Các ưu phiền do duyên địa tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tướng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có địa tướng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có Không vô biên xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Thức vô biên xứ tướng".

Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có.

Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri : "Cái kia có, cái này có".

Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Không vô biên xứ tướng, không tác ý Thức vô biên xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô sở hữu xứ. Vị ấy tuệ tri như sau : "Các ưu phiền do duyên Không vô biên xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có Không vô biên xứ tướng". Vị ấy tuệ tri: "Loại tướng này không có Thức vô biên xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Vô sở hữu xứ tướng".

Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có.

Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri : "Cái kia có, cái này có".

Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Thức vô biên xứ tướng, không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, chỉ tác ý sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Phi tướng phi phi tướng xứ. Vị ấy biết như sau : "Các ưu phiền do duyên Thức vô biên xứ tướng không có mặt ở đây;

các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ tướng. Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có Thức vô biên xứ tướng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng, và chỉ có một cái này không phải không, tức là sự nhất trí do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ tướng.

Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có.

Nhưng đối với cái còn lại, ở đây, vị ấy tuệ tri : "Cái kia có, cái này có".

Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không có tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ, tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định. Vị ấy tuệ tri như sau : "Các ưu phiền do duyên Vô sở hữu xứ tướng không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên Phi tướng phi phi tướng xứ không có mặt ở đây. Và chỉ có một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có Vô sở hữu xứ tướng". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có Phi tướng phi phi tướng xứ tướng. Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này".

Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có.

Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy tuệ tri: "Cái kia có, cái này có".

Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, không tánh.

Lại nữa, này Ananda, vị Tỷ-kheo không tác ý Vô sở hữu xứ tướng, không tác ý Phi tướng phi phi tướng xứ tướng, tác ý sự nhất trí do duyên Vô tướng tâm định. Tâm vị ấy được thích thú, hân hoan, an trú, hướng đến Vô tướng tâm định.

Vị ấy tuệ tri như sau : "Vô tướng tâm định này thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên. Phàm cái gì thuộc hữu vi, do tâm tư tạo nên, cái ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt", vị ấy tuệ tri như vậy.

Do vị ấy tuệ tri như vậy, thấy như vậy, tâm được giải thoát khỏi dục lậu, tâm được giải thoát khỏi hữu lậu, tâm được giải thoát khỏi vô minh lậu. Trong sự giải thoát, là sự hiểu biết (nana) rằng đã được giải thoát.

Vị ấy tuệ tri : "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn phải trở lại trạng thái này nữa".

Vị ấy tuệ tri : "Các ưu phiền do duyên dục lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên hữu lậu không có mặt ở đây; các ưu phiền do duyên vô minh lậu không có mặt ở đây. Và chỉ ở một ưu phiền này, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có dục lậu". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có hữu lậu". Vị ấy tuệ tri : "Loại tướng này không có vô minh lậu. Và chỉ có một cái này không phải không, tức là sáu nhập duyên mạng, duyên với thân này".

Và cái gì không có mặt ở đây, vị ấy xem cái ấy là không có.

Nhưng đối với cái còn lại, ở đây vị ấy biết : "Cái kia có, cái này có".

Này Ananda, cái này đối với vị ấy là như vậy, thật có, không điên đảo, sự thực hiện hoàn toàn thanh tịnh, Không tánh.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong quá khứ sau khi chứng đạt, đã an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh (Sunnatam), tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều chỉ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong tương lai, sau khi chứng đạt sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt đều sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này.

Này Ananda, phàm có những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong hiện tại, sau khi chứng đạt và an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh, tất cả các vị ấy sau khi chứng đạt nếu an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh này.

Do vậy, này Ananda, sau khi chứng đạt Ta sẽ an trú cứu cánh vô thượng thanh tịnh Không tánh.

Như vậy, này Ananda, các Ông cần phải học tập.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Tiểu Không trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến *Tánh không* – một phạm trù siêu việt của triết lý Phật.

Trong kinh này, một mặt, Như Lai cho chúng ta hiểu về nghĩa của *Tánh không* ; mặt khác, cũng chỉ ra một đạo lộ – để có thể hành trì tu tập, nhằm an trú trong *tánh không* này .

22.

KINH ĐẠI KHÔNG
(Mahasunnatasuttam)
(122)

Kinh Đại Không là một phần bổ sung của kinh Tiểu Không nhằm giúp sáng tỏ thêm về chủ đề *Tánh Không* ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú giữa các dòng họ Sakka (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tu viện Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Kapilavatthu để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kapilavatthu, ăn xong, trên đường đi khát thực trở về, Thế Tôn đi đến trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka để ở ban ngày. Lúc bảy giờ, tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka, có sắp đặt rất nhiều sàng tọa. Thế Tôn thấy rất nhiều sàng tọa tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka, thấy vậy Thế Tôn suy nghĩ : "Rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại tu viện của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết ở đây có rất nhiều Tỷ-kheo ở không ?"

Lúc bảy giờ Tôn giả Ananda cùng với rất nhiều vị Tỷ-kheo đang làm y (civarakamma) ở trú xứ của Thích-ca Ghataya.

Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến trú xứ của Thích-ca Ghataya, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda :

– Này Ananda, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt tại trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka. Không biết có nhiều Tỷ-kheo trú ở đây không.

– Bạch Thế Tôn, có rất nhiều sàng tọa được sắp đặt ở trú xứ của Thích-ca Kalakhemaka; có rất nhiều Tỷ-kheo trú tại chỗ ấy. Bạch Thế Tôn, nay là thời chúng con làm y.

– Này Ananda, một Tỷ-kheo không chói sáng nếu thích thú trong hội chúng của mình, nếu hân hoan trong hội chúng của mình, nếu hoan hỷ trong hội chúng của mình, nếu thích thú trong hội chúng của người, nếu hân hoan trong hội chúng của người, nếu hoan hỷ trong hội chúng của người.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của

người, có thể là một vị chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng chứng đắc tùy theo ý muốn, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, viễn ly lạc, độc cư lạc, an tịnh lạc, chánh giác lạc; sự kiện như vậy có thể xảy ra.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo nào thích thú trong hội chúng của mình, hân hoan trong hội chúng của mình, hoan hỷ trong hội chúng của mình, thích thú trong hội chúng của người, hân hoan trong hội chúng của người, hoan hỷ trong hội chúng của người sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nhưng này Ananda, Tỷ-kheo nào sống một mình, xa lánh tụ hội, thời vị ấy có hy vọng sẽ chứng đắc và an trú với tâm giải thoát có hạn kỳ và thoải mái, hay không có hạn kỳ và bất động; sự kiện như vậy có xảy ra.

Này Ananda, Ta không quán thấy một sắc pháp nào trong ấy có hoan hỷ, trong ấy có hoan lạc, chịu sự biến dịch, chịu sự đổi khác mà không khởi lên sâu, bi, khổ, ưu, não.

Nhưng sự (an) trú này, này Ananda, đã được Như Lai hoàn toàn giác ngộ, tức là sau khi không tác ý với tất cả tướng, chứng đắc và (an) trú nội không.

Và nếu này Ananda, trong khi Như Lai an trú trong an trú này, nếu có những Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ, quốc vương, đại thần, ngoại đạo, ngoại đạo đệ tử đến yết kiến, trong khi ấy, này Ananda, Như Lai với tâm hướng đến viễn ly, thiên về viễn ly, nặng nề viễn ly, sống độc cư, hoan hỷ trong ly dục, làm cho đoạn tận tất cả các pháp dựa trên các lậu hoặc an trú, nói lên tại chỗ ấy những lời thuần túy liên hệ đến khích lệ.

Do vậy, này Ananda, nếu Tỷ-kheo ước vọng : "Sau khi chứng đạt nội không, ta sẽ an trú", vị Tỷ-kheo ấy, này Ananda, cần phải an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

Và này Ananda, như thế nào Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm ?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Sơ thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, chứng và

trú Nhị thiên, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... Tam thiên... chứng và trú Tứ thiên. Như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo an chỉ, an tọa, chuyên nhất và an định nội tâm.

Vị ấy tác ý nội không.

Trong khi vị ấy tác ý nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không.

Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau : "Trong khi ta tác ý nội không, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không.

Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy tác ý bất động thời tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau : "Trong khi ta tác ý bất động, tâm không thích thú, không tịnh tín, không an trú, không hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú, an tọa, chuyên nhất, và an định nội tâm trên định tướng (samadhinimitte) đã đề cập về trước ấy. Vị ấy tác ý nội không. Trong khi vị ấy tác ý nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không. Sự kiện là như vậy, này Ananda, Tỷ-kheo biết như sau : "Trong khi ta tác ý nội không, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến nội không". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Vị ấy tác ý ngoại không. Vị ấy tác ý nội ngoại không.

Vị ấy tác ý bất động. Trong khi vị ấy tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú hướng đến bất động. Sự kiện là như vậy, này Ananda, vị Tỷ-kheo biết như sau : "Trong khi ta tác ý bất động, tâm thích thú, tịnh tín, an trú, hướng đến bất động". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỷ-kheo ấy đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đi kinh hành, vị ấy đi kinh hành (cankamati), và nghĩ rằng: "Trong khi ta đang đi kinh hành, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỳ-kheo đang an trú trong an trú này, tâm vị ấy hướng đến đứng lại, vị ấy đứng lại và nghĩ rằng : "Trong khi ta đang đứng lại thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỳ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến ngồi, vị ấy ngồi và nghĩ rằng : "Trong khi ta đang ngồi, tham và ưu, các ác bất thiện pháp không có chảy vào". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỳ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nằm, vị ấy nằm và nghĩ rằng : "Trong khi ta đang nằm, thời tham và ưu, các ác bất thiện pháp không chảy vào". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu trong khi Tỳ-kheo ấy an trú trong sự an trú này, tâm vị ấy hướng đến nói, vị ấy suy nghĩ như sau : "Ta sẽ không nói những câu chuyên hạ liệt, đê tiện, thuộc phạm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly dục, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ. Niết-bàn, như quốc vương luận, đạo tặc luận, đại thần luận, quân luận, bố úy luận, chiến tranh luận, thực vật luận, ẩm liệu luận, y phục luận, ngoại cụ luận, hoan man luận, hương liệu luận, thân thích luận, xa thừa luận, thôn luận, thị trấn luận, đô thị luận, quốc độ luận, nữ luận, anh hùng luận, hạng trung luận, thủy bình xứ luận, tiên linh luận, sai biệt luận, thế giới luận, hải thuyết luận, hữu vô hữu luận. Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào khắc khổ, khai tâm, đưa đến nhứt hướng yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như thiếu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận, vị ấy nghĩ : "Ta sẽ nói các luận như vậy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, nếu Tỳ-kheo ấy trong khi an trú với sự an trú này, tâm hướng đến suy tầm (vitakka), vị ấy suy nghĩ : "Đối với những suy tầm hạ liệt, đê tiện, phạm phu, không thuộc bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như là dục tầm, sân tầm, hại tầm, ta sẽ không suy nghĩ các loại suy tầm ấy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nhưng này Ananda, đối với những suy tầm này, thuộc bậc Thánh, có khả năng cầu tiến, hướng dẫn (người suy nghĩ các suy tầm ấy) đến sự đoạn trừ hoàn toàn đau khổ, như là ly dục tầm, vô sân tầm, bất hại tầm, vị ấy nghĩ : "Ta sẽ suy tư các loại suy tầm này". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Này Ananda, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm ? Các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai

nhận thức; các hương do mũi nhận thức; các vị do lưỡi nhận thức; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nay Ananda, có năm dục trưởng dưỡng này. Từ đây Tỳ-kheo cần phải thường quán sát tự tâm như sau : "Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành gì với xứ (ayatana) này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng".

Nay Ananda, nếu Tỳ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng: "Trong tâm ta, có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng.. ". Sự kiện là như vậy, Tỳ-kheo tuệ tri như sau: "Dục ái (chandaraga) này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, chưa đoạn diệt được".

Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy. Nay Ananda, nếu Tỳ-kheo trong khi quán sát như vậy, tuệ tri rằng : "Trong tâm ta, không có khởi lên tâm hành với xứ này hay xứ khác của năm dục trưởng dưỡng.. ". Sự kiện là như vậy, Tỳ-kheo tuệ tri như sau: "Dục tham này đối với năm dục trưởng dưỡng đối với ta, đã được đoạn diệt". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Nay Ananda, có năm thủ uẩn. Ở đây, Tỳ-kheo cần phải đoạn tận chúng, khi vị ấy tùy quán sự sanh diệt. Đây là sắc, đây là sự tập khởi của sắc, đây là sự đoạn diệt của sắc. Đây là thọ, đây là sự tập khởi của thọ, đây là sự đoạn diệt của thọ. Đây là tưởng... Đây là hành... Đây là thức, đây là sự tập khởi của thức, đây là sự đoạn diệt của thức.

Trong khi vị ấy an trú, tùy quán sự sanh diệt của năm thủ uẩn này, nếu có ngã mạn nào (asmimmano) (khởi lên) đối với năm thủ uẩn, ngã mạn ấy được đoạn tận. Sự kiện là như vậy, nay Ananda, Tỳ-kheo tuệ tri như sau : "Phàm có ngã mạn nào đối với năm thủ uẩn (khởi lên) nơi ta, ta đã đoạn tận ngã mạn ấy". Ở đây, vị ấy ý thức rõ ràng như vậy.

Những pháp này, nay Ananda, thuần nhất liên hệ đến thiện, đều thuộc hiền, Thánh, siêu thế, vượt ngoài tầm của ác ma.

– Nay Ananda, Ông nghĩ thế nào ? Vì thấy lý do gì, một Thanh văn Đệ tử tự nghĩ là xứng đáng (hợp lý) để đi theo một Đạo sư dẫu cho bị hắt hủi ?

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này. Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỳ-kheo sẽ hành trì.

– Nay Ananda, thật không xứng đáng cho một đệ tử bám sát theo vị đạo sư, nếu vì lý do được nghe giải thích khế kinh và phúng tụng. Vì có sao ? Trong một thời gian

lâu dài, các pháp đã được các Ông nghe, thọ trì, đọc lớn tiếng, suy tư với ý, khéo thấu hiểu với chánh trí.

Nhưng này Ananda, đối với những lời nói nào, khắc khổ, khai tâm đưa đến nhất hướng viễn ly, ly tham, đoạn diệt an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn như là thiếu dục luận, tri túc luận, độc cư luận, bất chúng hội luận, tinh cần luận, giới luận, định luận, tuệ luận, giải thoát luận, giải thoát tri kiến luận.

Này Ananda, do nhân duyên những loại thuyết luận như vậy, thật xứng đáng cho một Thanh văn đệ tử bám sát vị Đạo sư đầu cho bị hất hủi. Sự kiện là như vậy, này Ananda, thời có sự phiền lụy (upaddava) cho vị Đạo sư; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy do đệ tử; sự kiện là như vậy, thời có sự phiền lụy cho các vị tu Phạm hạnh.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy cho vị Đạo sư ? Ở đây, này Ananda, có Đạo sư lựa một trú xứ (senasanam) xa vắng trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của Đạo sư. Vì sự phiền lụy của Đạo sư, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của Đạo sư.

Này Ananda, thế nào là sự phiền lụy của đệ tử ? Này Ananda, đệ tử của một Đạo sư, bắt chước đời sống viễn ly của Đạo sư mình, lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân với quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lui lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của đệ tử. Vì sự phiền lụy của đệ tử, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sanh, đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai; các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của đệ tử.

Và này Ananda, như thế nào là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh ? Ở đây, này Ananda, Như Lai xuất hiện ở đời, là bậc A-la-hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Ngài lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời hay trên một đồng rơm.

Trong khi Ngài sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh. Được các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, Ngài không khởi lên niềm tâm, không rơi vào dục vọng, không khởi lên tham ái, không trở lui lại đời sống sung túc.

Nhưng này Ananda, vị đệ tử của bậc Đạo sư chủ tâm theo (hạnh) viễn ly của bậc Đạo sư, bắt chước (theo hạnh ấy) lựa một trú xứ xa vắng, trong rừng, dưới gốc cây, trên sườn núi, chỗ hoang vu, trong hang núi, tại bãi tha ma, tại khu rừng, ngoài trời, trên một đồng rơm. Trong khi vị ấy sống viễn ly như vậy, các Bà-la-môn, gia chủ, cả thị dân và quốc dân bao vây xung quanh, vị ấy khởi lên niềm tâm, rơi vào dục vọng, khởi lên tham ái, trở lại đời sống sung túc. Như vậy, này Ananda, được gọi là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh. Vì sự phiền lụy của Phạm hạnh, các ác bất thiện pháp, tạp nhiễm, dẫn đến tái sinh đáng sợ hãi, đưa đến khổ quả, dẫn đến sanh, già, chết trong tương lai, các pháp ấy tấn công vị ấy. Như vậy, này Ananda, là sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh.

Nhưng này Ananda, sự phiền lụy của các vị tu Phạm hạnh là nhiều quả khổ hơn, nhiều quả ão hơn đối với phiền lụy của Đạo sư này và phiền lụy của đệ tử này, hơn nữa nó dẫn đến đọa lạc.

Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch, và như vậy các Ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Và như thế nào là các đệ tử đối xử với Đạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu ?

Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng : "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông".

Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lắng tai, chú tâm vào hướng khác (annan), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Đạo sư.

Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu.

Và như thế nào, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch ?

Ở đây, này Ananda, vị Đạo sư với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, tìm cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng : "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông". Các đệ tử của vị ấy chịu nghe theo, chịu lắng tai, không chú tâm vào hướng khác, và không ngược lại đi xa lời dạy của bậc Đạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Đạo sư, với tâm thân hữu, không phải với tâm thù nghịch.

*Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với Ta, với tâm thân hữu, chứ với tâm thù nghịch và như vậy sẽ là hạnh phúc, là an lạc lâu dài cho các Ông.
Ta không sách tấn các Ông như người thợ gốm đối với các đồ gốm chưa nung, chưa được nung chín. Ta sẽ nói hết lời chỉ trích này đến lời chỉ trích khác, hết lời tán thán này đến lời tán thán khác.*

Cái gì là lõi cây, cái ấy sẽ đứng vững tồn tại.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Đại Không trong bộ Kinh Trung Bộ là một phần bổ sung của kinh Tiểu Không nhằm giúp sáng tỏ thêm về chủ đề *Tánh Không* ...

23.

KINH HY HỮU VỊ TẶNG HỮU PHÁP

(Acchariyabbhutadhammasuttam)

(123)

Vị tặng hữu: Không bao giờ, chưa bao giờ. Chưa từng có bao giờ, chưa từng thấy, chưa từng trải qua; chưa từng xảy ra; hiếm, bất thường ... (Từ điển Đạo uyên).

Kinh Hy hữu Vị tặng hữu pháp đề cập về sự kiện có một không hai đối với loài người: Sự ra đời của Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi một số rất đông Tỷ-kheo, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực về, đang ngồi tụ họp trong thị giả đường (upatthanasala), câu chuyện này được khởi lên giữa chúng Tăng:

"Thật hy hữu thay chư Hiền ! Thật vị tặng hữu thay chư Hiền, là đại thân thông lực, đại uy lực của Như Lai ! Vì Ngài biết được chư Phật quá khứ, đã nhập Niết-bàn, đã đoạn các hý luận, đã đoạn các chương đạo, đã chấm dứt luân hồi, đã thoát ly mọi khổ: "Chư Thế Tôn ấy sanh tánh như vậy, danh tánh như vậy, tộc tánh như vậy... giới hạnh như vậy... pháp hạnh như vậy... tuệ hạnh như vậy.. trú hạnh như vậy... chư Thế Tôn ấy giải thoát như vậy".

Khi được nghe nói như vậy, Tôn giả Ananda nói với các Tỷ-kheo ấy : "Thật hy hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu ! Thật vị tặng hữu thay chư Hiền, Như Lai được đầy đủ các pháp vị tặng hữu !"

Và câu chuyện giữa các Tỷ-kheo ấy bị gián đoạn. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độc cư đứng dậy, đi đến thị giả đường, sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo :

– Nay các Tỷ-kheo, nay các Ông ngồi nói chuyện gì ? Câu chuyện gì giữa các Ông bị gián đoạn ?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về, chúng con ngồi tụ họp tại thị giả đường, câu chuyện sau đây được khởi lên : "Hy hữu

thay, chư Hiền... (như trên)... chư Thế Tôn ấy được giải thoát như vậy". Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda nói với chúng con như sau : "Thật hy hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp hy hữu ! Thật vị tăng hữu thay... Như Lai được đầy đủ các pháp vị tăng hữu !" Câu chuyện này giữa chúng con, bạch Thế Tôn, bị gián đoạn. Rồi Thế Tôn đến.

Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda :

– Do vậy, này Ananda, hãy nói lên nhiều nữa, những đặc tánh hy hữu, vị tăng hữu của Như Lai.

– Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát sanh trong Thiên chúng (Kaya) "Tusita". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác Bồ-tát sanh trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú trong Thiên chúng Tusita, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Chánh niệm tỉnh giác, này Ananda, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát an trú tại Thiên chúng Tusita cho đến trọn thọ mạng, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Chánh niệm, tỉnh giác này Ananda, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai". Vì rằng, bạch Thế Tôn, chánh niệm tỉnh giác, Bồ-tát sau khi từ Thiên chúng Tusita mạng chung, nhập vào mẫu thai, con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát nhập vào mẫu thai, này Ananda, khi ấy một hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới ở trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên và thế giới ở dưới gồm các vị Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các thế giới ở giữa các thế giới, tối tăm, u ám không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, với đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại những chỗ ấy nhờ hào quang ấy mới thấy nhau và nói : "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng, thần diệu, thắng xa oai lực

của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn".

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, bốn vị Thiên tử đến canh gác bốn phương trời và nói : "Không cho một ai, người hay không phải loài người được phiền nhiễu Bồ-tát, hay mẹ vị Bồ-tát". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn".

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát giữ giới một cách hồn nhiên, không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống các thứ rượu nấu, rượu lên chất men". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, là một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát không khởi dục tâm đối với một nam nhân nào, và mẹ Bồ-tát không bị xâm phạm bởi bất kỳ người đàn ông nào có nhiễm tâm". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ vị Bồ-tát tận hưởng năm dục công đức đầy đủ, tận hưởng trọn năm dục công đức". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát nhập mẫu thai, này Ananda, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với tâm khoan khoái. Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ mọi bộ phận và chân tay. Này Ananda, ví như viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Rồi một sợi dây được xuyên qua viên ngọc ấy, dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt. Nếu có người có mắt để viên ngọc trên bàn tay của mình, người ấy sẽ thấy rõ ràng : "Đây là viên ngọc lưu ly, thanh tịnh, thuần nhất, có tám cạnh, khéo cắt, khéo dũa, trong sáng, không tỳ vết, hoàn hảo trong mọi phương diện. Đây là sợi dây xuyên qua, sợi dây màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng hay màu vàng lợt". Cũng vậy, này Ananda, khi Bồ-tát nhập mẫu thai, mẹ Bồ-tát không bị một bệnh tật gì. Bà sống với tâm hoan hỷ, với thân khoan khoái.

Bà thấy trong bào thai của mình vị Bồ-tát đầy đủ bộ phận và chân tay". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Sau khi sanh Bồ-tát bảy ngày, này Ananda, mẹ Bồ-tát mệnh chung và sanh lên cõi trời Đâu

suất". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, mang bầu thai trong bụng chín tháng hay mười tháng rồi mới sanh, mẹ Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ Bồ-tát mang Bồ-tát trong bụng mười tháng rồi mới sanh". Vì rằng, bạch Thế Tôn.. con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Trong khi các người đàn bà khác, này Ananda, hoặc ngồi hoặc nằm mà sanh con, mẹ vị Bồ-tát sanh Bồ-tát không phải như vậy. Mẹ Bồ-tát đứng mà sanh Bồ-tát". Vì rằng bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, chư Thiên đỡ lấy Ngài trước, sau mới đến loài người". Vì rằng, bạch Thế Tôn ... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn: "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, Bồ-tát không đụng đến đất. Có bốn Thiên tử đỡ lấy Ngài, đặt Ngài trước bà mẹ và thưa: "Hoàng hậu hãy hoan hỷ ! Hoàng Hậu sanh một bậc vĩ nhân". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch. Này Ananda, ví như một viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Viên ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy ? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này Ananda, khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mắt nghe, con tận mắt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho Bồ-tát và cho bà mẹ". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Bồ-tát khi sanh ra, này Ananda, Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lọng trắng được che lên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương lên tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau : "Ta là bậc tối thượng ở trên đời ! Ta là bậc tối tôn ở trên đời ! Ta là bậc cao nhất ở trên đời ! Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa". Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn, là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, con tận mặt nghe, con tận mặt ghi nhớ từ Thế Tôn : "Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ananda, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thẳng xa oai lực của chư Thiên, hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người. Cho đến các cảnh giới giữa các thế giới, tối tăm, u ám, không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu, trong những cảnh giới ấy một hào quang vô lượng, thẳng xa oai lực chư Thiên hiện ra. Và các chúng sanh sống tại các chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói : "Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây". Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh. Và hào quang vô lượng thần diệu, thẳng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới. Vì rằng, bạch Thế Tôn... con thọ trì sự việc này, bạch Thế Tôn là một hy hữu, một vị tăng hữu của Thế Tôn.

– Do vậy, này Ananda, hãy thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai. Ở đây, này Ananda, các cảm thọ khởi lên nơi Thế Tôn được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại; các tưởng được biết đến; các tâm khởi lên được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại. Này Ananda, hãy thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai.

– Vì rằng, bạch Thế Tôn, các cảm thọ khởi lên nơi Thế Tôn được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại; các tưởng được biết đến; các tâm khởi lên được biết đến; được biết đến, chúng an trú; được biết đến, chúng đi đến biến hoại. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Như Lai.

Tôn giả Ananda, nói như vậy. Bạc Đạo Sư chấp nhận. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Ananda nói.

Như vậy, kinh Hy hữu Vị tăng hữu pháp trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập về sự kiện có một không hai đối với loài người: Sự ra đời của Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni.

Phải hàng triệu năm nữa, kể từ Thời Pháp Diệt Tận, khi Bồ Tát Di Lạc ra đời – thay Thế Tôn giáo hóa chúng sanh – khi đó, vị *tăng hữu* của Bồ Tát Di Lạc mới được ghi chép lại.

KINH BẠC-CÂU-LA**(Bakkulasuttam)****(124)**

Và, kinh Bạc-Câu-La cũng lại là kinh ghi chép về một trường hợp hết sức hy hữu: vị tăng hữu của Tôn giả Bakula ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Bakkula trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các loài sóc (kalandakanivapa). Rồi lã thể Kassapa, một người bạn trước kia của Tôn giả Bakkula khi còn là cư sĩ, đi đến Tôn giả Bakkula, sau khi đến, nói lên với Tôn giả Bakkula những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, lã thể Kassapa nói với Tôn giả Bakkula :

Này Hiền giả Bakkula, Bạn xuất gia đã bao lâu ?

– Đã được tám mươi năm, này Hiền giả, từ khi tôi xuất gia.

– Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần, Hiền giả hành dâm dục ?

– Hiền giả Kassapa, chớ có hỏi tôi như vậy : "Hiền giả Kassapa, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả hành dâm dục !" Hiền giả Kassapa, hãy hỏi tôi như sau : "Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần Hiền giả khởi lên dục tướng ?"

– Hiền giả Bakkula, trong tám mươi năm ấy, đã bao nhiêu lần, Hiền giả khởi lên dục tướng ?

– Hiền giả Kassapa, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy, có dục tướng khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có dục tướng khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– *Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy có sân tưởng, có hại tưởng khởi lên.*

– *Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có sân tưởng, có hại tưởng khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.*

– *Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy dục tâm nào khởi lên.*

– *Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.*

– *Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy sân tâm, hại tâm, nào khởi lên.*

– *Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.*

– *Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có thâm nhận y của cư sĩ.*

– *Vì rằng Tôn giả.. một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.*

– *Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có cắt y với con dao.*

– *Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.*

– *Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y với cây kim.*

– *Vì rằng Tôn giả.. một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.*

– *Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có nhuộm y với thuốc nhuộm*

– *Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.*

– *Này Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y kathina.*

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có may y cho các vị đồng Phạm hạnh... có nhận lời mời ăn... có khởi lên tâm như sau : "Mong rằng có người mời tôi ăn".

– Vì rằng Tôn giả... một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không nhận thấy có ngôi trong nhà.. có ngôi ăn trong nhà... có ghi nhận chi tiết các tướng đặc biệt của nữ nhân... có thuyết pháp cho nữ nhân cho đến câu kệ bốn câu... có đi đến trú phòng Tỷ-kheo-ni... có thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni.... Tôi không nhận thấy có thuyết pháp cho học pháp nữ... Tôi không nhận thấy có thuyết pháp cho Sa-di-ni.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula trong tám mươi năm không nhận thấy có thuyết pháp cho Sa-di-ni, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Nay Hiền giả, trong tám mươi năm từ khi tôi xuất gia, tôi không bao giờ nhận thấy có xuất gia (cho ai).. có thọ đại giới (cho ai).. có nhận làm y chỉ (cho ai)... tôi không bao giờ nhận thấy có Sa-di hầu hạ... có tắm trong nhà tắm... có tắm thoa bột Cunna.. có nhờ đồng Phạm hạnh xoa bóp chân tay.. tôi không bao giờ nhận thấy có bệnh khởi lên, dầu cho một chốc lát.. có mang theo y dược cho đến một miếng nhỏ từ cây a-li-lặc vàng (haritakikhanda)... nằm dựa vào tấm gỗ dựa... nằm dài xuống ngủ... đi an cư mùa mưa tại trú xứ gần làng.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula, trong tám mươi năm không nhận thấy có đi an cư mùa mưa tại trú xứ gần làng, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

– Vừa đứng trong bảy ngày, nay Hiền giả, còn ứ nhiễm, tôi đã ăn đồ ăn của nội địa, rồi đến ngày thứ tám, chánh trí khởi lên.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula vừa đứng trong bảy ngày, còn ứ nhiễm, đã ăn đồ ăn của nội địa, rồi đến ngày thứ tám chánh trí khởi lên, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula. Thưa Hiền giả Bakkula, hãy cho tôi xuất gia trong pháp luật này, hãy cho tôi thọ đại giới.

Rồi lã thẽ Kassapa được xuất gia trong pháp và luật này, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Kassapa, an trú độc cư, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, không bao lâu với thượng trí tự mình chứng ngộ, chứng đắc và an trú ngay trong hiện tại vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích ấy các Thiện nam tử chân chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình hướng đến. Vị ấy biết "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì cần làm sẽ làm, không còn trở lại trạng thái này nữa". Và Tôn giả Kassapa trở thành một A-la-hán nữa.

Rồi Tôn giả Bakkula, sau một thời gian, cầm chìa khóa, đi từ trú xứ này đến trú xứ khác và nói như sau :

– Chư Tôn giả hãy đi ra ! Chư Tôn giả hãy đi ra ! Hôm nay tôi sẽ nhập Niết-bàn.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula cầm chìa khóa, đi từ trú xứ này đến trú xứ khác và nói như sau : "Chư Tôn giả hãy đi ra ! Chư Tôn giả hãy đi ra ! Hôm nay tôi sẽ nhập Niết-bàn"; chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

Rồi Tôn giả Bakkula ngồi giữa chúng Tỷ-kheo nhập Niết-bàn.

– Vì rằng Tôn giả Bakkula ngồi giữa chúng Tỷ-kheo nhập Niết-bàn, chúng tôi thọ trì sự việc này là một hy hữu, một vị tăng hữu của Tôn giả Bakkula.

Như vậy, kinh Bạc-Câu-La trong bộ Kinh Trung Bộ cũng lại là kinh ghi chép về một trường hợp hết sức hy hữu: vị tăng hữu của Tôn giả Bakula.

25.

KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA

(Dantabhumisuttam)

(125)

Một lần nữa, Thế Tôn lại chỉ dạy phương pháp giáo hóa chúng sanh – với một người mới bước chân vào con đường tu học pháp Phật ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá). Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Lúc bấy giờ, Sa-di Aciravata (Tân Học Sa-môn) đang ở tại am thất Aranna. Rồi vương tử Jayasena trong khi tản bộ du hành, đi đến Sa-di Aciravata, sau khi đến nói lên với Sa-di Aciravata những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vương tử Jayasena nói với Sa-di Aciravata :

Tôn giả Aggivessana, tôi có nghe như sau :

"Ở đây Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sẽ được nhứt tâm".

– Sự việc là vậy, này Vương tử ! Sự việc là vậy, này Vương tử ! Ở đây, Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sẽ chứng được nhứt tâm.

– Thật là tốt lành nếu Tôn giả Aggivessana thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học.

– Này Vương tử, tôi không có thể thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu nay tôi thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học, và nếu Vương tử không hiểu lời tôi nói, như vậy sẽ làm tôi mệt mỏi, làm tôi phiền muộn.

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học ! Rất có thể, tôi sẽ hiểu ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana.

– Này Vương tử, tôi sẽ thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu Vương tử có thể hiểu ý nghĩa lời nói của tôi, như vậy là tốt đẹp. Nếu

Vương tử không thể hiểu lời nói của tôi, hãy dừng lại trên sự trạng của mình, chớ có hỏi tôi thêm nữa !

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học ! Nếu tôi có thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, như vậy là tốt đẹp. Nếu tôi không có thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, tôi sẽ dừng lại trên sự trạng của tôi, ở đây, tôi sẽ không hỏi Tôn giả Aggivessana thêm nữa.

Rồi Sa-di Aciravata thuyết pháp cho vương tử Jayasena như đã được nghe, như đã được học. Khi được nghe vậy, Vương tử nói với Sa-di Aciravata như sau:

– Sự việc không phải là như vậy, Tôn giả Aggivessana; trường hợp không phải là như vậy, rằng Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần lại có thể chứng đắc nhất tâm.

Rồi Vương tử Jayasena sau khi nói lên với Sa-di Aciravata sự việc không phải như vậy và trường hợp không phải như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Sa-di Aciravata, sau khi vương tử Jayasena ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Aciravata kể lại cho Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với vương tử Jayasena.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Sa-di Aciravata :

– Như vậy, này Aggivessana, nào có lợi ích gì ? Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có lý dục mới biết được, chỉ có lý dục mới thấy được. Chỉ có lý dục mới đạt được, hay chỉ có lý dục mới chứng được; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Aggivessana, ví như giữa các con voi, con ngựa hay con bò được dạy điều phục có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, được khéo huấn luyện; và có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện. Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào ? Hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò, được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, các con ấy có thể đi đến khả năng điều phục (dantakaranam), có thể đạt đến điều phục địa không ?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, nhưng không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện, các con ấy không được điều phục, có thể đi đến khả năng điều phục, không được điều phục có thể đạt đến điều phục địa, như hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện kia không ?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Aggivessana, vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này Aggivessana, một hòn núi lớn không xa làng hay thị trấn. Và có hai người bạn, tay trong tay đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, và đi đến hòn núi kia. Sau khi đến, một người bạn đứng dưới chân núi, còn người bạn kia leo lên đỉnh núi. Người bạn đứng dưới chân núi ấy có thể nói với người bạn đứng trên đỉnh núi: "Này Bạn thân, Bạn đứng trên đỉnh núi, Bạn thấy những gì ?" Người kia nói : "Này Bạn thân, đứng trên đỉnh núi tôi thấy các vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái". Người kia nói : "Không có sự kiện này, này Bạn thân, không có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái, khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái". Rồi người bạn đã đứng trên đỉnh núi, sau khi đi xuống chân núi, nắm tay bạn, khiến bạn trèo lên đỉnh núi, để bạn nghỉ thở một thời gian, rồi nói : "Này Bạn thân, nay Bạn có thể thấy gì, khi Bạn đứng trên đỉnh núi ?" Và người bạn ấy có thể nói : "Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái". Người kia có thể nói như sau : "Vừa rồi, này Bạn thân, chúng tôi hiểu Bạn nói : "Không thể có sự kiện này, này Bạn thân, không thể có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Nhưng nay chúng tôi hiểu Bạn nói : "Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Người kia nói như sau : "Này Bạn thân, vì tôi bị che khuất bởi sườn núi này, nên không thấy được những điều đáng thấy".

Cũng vậy, nhưng to lớn hơn, này Aggivessana, là Vương tử Jayasena, bị che khuất, bị chặn đứng, bị chướng ngại, bị bao vây bởi vô minh uẩn này. Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới

đạt được, chỉ có lý dục mới chứng được; sự kiện như vậy không xảy ra. Nếu hai ví dụ này được Ông đề cập cho Vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, hai ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được ?

– Ví như, này Aggivessana, một vị vua Sát-đế-ly đã quán đánh bảo người nai voi : "Này Tượng sư, hãy cuỡi con vương tượng, đi vào rừng voi; khi Ông thấy con voi rừng, hãy cột nó lại vào cổ con vương tượng". "Thưa vâng, Đại vương". Này Aggivessana, người tượng sư vâng theo lời vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, cuỡi con vương tượng, vào trong rừng có voi, thấy con voi rừng, cột (con voi rừng ấy) vào cổ con vương tượng. Con vương tượng kéo nó ra chỗ ngoài trời. Cho đến như vậy, này Aggivessana, con voi rừng được đi đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, con voi rừng còn có sự tham luyến tức là đối với rừng có voi. Người tượng sư tâm với vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh về con voi rừng ấy. "Tâu Đại vương, con voi rừng đã ra chỗ ngoài trời". Rồi vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh bảo người điều phục voi : "Hãy đến, này người Điều phục voi, hãy điều phục con voi rừng này bằng cách điều phục nếp sống rừng của nó, bằng cách điều phục tâm tư rừng núi, bằng cách điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não đối với rừng núi của nó bằng cách làm cho nó thích thú với thôn làng, và bằng cách làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người". "Thưa vâng, tâu Đại vương". Này Aggivessana, người điều phục voi vâng theo lời vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng, để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi, để điều phục sự suy tư, mệt nhọc, nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người. Rồi người điều phục voi lại nói với nó bằng những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ. Và này Aggivessana, con voi rừng khi được nói với những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ, liền nghe, lóng tai, trú tâm vào học hỏi (anna ?). Tiếp đến người điều phục voi đem cỏ và nước cho con voi rừng.

– Này Aggivessana, khi con voi rừng nhận cỏ và nước, người điều phục voi mới nghĩ : "Nay con voi rừng sẽ sống". Rồi người điều phục voi khiến (con voi rừng) làm thêm một động tác khác : "Này Bạn, nhứt lên ! Này Bạn, đặt xuống !" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm

đúng theo lời dạy nhặt lên, đặt xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác : "Này Bạn, đi tới ! Này Bạn đi lui !" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy đi tới, đi lui rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác : "Này Bạn, đứng dậy ! Này Bạn, ngồi xuống !" Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy, đứng dậy, ngồi xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác tên gọi "bất động". Nó cột cái khiên bằng gỗ vào cái vòi của con vật to lớn, và một người tay cầm ngọn giáo ngồi trên cổ, và xung quanh một số người tay cầm ngọn giáo đứng bao vây. Và người điều phục voi, tay cầm một ngọn giáo với cán cây dài, đứng ở phía trước. Con voi ấy làm động tác bất động, không có di động chân trước, không có di động chân sau, không có di động thân trước, không có di động thân sau, không có di động đầu, không có di động tai, không có di động ngà, không có di động vòi. Con vương tượng là con voi có thể nhẫn chịu đao, kiếm, tên, búa chém bản, nhẫn chịu tiếng vang động của trống lớn, trống nhỏ, tù và, (như là) vàng ròng tẩy sạch các tỳ vết như bản, xứng đáng vua (dùng), một sở hữu của vua, một biểu tượng của vua.

Cũng vậy, này Aggivessana, ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (Như Tập I, Kinh Sa môn Quả)... Xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến đây, này Aggivessana, là vị Thánh đệ tử đi đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, các vị Thiên, Nhân có tham ái này, tức là năm dục công đức.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm cho (vị đệ tử) ấy :

"Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong học pháp !"

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhặt, thọ lãnh và tu học trong học pháp, Như Lai lại huấn luyện thêm cho đệ tử ấy :

"Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy bảo hộ các căn ! Khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy tự chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thiết hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn".

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã hộ trì các căn, Như Lai huấn luyện thêm vị Thánh đệ tử ấy :

"Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy tiết độ trong ăn uống, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng : "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy : "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy chú tâm cảnh giác ! Ban ngày khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm canh cuối, khi đã thức dậy trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp".

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã chú tâm cảnh giác, Như Lai huấn luyện thêm vị ấy : "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác ! Khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thượng y đều tỉnh giác; khi ăn uống nhai nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi đứng ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã thành tựu chánh niệm tỉnh giác, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy : "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy lựa một trú xứ thanh vắng, khu rừng, góc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đóng rom !" Vị ấy lựa chọn một trú xứ thanh vắng, khu rừng, góc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đóng rom. Vị ấy sau khi ăn xong, trên đường khát thực trở về, ngồi xuống, kiết-già, giữ lưng cho thẳng, trú niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, gột rửa tâm hết tham ái, từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên.

Từ bỏ trạo cử hồi quá, vị ấy sống không trạo cử hồi quá, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử hồi quá.

Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp.

Vị ấy sau khi đoạn trừ năm triền cái này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để điều phục tham ưu ở đời, quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời.

Ví như, này Aggivessana, một người điều phục voi đóng một cọc trụ lớn vào đất, cọc cổ con voi rùng để điều phục nếp sóng rừng của nó, để điều phục tâm tư rùng núi của nó, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sóng loài người; cũng vậy, này Aggivessana, bốn niệm xứ này là những dây cột tâm tư để điều phục tánh cư sĩ, để điều phục tâm tư cư sĩ, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt não của các cư sĩ, để đạt được chánh lý (naya), để chứng ngộ Niết-bàn.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm vị ấy :

– Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy trú quán thân trên thân, và chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến thân; hãy trú quán thọ trên các cảm thọ, và chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến cảm thọ; hãy trú quán tâm trên tâm, chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến tâm; hãy trú quán pháp trên các pháp, và chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến các pháp.

Vị ấy làm cho dừng lại tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, ... chứng và trú Thiền thứ ba". Vị ấy với tâm định tĩnh... (như Kinh Trung Bộ tập I, Kinh Sa môn Quả)... Vị ấy biết không có đời sống như vậy nữa.

Tỷ-kheo kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của muỗi, ruồi, gió, mặt trời và các loài bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng, vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân, thống khổ, đau nhói, đau đớn, kịch liệt, bất khoái, không thích ý, đau đớn đến chết, được gột sạch về uế nhiễm tham, sân, si.

Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chấp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thì con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung; nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thì con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

Cũng vậy, này Aggivessana, nếu vị Trưởng lão Tỷ-kheo chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thì Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo trung niên; nếu, này Aggivessana,

một Tỷ-kheo thiếu niên chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Tỷ-kheo thiếu niên được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung, nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết đã được điều phục. Cũng vậy, này Aggivessana, nếu một Trưởng lão Tỷ-kheo với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết được điều phục. Nếu, này Aggivessana, một trung niên Tỷ-kheo; nếu, này Aggivessana, một thiếu niên Tỷ-kheo, với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời vị thiếu niên Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết đã được điều phục.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sa-di Aciravata hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Điều Ngự Địa trong bộ Kinh Trung Bộ, một lần nữa, Thế Tôn lại chỉ dạy phương pháp giáo hóa chúng sanh – với một người mới bước chân vào con đường tu học pháp Phật .

Đây có lẽ là một chuẩn mực được các chùa hiện nay tin dùng.

26.

KINH PHÙ-DI
(Bhù mijasuttam)
(126)

Làm sao để những mong muốn, những lời nguyện ước, những lời nguyện cầu ... của mình – cho mình – thành hiện thực ? Thế Tôn chỉ rõ trong kinh Phù Di này ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Rồi Tôn giả Bhumija vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi vương tử Jayasena đi đến Tôn giả Bhumija, sau khi đến nói lên với Tôn giả Bhumija những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vương tử Jayasena thưa với Tôn giả Bhumija:

– Thưa Tôn giả Bhumija, có một số Sa-môn, Bà-la-môn có lý thuyết như sau, có quan điểm như sau : "Nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị nếu không có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị". Ở đây, bậc Đạo sư của Tôn giả Bhumija có nói gì, và có lập luận gì ?

– Thưa Vương tử, tôi không tận mắt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Và sự việc này xảy ra, Thế Tôn có giải thích như sau : "Nếu có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng (ayoni so), thời không đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh không chánh đáng, thời không đạt được quả vị; nếu không có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh không chánh đáng thời không đạt được quả vị.

Còn nếu có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị; nếu không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị; nếu có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị; nếu không có và không có ước nguyện hành Phạm hạnh một cách chánh đáng, thời đạt được quả vị".

Thưa Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn được nghe như vậy, được ghi nhớ như vậy. Sự việc xảy ra, Thế Tôn có giải thích như vậy.

– Nếu Đạo sư của Tôn giả Bhumija thuyết lý như vậy, lập luận như vậy, thời tôi nghĩ rằng chắc chắn vị Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tâm thường.

Rồi vương tử Jayasena mời Tôn giả Bhumija, dùng với bát ăn (thalipaka) của mình.

Rồi Tôn giả Bhumija, sau bữa ăn khát thực trở về đi đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Bhumija bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, ở đây, vào buổi sáng con đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ của vương tử Jayasena, sau khi đến con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, bạch Thế Tôn, vương tử Jayasena đến chỗ con, sau khi đến nói lên với con những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, bạch Thế Tôn vương tử Jayasena nói với con như sau : "Thưa Tôn giả Bhumija, một số Sa-môn, Bà-la-môn, bậc Đạo sư của Tôn giả có nói gì, có lập luận gì ?" Khi được nghe nói vậy, bạch Thế Tôn, con có nói với vương tử Jayasena, như sau : "Này Vương tử, tôi không tận mặt Thế Tôn, được nghe như sau, được ghi nhớ như sau... ". , Tôi nghĩ rằng chắc chắn Đạo sư của Tôn giả Bhumija, đứng cao hơn trên đầu tất cả Sa-môn, Bà-la-môn tâm thường". Bạch Thế Tôn, không hiểu hỏi như vậy, trả lời như vậy, con có nói đúng lời Thế Tôn nói, con không xuyên tạc lời Thế Tôn với điều không đúng sự thực, nhưng con đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp sẽ không có lý do để chỉ trích ?

– Thật vậy, này Bhumija, được hỏi vậy, được trả lời vậy, Ông nói đúng lời Thế Tôn nói, Ông không xuyên tạc Thế Tôn với điều không đúng sự thực, Ông đã giải thích đúng pháp, tùy pháp, và một vị đồng Phạm hạnh nói đúng pháp, tùy pháp không có lý do gì để chỉ trích.

Này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà tinh tấn, tà niệm, tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ có và không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời không đạt được quả vị; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời không đạt được quả vị. Vì sao vậy ? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần dầu, tìm cầu dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu. Sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu). Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy có và không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ cát vào thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cát cho ra dầu), người ấy không lấy được dầu. Vì sao vậy ? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để lấy được dầu.

Cũng vậy, này Bhumija, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến, tà tư duy... tà định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không ước nguyện... có và không có ước nguyện... không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh thời họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy ? Đây không phải là phương pháp này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa. Nếu người ấy có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, người ấy không lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện... Nếu người ấy có và không có ước nguyện... Nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, nắm sừng con bò cái trẻ để vắt sữa, nó không lấy được sữa. Vì sao vậy ? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sữa. Cũng vậy, này Bhumija, các vị Sa-môn hay Bà-la-môn, có tà kiến... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy ? Đây không phải là phương pháp, này Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumija, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia để tìm cầu sanh tô, sau khi đổ nước vào một cái gè, rồi lấy que khuấy đánh. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ nước vào một cái gè, lấy que khuấy đánh, người ấy lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đổ nước vào một cái gè, lấy que khuấy đánh, người ấy không lấy được sanh tô. Vì sao vậy ? Này Bhumija, đây không phải là phương pháp để lấy sanh tô. Cũng vậy, này Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định, nếu họ có ước nguyện hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không

không có ước nguyện, thì họ không đạt được quả vị. Vì sao vậy ? Đây Bhumija, đây không phải là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, đây Bhumija, một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa. Người ấy đem phần phía trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que uớt và có nhựa, nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc que uớt và có nhựa, thì người ấy không lấy được lửa; nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện, nếu người ấy không có và không có ước nguyện đem phần trên đồ quay lửa, rồi cọ xát với một khúc que uớt và có nhựa, thì người ấy không lấy được lửa. Vì sao vậy ? Đây không phải là phương pháp, đây Bhumija, để lấy được lửa. Cũng vậy, đây Bhumija, có những Sa-môn, hay Bà-la-môn có tà kiến... (như trên)... có tà định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ không đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, thì họ không thể đạt được quả vị. Vì có sao ? Đây không phải là phương pháp, đây Bhumija, để đạt được quả vị.

Đây Bhumija, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thì họ đạt được quả vị. Vì có sao ? Đây là phương pháp, đây Bhumija, để đạt được quả vị.

Ví như, đây Bhumija, một người cần dầu, cầu tìm dầu, đi chỗ này chỗ kia để tìm dầu, sau khi đổ những hột giống dầu vào cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu). Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ những giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thì người ấy lấy được dầu. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, sau khi đổ những hột giống dầu vào trong cái thùng, tiếp tục rưới nước rồi ép (cho ra dầu), thì người ấy lấy được dầu. Vì có sao ? Đây Bhumija, đây là phương pháp để lấy được dầu. Cũng vậy, đây Bhumija những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thì họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thì họ đạt được quả vị. Vì có sao ? Đây Bhumija, đây là phương pháp có thể đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumiya, một người cần sữa, tìm cầu sữa, đi chỗ này chỗ kia để tìm sữa. Và người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ. Nếu người ấy có ước nguyện, vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, người ấy vắt sữa từ nơi vú con bò cái còn trẻ, thời người ấy lấy được sữa. Vì có sao ? Này Bhumiya, đây là phương pháp để lấy được sữa. Cũng vậy, này Bhumiya, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... (như trên)... có chánh định, nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao ? Này Bhumiya, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumiya, một người cần sanh tô, tìm cầu sanh tô, đi chỗ này chỗ kia tìm cầu sanh tô; sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh. Nếu người ấy có ước nguyện, sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy cây que khuấy, đánh, thời người ấy lấy được sanh tô. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, thời sau khi đổ lạc (dadhi) vào trong một cái ghè, rồi lấy que khuấy, đánh, người ấy lấy được sanh tô. Vì có sao ? Này Bhumiya, đây là phương pháp để lấy được sanh tô. Cũng vậy, này Bhumiya, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... có chánh định; nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Nếu họ không có ước nguyện; nếu họ có và không có ước nguyện; nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị. Vì có sao ? Này Bhumiya, đây là phương pháp để đạt được quả vị.

Ví như, này Bhumiya, có một người cần lửa, tìm cầu lửa, đi chỗ này chỗ kia để tìm lửa, sau khi mang phần trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa. Nếu người ấy có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Nếu người ấy không có ước nguyện; nếu người ấy có và không có ước nguyện; nếu người ấy không có và không không có ước nguyện, đem phần phía trên đồ quay lửa rồi cọ xát với một khúc cây khô không có nhựa, thời người ấy lấy được lửa. Vì có sao ? Này Bhumiya, đây là phương pháp để lấy được lửa. Cũng vậy, này Bhumiya, những vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào có chánh kiến... chánh định. Nếu họ có ước nguyện, hành Phạm hạnh, thời họ đạt được quả vị; nếu họ không có ước nguyện; có và không có ước nguyện, nếu họ không có và không không có ước nguyện, hành Phạm hạnh,

thời họ đạt kết quả vị. Vì sao vậy ? Đây Bhumija, đây là phương pháp đưa đến quả vị.

Nếu bốn ví dụ này, đây Bhumija, khởi đến từ nơi Ông cho vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông, và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, bốn ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Bhumja hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Phù Di trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến một vấn đề rất phổ biến nơi loài người: sự nguyện cầu.

Loài người rất hay – hướng về các “bề trên” – với sự sùng tín tuyệt đối, rằng: lời nguyện cầu của mình, được lập đi lập lại mãi, sẽ “đến được tai” các bậc thánh, sẽ “lay động” được “lòng thương” của các bậc thánh – để cuối cùng, “các Ngài” sẽ “ra ân”, giúp lời nguyện cầu ấy thành hiện thực ...

Trong kinh Phù Di này, Thế Tôn đã đưa ra bốn ví dụ, với bốn ví dụ này cho hay rằng: nếu như, với một người đầy đủ đức hạnh – lời nguyện cầu, hẳn nhiên là *được* – bởi, không có lời nguyện cầu ấy – vẫn cứ *được* theo sở nguyện.

27.

KINH A NA LUẬT
(Anuruddhasuttam)
(127)

Ngài A Na Luật – một trong mười đại đệ tử của Như Lai, với *thiên nhãn*, Ngài nhận biết *hào quang* của tất cả mọi chúng sanh – cõi người và cõi trời. Trong kinh này, Ngài giải thích rõ phần nào về sự “phản ánh” bản chất của *hào quang* – cũng là thể hiện bản chất của mỗi “người” ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, tại Jetavana, chỗ tinh xá của ông Anathapindika. Rồi thợ mộc Pancakanga báo một người.

– *Hãy đến, này Người kia, hãy đi đến Tôn giả Anuruddha, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Tôn giả Anuruddha và thưa như sau : "Thưa Tôn giả, thợ mộc Pancakanga cúi đầu đánh lễ Tôn giả Anuruddha, và thưa: Mong rằng Tôn giả Anuruddha cùng ba vị nữa, ngày mai nhận lời dùng bữa ăn với thợ mộc Pancakanga. Mong rằng Tôn giả Anuruddha đến thật sớm, vì thợ mộc Pancakanga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua".*

– *Thưa vâng, Tôn giả.*

Người ấy vâng đáp thợ mộc Pancakanga, đi đến Tôn giả Anuruddha, sau khi đến đánh lễ Tôn giả Anuruddha, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa Tôn giả Anuruddha :

– *Thợ mộc Pancakanga cúi đầu đánh lễ Tôn giả Anuruddha và thưa như sau : "Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha với ba vị nữa ngày mai đến dùng bữa ăn với thợ mộc Pancakanga. Thưa Tôn giả, mong rằng Tôn giả Anuruddha đến cho thật sớm, vì thợ mộc Pancakanga có nhiều công việc, có nhiều bổn phận phải làm đối với vua".*

Tôn giả Anuruddha im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Anuruddha, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi đến trú xứ thợ mộc Pancakanga, sau khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi thợ mộc Pancakanga tự tay mời mọc và làm cho thỏa mãn Tôn giả Anuruddha với các món ăn thượng vị, loại cứng và loại

mềm. Và sau khi Tôn giả Anuruddha đã ăn xong, đã cất tay khỏi bình bát, thợ mộc Pancakanga lấy một ghế thấp rồi ngồi xuống một bên, Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pancakanga thưa cùng Tôn giả Anuruddha :

Ở đây, thưa Tôn giả, các Trưởng lão Tỷ-kheo đến và nói như sau : "Này Gia chủ, hãy tu tập vô lượng tâm giải thoát". Có một số vị Trưởng lão lại nói như sau : "Này Gia chủ, hãy tu tập đại hành tâm giải thoát". Thưa Tôn giả, vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn, hay đồng nghĩa, chỉ khác biệt về văn ?

– Này Gia chủ, hãy nói lên những điều gì Ông nghĩ về vấn đề này; nhờ vậy, vấn đề này sẽ trở thành xác thật cho Ông.

– Thưa Tôn giả, con nghĩ như sau : "Vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, các pháp này đồng nghĩa nhưng khác văn".

– Này Gia chủ, vô lượng tâm giải thoát và đại hành tâm giải thoát, những pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn. Do vậy, này "Cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa vừa khác văn.

Và này Cư sĩ, thế nào là vô lượng tâm giải thoát ?

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo an trú, biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết cả phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi, với tâm câu hữu với hỷ, an trú biến mãn, một phương với tâm câu hữu với xả, ... quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là vô lượng tâm giải thoát.

Này Cư sĩ, thế nào là đại hành tâm giải thoát ?

Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo, cho đến một góc cây, an trú, biến mãn và thắm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba góc cây, an trú, biến mãn và thắm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến một ruộng làng an trú, biến mãn và thắm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú biến mãn và thắm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ được gọi là đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú biến mãn và thắm

nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát. Ở đây, này Cư sĩ, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc an trú, biến mãn và thâm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền). Như vậy, này Cư sĩ, được gọi là đại hành tâm giải thoát. Do vậy, này Cư sĩ, đây cần phải hiểu đúng với pháp môn này, nghĩa là các pháp này vừa khác nghĩa, vừa khác văn.

Này Cư sĩ, có bốn hữu sanh này (bhavuppattiyo: bốn sự sanh khởi cho một đời sống mới). Thế nào là bốn ?

Ở đây, này Cư sĩ, có người, với hào quang hạn lượng (parittabha) an trú, biến mãn và thâm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên Quang thiên.

Ở đây, này Cư sĩ, có người với hào quang vô lượng, an trú, biến mãn và thâm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Vô Lượng Quang thiên.

Ở đây, này Cư sĩ có người với hào quang tạp nhiễm, an trú biến mãn và thâm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Tạp Nhiễm Quang thiên.

Ở đây, này Cư sĩ, có người với hào quang thanh tịnh an trú, biến mãn và thâm nhuần. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Biến Tịnh Quang thiên. Này Cư sĩ, có bốn loại hữu sanh này.

– Có thời, này Cư sĩ, chư Thiên kia tập họp tại một chỗ.

Khi các vị này tập họp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang.

Ví như, này Cư sĩ, có người cầm nhiều cây đèn dầu đi vào trong một nhà. Khi các cây đèn dầu ấy được đem vào trong nhà, có thấy sự sai khác về ngọn lửa, nhưng không có thấy sự sai khác về ánh sáng.

Cũng vậy, này Cư sĩ, có thời chư Thiên kia tập họp tại một chỗ. Khi các vị này tập họp tại một chỗ, có thấy sự sai khác về màu sắc, không có thấy sự sai khác về hào quang.

Có thời, này Cư sĩ, chư Thiên ấy, đi ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang.

Ví như, này Cư sĩ, có người đem nhiều cây đèn dầu ra khỏi ngôi nhà ấy, khi các cây đèn dầu ấy được đem ra khỏi ngôi nhà kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về ánh sáng. Cũng vậy, này Cư sĩ, có thời chư Thiên ấy đi

ra khỏi từ chỗ kia. Khi chư Thiên ấy đi ra khỏi từ chỗ kia, có thấy sự sai khác về màu sắc và cũng có thấy sự sai khác về hào quang.

Này Cư sĩ, chư Thiên ấy không có nghĩ : "Đây là thường còn, thường trú, thường hằng cho chúng tôi".

Nhưng chỗ nào chư Thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư Thiên kia sống trong thoải mái. Ví như, này Cư sĩ, khi các con ruồi bị mang đi trong đòn gánh hay trong cái giỏ, chúng nó không có nghĩ : "Đây là sự thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào, chỗ nào các con ruồi kia an trú, tại chỗ ấy các con ruồi ấy sống trong thoải mái. Cũng vậy, này Cư sĩ, chư Thiên ấy không có nghĩ : "Đây là thường còn, thường trú hay thường hằng cho chúng tôi". Nhưng chỗ nào, chỗ nào chư Thiên ấy an trú, tại chỗ ấy, chư Thiên kia sống trong thoải mái.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana thưa với Tôn giả Anuruddha !

– Tốt lành thay, Tôn giả Anuruddha ! Ở đây, tôi có câu này cần phải hỏi thêm. Thưa Tôn giả, chư Thiên có hào quang, tất cả đều có hào quang có hạn lượng ? Hay là ở đây có một số chư Thiên có hào quang vô lượng ?

– Này Hiền giả Kaccana, tùy theo trường hợp, ở đây một số chư Thiên có hào quang có hạn lượng, nhưng ở đây cũng có một số chư Thiên có hào quang vô lượng.

– Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, dầu cho chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, lại có một số chư Thiên có hào quang hạn lượng và có một số chư Thiên khác có hào quang vô lượng ?

– Này Hiền giả Kaccana, ở đây Ta sẽ hỏi Hiền giả. Nếu Hiền giả kham nhẫn, Hiền giả sẽ trả lời. Này Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào ? Tỷ-kheo cho đến một gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn ?

– Thưa Tôn giả, Tỷ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Này Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào ?

Tỳ-kheo cho đến hai hay ba gốc cây, an trú biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỳ-kheo, cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền) trong hai sự tu tập tâm này, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn ?

– Thưa Tôn giả, Tỳ-kheo cho đến một ruộng làng, an trú, biến mãn, và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Tỳ-kheo cho đến hai hay ba ruộng làng, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỳ-kheo cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền) trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn ?

– Thưa Tôn giả, Tỳ-kheo, cho đến một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (Trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Tỳ-kheo cho đến một đại vương, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỳ-kheo cho đến hai hay ba một đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn ?

– Thưa Tôn giả Anuruddha, Tỳ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần rộng lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, Hiền giả nghĩ thế nào ? Tỳ-kheo cho đến hai hay ba đại vương quốc, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), và Tỳ-kheo cho đến giải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn cho đến như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm nào rộng lớn hơn ?

– Thưa Tôn giả, Tỳ-kheo cho đến giải đất tận hải biên, an trú, biến mãn và thấm nhuần lớn như vậy (trong khi tu Thiền), trong hai sự tu tập tâm ấy, sự tu tập tâm này rộng lớn hơn.

– Nay Hiền giả Kaccana, do nhân này, do duyên này, giữa các chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, có một số chư Thiên có hào quang có hạn lượng nhưng có một số chư Thiên có hào quang vô lượng.

– Lành thay, Tôn giả Anuruddha ! Tôi có một câu cần phải hỏi thêm nữa. Thưa Tôn giả, về hào quang chư Thiên, có phải tất cả hào quang là tạp nhiễm hay có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh ?

– Tùy theo trường hợp, này Hiền giả Kaccana, ở đây có một số chư Thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng ở đây cũng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

– Thưa Tôn giả Anuruddha, do nhân gì, do duyên gì, trong chư Thiên ấy được sanh khởi trong một Thiên chúng, có một số hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh ?

Này Hiền giả Kaccana, Ta sẽ cho Hiền giả một ví dụ. Nhờ ví dụ ở đây, người có trí hiểu được ý nghĩa của lời nói. Ví như, này Hiền giả Kaccana, một cây đèn đang cháy với dầu không được sạch sẽ, với tim đèn cũng không được sạch sẽ. Vì dầu không được sạch sẽ, và cũng vì tim đèn không được sạch sẽ, nên cây đèn cháy rất lu mờ. Cũng vậy, này Hiền giả Kaccana, ở đây Tỷ-kheo an trú biến mãn và thâm nhuần với hào quang tạp nhiễm. Thân tâm hạnh của vị ấy không được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên không được khéo đoạn trừ, trạo cử hồi quá không được khéo nhiếp phục. Vì không được khéo chấm dứt thân tâm hạnh, vì không khéo đoạn trừ hôn trầm thụy miên, vì không khéo nhiếp phục trạo cử hồi quá, nên vị ấy được cháy lên một cách lu mờ. Vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên có hào quang tạp nhiễm.

Ví như, này Hiền giả Kaccana, một ngọn đèn dầu được đốt cháy, với dầu sạch sẽ và với tim đèn cũng được sạch sẽ. Do dầu được sạch sẽ và cũng do tim đèn được sạch sẽ, nên cây đèn ấy được cháy không có mù mờ.

Cũng vậy, này Hiền giả Kaccana, ở đây Tỷ-kheo an trú biến mãn và thâm nhuần với hào quang thanh tịnh, thân tâm hạnh của vị này được khéo chấm dứt, hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, trạo cử hồi quá được khéo nhiếp phục. Do thân tâm hạnh được khéo chấm dứt, do hôn trầm thụy miên được khéo đoạn trừ, do trạo cử hồi quá được khéo nhiếp phục, vị ấy được cháy lên không có mù mờ. Sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh cộng trú với chư Thiên có hào quang thanh tịnh. Này Hiền giả Kaccana, do nhân này, do duyên này, giữa chư Thiên ấy sanh khởi cùng trong một Thiên chúng, có một số chư Thiên có hào quang tạp nhiễm, nhưng có một số chư Thiên có hào quang thanh tịnh.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana thưa với Tôn giả Anuruddha :

– *Thật lành thay, Tôn giả Anuruddha ! Thưa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha không có nói như sau : "Như vậy tôi nghe". hay "sự việc đúng như vậy". Trái lại, thưa Tôn giả, Tôn giả Anuruddha chỉ nói : "Chư Thiên này là như vậy và chư Thiên kia là như vậy". Thưa Tôn giả, tôi nghĩ như sau : "Tôn giả Anuruddha chắc chắn đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư Thiên ấy".*

– *Này Hiền giả Kaccana, lời nói này của Hiền giả đến gần như thử thách Ta phải tuyên bố, nhưng Ta sẽ trả lời cho Hiền giả: Này Hiền giả Kaccana, đã từ lâu, Ta đã sống từ trước, đã đàm thoại từ trước, đã đàm luận từ trước với chư Thiên ấy.*

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Abhiya Kaccana nói với thợ mộc Pancakanga:

– *Thật lợi ích thay cho Ông, này Cư sĩ, rằng Ông đã đoạn trừ được điều nghi ngờ từ trước, và cũng được dịp nghe pháp môn này.*

Như vậy, kinh A Na Luật trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến những chỉ dạy của ngài A Na Luật, một trong mười đại đệ tử của Như Lai, về *hào quang*.

Với *thiên nhân*, Ngài A Na Luật nhận biết *hào quang* của tất cả mọi chúng sanh – cõi người và cõi trời. Trong kinh này, ngài giải thích rõ phần nào về sự “phản ánh” bản chất của *hào quang* – cũng là thể hiện bản chất riêng của mỗi “người” ...

28.
KINH TÙY PHIÊN NÃO
(Upakkilesasuttam)
(128)

Kinh Tỳ Phiền Não là đúc kết kinh nghiệm tinh túy của Thế Tôn về *định*. Đây cũng là những điều rất mực hệ trọng – trên con đường tu tập của mỗi người ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Kosambi (Kiều-thương-di), tại tịnh xá Ghosita (Cu-sur-la). Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Rồi một Tỷ-kheo đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo ở Kosambi, sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh nhau, đả thương nhau bằng những binh khí miệng lưỡi. Tốt lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn, đến các Tỷ-kheo ấy.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến liền nói với họ :

– Thôi vừa rồi, các Tỷ-kheo ! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau !

Khi nghe nói vậy, một Tỷ-kheo bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ, hãy dừng lại ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng ! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú ! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy :

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo ! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau.

Lần thứ hai Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng ! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm và hiện tại lạc trú ! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo ấy :

– Thôi vừa rồi, này các Tỷ-kheo ! Chớ có cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh nhau !

Lần thứ ba, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn bậc Pháp Chủ hãy dừng lại ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn chớ có nhọc lòng ! Thế Tôn hãy an trú, chú tâm vào hiện tại lạc trú ! Vì rằng chúng con chịu trách nhiệm về sự cạnh tranh, luận tranh, phân tranh, đấu tranh này.

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát và đi vào Kosambi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Kosambi, ăn xong, trên con đường khi khát thực trở về, sau khi dọn dẹp chỗ nằm, lấy y bát, Ngài đứng và nói bài kệ:

Giữa quân chúng la ó,
Không ai nghĩ mình ngu,
Giữa Tăng chúng phân ly
Có ai nghĩ hướng thượng ?

Thất niệm kẻ trí nói,
Ba hoa trăm thứ chuyện,
Miệng há, nói thả đàn,
Dẫn đi đâu, ai biết ?

"Nó mắng tôi, đánh tôi !
Nó hại tôi, cướp tôi !"
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.

"Nó mắng tôi, đánh tôi !
Nó hại tôi, cướp tôi !"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.

Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Tì bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.

"Người khác không hiểu biết,
Ở đây ta bị diệt",
Nhưng ai hiểu điều này,
Nhờ vậy, tranh luận tiêu.

Kẻ chủ xướng hại mạng,
Cướp bò, ngựa tài sản,
Kẻ cướp đoạt quốc độ,
Họ còn biết đoàn kết,

Sao các Ông không vậy ?
Nếu được bạn hiền trí,
Đồng hành, khéo an trú,
Đã thắng mọi hiểm nạn,
Sống hoan hỷ chánh niệm.
Nếu không bạn hiền trí,
Như vua bỏ quốc độ,
Cô độc như voi rừng.

Tốt hơn, sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu,
Cô độc không làm ác,
Nhàn hạ, như voi rừng.

Rồi Thế Tôn đứng nói lên những câu kệ này, rồi đi đến làng Balakalonakara. Khi ấy, Tôn giả Bhagu sống ở trong làng Balakalonakara. Tôn giả Bhagu thấy Thế Tôn từ xa đi đến, liền sắp đặt chỗ ngồi và nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Ngài rửa chân. Tôn giả Bhagu đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Bhagu đang ngồi một bên:

– Nay Tỷ-kheo, có được an lành không ? Có được sống yên vui không ? Đi khát thực, có khỏi mệt nhọc không ?

– Bạch Thế Tôn, con được an lành. Bạch Thế Tôn, con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn sau khi với thời thuyết pháp khích lệ Tôn giả Bhagu, làm cho hân hoan, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến Pacinavamsadaya. Lúc bấy giờ, Tôn giả Anurudha (A-na-luật), Tôn giả Nandiya (Nan-đề) và Tôn giả Kimbila (Kim-ty-la) trú ở Pacinavamasadaya. Người giữ vườn thấy Thế Tôn từ xa đi đến, khi thấy vậy liền bạch Thế Tôn:

– Này Sa-môn, chớ có vào khu vườn này. Có ba Thiện gia nam tử, rất ái luyện tự ngã (attakamanipa) trú tại đây. Chớ có phiền nhiễu các vị ấy.

Tôn giả Anuruddha nghe người giữ khu vườn nói chuyện với Thế Tôn, liền nói với người giữ vườn:

– Này người Giữ vườn, chớ có ngăn chặn Thế Tôn ! Thế Tôn bậc Đạo sư của chúng tôi đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha đi đến Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila và nói:

– Chư Tôn giả hãy đến ! Chư Tôn giả hãy đến ! Thế Tôn, bậc Đạo sư của chúng ta đã đến.

Rồi Tôn giả Anuruddha, Tôn giả Nandiya và Tôn giả Kimbila ra đón Thế Tôn, một người cầm y bát Thế Tôn, một người sửa soạn chỗ ngồi, một người đặt sẵn nước rửa chân. Thế Tôn ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, Thế Tôn rửa chân. Rồi các Tôn giả ấy đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Anuruddha đang ngồi xuống một bên :

– Này các Anuruddha, các Ông có được an lành không ? Có được sống yên vui không ? Đi khát thực có khỏi mệt nhọc không ?

– Bạch Thế Tôn, chúng con được an lành. Bạch Thế Tôn, chúng con sống yên vui. Bạch Thế Tôn, chúng con đi khát thực khỏi có mệt nhọc.

– Này các Anuruddha, các Ông có sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau. Như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm không ?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, không có cãi nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Nay các Anuruddha, như thế nào các Ông sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm ?

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghe như sau : "Thật lợi ích thay cho ta ! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các đồng Phạm hạnh như vậy ! Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn do vậy chúng con nghĩ như sau : "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con, và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm.

Rồi Tôn giả Nandiya... (như trên)... Rồi Tôn giả Kimbila bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, ở đây chúng con nghĩ như sau : "Thật lợi ích thay cho ta ! Thật khéo lợi ích thay cho ta, khi ta được sống với các vị đồng Phạm hạnh như vậy !" Bạch Thế Tôn, do vậy đối với các vị đồng Phạm hạnh này, con khởi lên từ thân nghiệp, trước mặt và sau lưng; con khởi lên từ khẩu nghiệp, trước mặt và sau lưng, con khởi lên từ ý nghiệp, trước mặt và sau lưng. Bạch Thế Tôn, do vậy chúng con nghĩ như sau : "Ta hãy từ bỏ tâm của ta và sống thuận theo tâm của những Tôn giả này". Và bạch Thế Tôn, con từ bỏ tâm của con và sống thuận theo tâm của những Tôn giả ấy. Bạch Thế Tôn, chúng con tuy khác thân nhưng giống như đồng một tâm. Bạch Thế Tôn, như vậy chúng con sống hòa hợp, hoan hỷ với nhau, như nước với sữa, sống nhìn nhau với cặp mắt thiện cảm.

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha ! và này các Anuruddha, các Ông có sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần không ?

– Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần ?

– Nay các Anuruddha, như thế nào, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần ?

– Ở đây, bạch Thế Tôn chúng con ai đi vào làng khát thực về trước, người ấy sắp đặt các chỗ ngồi, soạn sẵn nước uống, nước rửa chân, soạn sẵn một bát để bỏ đồ

đư. Ai đi vào làng khát thực về sau, người ấy, còn đồ ăn để lại, nếu muốn thì ăn, nếu không muốn thì bỏ vào chỗ không có cỏ xanh hay đổ vào nước không có loài côn trùng. Người ấy xếp dọn lại các chỗ ngồi, cất đi nước uống, nước rửa chân, cất đi cái bát để bỏ đồ dư và quét sạch nhà ăn. Ai thấy ghe nước uống, ghe nước rửa chân, hay ghe nước trong nhà cầu hết nước trống không, người ấy sẽ lo liệu (nước). Nếu làm không nổi với sức bàn tay của mình, người ấy dùng tay ra hiệu gọi người thứ hai: "Chúng ta hãy lo liệu (nước)". Dầu vậy, bạch Thế Tôn, chúng con không vì vậy gây ra tiếng động. Và đến ngày thứ năm, bạch Thế Tôn, suốt cả một đêm chúng con ngồi đàm luận về đạo pháp. Như vậy, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Lành thay, lành thay, này các Anurudda ! Này Anuruddha, các Ông sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, các Ông có chứng được pháp thượng nhân tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh, sống thoải mái an lạc không ?

– Ở đây, bạch Thế Tôn, chúng con sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần như vậy, chúng con nhận thấy được hào quang, cũng như sự hiện khởi các sắc pháp. Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Chúng con không được hiểu rõ tướng ấy là gì.

– Này các Anuruddha, tướng ấy các Ông cần phải hiểu rõ. Ta cũng vậy, này các Anuruddha, trước khi giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta nhận thấy hào quang và sự hiện khởi các sắc pháp.

Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Do nhân gì, do duyên gì hào quang biến mất đối với Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp ?"

Này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Nghĩ hoặc khởi lên nơi Ta. Vì có nghĩ hoặc nên định của Ta bị biến diệt; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta sẽ phải làm thế nào để nghĩ hoặc không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Nhưng hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta, cùng với sự hiện khởi của các sắc pháp ?"

Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Không tác ý khởi lên nơi Ta Vì không có tác ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc và không tác ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Hôn trầm, thùy miên, khởi lên nơi Ta. Vì có hôn trầm, thùy miên nên định của Ta bị biến diệt; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý và hôn trầm, thùy miên không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Sự sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp". Ví như, này các Anuruddha, một người đang đi trên con đường, có kẻ giết người nháy đến (công kích) từ hai phía. Do nhân duyên từ hai phía, người ấy khởi lên sợ hãi. Cũng vậy, này các Anuruddha, sợ hãi khởi lên nơi Ta. Vì có sợ hãi, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Vậy Ta phải làm như thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý hôn trầm, thùy miên và sự sợ hãi không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.. (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Sự phẩn chấn (ubbilla) khởi lên nơi Ta. Vì có sự phẩn chấn, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. (Ví như, này các Anuruddha, một người đi tìm cửa miêng một kho tàng, và trong một lần tìm được năm cửa miêng kho tàng, do nhân duyên này phẩn chấn khởi lên. Cũng vậy, này các Anuruddha, phẩn chấn khởi lên nơi Ta). Vì có phẩn chấn nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào, để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thùy miên, sợ hãi và sự phẩn chấn không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Dâm ý (duttullam) khởi lên nơi Ta. Vì có dâm ý, nên định bị biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với

sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẫn chán, dâm ý không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật.... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Sự tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta, và vì có tinh cần quá độ, nên định lực biến diệt nơi Ta; khi định bị biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp (Ví như này các Anuruddha, một người với hai tay bắt nắm quá chặt một con chim cáy khiến con chim chết liền tại chỗ. Cũng vậy, này các Anuruddha, tinh cần quá độ khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá độ... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.) .

Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẫn chán, dâm ý, và tinh cần quá độ không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật... (như trên)... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Tinh cần quá yếu đuối khởi lên nơi Ta. Vì có tinh cần quá yếu đuối, nên định biến diệt nơi Ta; khi định biến diệt, hào quang biến mất cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. (Ví như này các Anuruddha, một người bắt một con chim cáy quá lỏng lẻo, con chim ấy bay khỏi hai tay của người ấy. Cũng vậy, này các Anuruddha, ... (như trên)... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp). Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý, hôn trầm, thụy miên, sợ hãi, phẫn chán, dâm ý, tinh cần quá độ và tinh cần quá yếu đuối không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống phóng dật ... (như trên) ... Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Ái dục khởi lên nơi Ta. Vì có ái dục.. với sự hiện khởi các sắc pháp... (như trên)... Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc, không tác ý... (như trên)... tinh cần quá yếu đuối và ái dục không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống... Rồi này các Anuruddha, Ta nghĩ như sau : "Sai biệt tưởng khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Vậy Ta phải làm thế nào để nghỉ hoặc... (như trên)... ái dục và sai biệt tưởng không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, và Ta nhận thấy được hào quang cùng với sự hiện khởi sắc pháp. Những hào quang ấy không bao lâu biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp. Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Do nhân gì, do duyên gì, hào quang biến mất nơi Ta cùng với sự hiện khởi các sắc pháp ?" Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ

như sau : "Một trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp khởi lên nơi Ta... cùng với sự hiện khởi các sắc pháp.

Vậy Ta phải làm như thế nào để nghi hoặc.. (như trên)... các tướng sai biệt và trạng thái quá chú tâm vào các sắc pháp không khởi lên nơi Ta nữa".

Rồi này các Anuruddha, sau khi biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ nghi hoặc, phiền não của tâm; sau khi biết được không tác ý là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ không tác ý, phiền não của tâm; sau khi biết được hôn trầm, thụy miên... sau khi biết được sợ hãi... sau khi biết được phẫn chấn.... sau khi biết được dâm ý... sau khi biết được sự tinh cần quá độ... sau khi biết được sự tinh cần quá yếu đuối... sau khi biết được dục ái... sau khi biết được tướng sai biệt; sau khi biết được trạng thái quá chú tâm đến sắc pháp là một phiền não của tâm, Ta đoạn trừ trạng thái quá chú trọng vào các sắc pháp, một phiền não của tâm.

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy được hào quang nhưng Ta không thấy các sắc pháp cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày. Ta thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang.

Về vấn đề này, này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Do nhân gì, do duyên gì, Ta chỉ nhận thấy hào quang, nhưng không thấy sắc pháp : cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày ?" Ta chỉ thấy các sắc pháp nhưng không nhận thấy hào quang.

Về vấn đề này, này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Trong khi Ta không tác ý sắc tướng, nhưng có tác ý hào quang tướng, trong khi ấy ta nhận thấy hào quang, (nhưng) không thấy sắc pháp. Còn trong khi Ta không tác ý hào quang tướng (nhưng) tác ý sắc tướng; trong khi ấy Ta thấy các sắc pháp, (nhưng) không nhận thấy hào quang, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".

Rồi này các Anuruddha, Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy được các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và nhận thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày.

Về vấn đề này, này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Do nhân gì, do duyên gì, Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy các sắc pháp có hạn lượng; nhận thấy hào quang vô lượng và thấy được các sắc pháp vô lượng, cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày ?" .

Về vấn đề này, này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Khi nào định có hạn lượng, khi ấy mắt của Ta có hạn lượng; với con mắt có hạn lượng. Ta nhận thấy hào quang có hạn lượng và thấy sắc pháp có hạn lượng.

Nhưng khi nào định của Ta không hạn lượng, trong khi ấy mắt của Ta thành vô lượng, và với con mắt vô lượng ấy, Ta nhận thấy hào quang vô lượng và thấy các sắc pháp vô lượng cả đêm, cả ngày, cả đêm và cả ngày".

Này các Anuruddha, khi nào biết được nghi hoặc là một phiền não của tâm, thời nghi hoặc phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được không tác ý là một phiền não của tâm, thời không tác ý phiền não của tâm được đoạn trừ; khi nào biết được hôn trầm, thụy miên... ; khi nào biết được sợ hãi... ; khi nào biết được phán chán... ; khi nào biết được dâm ý... ; khi nào biết được tinh cần quá độ... ; khi nào biết được sự tinh cần quá yếu đuối... ; khi nào biết được dục ái... ; khi nào biết được tưởng sai biệt... ; khi nào biết được trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp là một phiền não của tâm, thời trạng thái quá chú tâm đến các sắc pháp một phiền não của tâm được đoạn trừ.

Rồi này các Anuruddha, Ta suy nghĩ như sau : "Những phiền não tâm của Ta đã được đoạn trừ. Nay Ta tu tập ba loại định".

Rồi này các Anuruddha, Ta tu tập định có tâm, có tứ;

Ta tu tập định không có tâm, chỉ có tứ;

Ta tu tập định không tâm không tứ;

Ta tu tập định có hỷ;

Ta tu tập định không có hỷ;

Ta tu tập định câu hữu với lạc;

Ta tu tập định câu hữu với xả.

Này các Anuruddha, khi nào Ta tu tập định có tâm, có tứ; khi nào Ta tu tập định không tâm chỉ có tứ; khi nào Ta tu tập định không có tâm, không có tứ; khi nào Ta tu tập định có hỷ; khi nào Ta tu tập định không có hỷ; khi nào Ta tu tập định câu hữu với xả, thời tri kiến khởi lên nơi Ta: "Giải thoát của Ta là bất động, đây là đời sống cuối cùng của Ta, nay không còn hiện hữu".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anuruddha hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Tùy Phiền Nã trong bộ Kinh Trung Bộ là đúc kết kinh nghiệm tinh túy của Thế Tôn về *định*. Đây cũng là những điều rất mực hệ trọng – trên con đường tu tập của mỗi người ...

Trong kinh này, điều chú ý khác là bài kệ – đây cũng là lời cảnh tỉnh của Thế Tôn gửi đến loài người – trong đó, *tì bi* mới thật sự có được đủ đầy sức mạnh:

*"Nó mắ̃ng tôi, đắ̃nh tôi !
Nó hại tôi, cướp tôi !"
Ai ôm oán niệm ấy,
Hận thù không thể nguôi.*

*"Nó mắ̃ng tôi, đắ̃nh tôi !
Nó hại tôi, cướp tôi !"
Không ôm oán niệm ấy,
Hận thù sẽ tự nguôi.*

*Hận thù diệt hận thù,
Không đời nào diệt được,
Tì bi diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu.*

29.

KINH HIỀN NGU
(Balapanditasuttam)
(129)

Kinh Hiền Ngu trong Bộ Kinh Trung Bộ (Tập 3) là những lời giảng dạy chí tình, cặn kẽ của Thế Tôn về các cõi: Địa ngục, Bằng sanh (súc sanh), Thiên giới.

Những kiến thức này thật sự là vô giá – bởi, không còn gì may mắn hơn, không còn gì quý báu hơn – khi có được những kiến thức này ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn", các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, có ba đặc điểm, đặc tướng, và đặc ấn này của người ngu. Thế nào là ba ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu tư duy ác tư duy, nói lời ác ngữ và hành các ác hạnh.

Này các Tỷ-kheo, nếu người ngu không tư duy ác tư duy, không nói lời ác ngữ, không hành ác hạnh, thì làm sao kẻ trí biết được người ấy : "Người này là người ngu, không phải là Chân nhân ?"

Người ngu ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại cảm thọ ba loại khổ ưu.

(Một là) Này các Tỷ-kheo, nếu người ngu ngồi giữa hội chúng, hay ngồi bên đường có xe cộ qua lại, hay tại ngã (ba, ngã tư) đường, tại đấy (nếu) có người nghĩ đến câu chuyện thích hợp về người ấy. Nếu người ngu, này các Tỷ-kheo, sát sanh, lấy của không cho, theo tà hạnh trong dâm dục, nói láo, say rượu men, rượu nấu, thường ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu ấy suy nghĩ như sau : "Các người ấy nghĩ đến câu chuyện thích hợp về ta, vì những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy". Này các Tỷ-kheo, đây là loại khổ ưu thứ nhất, người ngu cảm thọ ngay trong hiện tại.

Thế Tôn nói với ý : điều đau khổ đầu tiên của người ngu là: (ở bất cứ nơi đâu) họ luôn nghĩ rằng: những việc *sát sanh, lấy của không cho, theo tà hạnh trong dâm dục, nói láo, say rượu* – là những điều *thật có* – nơi người ngu ấy. Lại có thêm những kẻ “cùng hội cùng thuyền” – thì càng cùng cố suy nghĩ trên thêm vững chắc.

Tại sao Thế Tôn lại cho rằng suy nghĩ như trên của người ngu là điều đau khổ ? Bởi, vì người ngu ấy nghĩ rằng những việc *sát sanh, lấy của không cho, theo tà hạnh trong dâm dục, nói láo, say rượu* – là những điều *thật có* – nên không thể dứt bỏ được. Vì không dứt bỏ được nên ngày càng đắm chìm trong ngu muội.

Tiếp theo kinh ...

(Hai là) *Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người ngu thấy các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân, họ xẻo tai, họ cắt mũi, họ xẻo tai cắt mũi; họ dùng hình phạt vạc dầu, họ dùng hình phạt bôi đờn hình (xẻo đỉnh đầu thành hình con sò) họ dùng hình phạt la hầu khâu hình, hỏa man hình (lấy lửa đốt thành vòng hoa), chúc thủ hình (đốt tay), khu hành hình (lấy rom bện lại rồi siết chặt) bì y hình (lấy vỏ cây làm áo), linh dương hình (hình phạt con dê núi), câu nhục hình (lấy câu móc vào thịt), tiền hình (cắt thịt thành hình đồng tiền), khối tráp hình, chuyển hình, cao đập đài, họ tưới bằng dầu sôi, họ cho chó ăn, họ đóng cọc những người sống, họ lấy gươm chặt đầu.*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu nghĩ như sau : "Do nhân các ác hành như vậy, các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng những hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn, họ chặt tay, họ chặt chân, họ chặt tay chân.. họ lấy gươm chặt đầu. Những pháp ấy có thật nơi ta và ta có những pháp ấy. Nếu các vua chúa biết về ta, các vua chúa ấy sau khi bắt ta liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn... họ lấy gươm chặt đầu." *Này các Tỷ-kheo, đây là loại khổ ưu thứ hai, người ngu cảm thọ ngay trong hiện tại.*

Nghĩa ở đây là: người ngu với những hành vi của mình, giống như tên cướp, lúc nào cũng nơm nớp lo sợ - cuộc sống vì vậy chẳng một chút yên ổn, thanh thoi ...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi người ngu leo ngòi trên ghé, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ, những ác nghiệp người ấy làm từ trước, như thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè lên người ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè

trên đất; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi người ngu ngồi trên ghế, hay ngồi trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi ấy các nghiệp quá khứ của người ấy, tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, người ngu suy nghĩ như sau: "Thật sự ta không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi, làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi. Do không làm điều phước, không làm điều thiện, không làm điều chống lại sợ hãi, do làm điều ác, làm điều hung bạo, làm điều tội lỗi nên phải đi đến ác thú; ác thú ấy sau khi chết ta phải đi". Người ấy sầu muộn, than van, than khóc, đấm ngực, rên la và rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây là sự khổ ưu thứ ba, ngay trong hiện tại, người ngu (phải) cảm thọ.

Bất cứ ở đâu, làm việc gì ... với người ngu – thì nổi ám ảnh vô hình – như hòn núi tảng luôn đè nặng ...

Này các Tỷ-kheo, kẻ ngu kia sau khi làm thân ác hành, sau khi làm khẩu ác hành, sau khi làm ý ác hành, khi thân hoại mạng chung, sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về người ấy, phải nói rằng người ấy hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý.

Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về Địa ngục, phải nói rằng Địa ngục, hoàn toàn không tốt đẹp, hoàn toàn không khả ái, hoàn toàn không thích ý. Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự đau khổ của Địa ngục.

Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể cho con một ví dụ được không ?

Thế Tôn đáp :

– Có thể được, này Tỷ-kheo. Ví như, này Tỷ-kheo, có người bắt được một tên trộm cắp, dẫn đến trước mặt vua và thưa : "Tâu Đại vương, đây là một tên trộm cướp phạm tội cho Ngài ! Hãy hình phạt nó như Đại vương muốn". Và vị vua ấy nói như sau về tên trộm cướp ấy : "Này các Ông hãy đi và vào buổi sáng hãy đấm người này với một trăm ngọn giáo". Và vào buổi sáng, họ đấm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến trưa, vua nói như sau : "Này các Ông, người ấy ra sao ?" – "Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống". Rồi vua lại nói như sau về tên trộm cướp ấy : "Này các Ông, hãy đi và vào buổi trưa, hãy đấm người này với một trăm ngọn

giáo". Và vào buổi trưa, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo. Rồi đến chiều, vua nói như sau : "Này các Ông, người ấy ra sao ?" – "Tâu Đại vương, nó vẫn còn sống". Rồi vua lại nói như sau về người kia : "Này các Ông, vào buổi chiều, họ đâm người này với một trăm ngọn giáo". Và vào buổi chiều, họ đâm người ấy với một trăm ngọn giáo.

Này các Tỷ-kheo, Ông nghĩ thế nào ? Người ấy bị đâm ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy, có cảm thọ khổ ưu không ?

– Bạch Thế Tôn, chỉ bị ngọn giáo đâm một lần, người kia do nhân duyên ấy cũng cảm thấy khổ ưu, còn nói gì đến ba trăm ngọn giáo !

Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói với các Tỷ-kheo :

– Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Cái gì lớn hơn, hòn đá này, to bằng bàn tay do ta lượm lên, hay núi Tuyết Sơn (Himava) vua các loại núi ?

– Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn, hòn đá này lớn bằng bàn tay do Thế Tôn lượm lên. So sánh với Tuyết Sơn vua các loại núi, nó không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần (của núi Tuyết) nó không thể so sánh được !

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, người ấy bị đâm bởi ba trăm ngọn giáo, do nhân duyên ấy cảm thọ khổ ưu. Khổ ưu ấy so sánh với khổ ưu ở Địa ngục không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (pancavidhabandhanam). Họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. (Có nghĩa là: không thể chết được).

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ các cảm giác đau đớn, thống khổ, khóc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên kéo người ấy xuống trên một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở đây bị nấu với vạc nước sôi sùng sục; khi thì nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng người ấy vào Đại địa ngục. Này các Tỷ-kheo, Đại địa ngục ấy, có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau; xung quanh có tường sắt; mái sắt lợp lên trên. Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, cháy đỏ rực; đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỷ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về Địa ngục, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỷ-kheo, vì đau khổ ở Địa ngục quá nhiều.

Và, Thế Tôn giảng về cõi Bàng sanh (Súc sanh):

Này các Tỷ-kheo, có những loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Chúng ăn những cỏ ướt và khô, với răng nhai nghiền, cỏ ấy. Này các Tỷ-kheo, những sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ là gì ? Các loại ngựa, trâu, bò, lừa, dê, nai hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn cỏ. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp, ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, những loài hữu tình ăn cỏ.

Này các Tỷ-kheo, có các sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng : "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Ví như các Bà-la-môn chạy đến, ngửi được mùi lễ tế sanh, nghĩ rằng : "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Cũng vậy này các

Tỷ-kheo, có các loại sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, và ăn phân. Chúng ngửi được mùi phân từ đường xa, liền chạy tới, nghĩ rằng : "Chúng ta sẽ ăn ở đây, chúng ta sẽ ăn ở đây". Và này các Tỷ-kheo, các sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở và ăn phân là gì ? Các loại gà, heo, chó, chó rừng (giả can), hay tất cả các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, ăn phân. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung sanh ra cộng trú với các loại hữu tình ấy, những loại hữu tình ăn phân.

Này các Tỷ-kheo, có các loại sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối. Này các Tỷ-kheo, những sanh vật ấy, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bóng tối, già trong bóng tối và chết trong bóng tối là gì ? Các loại côn trùng, con sùng, con dòi, con sâu đom đóm và các loại sanh vật khác thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sống trong bóng tối. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy tức là các loại hữu tình sinh ra trong bóng tối, già trong bóng tối, chết trong bóng tối.

Này các Tỷ-kheo, có những sanh vật, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sinh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Và này các Tỷ-kheo, các sanh vật ấy thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước là gì ? Các loại cá, rùa, cá sấu, hay các sanh vật khác, thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước. Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong nước, già trong nước, chết trong nước.

Này các Tỷ-kheo, có các sanh vật thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh. Và này các Tỷ-kheo, các sanh vật ấy, các loại thuộc loại bàng sanh, có hơi thở, sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh là gì ? Này các Tỷ-kheo, các loài hữu tình nào sanh ra trong cá thúi hay già trong cá thúi, hay chết trong cá thúi, hay trong tử thi thúi, hay trong đồ ăn thúi, hay trong vũng nước, hay sinh ra trong đầm nước (nhóp)... già... hay chết trong đầm nước (nhóp). Này các Tỷ-kheo, người ngu ấy, do trước kia hưởng thọ ở đây, do trước kia làm các ác nghiệp ở đây, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra cộng trú với các loài hữu tình ấy, tức là các loài hữu tình sanh ra trong bất tịnh, già trong bất tịnh, chết trong bất tịnh.

Này các Tỷ-kheo, với rất nhiều pháp môn, Ta nói về các loại bàng sanh, nhưng thật khó nói cho được đầy đủ, này các Tỷ-kheo, vì đau khổ ở loài bàng sanh quá nhiều.

Từ cõi *Bàng sanh* trở lại thành người:

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người quăng một khúc cây có một cái lỗ trên biển, một ngọn gió từ phương Đông thổi nó trôi qua phía tây; một ngọn gió từ phương Tây thổi nó trôi qua phía đông; một ngọn gió từ phương Bắc thổi nó trôi qua phía nam; một ngọn gió từ phương Nam thổi nó trôi qua phía bắc. Rồi có một con rùa mù, cứ một trăm năm mới trôi đầu lên một lần. Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Con rùa mù ấy có thể đút cổ nó vào trong lỗ cây này được không ?

– Nếu có được chăng nữa, bạch Thế Tôn, thời chỉ được một lần, sau một thời gian rất lâu dài.

Về sắc xuất, con rùa mù – một trăm năm mới trôi đầu lên một lần – để có thể đút cổ nó vào trong lỗ cây – trôi vật vờ trên biển cả – thì, sắc xuất ấy là vô cùng nhỏ ! Ấy vậy mà ...

– Còn mau hơn, này các Tỷ-kheo, con rùa mù ấy có thể chui cổ vào khúc cây có lỗ hổng kia; nhưng này các Tỷ-kheo, ta tuyên bố rằng (con rùa mù chui cổ vào khúc cây) còn dễ hơn được làm người trở lại, một khi người ngu bị rơi vào đọa xứ.

Vì sao vậy ? Vì ở đấy, này các Tỷ-kheo, không có pháp hành, an tịnh hành, thiện hành, phước hành. Này các Tỷ-kheo, ở đây chỉ có ăn lẫn nhau và ăn thịt kẻ yếu.

Như vậy, điều đặc biệt lưu ý là: một khi để rơi vào cõi Súc sinh, việc trở lại thành người là vô cùng khó. Cho đến khi trở lại thành người thì ...

Và này các Tỷ-kheo, nếu người ngu ấy sau một thời gian rất lâu dài, có được làm người trở lại, thời người ấy sẽ sanh trong gia đình thấp hèn, trong gia đình hạ cấp, trong gia đình kẻ đi săn, trong gia đình kẻ đan tre, trong gia đình người làm xe, hay trong gia đình người đổ phân, trong những gia đình nghèo khổ, không đủ để uống hay để ăn, cho đến miếng vải che lưng cũng khó tìm được.

Lại nữa, người ấy thô xấu, khó nhìn, lùn thấp, hay bệnh, mù hay có tật, què hay bị bại, người ấy không có thể được các đồ ăn, đồ uống, vải xa, vòng hoa, hương liệu, giường nằm, chỗ trú xứ và ánh sáng. Người ấy hành thân ác hành, khẩu ác hành, ý

ác hành; vì hành thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành; sau khi thân hoại mạng chung, sinh ra trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục.

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đánh bạc, trong canh đố bạc đầu tiên, mất con, mất vợ, mất tất cả tài sản, lại cuối cùng phải tù tội. Nhưng này các Tỷ-kheo, còn nhỏ bé canh đố bạc ấy, do canh đố bạc đầu tiên này, người ấy mất con, mất vợ, mất tất cả tài sản, lại cuối cùng phải tù tội. Và canh bạc này to lớn hơn, với canh bạc ấy người ngu, do thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục. Này các Tỷ-kheo, đây là địa xứ hoàn toàn viên mãn của kẻ ngu.

Ý của Thế Tôn là: cho dù có thua một canh bạc lớn như thế nào, cay đắng như thế nào, đau khổ như thế nào ... cũng không thể bằng để bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục.

Đến đây, Thế Tôn giảng về người có trí – ngược với người ngu :

Này các Tỷ-kheo, có ba đặc điểm, đặc tướng, và đặc ấn này của người trí. Thế nào là ba ? Ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí tư duy thiện tư duy, nói lời thiện ngữ, và hành các thiện hành.

Này các Tỷ-kheo, nếu người trí không tư duy thiện tư duy, không nói lời thiện ngữ, không hành các thiện hành, thì làm sao kẻ trí biết được người ấy : "Vị này là người trí, là bậc Chân nhân". ?

Và vì rằng, này các Tỷ-kheo, người trí tư duy thiện tư duy, nói lời thiện ngữ, hành thiện hành, do vậy người trí biết người ấy : "Vị này là người có trí, là bậc Chân nhân".

Người trí ấy, này các Tỷ-kheo, ngay trong hiện tại cảm thọ ba loại lạc hỷ.

Này các Tỷ-kheo, nếu người trí ngồi giữa hội chúng, hay ngồi bên đường có xe cộ qua lại, hay tại ngã (ba, ngã tư) đường, tại đây (nếu) có người nghĩ đến câu chuyện thích hợp về người ấy; nếu người trí, này các Tỷ-kheo, từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hành trong dâm dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ say rượu men rượu nấu, thì ở đây này các Tỷ-kheo, người trí ấy suy nghĩ như sau : "Các người ấy nghĩ đến câu chuyện thích hợp về ta, vì những pháp ấy thật có nơi ta và ta có những pháp ấy". Này các Tỷ-kheo, đây là loại lạc hỷ thứ nhất, người trí cảm thọ ngay trong hiện tại.

Ý nghĩa: ngược lại với người ngu (dẫn giải ở trên).

Lại nữa này các Tỷ-kheo, người trí thấy các vua chúa, sau khi bắt tên trộm cướp phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy, họ đánh bằng côn... (như trên)... họ lấy guơm chặt đầu. Ở đây, này các Tỷ-kheo người trí suy nghĩ như sau : "Do nhân các ác hành như vậy, các vua chúa sau khi bắt tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng những hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... (như trên)... họ lấy guơm chặt đầu, những pháp ấy thật không có nơi ta, và ta không có những pháp ấy". Này các Tỷ-kheo, đây là loại lạc hỷ thứ hai, người trí cảm thọ ngay trong hiện tại.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, khi người trí leo ngòai trên ghé, hay trên giường, hay nằm trên đất, lúc bấy giờ những thiện nghiệp người ấy làm từ trước, như thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào buổi chiều, những bóng các đỉnh núi treo nằm, treo áp, treo đè trên đất; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi người trí ngòai trên ghé hay ngòai trên giường, hay nằm dưới đất, trong khi các nghiệp quá khứ của người ấy tức là thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành treo nằm, treo áp, treo đè trên người ấy. Ở đây, này các Tỷ-kheo, người trí suy nghĩ như sau : "Thật sự ta không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi, lại làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống sợ hãi. Do không làm điều ác, không làm điều hung bạo, không làm điều tội lỗi, do làm điều phước, làm điều thiện, làm điều chống sợ hãi, được đi đến (thiện) thú nào, (thiện) thú ấy sau khi chết, ta được đi". Vị ấy không sầu muộn, không than van, không than khóc, không đấm ngực, rên la và rơi vào bất tỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây là sự lạc hỷ thứ ba, ngay trong hiện tại người trí được cảm thọ.

Này các Tỷ-kheo, kẻ trí kia sau khi làm thân thiện hành, sau khi làm khẩu thiện hành, sau khi làm ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung, sanh ra trong thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, nếu có ai nói một cách đúng đắn về vị ấy phải nói rằng vị ấy hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn thích ý. Cũng như muốn nói một cách đúng đắn về Thiên giới phải nói rằng Thiên giới hoàn toàn tốt đẹp, hoàn toàn khả ái, hoàn toàn thích ý. Về vấn đề này, này các Tỷ-kheo, cho đến một ví dụ cũng không dễ gì, vì rất nhiều là sự (an) lạc của Thiên giới,

Khi được nói vậy, một Tỷ-kheo khác bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có thể làm cho con một ví dụ được không ?

– Có thể được, này Tỳ-kheo. Ví như, này các Tỳ-kheo, vị vua Chuyển luân có đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức, do nhân duyên ấy cảm thọ lạc hỷ. Thế nào là bảy ?

Ở đây, này các Tỳ-kheo, vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh (tựa như lễ tuyên thệ nhậm chức), vào ngày Bó-tát trăng rằm sau khi gội đầu, lên cao điện để trai giới, thời Thiên luân báu hiện ra, đủ một ngàn cọng xa, vôi vành xe, trục xe, đầy đủ mọi bộ phận.

Này các Tỳ-kheo, rồi vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y trên một vai, tay trái cầm bình nước và vôi tay phải rưới nước trên xe báu và nói : "Này xe báu hãy lăn khắp. Này xe báu hãy chinh phục !" Và này các Tỳ-kheo, xe báu lăn về hướng Đông và vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Và này các Tỳ-kheo, chỗ nào xe báu dừng lại, chỗ ấy vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Này các Tỳ-kheo, các địch vương ở phương Đông đến yết kiến vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, và nói : "Hãy đến đây, Đại vương !" Hoan nghênh, đón mừng Đại vương ! Tâu Đại vương, tất cả đều thuộc của Ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi !"

Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, nói rằng: "Không được sát sanh. Không được lấy của không cho. Không được tà dâm. Không được nói láo. Không được uống rượu. Hãy ăn uống cho thích nghi".

Này các Tỳ-kheo, tất cả địch vương ở phương Đông đều trở thành chư hầu vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỳ-kheo, rồi xe báu ấy lặn xuống biển lớn ở phương Đông rồi nổi lên và lặn về phương Nam... lặn xuống biển lớn ở phương Nam, rồi nổi lên và lặn về phương Tây... lặn xuống biển lớn ở phương Tây.. , rồi nổi lên và lặn về phương Bắc và vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh cùng với bốn loại binh chủng đi theo sau. Này các Tỳ-kheo, chỗ nào xe báu dừng lại, chỗ ấy vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh an trú cùng với bốn loại binh chủng.

Này các Tỳ-kheo, các địch vương ở phương Bắc đến yết kiến vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh và nói : "Hãy đến đây, Đại vương ! Hoan nghênh, đón mừng Đại vương ! Tâu Đại vương; tất cả đều thuộc của Ngài, tất cả đều thuộc của Ngài. Đại vương hãy giáo huấn cho chúng tôi !"

Này các Tỳ-kheo, tất cả địch vương ở phương Bắc đều trở thành chư hầu vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỳ-kheo, xe báu ấy sau khi chinh phục trái đất cho đến hải biên, liền trở về kinh đô Ku-savati, và đứng trước pháp đình, trên cửa nội cung như một trang bảo cho nội cung của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh. Này các Tỳ-kheo, như vậy là sự xuất hiện của xe báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Ở đây ý nghĩa là: Một vị vua, chinh phục toàn cầu, không một giọt máu, tất cả kẻ địch đều quy phục – là điều hạnh phúc tột độ của một vị vua ...

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, voi báu xuất hiện cho vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thuần trắng, bảy xír kiên cường, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Uposatha (Bố-tát). Thấy (voi báu), vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "Lành thay được cỡi con voi này, nếu nó chịu sự điều ngự" Và này các Tỷ-kheo, như một con hiền tượng quý phái chịu sự điều ngự lâu ngày, con voi báu ấy tự đến để chịu điều ngự. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, để thử voi báu này, sáng sớm cỡi voi đi khắp quả đất cho đến hải biên rồi về lại kinh đô Kusavati kịp giờ ăn sáng. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện voi báu của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ngựa báu xuất hiện cho vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, thuần trắng, đầu đen như quạ, bờm ngựa màu đen, có thần lực, phi hành trên hư không và tên là Valahaka. Thấy (ngựa báu), vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, sanh tâm hoan hỷ và nghĩ: "Tốt đẹp thay được cỡi con ngựa này nếu nó chịu sự điều ngự". Và này các Tỷ-kheo, như một con hiền mã quý phái, chịu sự điều ngự lâu ngày, con ngựa báu ấy tự đến để chịu sự điều ngự. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh để thử con ngựa báu này, sáng sớm liền cỡi ngựa, đi khắp quả đất cho đến hải biên, rồi về lại kinh đô Kusavati kịp giờ ăn sáng. Này các Tỷ-kheo, như vậy là xuất hiện ngựa báu của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, châu báu lại xuất hiện cho vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh. Châu báu ấy là lưu ly châu, sáng suốt, thuần chất, có tám mặt, khó đũa, khó mài, thanh tịnh, trong suốt, hoàn hảo mọi phương diện. Này các Tỷ-kheo, hào quang châu báu này chiếu sáng cùng khắp một do tuần. Này các Tỷ-kheo, thuở xưa, vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh để thử châu báu này đã cho dàn bày bốn binh chủng, đặt bảo châu cao trên quân kỳ và có thể tiến quân trong đêm tối âm u. Này các Tỷ-kheo, mọi người trong làng ở xung quanh đều bắt đầu làm việc, tưởng rằng trời đã sáng rồi. Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện châu báu của vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỷ-kheo, nữ báu lại xuất hiện cho vua Sát-đế-lỵ đã làm lễ quán đảnh, mỹ miều, khả ái, cử chỉ đoan trang, màu da tuyệt mỹ, không quá cao, không quá thấp, không béo, không gầy, không quá đen, không quá trắng, vượt trên dung sắc loài Người, ánh sáng bằng dung sắc chư Thiên. Này các Tỷ-kheo, thân xác nữ báu này là (êm mịn) như bông, như nhung. Này các Tỷ-kheo, khi trời lạnh, chân tay nữ báu

này trở thành ấm áp; khi trời nóng, trở thành lạnh mát. Nay các Tỷ-kheo, thân nữ báu tỏa mùi thơm chiên đàn, miệng tỏa mùi thơm hoa sen. Nay các Tỷ-kheo, nữ báu này dậy trước và đi ngủ sau vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, mọi hành động làm vua thỏa thích, yên lành khả ái. Nay các Tỷ-kheo, nữ báu này không có một tư tưởng nào bất tín đối với vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, huống nữa là về thân thể. Nay các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện nữ báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, cư sĩ báu xuất hiện cho vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, chứng được thiên nhãn, do nghiệp dị thực sanh và nhờ thiên nhãn này có thể thấy châu báu chôn cất có chủ hay không có chủ. Cư sĩ báu này đến vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh và nói :

– "Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ xử lý thích nghi tài sản Đại vương".

Nay các Tỷ-kheo, thuở xưa vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, muốn thử cư sĩ báu này, liền cỡi thuyền, chèo ra giữa sông Hằng và bảo cư sĩ báu :

"- Nay cư sĩ, ta cần vàng.

"- Tâu Đại vương, hãy cho chèo thuyền gần bờ nào cũng được.

"- Nay cư sĩ, ta cần vàng ngay tại đây.

Nay các Tỷ-kheo, khi ấy cư sĩ báu thọc hai tay xuống nước nhắc lên một ghè đầy cả vàng ròng rồi tâu với vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh :

"- Tâu Đại vương, như vậy đã đủ chưa ? Tâu Đại vương, làm như vậy đã được chưa ?"

Vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh trả lời :

"- Nay Cư sĩ, như vậy là đủ. Nay Cư sĩ, làm như vậy là được rồi. Nay Cư sĩ, cúng dường như vậy là được rồi".

Nay các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện cư sĩ báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, tướng quân báu xuất hiện cho vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, có học thức, thông minh, sáng suốt, có khả năng khuyến cáo vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, khi đáng tiến thì tiến, khi đáng lùi thì lùi, khi đáng dừng thì dừng :

Vị này đến tâu vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh :

"- Tâu Đại vương, Đại vương chớ có lo âu, thần sẽ cố vấn Đại vương".

Này các Tỷ-kheo, như vậy là sự xuất hiện tướng quân báu của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh có đầy đủ bảy báu như vậy.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh có đầy đủ bốn như ý đức. Thế nào là bốn ?

Này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh đẹp trai, khả ái, cử chỉ thanh lịch, sắc diện tuyệt luân, thấy xa hơn mọi người. Này các Tỷ-kheo, đó là như ý đức thứ nhất của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Này các Tỷ-kheo, lại nữa, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh sống lâu, tuổi thọ thắng xa các người khác. Này các Tỷ-kheo, đó là như ý đức thứ hai của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh ít bệnh tật, ít tai ương thế nhiệt không quá lạnh, không quá nóng, được quân phân để điều hòa sự tiêu hóa, thắng xa các người khác. Này các Tỷ-kheo, đó là như ý đức thứ ba của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh.

Lại nữa này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh được các Bà-la-môn và Gia chủ ái kính và yêu mến. Này các Tỷ-kheo, như người cha được các người con ái kính và yêu mến; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh được các Bà-la-môn và Gia chủ ái kính và yêu mến. Này các Tỷ-kheo, các vị Bà-la-môn và Gia chủ được vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh ái kính và yêu mến. Này các Tỷ-kheo, như những người con được người cha ái kính và yêu mến; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn và Gia chủ được vua Sát-đế-ly, đã làm lễ quán đảnh ái kính và yêu mến. Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ

quán đánh đi đến hoa viên cùng với bốn loại binh chủng. Nay các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn và Gia chủ đến vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh và tâu rằng:

"- Tâu Đại vương, hãy cho đi chậm chậm để chúng tôi có thể chiêm ngưỡng lâu dài hơn. "

Này các Tỷ-kheo nhưng vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh lại ra lệnh cho người đánh xe:

"- Này anh Đánh xe, hãy đánh xe chậm chậm đủ để ta có thể thấy các vị Bà-la-môn và Gia chủ lâu dài hơn".

Này các Tỷ-kheo, như vậy là như ý đức thứ tư của vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh.

*Và này các Tỷ-kheo, vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh suy nghĩ : "Nay ta hãy cho xây những hồ sen giữa các hàng cây tala, cứ cách khoảng một trăm cung tầm !"
Này các Tỷ-kheo, vua Chuyển luân có đầy đủ bốn như ý đức này.*

Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Vua Chuyển luân, đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức; do nhân duyên ấy, có cảm thọ lạc hỷ không ?

– Bạch Thế Tôn, vua Chuyển luân chỉ đầy đủ một món báu, do nhân duyên ấy, có cảm thọ lạc hỷ; còn nói gì đầy đủ bảy món báu và bốn như ý đức.

Rồi Thế Tôn lượm lên một hòn đá nhỏ, lớn bằng bàn tay và nói với các Tỷ-kheo :

– Này các Tỷ-kheo, các Ông nghĩ thế nào ? Cái gì lớn hơn ? Hòn đá này, to bằng bàn tay do Ta lượm lên hay núi Tuyết Sơn, vua các loại núi ?

– Thật là quá nhỏ, bạch Thế Tôn là hòn đá này, lớn bằng bàn tay, do Thế Tôn lượm lên, so sánh với Tuyết Sơn vua các loại núi, nó không đáng kể gì, nó không bằng một phần ngàn vạn lần (của núi Tuyết), nó không thể so sánh được.

– Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vua Chuyển luân với bảy món báu và bốn như ý đức, do nhân duyên ấy cảm thọ lạc hỷ, lạc hỷ ấy so sánh với Thiên lạc không đáng kể gì, không bằng một phần ngàn vạn lần, không thể so sánh được.

Này các Tỷ-kheo, người có trí ấy, nếu sau một thời gian rất lâu dài, được sinh làm người, người ấy sẽ sinh ra trong một gia đình cao quý Sát-đế-ly đại gia, hay Bà-la-môn đại gia, hay Cư sĩ đại gia giàu có, tài sản nhiều, tài nguyên nhiều, vàng và bạc phong phú, tài vật phong phú, lúa thóc phong phú. Hơn nữa, vị ấy đẹp trai, khả ái, dễ thương, đầy đủ dung sắc tối thượng. Vị ấy nhận được đồ ăn, đồ uống, vải mặc, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, giường, trú xứ và ánh sáng. Vị ấy sống với thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành. Sống với thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh lên thiện thú, Thiên giới. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người đánh bạc, chính trong canh bạc thứ nhất (đổ xúc sắc) được tiền bạc rất nhiều. Thật là quá nhỏ, này các Tỷ-kheo, là canh bạc ấy, nhờ canh bạc đầu tiên này người đánh bạc ấy được tiền bạc rất nhiều. Lớn hơn canh bạc ấy là canh bạc nhờ đó người trí sau khi hành thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, sau khi thân hoại mạng chung, sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Này các Tỷ-kheo, đây là địa vị hoàn toàn viên mãn của bậc có trí.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Hiền Ngu trong bộ Kinh Trung Bộ là những lời giảng dạy của Thế Tôn – chí tình, không còn sự chí tình nào hơn – cặn kẽ, không còn sự cặn kẽ nào hơn.

Ý của Như Lai là: Hãy làm người trí – chớ có để bị thoái hóa biến thành người ngu.

30.
KINH THIÊN SỨ
(Devadutasuttam)
(130)

Kinh Thiên Sứ là bổ sung của kinh Hiền Ngụ. Ở kinh Thiên Sứ này, Thế Tôn mô tả tỉ mỉ hơn về cảnh giới (cõi) Địa ngục...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo".

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Ví như, này các Tỷ-kheo, có hai nhà có cửa; ở đây, một người có mắt đứng chính giữa có thể thấy những người đi vào nhà, đi ra khỏi nhà, đi qua, đi lại. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Ta với thiên nhãn thanh tịnh, siêu nhân, thấy các chúng hữu tình chết đi sanh lại, hạ liệt, cao sang, đẹp trai, xấu hình, thiện thú, ác thú, tùy theo hạnh nghiệp của họ, (và Ta nghĩ) : "Các bậc hữu tình này do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời này.

Hay các vị hữu tình này, do thành tựu thân thiện hành, khẩu thiện hành, ý thiện hành, không công kích các bậc Thánh, có chánh kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với chánh kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, được sanh ra giữa loài Người.

Còn các hữu tình, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp với tà kiến, các vị ấy sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi nạ quý (pettivisaya). Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù hợp tà kiến, các hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào các loại bàng sanh. Hay các hữu tình này, do thành tựu thân ác hành, khẩu ác hành, ý ác hành, công kích các bậc Thánh, có tà kiến, thọ trì nghiệp phù

hợp tà kiến, các hữu tình sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, Địa ngục".

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục, sau khi bắt giữ người ấy với nhiều cánh tay, dẫn người ấy đến trước vua Yama (và thưa):

"- Tâu Đại vương, người này không có từ tâm, không xứng là Sa-môn, không xứng là Bà-la-môn, không kính trọng các vị lớn tuổi trong gia đình. Đại vương hãy trừng phạt nó !

Này các Tỷ-kheo, vua Yama, chất vấn người ấy, cật vấn, thẩm vấn người ấy về Thiên sứ thứ nhất : "Này người kia, Ngươi có thấy Thiên sứ thứ nhất đã hiện ra giữa loài Người không ?"

Người ấy nói : "Thưa Ngài, không thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy: "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người có đũa con nút nhỏ, yếu ớt, nằm giữa, nằm rơi vào giữa phân và nước tiểu của nó hay không ?" Người ấy đáp : "Thưa Ngài, có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ : "Ta bị sanh chi phối, ta không thoát khỏi sanh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý" Người ấy đáp : "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo sự phóng dật ấy của Ngươi.

Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Người phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn và thẩm vấn người kia về Thiên sứ thứ nhất, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên sứ thứ hai: "Này người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ hai hiện ra không ?" Người ấy đáp : "Thưa Ngài, không thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia : "Này Người kia, Ngươi có thấy người đàn bà hay người đàn ông tám mươi tuổi, hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi, già yếu, cong như nóc nhà, lưng còm,

chống gậy, vừa đi vừa run, bệnh hoạn, tuổi trẻ đã qua mất, răng rụng, tóc sói, da nhẵn, run rẩy, vớ tay chân bạc màu ?" Người ấy đáp : "Thưa Ngài, có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ : "Ta bị già chi phối, ta không thoát khỏi già; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý". Người ấy đáp : "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn và thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo sự làm ấy".

Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thăm vấn người kia về Thiên sứ thứ hai, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thăm vấn về Thiên sứ thứ ba : "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, Thiên sứ thứ ba hiện ra không ?" Người ấy đáp : "Thưa Ngài không thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia: "Này Người kia, Người có thấy người đàn bà hay người đàn ông bị bệnh hoạn, khổ não, bị bệnh trầm trọng rơi nằm vào trong nước tiểu và phân của mình, cần người khác nâng dậy, cần người khác dìu nằm xuống ?" Người ấy đáp : "Thưa Ngài, có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó : "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ : "Ta bị bệnh chi phối, ta không thoát khỏi bệnh; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý". " Người ấy đáp : "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện, về thân, khẩu, ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo sự phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do

chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên giới thứ ba, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về chư Thiên thứ tư : "Này người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người Thiên sư thứ tư hiện ra không ?" Người ấy đáp : "Thưa Ngài, không thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người kia : "Này người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, các vua chúa sau khi bắt được tên trộm cướp có phạm tội, liền áp dụng nhiều hình phạt sai khác. Họ đánh bằng roi, họ đánh bằng gậy... họ lấy grom chặt đầu".

Người ấy nói : "Thưa Ngài, có thấy". Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ : "Thật sự những ai làm các ác nghiệp, họ phải chịu những hình phạt sai khác, ngay trong hiện tại như vậy, huống nữa là về đời sau ! Ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu, ý". Người ấy đáp : "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với nó : "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện về thân, khẩu, ý; chắc chắn họ sẽ làm cho Ngươi, này người kia, tùy theo sự phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính do Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

Này các Tỷ-kheo, sau khi chất vấn, cật vấn, thẩm vấn người kia về Thiên giới thứ tư, vua Yama mới chất vấn, cật vấn, thẩm vấn về Thiên giới thứ năm : "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người Thiên sư thứ năm hiện ra không ?" Người ấy đáp : "Thưa Ngài, không thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này Người kia, Ngươi có thấy giữa loài Người, người đàn bà hay người đàn ông chết đã được một ngày, hai ngày hay ba ngày, sưng phồng lên, xanh xám lại, rữa nát ra ?" Người ấy nói : "Thưa Ngài, có thấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này Người kia, tuy Ngươi là người có ý thức và lớn tuổi, nhưng Ngươi không có nghĩ : "Ta bị chết chi phối, ta không thoát khỏi chết; ta hãy làm điều thiện về thân, khẩu và ý".

Người ấy đáp : "Thưa Ngài, tôi không có thể làm, vì tôi phóng dật, thưa Ngài".

Rồi này các Tỷ-kheo, vua Yama nói với người ấy : "Này Người kia, nếu vì phóng dật nên Ngươi không làm điều thiện, về thân, khẩu ý; chắc chắn chúng sẽ làm cho Ngươi, này Người kia, tùy theo phóng dật của Ngươi. Vì rằng đây là một ác nghiệp của Ngươi, không phải do mẹ làm, không phải do cha làm, không phải do anh làm, không phải do chị làm, không phải do bạn bè thân hữu làm, không phải do bà con huyết thống làm, không phải do Sa-môn, Bà-la-môn làm, không phải do chư Thiên làm. Ác nghiệp ấy chính là Ngươi làm, chính Ngươi phải cảm thọ quả báo việc làm ấy".

Rồi này các Tỷ-kheo, sau khi chât vắn, cật vắn, thâm vắn, người ấy về Thiên sứ thứ năm, vua Yama giữ im lặng.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy chịu hình phạt gọi là năm cọc (Pancavidhabandhanam), họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào một bàn tay, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn tay thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào bàn chân thứ hai, họ lấy cọc sắt nung đỏ đóng vào giữa ngực, Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục bắt người ấy nằm xuống và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và lấy búa chặt người ấy. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, các người giữa Địa ngục cột người ấy vào một chiếc xe, kéo người ấy chạy tới chạy lui trên đất được đốt cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục đẩy người ấy lên, kéo người ấy xuống một sườn núi đầy than hồng, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây cảm thọ... chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo các người giữ Địa ngục dựng ngược người ấy chân phía trên, đầu phía dưới và quăng người ấy vào một vạc dầu bằng đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Người ấy ở đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, ở

đây bị nấu với bọt nước sôi sùng sục, khi thì trôi nổi lên trên, khi thì chìm xuống đáy, khi thì trôi dạt ngang. Người ấy ở đây thọ lãnh các cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người giữ Địa ngục quăng vào Đại địa ngục. Đây các Tỷ-kheo, Đại địa ngục ấy có bốn góc, bốn cửa, chia thành phần bằng nhau, xung quanh có tường sắt mác sắt lợp lên trên. Nền Địa ngục bằng sắt nung đỏ, chảy đỏ rực, đứng thẳng, luôn có mặt, rộng một trăm do tuần.

Này các Tỷ-kheo, từ tường phía Đông của Đại địa ngục ấy, những ngọn lửa bùng cháy lên được thổi tạt đến tường phía Tây. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Tây được thổi tạt đến tường phía Đông. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Bắc được thổi tạt đến tường phía Nam. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ tường phía Nam được thổi tạt đến tường phía Bắc. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Dưới, được thổi tạt lên phía Trên. Những ngọn lửa bùng cháy lên từ phía Trên, được thổi tạt xuống phía Dưới. Người ấy ở đây cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Này các Tỷ-kheo, rồi có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông của Đại địa ngục được mở ra. Người ấy chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Này các Tỷ-kheo, dù cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chổng lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Tây được mở... (như trên)... cửa phía Bắc được mở... (như trên)... cửa phía Nam được mở. Người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ. Khi người ấy chạy rất nhanh và mau lẹ, da ngoài bị cháy, da trong bị cháy, thịt bị cháy, dây gân bị cháy, xương bị khói xông đen. Sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Này các Tỷ-kheo, dù cho người ấy có cố gắng rất nhiều, cửa vẫn đóng chổng lại người ấy. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi các ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ. Rồi này các Tỷ-kheo, có một thời rất lâu dài, khi cửa phía Đông được mở ra, người ấy liền chạy vào đấy rất nhanh và mau lẹ... (như trên)... sự trốn thoát của người ấy là như vậy. Người ấy đi ra khỏi cửa Địa ngục ấy.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Đại địa ngục là Đại Phán nị Địa ngục (Guthaniraya). Người ấy rơi vào Địa ngục này. Này các Tỷ-kheo, tại Phán nị Địa ngục ấy, các chúng sanh với miệng như mũi kim cắt đứt da ngoài; sau khi cắt đứt da ngoài, chúng cắt đứt da trong; sau khi cắt đứt da trong, chúng cắt đứt thịt; sau khi cắt đứt thịt, chúng cắt đứt dây gân; sau khi cắt đứt dây gân, chúng cắt đứt xương; sau khi cắt đứt xương, chúng cắt đứt xương tủy. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Đại địa ngục Phán nị ấy là Đại địa ngục Nhiệt khô (Than hừng-Kukkulaniraya). Người ấy rơi vào ở đây. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Đại địa ngục Nhiệt khô là Đại Châm thọ lâm (Sambalivanam) cao một do tuần, với những gai nhọn dài mười sáu ngón tay, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Họ bắt người ấy leo lên, leo xuống. Ở đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Châm thọ lâm là Đại Kiếm diệp lâm (Rừng lá gươm-Asipattavanta). Người ấy vào trong ấy. Ở đây, các lá cây, do gió lay động, cắt đứt tay của người ấy, cắt đứt chân, cắt đứt tay chân, cắt đứt tai, cắt đứt mũi, cắt đứt tai mũi. Ở đây, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Nhưng này các Tỷ-kheo, cận sát Kiếm diệp lâm là Đại Khôi hà (Sông vô-Kharodakanadi). Người ấy rơi vào trong ấy. Tại đây người ấy bị trôi thuận theo dòng nước, người ấy bị trôi ngược lại dòng nước người ấy trôi thuận theo, ngược lại dòng nước. Tại đây người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mệnh chung, cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, những người coi giữ Địa ngục, câu người ấy lên với móc câu, đặt người ấy trên đất và nói với người ấy : "Này Người kia, Người muốn gì ?" Người ấy nói : "Thưa các Ngài, tôi đói bụng". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy cọc sắt nung đỏ cạy miệng người ấy và nhét vào miệng người ấy những cục đồng nung đỏ, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đỏ rực. Mọi người ấy bị

cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo một ruột lớn, ruột nhỏ, các cục đồng ấy rơi ra ngoài từ phía dưới. Ở đấy, người ấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung, cho đến khi ác nghiệp của nó chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục nói với người ấy : "Này Người kia, Người muốn gì ?" Người ấy nói : "Thưa các Ngài, tôi khát nước". Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lấy cộc sắt nung đỏ cạy miệng người ấy ra, và đổ vào miệng người ấy nước đồng nấu sôi, cháy đỏ, cháy thành ngọn, cháy đổ rục. Mọi người ấy bị cháy, miệng bị cháy, cổ họng bị cháy, ngực bị cháy. Và kéo theo ruột lớn, ruột nhỏ (nước đồng sôi ấy) chảy ra ngoài từ phía dưới. Người ấy ở đấy cảm thọ những cảm giác đau đớn, thống khổ, khốc liệt. Nhưng người ấy không có thể mạng chung cho đến khi ác nghiệp của người ấy chưa được tiêu trừ.

Rồi này các Tỷ-kheo, các người coi giữ Địa ngục lại quăng người ấy vào Đại địa ngục.

Một thời xưa lắm, này các Tỷ-kheo, vua Yama suy nghĩ như sau : "Những ai làm ác nghiệp ở đời, phải thọ lãnh những hình phạt sai khác như vậy. Mong rằng ta được làm người, và Như lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác xuất hiện ở đời, và ta có thể hầu hạ Thế Tôn, và Thế Tôn thuyết pháp cho ta, và ta có thể thông hiểu pháp Thế Tôn thuyết giảng".

Này các Tỷ-kheo, điều Ta đang nói không phải Ta nghe từ một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác; nhưng điều Ta đang nói chỉ được Ta biết mà thôi, chỉ được Ta thấy mà thôi, chỉ được Ta hiểu mà thôi.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sau khi Thiện thế nói như vậy, bậc Đạo Sư lại nói thêm như sau :

Dầu Thiên sứ báo động,
Thanh niên vẫn phóng dật,
Họ ưu buồn lâu dài,
Sanh làm người hạ liệt.

Ở đây bậc Chân nhân,
Được Thiên sứ báo động,
Không bao giờ phóng dật,
Trong diệu pháp bậc Thánh.

Thấy sợ trong chấp thủ,

*Trong hiện hữu sanh tử,
Được giải thoát chấp thủ,
Sanh tử được đoạn trừ,*

*Được yên ổn an lạc,
Ngay hiện tại tịch tịnh,
Mọi oán hận sợ hãi,
Các vị ấy vượt qua;*

*Mọi đau đớn sầu khổ,
Họ đều được siêu thoát*

Như vậy, kinh Thiên Sứ trong bộ Kinh Trung Bộ là bổ sung của kinh Hiền Ngu. Ở kinh Thiên Sứ này, Thế Tôn đã mô tả tỉ mỉ hơn nữa về cảnh giới (cõi) Địa ngục – khiến những ai thật sự có được may mắn – mới tiếp cận được các kinh này và động tâm, quay đầu hồi hướng – để *ly bất thiện pháp* – hồi tâm hướng về mọi điều thiện.

Tính triết lý trong kinh Thiên Sứ không chỉ là sâu sắc – mà còn thể hiện sự vô cùng tinh tế, độc đáo.

Ví như, gặp một kẻ ăn mày bán thiu, hôi hám ... chẳng mấy ai nhìn ra “*vị thiên sứ*” nơi con người ấy – thay vì sự kính trọng biết ơn – lại là ... bãi nước bọt, kinh tởm, và nảy sinh ngay một thái độ khinh người. Tại sao lại phải bày tỏ sự kính trọng biết ơn nơi kẻ ăn mày bán thiu hôi hám ấy ? Bởi, đó là *Thiên sứ* – là người báo cho mọi người *thấy, biết* một cách cụ thể về một ... tương lai cần phải tránh.

Hoặc ví như gặp một vị quyền quý cao sang (hoặc quyền cao, chức trọng) ... chẳng mấy ai nhìn ra “*vị thiên sứ*” nơi con người ấy – thay vì sự kính trọng biết ơn – lại là ... sự khúm núm, sợ hãi và nảy sinh ngay một thái độ nịnh bợ. Tại sao lại phải bày tỏ sự kính trọng biết ơn nơi vị quyền quý cao sang (hoặc quyền cao, chức trọng) ấy ? Bởi, đó là *Thiên sứ* – là người báo cho mọi người *thấy, biết* một cách cụ thể về một ... tương lai cần phải hiện hữu ở nơi mình (nếu có ước muốn được giống như người ấy).

Người hạnh phúc, kẻ khổ đau ; người mạnh khỏe, kẻ tật nguyên ; người đẹp đến mức “cá lặn-chim sa”, kẻ xấu đến mức gọi là “ma trời” ... tất cả đều là *Thiên sứ*.

Giới thiệu, phổ biến hai kinh này (*Hiền Ngu* và *Thiên Sứ*), là việc làm mang lại phước đức lớn lao không thể kể xiết vậy.

31.

KINH NHỨT DẠ HIỀN GIẢ

(Bhaddekarattasuttam)

(131)

Kinh Nhứt Dạ Hiền Giả là ghi chép lại lời giảng của Thế Tôn về một bài kệ nổi tiếng: *Nhứt dạ Hiền giả (Bhaddekaratta)*.

Bài kệ *Nhứt dạ Hiền giả (Bhaddekaratta)* này không những chỉ được đề cập duy nhất trong kinh Nhứt Dạ Hiền Giả – mà còn được đề cập liên tiếp trong ba kinh tiếp theo, đó là: kinh A Nan Nhứt Dạ Hiền Giả (32), kinh Đại Ca Chiên Diên Nhứt Dạ Hiền Giả (33) và kinh Lomasakangiya Nhứt Dạ Hiền Giả (34) .

Các Tổ sắp đặt, cơ cấu liên tiếp bốn kinh – đều duy nhất nói về bài kệ *Nhứt dạ Hiền giả (Bhaddekaratta)* này – không phải là không có lý do ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông Nhứt dạ Hiền giả (Bhaddekaratta), tổng thuyết và biệt thuyết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ thuyết giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau :

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,*

*Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển*

Biết vậy, nên tu tập,

*Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai ?
Không ai điều đình được,
Vớ đại quân thân chết,*

*Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.*

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là truy tìm quá khứ ?

Vị ấy nghĩ : "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là tưởng của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là hành của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy, "Như vậy, là thức của tôi trong quá khứ", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là truy tìm quá khứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không truy tìm quá khứ ?

Vị ấy nghĩ : "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ", và không truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là tưởng của tôi... Như vậy là hành của tôi... Như vậy là thức của tôi trong quá khứ"; và không truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không truy tìm quá khứ.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào ước vọng tương lai ?

Vị ấy nghĩ : "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Mong rằng như vậy là tưởng của tôi... là hành của tôi... Như vậy là thức của tôi trong tương lai", và truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không ước vọng trong tương lai ?

Vị ấy nghĩ : "Mong rằng như vậy sẽ là sắc của tôi trong tương lai", và không truy tìm hân hoan trong ấy; "Mong rằng như vậy sẽ là thọ của tôi trong tương lai", và không truy tìm hân hoan trong ấy; "Mong rằng như vậy sẽ là tưởng... sẽ là hành...

sẽ là thức của tôi trong tương lai, "và không truy tìm hân hoan trong ấy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không ước vọng trong tương lai.

Và này các Tỷ-kheo, như thế nào là bị lỗi cuốn trong các pháp hiện tại ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có kẻ vô văn phạm phu không đi đến các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh; không đi đến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân; quán sắc là tự ngã, hay quán tự ngã là có sắc, hay quán sắc là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong sắc, hay vị ấy quán thọ là tự ngã, hay quán tự ngã là có thọ; hay quán thọ là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thọ, hay vị ấy quán tưởng là trong tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay vị ấy quán tưởng là tự ngã, hay quán tự ngã là có tưởng, hay vị ấy quán hành là tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là có hành, hay vị ấy quán hành là trong tự ngã, hay vị ấy quán tự ngã là trong hành; hay vị ấy quán thức là tự ngã, hay quán tự ngã là có thức, hay quán thức là trong tự ngã, hay quán tự ngã là trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là bị lỗi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không bị lỗi cuốn trong các pháp hiện tại ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có vị Đa văn Thánh đệ tử đi đến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đi đến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân. Vị này không quán sắc là tự ngã, không quán tự ngã là có sắc, không quán sắc là trong tự ngã, không quán tự ngã trong sắc; không quán thọ... không quán tưởng... không quán hành... không quán thức là tự ngã, không quán tự ngã là có thức, không quán thức trong tự ngã, không quán tự ngã trong thức. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là không bị lỗi cuốn trong các pháp hiện tại.

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
xứng gọi Nhứt dạ hiện,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Khi ta nói : "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Nhứt dạ Hiện giả, tổng thuyết và biệt thuyết", chính duyên ở đây mà nói vậy.

32.

KINH A NAN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ

(Anandabhaddekarattasuttam)

(132)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ Tôn giả Ananda tại hội trường thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. (Tôn giả) giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết. Rồi Thế Tôn vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độc cư đứng dậy đi đến hội trường, sau khi đến, ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo :

– Này các Tỷ-kheo, ai tại hội trường đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Ai đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết ?

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda tại hội trường đã thuyết thị, khích lệ, làm cho thích thú, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. (Tôn giả) đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda :

– Nhưng như thế nào, này Ananda, Ông đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp ? Ông có phải đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết ?

– Đúng vậy, bạch Thế Tôn, con đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Con đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết :

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,*

*Chỉ có pháp hiện tại
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển*

Biết vậy, nên tu tập,

*Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai ?
Không ai điều đình được,
Vớ đại quân thân chết,*

*Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.*

Này các Hiền giả, thế nào là truy tìm quá khứ ?

Vị ấy nghĩ : "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ", và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy; "Như vậy là thọ của tôi trong quá khứ ". Và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy... (như Kinh trước, thay đổi "này các Hiền giả" cho chữ "này các Tỷ-kheo") ... Như vậy, này các Hiền giả, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.*

Như vậy, bạch Thế Tôn, con đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo. Con đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

– Lành thay, lành thay, này Ananda ! Lành thay, này Ananda ! Ông đã thuyết thị, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ các Tỷ-kheo với bài thuyết pháp. Ông đã giảng Nhứt Dạ Hiền Giả, tổng thuyết và biệt thuyết.

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
xứng gọi Nhứt dạ hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.*

– Và thế nào, này Ananda, là truy tìm quá khứ ?... (như trước)... Như vậy, này Ananda là truy tìm quá khứ. Và này Ananda thế nào là không truy tìm quá khứ ?...

(như trên)... Như vậy, này Ananda, là không truy tìm quá khứ. Và này Ananda, thế nào là ước vọng tương lai ?... (như trên)... Như vậy này Ananda là ước vọng tương lai. Và này Ananda, thế nào là không ước vọng tương lai ? ... (như trên) ... Như vậy, này Ananda là không ước vọng tương lai. Và này Ananda thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại ?... (như trên)... Như vậy, này Ananda là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Và này Ananda, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại ?.. (như trên)... Như vậy này Ananda là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt Dạ hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

**33.
KINH ĐẠI CA CHIÊN DIÊN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ
(Kaccanabhaddekarattasuttam)
(133)**

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Rajagaha (Vương Xá), tại Tinh xá Tapoda. Lúc bảy giờ, Tôn giả Samiddhi, thức dậy vừa lúc bình minh đi đến Tapoda để tắm rửa tay chân. Tắm rửa tay chân ở Tapoda xong, sau khi lên khỏi (nước), vị ấy đứng mặc một y để tay chân cho khô. Rồi sau khi đêm vừa mãn, một Thiên thần, chói sáng với dung sắc thù thắng cả vùng Tapoda, đi đến Tôn giả Samiddhi, sau khi đến, liền đứng một bên. Đứng một bên, Thiên Thần ấy thưa Tôn giả Samiddhi:

– Này Tỷ-kheo, Ngài có thọ trì tông thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?

– Này Hiền giả, tôi không có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nhưng này Hiền giả, Hiền giả có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?

– Này Tỷ-kheo, tôi cũng không có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả.

Nhưng này Tỷ-kheo, Ngài có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?

– Này Hiền giả, tôi không có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nhưng này Hiền giả, Hiền giả có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?

– Này Tỷ-kheo, tôi không có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả. Này Tỷ-kheo, hãy học tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Này Tỷ-kheo, hãy học cho thuần thục tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Này Tỷ-kheo hãy thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Vì rằng, này Tỷ-kheo, tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả là liên hệ đến mục đích và căn bản của Phạm hạnh.

Thiên thần ấy nói như vậy. Sau khi nói vậy, vị ấy biến mất ở đấy.

Rồi Tôn giả Samiddhi sau khi đếm ấy đã mãn, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Samiddhi bạch Thế Tôn :

– Ở đây, bạch Thế Tôn, con thức dậy vừa lúc bình minh đi đến Tapoda để tắm rửa tay chân. Tắm rửa tay chân ở Tapoda xong, sau khi lên khỏi (nước), con đứng mặc một y để tay chân cho khô. Rồi bạch Thế Tôn, sau khi đếm vừa mãn một Thiên thần.. (như trên).. ".... và là căn bản Phạm hạnh". Thiên thần ấy nói như vậy. Sau khi nói như vậy, vị ấy biến mất ở đấy. Lành thay, bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn thuyết giảng cho tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả !

– Vậy này Tỷ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ nói.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,

*Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển,
Biết vậy nên tu tập*

*Hôm nay nhiệt tâm làm
Ai biết chết ngày mai ?
Không ai điều đình được
Với đại quân thần chết,*

*Trú như vậy nhiệt tâm
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.*

*Thế Tôn nói như vậy. Sau khi nói như vậy, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá,
Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền suy nghĩ : "Này chư Hiền, Thế Tôn sau khi thuyết giảng phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng ta không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá :*

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.*

Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau : "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) này đã được Thế Tôn tán thán và được các đồng Phạm hạnh có trí kính trọng; Tôn giả Mahakaccana có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này".

Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến nói lên với Tôn giả Mahakaccana những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahakaccana :

– Thưa Hiền giả Kaccana, Thế Tôn sau khi đọc tổng thuyết này, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá :

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhưt dạ hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi. Rồi này Hiền giả Kaccana, chúng tôi suy nghĩ như sau : "Tôn giả Mahakaccana này đã được Thế Tôn tán thán... (như trên).. chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này". Tôn giả Mahakaccana hãy giải thích cho.

– Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây. Cũng vậy, là việc làm của chư Tôn giả... Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn, và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc có mắt, bậc Trí giả, bậc Pháp giả, bậc Phạm thiên, bậc Thuyết giả, bậc Tuyên thuyết giả, bậc dẫn đến mục đích, bậc đem cho bất tử, bậc Pháp chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

– Thưa Hiền giả Kaccana, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết... (như trên)... Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi. Mong Tôn giả Mahakaccana giải thích cho nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức.

– *Vậy chư hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói :*

– *Thưa vâng, Hiền giả.*

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahakaccana. Tôn giả Mahakaccana nói như sau :

– *Này Hiền giả, phân tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá:*

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Về phân tổng thuyết này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi, này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau :

Này chư Hiền, thế nào là truy tìm quá khứ ?

"Mắt của tôi trong thời quá khứ là như vậy". Các sắc pháp là như vậy, và thức ở đây bị ái và dục trói chặt. Vì thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ.

"Tai của tôi trong quá khứ là như vậy. Các tiếng là như vậy... (như trên)... Mũi của tôi trong quá khứ là như vậy, các hương là như vậy... (như trên)... Lưỡi của tôi trong quá khứ là như vậy, các vị là như vậy... (như trên)... Thân của tôi trong quá khứ là như vậy, các xúc là như vậy.. (như trên)... Ý của tôi trong quá khứ là như vậy. Các pháp là như vậy", và thức ở đây, bị dục và ái trói chặt. Vì rằng thức bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Vì hân hoan trong ấy, vị ấy truy tìm quá khứ.

Và này chư Hiền, thế nào là không truy tìm quá khứ ? "Mắt của tôi trong thời quá khứ là như vậy. Các sắc pháp là như vậy", và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ.

"Tai của tôi trong quá khứ là như vậy, các tiếng là như vậy... (như trên)... Mũi của tôi trong quá khứ là như vậy, các hương là như vậy.. (như trên)... Lưỡi của tôi trong quá khứ là như vậy, các vị là như vậy... (như trên)... Thân của tôi trong quá

khứ là như vậy, các xúc là như vậy, ... (như trên) ... Ý của tôi trong quá khứ là như vậy. các pháp là như vậy" và thức ở đây không bị dục và ái trói chặt. Vì thức không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Vì không hân hoan trong ấy, vị ấy không truy tìm quá khứ. Như vậy, này chư Hiền, là không truy tìm quá khứ.

Và này chư Hiền, thế nào là ước vọng tương lai ?

"Mong rằng mắt của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các sắc pháp là như vậy", và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai.

"Mong rằng tai của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các tiếng là như vậy... (như trên)... Mong rằng mũi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các hương là như vậy... (như trên)... Mong rằng lưỡi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các vị là như vậy... (như trên)... Mong rằng thân của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các xúc là như vậy... (như trên)... Mong rằng ý của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các pháp là như vậy", và vị ấy hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Vì duyên hướng tâm như vậy, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy ước vọng tương lai. Như vậy, này chư Hiền là ước vọng tương lai.

Và này chư Hiền, thế nào là không ước vọng tương lai ?

Mong rằng mắt của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các sắc pháp là như vậy". Vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai.

"Mong rằng tai của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các tiếng là như vậy ... (như trên) ... Mong rằng mũi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các hương là như vậy ... (như trên) ... Mong rằng lưỡi của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các vị là như vậy ... (như trên) ... Mong rằng thân của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các xúc là như vậy ... (như trên) ... Mong rằng ý của tôi trong tương lai sẽ là như vậy, các pháp là như vậy". Vị ấy không hướng tâm lấy cho được cái gì chưa được. Do duyên không hướng tâm, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không có ước vọng tương lai. Như vậy, này chư Hiền, là không ước vọng tương lai.

Và này chư Hiền, thế nào là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại ?

Này chư Hiền, nếu mắt và các sắc pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt cũng trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Này chư Hiền, nếu tai và các tiếng... (như trên)... nếu mũi và các hương ... (như trên)... ; nếu lưỡi và các vị... (như trên)... ; nếu thân và các xúc... (như trên)... Này chư Hiền nếu ý và các pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt cũng trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy bị dục và ái trói chặt, vị ấy hân hoan trong ấy. Do hân hoan trong ấy, vị ấy bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Như vậy, này chư Hiền, là bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Và này chư Hiền, thế nào là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại ?
Này chư Hiền, nếu mắt và các sắc pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt cũng trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Này chư Hiền, nếu tai và các tiếng.. (như trên).. Này chư Hiền, nếu mũi và các hương.. (như trên)... Này chư Hiền, nếu lưỡi và các vị ... (như trên)... Này chư Hiền, nếu thân và các xúc ... (như trên)... Này chư Hiền, nếu ý và các pháp, cả hai đều có mặt trong hiện tại này, và thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt cũng trong hiện tại này. Vì thức của vị ấy không bị dục và ái trói chặt, vị ấy không hân hoan trong ấy. Do không hân hoan trong ấy, vị ấy không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại. Như vậy, này chư Hiền là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

Này chư Hiền, phân tông thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá :

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.

Phân tông thuyết này, này chư Hiền, được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi; này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Và nếu chư Tôn giả muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích các Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahakaccana giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn sau khi đọc phân tông thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi vào tinh xá :

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

*Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau :
"Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải
nghĩa một cách rộng rãi, và đã đi vào tinh xá :*

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm nặng.*

*Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này
chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng
rãi".*

*Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau : "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca
chiên diên) này... (như trên)... chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa
này. "Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến
chúng con hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này. Ý nghĩa của những (chữ) ấy
đã được Tôn giả Mahakaccana giải thích cho chúng con với những phương pháp
này, các những câu này, với những chữ này.*

*– Nay các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Hiền trí. Nay các Tỷ-kheo, Mahakaccana
là bậc Đại trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng
giải thích cho các Ông như vậy, như Mahakaccana đã giải thích. Thật sự ý nghĩa
ấy là vậy, và các Ông hãy thọ trì như vậy.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

34.

KINH LOMASAKANGIYA

NHỨT DẠ HIỀN GIẢ

(Lomasakangiyabhaddekarattasuttam)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, Tôn giả Lomasakangiya trú ở giữa dòng họ Sakya (Thích-ca), tại Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), ở tinh xá Nigrodha (Ni Câu Luật). Rồi Thiên tử Candana sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng cả vùng tinh xá Nigrodha, đi đến Tôn giả Lomasakangiya, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Candana thưa với Tôn giả Lomasakangiya :

– Nay Tỳ-kheo, Ngài có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?

– Nay Hiền giả, tôi không thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nay Hiền giả, Hiền giả có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?

– Nay Tỳ-kheo, tôi cũng không thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nhưng nay Tỳ-kheo, Ngài có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?

– Nay Hiền giả, tôi không thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả. Nay Hiền giả, Hiền giả có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?

– Nay Tỳ-kheo, tôi có thọ trì bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả.

– Nay Hiền giả, Hiền giả thọ trì như thế nào bài kệ về Nhứt Dạ Hiền Giả ?

– Một thời này Tỳ-kheo, Thế Tôn trú giữa chư Thiên Tam thập tam thiên, dưới cây Paricchattaka (Trú độ thọ), trên hòn đá Pandukambala (Vô cầu bạch thạch). Tại đây Thế Tôn đọc lên tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả cho chư Thiên ở Tam thập tam thiên:

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến,*

*Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây.
Không động, không rung chuyển,
Biết vậy nên tu tập*

*Hôm nay nhiệt tâm làm
Ai biết chết ngày mai ?
Không ai điều đình được
Với đại quân thân chết,*

*Trú như vậy nhiệt tâm
Đêm ngày không mệt mỏi,
Xứng gọi Nhứt Dạ Hiền,
Bạc an tịnh, trầm lặng.*

Này Tỳ-kheo, tôi thọ trì về bài kệ Nhứt Dạ Hiền Giả như vậy. Này Tỳ-kheo, hãy học tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Này Tỳ-kheo, hãy học cho thuần thực tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Này Tỳ-kheo, hãy thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả. Vì rằng này Tỳ-kheo, tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả liên hệ đến mục đích, là căn bản của Phạm hạnh.

Rồi Tôn giả Lomasakangiya, sau khi đêm ấy đã mãn, dọn dẹp sàng tọa, lấy y áo và lên đường đi đến Savatthi. Tuần tự du hành, (Tôn giả) đi đến Savatthi, Jetavana, tinh xá ông Anathapindika, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Lomasakangiya bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, một thời con trú giữa dòng họ Sakya, tại Kapilavatthu, tinh xá ông Anathapindika. Rồi bạch Thế Tôn, một Thiên tử, sau khi đêm vừa mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng cả vùng tinh xá Nigrodha, đến con và đứng một bên. Đứng một bên, bạch Thế Tôn, Thiên tử ấy thưa với con : "Này Tỳ-kheo, Ngài có thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả không ?" Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với Thiên tử ấy : "Này Hiền giả, tôi không thọ trì tổng thuyết và biệt thuyết về Nhứt Dạ Hiền Giả". Này Hiền giả, Hiền giả có thọ trì.. (như trên)... là căn bản của Phạm hạnh.

Bạch Thế Tôn, Thiên tử ấy nói như vậy. Nói như vậy xong, vị ấy biến mất tại đấy. Lành thay bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn giảng cho con tổng thuyết và biệt thuyết về bài kệ Nhứt Dạ Hiền Giả.

– *Này Tỳ-kheo, Ông có biết Thiên tử ấy không ? Bạch Thế Tôn, con không biết Thiên tử ấy.*

– *Này Tỳ-kheo, Thiên tử ấy tên là Candana. Này Tỳ-kheo, Candana là Thiên tử, sau khi chú tâm, sau khi tác ý, sau khi tập trung nội tâm, lóng tai nghe pháp. Vậy này Tỳ-kheo, hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ nói.*

– *Thưa vâng, bạch Thế Tôn, Tôn giả Lomasakangiya vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:*

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Này Tỳ-kheo, thế nào là truy tìm quá khứ ?

Vị ấy nghĩ : "Như vậy là sắc của tôi trong quá khứ, và nó truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy là thọ... (như trên).. ; như vậy là tưởng... (như trên)... ; như vậy là hành.... như vậy là thức của tôi trong quá khứ. Và vị ấy truy tìm sự hân hoan trong ấy. Như vậy, Này Tỳ-kheo, là truy tìm quá khứ.

Này Tỳ-kheo, thế nào là không truy tìm quá khứ ? "Như vậy là sắc của tôi... (như trên)... Như vậy là không truy tìm quá khứ.

Và này Tỳ-kheo, thế nào là ước vọng tương lai ?... (như Kinh số 131). Như vậy, này Tỳ-kheo, là không bị lôi cuốn trong các pháp hiện tại.

*Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng,
.... (như trên)...
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.*

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Loma-sakangiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, các kinh: Nhứt Dạ Hiền Giả (31), A Nan Nhứt Dạ Hiền Giả (32), kinh Đại Ca Chiên Diên Nhứt Dạ Hiền Giả (33) và kinh Lomasakangiya Nhứt Dạ Hiền Giả (34) trong bộ Kinh Trung Bộ là ghi chép lại lời giảng của Thế Tôn về một bài kệ nổi tiếng: *Nhứt dạ Hiền giả (Bhaddekaratta)*.

Các Tổ sắp đặt, cơ cấu liên tiếp bốn kinh – đều duy nhất nói về bài kệ *Nhứt dạ Hiền giả (Bhaddekaratta)* – không phải là không có lý do.

Với sự sắp xếp này, có thể hiểu nguyên nhân chủ yếu : bài kệ *Nhứt dạ Hiền giả (Bhaddekaratta)* thật sự là hệ trọng – khi chứa đựng tính chất triết lý vô cùng sâu sắc: đừng bao giờ biến cuộc sống của mình quay trở lại và chìm trong quá khứ – cũng đừng bao giờ biến cuộc sống của mình hướng đến và chìm trong ảo vọng của tương lai – và, ngay cả hiện tại, cũng đừng để hòn đá tảng của *tham ái, dục vọng* – cột chặt vào chân, mà chết ngạt trong đáy nước ... Ngoài ra, hẳn nhiên, người đọc, nhà nghiên cứu ... có thể nhận ra thêm những nguyên nhân thâm sâu khác ...

35.

KINH TIỂU NGHIỆP PHÂN BIỆT

(Culakammavibhangasuttam)

(135)

Tại sao lại có người giàu sang, kẻ nghèo hèn ; người sống lâu, kẻ mệnh yếu ...
Những câu hỏi này, một lần nữa được Thế Tôn trả lời rất cụ thể ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ) Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi thanh niên Subha Todeyyaputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn :

– Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu ?

Thưa Tôn giả Gotama, chúng tôi thấy có người đoản thọ, có người trường thọ; chúng tôi thấy có người nhiều bệnh, có người ít bệnh; chúng tôi thấy có người xấu sắc, có người đẹp sắc; chúng tôi thấy có người quyền thế nhỏ, có người quyền thế lớn; chúng tôi thấy có người tài sản nhỏ, có người tài sản lớn; chúng tôi thấy có người thuộc gia đình hạ liệt, có người thuộc gia đình cao quý; chúng tôi thấy có người trí tuệ yếu kém, có người có đầy đủ trí tuệ.

Thưa Tôn giả Gotama, do nhân gì, do duyên gì, giữa loài Người với nhau, khi họ là loài Người, lại thấy có người liệt, có người ưu ?

– Nay Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

– Tôi không hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi. Lành thay nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp cho tôi để tôi có thể hiểu nghĩa một cách rộng rãi điều mà Tôn giả Gotama nói một cách vắn tắt, không có giải nghĩa rộng rãi.

– Vậy nay Thanh niên, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói :

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loại chúng sanh. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu được đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải đoản mạng (chết yểu).

Con đường ấy đưa đến đoản mạng, này Thanh niên, tức là sát sanh, tàn nhẫn, tay lấm máu, tâm chuyên sát hại đả thương, tâm không từ bi đối với các loài hữu tình.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay đàn ông, từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý (biết hổ thẹn), có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.

Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được trường thọ.

Con đường ấy đưa đến trường thọ, này Thanh niên, tức là từ bỏ sát sanh, tránh xa sát sanh, bỏ trượng, bỏ kiếm, biết tầm quý, có lòng từ, sống thương xót đến hạnh phúc tất cả chúng sanh và loài hữu tình.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao (tức hành hạ, tra tấn, đối xử tệ hại ... với con người).

Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy phải bị nhiều bệnh hoạn. Con đường ấy đưa đến nhiều bệnh hoạn, này Thanh niên, tức là tánh hay não hại các loài hữu tình với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tánh không hay não hại các loài hữu tình, với tay, hay với cục đất, hay với cây gậy, hay với cây đao.

Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy, thành tựu như vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời.

Nếu sau khi thân hoại mạng chung, người ấy không sanh vào thiện thú, Thiên giới, ở đời, nếu người ấy đi đến loài Người, chỗ nào người ấy sanh ra, người ấy được ít bệnh hoạn.

Con đường ấy đưa đến ít bệnh hoạn... tánh không não hại... hay với cây đao.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, phẫn nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn.

Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy... cõi dữ.. xấu sắc.

Con đường ấy đưa đến xấu sắc, này Thanh niên, tức là phẫn nộ, nhiều phật ý, bị nói đến một chút thời bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không phẫn nộ, không nhiều phật ý, dầu cho bị nói đến nhiều, cũng không bất bình, phẫn nộ, sân hận, chống đối, và không tỏ lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy.... thiện thú... đẹp sắc (pasadika: hoan hỷ) Con đường ấy đưa đến đẹp sắc, này Thanh niên, tức là không phẫn nộ... không bất mãn.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, tật đố, đối với người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, sanh tật đố, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đố.

Do nghiệp ấy, thành đạt như vậy.. ác thú.. quyền thế nhỏ.

Con đường ấy đưa đến quyền thế nhỏ này thanh niên, tức là tật đố.. ôm ấp tâm tật đố.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có tật đố, đối với những người khác được quyền lợi, được tôn trọng, cung kính, tôn sùng, đánh lễ, cúng dường, không sanh tật đố, sanh tâm, ôm ấp tâm tật đố.

Do nghiệp ấy ... thiện thú ... quyền thế lớn.

Con đường ấy đưa đến quyền thế lớn, này Thanh niên, tức là không tật đố ... không ôm ấp tâm tật đố.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọc cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Do nghiệp ấy.. đọa xứ... tài sản nhỏ.

Con đường đưa đến tài sản nhỏ: không bố thí cho Sa-môn hay Bà-la-môn, đồ ăn uống, y phục, xe cộ, vòng hoa, hương liệu, phấn sáp, ngọc cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông có bố thí cho Sa-môn hay cho Bà-la-môn các đồ ăn uống... ngọc cụ, nhà cửa, đèn đuốc .

Do nghiệp ấy... thiện thú.. nhiều tài sản.

Con đường đưa đến nhiều tài sản ... có bố thí cho ... ngọc cụ, nhà cửa, đèn đuốc.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông ngạo nghễ, kiêu mạn, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không đứng dậy đối với người đáng đứng dậy, không mời ngồi những người đáng mời ngồi, không nhường chỗ đi cho những người đáng được nhường chỗ đi, không tôn trọng những người đáng tôn trọng, không cung kính những người đáng cung kính, không đánh lễ những người đáng đánh lễ, không cúng dường những người đáng cúng dường.

Do nghiệp ấy.. đọa xứ... thuộc gia đình hạ liệt.

Con đường đưa đến gia đình hạ liệt.. không cúng dường những người đáng cúng dường.

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, không có ngạo nghễ quá mạn, đánh lễ những người đáng đánh lễ... cúng dường những người đáng cúng dường.

Do nghiệp ấy.. thiện thú... vào gia đình cao quý.

Con đường đưa đến gia đình cao quý... không có ngạo nghễ quá mạn, đánh lễ những người đáng đánh lễ... cúng dường những người đáng cúng dường.

Ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, không hỏi : "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện ? Thế nào là bất thiện ? Thế nào là phạm tội ? Thế nào là không phạm tội ? Thế nào là cần phải thực hành ? Thế nào là không cần phải thực hành ? Tôi đã làm gì để phải không lợi ích và đau khổ lâu dài ? Hay tôi đã làm gì để được lợi ích và an lạc lâu dài ?

Do nghiệp ấy... đọa xứ... trí tuệ yếu kém.

Con đường đưa đến trí tuệ yếu kém ... (không ham học hỏi) lợi ích, hạnh phúc lâu dài ?"

Nhưng ở đây, này Thanh niên, có người đàn bà hay người đàn ông, sau khi đến Sa-môn hay Bà-la-môn, có hỏi : "Thưa Tôn giả, thế nào là thiện ? Thế nào là bất thiện... lợi ích, an lạc lâu dài ?

Do nghiệp ấy... thiện thú... đầy đủ trí tuệ.

Con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ.. lợi ích, an lạc lâu dài".

*Ở đây, này Thanh niên,
Con đường đưa đến đoản thọ, dẫn đến đoản thọ;
Con đường đưa đến trường thọ, dẫn đến trường thọ;
Con đường đưa đến nhiều bệnh, dẫn đến nhiều bệnh;
Con đường đưa đến ít bệnh, dẫn đến ít bệnh;
Con đường đưa đến xấu sắc, dẫn đến xấu sắc;
Con đường đưa đến đẹp sắc dẫn đến đẹp sắc;
Con đường đưa đến quyền thế nhỏ, dẫn đến quyền thế nhỏ;
Con đường đưa đến quyền thế lớn dẫn đến quyền thế lớn;
Con đường đưa đến tài sản nhỏ, dẫn đến tài sản nhỏ;
Con đường đưa đến tài sản lớn, dẫn đến tài sản lớn;
Con đường đưa đến gia đình hạ liệt, dẫn đến gia đình hạ liệt;
Con đường đưa đến gia đình cao quý dẫn đến gia đình cao quý,
Con đường đưa đến trí tuệ yếu kém, dẫn đến trí tuệ yếu kém;
Con đường đưa đến đầy đủ trí tuệ, dẫn đến trí tuệ đầy đủ.*

Này Thanh niên, các loài hữu tình là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp. Nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa, nghiệp phân chia các loài hữu tình; nghĩa là có liệt, có ưu.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Subha Todeyyaputta nói với Thế Tôn :

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama ! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích.

Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt trong bộ Kinh Trung Bộ là những lời giảng của Thế Tôn rất cụ thể về vấn đề rất nhiều người quan tâm: Tại sao người thì sang giàu, kẻ thì nghèo khổ ... ? Câu trả lời của Thế Tôn rất rõ là: chính *con đường* tạo tác nghiệp của họ – sẽ đưa một ai đó đến với phú quý giàu sang – ngược lại, kẻ rơi vào cảnh cùng khổ ...

36.

KINH ĐẠI NGHIỆP PHÂN BIỆT

(Mahakammavibhangasuttam)

(136)

Nếu như kinh Tiểu Nghiệp Phân Biệt (35) trình bày vấn đề rất đơn giản – thì trong kinh Đại Nghiệp Phân Biệt này cho hay: vấn đề không đơn giản như vậy – bởi: có những người *hướng thiện* song lại vẫn cứ rơi vào cảnh *đọa xứ địa ngục*... lại có những người *không hướng thiện* nhưng vẫn cứ được sanh về *thiên giới* ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Samiddhi trú tại một cái cốc trong rừng. Rồi du sĩ ngoại đạo Potaliputta tiêu dao tản bộ, tuần tự du hành, đi đến Tôn giả Samiddhi; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Samiddhi những lời chào đón hỏi thăm. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, du sĩ ngoại đạo Potaliputta thưa với Tôn giả Samiddhi :

– Nay Hiền giả Samiddhi, trước mặt Thế Tôn, tôi tự thân nghe, tự thân ghi nhận như sau : "Hư vọng là thân nghiệp, hư vọng là khẩu nghiệp, chỉ có ý nghiệp là chân thật. Và có một Thiên chứng (samapatti), do thành tựu Thiên chứng này, sẽ không có cảm giác gì".

– Nay Hiền giả Potaliputta, chớ có nói vậy. Nay Hiền giả Potaliputta, chớ có nói vậy. Chớ có phỉ báng Thế Tôn; phỉ báng Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không có nói như vậy : "Hư vọng là thân nghiệp, hư vọng là khẩu nghiệp, chỉ có ý nghiệp là chân thật". Và Hiền giả, có một Thiên Chứng, do thành tựu thiên chứng này, sẽ không có cảm giác gì.

– Ngài xuất gia đã bao lâu, thưa Hiền giả Samiddhi ?

– Không lâu, thưa Hiền giả. Có ba năm.

– Nay ở đây chúng tôi còn hỏi các Tỷ-kheo trưởng lão làm gì khi một tân Tỷ-kheo nghĩ rằng cần phải bảo vệ vị Đạo sư như vậy.

Thưa Hiền giả Samiddhi, khi một người có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thời người ấy có cảm giác gì ?

– Đây Hiền giả Potaliputta, khi một người có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp thì người ấy cảm giác khổ đau.

Rồi du sĩ ngoại đạo Potaliputta, không tán thán cũng không phản đối lời nói của Tôn giả Samiddhi. Không tán thán, không phản đối, du sĩ ngoại đạo Potaliputta từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi.

Rồi Tôn giả Samiddhi, sau khi du sĩ ngoại đạo Potaliputta ra đi không bao lâu, liền đi đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Ananda những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Samiddhi kể lại cho Tôn giả Ananda tất cả cuộc đàm thoại với du sĩ ngoại đạo Potaliputta. Sau khi nghe nói vậy, Tôn giả Ananda nói với Tôn giả Samiddhi :

– Đây Hiền giả Samiddhi, đây là đề tài một câu chuyện cần phải yết kiến Thế Tôn. Đây Hiền giả Samiddhi, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến hãy trình bày lên Thế Tôn rõ ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời chúng ta như thế nào, chúng ta hãy như vậy thọ trì.

– Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Samiddhi vâng đáp Tôn giả Ananda. Rồi Tôn giả Ananda và Tôn giả Samiddhi đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ananda, trình lên Thế Tôn tất cả câu chuyện giữa Tôn giả Samiddhi với du sĩ ngoại đạo Potaliputta.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– Đây Ananda, Ta chưa từng thấy du sĩ ngoại đạo Potaliputta, thì câu chuyện này từ đây xảy ra ? Đây Ananda, câu hỏi đáng lý phải trả lời phân tích rõ ràng cho du sĩ ngoại đạo Potaliputta, lại được kẻ ngu si Samiddhi này trả lời theo một chiều.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Udayi bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, nếu đây là ý nghĩa của Tôn giả Samiddhi nói lên, thì cảm giác gì người ấy cảm thọ là cảm giác khổ đau.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

– *Này Ananda, hãy xem con đường sai lạc của kẻ ngu si Udayi này. Này Ananda, Ta biết rằng, nếu nay kẻ ngu si Udayi này mở miệng ra (đề cập vấn đề gì), ông ấy sẽ mở miệng đề cập một cách không như lý (ayoniso).*

Này Ananda, thật sự chỗ khởi thủy của du sĩ ngoại đạo Potaliputta hỏi là về ba cảm thọ. Này Ananda, nếu kẻ ngu si Samiddhi này được du sĩ ngoại đạo Potaliputta hỏi như vậy và trả lời như sau : "Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, có khả năng đưa đến lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác lạc thọ. Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến khổ thọ, người ấy sẽ cảm giác khổ thọ.

"Này Hiền giả Potaliputta, nếu một ai có dụng ý làm thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có khả năng đưa đến bất khổ bất lạc thọ, người ấy sẽ cảm giác bất khổ bất lạc thọ"; nếu trả lời như vậy, này Ananda, kẻ ngu si Samiddhi đã trả lời một cách chơn chánh cho du sĩ ngoại đạo Potaliputta.

Và lại nữa, này Ananda, những kẻ du sĩ ngoại đạo ngu si, kém học, họ sẽ hiểu được đại phân biệt về nghiệp của Như Lai, này Ananda, nếu Ông nghe Như Lai phân tích đại phân biệt về nghiệp".

– *Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời; bạch Thiện Thệ nay đã đến thời, Thế Tôn hãy phân tích đại phân biệt về nghiệp ! Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.*

– *Vậy này Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói :*

– *Thưa vâng, bạch Thế Tôn.*

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– *Này Ananda, có bốn loại người này có mặt ở đời. Thế nào là bốn ? Ở đây, này Ananda, có người sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói lời ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.*

Nhưng ở đây, này Ananda, có người sát sanh... (như trên)... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Ở đây, này Ananda, có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ nói hai lưỡi, từ bỏ nói ác khẩu, từ bỏ nói lời phù phiếm, từ bỏ tham dục, từ bỏ sân tâm, có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Nhưng ở đây, này Ananda, có người từ bỏ sát sanh, ... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Ở đây, này Ananda, có vị Sa-môn hay Bà-la-môn nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh tác ý, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, nhờ thiên nhân thanh tịnh siêu nhân, vị ấy thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Vị ấy nói như sau : "Thật sự có những ác nghiệp, có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho... nói hai lưỡi... có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Vị ấy nói như sau: "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh, lấy của không cho ... (như trên) ... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh.

Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí.

Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố : "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ananda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, ... (như trên).. vị ấy thấy có người sát sanh, lấy của không cho... (như trên).. có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, vị ấy được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau : "Thật sự không có những ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây sát sanh, lấy của không cho... (như trên)... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau : "Chắc chắn tất cả mọi người sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến; "sau khi thân hoại mạng chung, họ đều được sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này".

Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến".

Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố : "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ananda, có Sa-môn hay Bà-la-môn, nhờ nhiệt tâm, nhờ tinh tấn, ... (như trên).. vị ấy thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Vị ấy nói như sau : "Thật sự có những thiện nghiệp, có

quả báo thiện hạnh. Và ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... có chánh kiến sau khi thân hoại mạng chung, sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Vị ấy nói như sau : "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà trí".

Như vậy, điều này vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố : "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ananda, có Sa-môn ... (như trên) ... vị ấy thấy có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Vị ấy nói như sau : "Thật sự không có những thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh. Và Ta đã thấy có người ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Vị ấy nói như sau : "Chắc chắn tất cả mọi người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến".

Như vậy, điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố : "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng".

Ở đây, này Ananda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau : "Chắc chắn có ác nghiệp, có quả báo ác nghiệp". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Vị ấy nói như sau : "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến, sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Như vậy, Ta cũng chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau : "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh, lấy của không cho (như trên)... ; sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục", như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau : "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố : "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Vì có sao ? Khác như vậy, này Ananda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ananda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau : "Chắc chắn không có ác nghiệp, không có quả báo ác hạnh". Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau : "Tôi đã thấy ở đây có người sát sanh, lấy của không cho... (như trên)... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau : "Chắc chắn tất cả những ai sát sanh, lấy của không cho... (như trên)... tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào thiện thú Thiên giới, cõi đời này"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau : "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chơn chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố : "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Vì có sao ? Khác như vậy, này Ananda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ananda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau : "Chắc chắn có thiện nghiệp, có quả báo thiện hạnh". Như vậy Ta chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau : "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này". Như vậy, Ta cũng chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau : "Chắc chắn tất cả những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho ... (như trên) ... tất cả sau khi thân hoại mạng chung; họ đều sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này"; như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau: "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến", như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây, vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố : "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Vì có sao ? Khác như vậy, này Ananda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ananda, Sa-môn hay Bà-la-môn nào nói như sau : "Chắc chắn không có thiện nghiệp, không có quả báo thiện hạnh ". Như vậy, Ta không chấp nhận cho vị ấy.

Và vị ấy nói như sau : "Tôi đã thấy ở đây có người từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, tôi thấy người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục". Như vậy, Ta chấp nhận cho vị ấy.

Còn nếu vị ấy nói như sau : "Chắc chắn những ai từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho.. (như trên)... có chánh kiến, tất cả sau khi thân hoại mạng chung, họ đều sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục"; như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Và nếu vị ấy nói như sau : "Những ai biết như vậy, những vị ấy biết một cách chân chánh. Những ai biết khác như vậy, trí của họ thuộc tà kiến"; như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Điều vị ấy tự mình biết, tự mình thấy, tự mình hiểu rõ, ở đây vị ấy nắm giữ, chấp trước và tuyên bố : "Chỉ như vậy mới chơn thực, ngoài ra đều là hư vọng". Như vậy, Ta cũng không chấp nhận cho vị ấy.

Vì có sao ? Khác như vậy, này Ananda, là trí của Như Lai về Đại phân biệt về nghiệp.

Ở đây, này Ananda, người nào sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.... Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm lúc trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ananda, người nào sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này... Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt. Do vậy sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Và ai ở đây sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)... có tà kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ananda, người nào từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho.. (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này... Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm từ trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.

Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại, hay trong một đời khác.

Ở đây, này Ananda, người nào từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho.. (như trên)... có chánh kiến; sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục... Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy

làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.

Do vậy, sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Và ai ở đây từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho... (như trên)... có chánh kiến, người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.

Như vậy, này Ananda, có nghiệp vô hữu tợ vô hữu, có nghiệp vô hữu tợ hữu, có nghiệp hữu tợ hữu, có nghiệp hữu tợ vô hữu.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Đại Nghiệp Phân Biệt trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến những khía cạnh rất phức tạp của triết lý: *Nghiệp và quả báo của nghiệp.*

Trong kinh “Nhúm Muối” Thế Tôn từng dạy rằng: nếu cho một nhúm muối vào một cái ly nhỏ thì nước trong cái ly ấy không uống được (do mặn chát). Cũng nhúm muối ấy, nếu cho vào sông Hằng thì nước của sông Hằng – chẳng ảnh hưởng gì – vẫn dùng được. Nhúm muối ở đây là chỉ những *Ác hạnh* như: *sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến*. Còn nước ở đây là *Thiện hạnh* như: *không sát sanh, không lấy của không cho, không sống tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tham dục, không có sân tâm, không có tà kiến* (có chánh kiến). Nước trong ly nhỏ là *Thiện hạnh* còn quá ít, quá mỏng ; nước trong sông hằng là *Thiện hạnh* quá nhiều, quá dày.

Như vậy, về nguyên lý chung, nếu một người đầy *Ác hạnh*: *luôn sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến* thì hiển nhiên, *sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục*. Còn một người đầy *Thiện hạnh* thì *sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này*.

Tuy nhiên, trong từng trường hợp cụ thể, có người *sát sanh, lấy của không cho, sống tà hạnh trong các dục, nói láo, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, nói lời phù phiếm, có tham dục, có sân tâm, có tà kiến* nhưng *sau khi thân hoại mạng chung, người ấy*

vẫn *sanh* vào *thiện thú, Thiên giới, cõi đời*. Điều này là đúng bởi *Thiện hạnh* của người này là quá lớn, quá đầy – như nước sông Hằng – trong khi *Ác hạnh* chỉ như nắm muối – nên “chẳng ăn thua gì”. Với trường hợp này, nếu quy kết cho rằng: mọi người đầy *Ác hạnh* sau khi mạng chung đều được *sanh* vào *thiện thú, Thiên giới, cõi đời* này là sai. Thế nhưng, khi nói rằng: Tất cả những người này sau khi thân hoại mạng chung đều được *sanh* vào *thiện thú, Thiên giới, cõi đời* này lại là đúng (những người này là *Thiện hạnh* như nước sông Hằng còn *Ác hạnh* chỉ như nắm muối).

Ngược lại, trong trường hợp cụ thể, có người *không sát sanh, không lấy của không cho, không sống tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tham dục, không có sân tâm, không có tà kiến* (có chánh kiến) – tuy nhiên, *sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh* vào *cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục* – điều ấy là đúng – bởi người này vốn dĩ trước đó đã làm quá nhiều điều bất thiện, *Ác hạnh* chất cao như núi – mới từ bỏ điều ác làm điều lành – nên không thể chuyển hóa được kết quả dữ. Với trường hợp này, nếu quy kết cho rằng: mọi người đầy *Thiện hạnh* sau khi mạng chung đều *bị sanh* vào *cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục* là sai. Thế nhưng, khi nói rằng: Tất cả những người này sau khi thân hoại mạng chung đều *bị sanh* vào *cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục* lại là đúng (những người này là *Thiện hạnh* như nước của ly nước nhỏ trong khi *Ác hạnh* là nắm muối hoặc chất chồng như núi muối).

Một số trường hợp đáng lưu ý:

Ở đây, này Ananda, người nào từ bỏ *sát sanh, từ bỏ lấy của không cho.. (như trên)...* có chánh kiến; *sau khi thân hoại mạng chung, người ấy bị sanh* vào *cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục...*

Hoặc là một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm từ trước, hay một ác nghiệp đưa đến cảm giác khổ thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một tà kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.

Do vậy, *sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh* vào *cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục*.

Hoặc:

Ở đây, này Ananda, người nào *sát sanh, lấy của không cho.. (như trên)...* có tà kiến; *sau khi thân hoại mạng chung, người ấy được sanh* vào *thiện thú, Thiên giới, cõi đời* này... Hoặc là một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm lúc trước, hay một thiện nghiệp đưa đến cảm giác lạc thọ do người ấy làm về sau, hay trong khi mệnh chung, một chánh kiến được người ấy chấp nhận và chấp chặt.

Do vậy sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào thiện thú, Thiên giới, cõi đời này.

Thế Tôn chỉ ra rằng: *quả báo của Nghiệp được thực hiện có thể ngay trong đời này hoặc ở đời sau: (...) người ấy phải lãnh thọ quả báo được khởi lên ngay hiện tại hay trong một đời khác.*

Ngay trong khi mệnh chung, tức vào giờ phút quyết định, quan trọng nhất của đời người – trước khi trút hơi thở cuối cùng – người ấy *chấp chặt* vào điều gì – thì sẽ sanh vào cảnh giới của điều ấy. Một người luôn làm điều thiện, điều lành là luôn *giữ giới: không sát sanh, không lấy của không cho, không sống tà hạnh trong các dục, không nói láo, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói lời phù phiếm, không có tham dục, không có sân tâm, không có tà kiến (có chánh kiến) –* thì khi mệnh chung mới có thể *chấp chặt* vào *cảm giác lạc thọ*. Ngược lại, sẽ bị *chấp chặt* vào *cảm giác khổ thọ*.

Sanh ở chốn nào là do mỗi người tự quyết định cho mình.

37.

KINH PHÂN BIỆT SÁU XỨ

(Salayatanavibhangasuttam)

(137)

Kinh Phân Biệt Sáu Xứ là những gì Thế Tôn giảng giải rất cụ thể về: nội, ngoại lục xứ ; về *mười tám ý hành cần phải biết* ; *mười sáu loại hữu tình cần phải rõ* ; và, đặc biệt là *có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành ...*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo" – "Bạch Thế Tôn" . Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông phân biệt sáu xứ. Hãy lắng nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ nói.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Có sáu nội xứ cần phải biết. Có sáu ngoại xứ cần phải biết. Có sáu thức thân cần phải biết. Có sáu xúc thân cần phải biết. Có mười tám ý hành cần phải biết. Có ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết. Tại đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này, có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành (niệm xứ) ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng. Trong các bậc Huấn luyện sư, vị ấy được gọi là bậc Vô thượng Điều ngự sư, điều phục các hạng người đáng được điều phục. Đây là tổng thuyết về phân biệt sáu xứ.

Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến : "Sáu nội xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy ? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến : "Sáu ngoại xứ cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy ? Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Khi được nói đến : "Sáu thức thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải biết", do duyên gì được nói đến như vậy ? Nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Khi được nói đến : "Sáu xúc thân cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Mười tám ý hành cần phải biết", do duyên gì được nói đến như vậy ? Sau khi mắt thấy sắc, (ý) chạy theo sắc trú xứ của hỷ, chạy theo sắc trú xứ của ưu, chạy theo sắc trú xứ của xả; sau khi tai nghe tiếng.. (như trên)... ; sau khi mũi ngửi hương... (như trên)... sau khi lưỡi nếm vị... (như trên)... sau khi thân cảm xúc.. (như trên)... sau khi ý nhận thức pháp, ý chạy theo pháp khởi lên hỷ chạy theo pháp khởi lên ưu, chạy theo pháp khởi lên xả. Như vậy, có sáu hỷ hành, có sáu ưu hành, có sáu xả hành. Khi được nói đến "Mười tám ý hành cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết", do duyên gì, được nói đến như vậy ? Sáu hỷ liên hệ tại gia, sáu hỷ liên hệ xuất ly, sáu ưu liên hệ tại gia, sáu ưu liên hệ xuất ly, sáu xả liên hệ tại gia, sáu xả liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ tại gia ?

Có hỷ khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được các sắc do con mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ tại gia. Có hỷ khởi lên, hoặc do nhận được hay thấy sự nhận được các tiếng do tai nhận thức.. (như trên)... các hương do mũi nhận thức ... (như trên) ... các vị do lưỡi nhận thức.. (như trên)... các xúc do thân nhận thức.. (như trên)... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì đã nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến tại gia. Sáu hỷ này liên hệ đến tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu hỷ liên hệ đến xuất ly ? Sau khi biết các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rằng : "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sau khi biết được các tiếng... (như trên)... ; các hương... (như trên)... các vị.. (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt và nghĩ rằng : "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất

cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, có hỷ khởi lên. Loại hỷ như vậy được gọi là hỷ liên hệ đến xuất ly. Sáu hỷ này liên hệ đến xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu ưu liên hệ tại gia ?

Có ưu khởi lên; hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ tại gia. Có ưu khởi lên, hoặc do không nhận được hay thấy sự không nhận được các tiếng do tai nhận thức.. (như trên)... các hương do mũi nhận thức.. (như trên)... các vị do lưỡi nhận thức.. (như trên)... các xúc do thân nhận thức ... (như trên) ... các pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến thế vật; hoặc do nhớ được những gì không nhận được về trước, đã qua, đã diệt, đã biến hoại. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ đến tại gia. Sáu ưu này liên hệ đến tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu ưu liên hệ đến xuất ly ? Sau khi biết được các sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt và nghĩ rằng : "Các sắc pháp xưa kia và các sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với vô thượng giải thoát, nghĩ rằng : "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (ayatana) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú ?" Như vậy, do ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng.... (như trên)... các hương.. (như trên)... các vị... (như trên)... các xúc... (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt và nghĩ rằng : "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi sự thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, vị ấy khởi lên ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, nghĩ rằng : "Khi nào ta có thể chứng đạt và an trú trong xứ (ayatana) mà các bậc Thánh đang chứng đạt và an trú ?" Như vậy, do ước muốn đối với các vô thượng giải thoát, ưu khởi lên do duyên ước muốn. Loại ưu như vậy được gọi là ưu liên hệ xuất ly. Sáu ưu này liên hệ xuất ly.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ tại gia ?

Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu thấy sắc với con mắt, xả khởi lên của một vô văn phàm phu, không chinh phục được (phiền não), không chinh phục được quả dị thực, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi sắc pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Khi một người ngu si, ám độn, phàm phu

nghe tiếng với tai... (như trên)... ; ngửi hương với mũi.. (như trên)... ; nếm vị với lưỡi.. (như trên)... ; cảm xúc với thân... (như trên)... ; nhận thức pháp với ý, xả khởi lên của một vô văn phạm phu, không chinh phục được (phiền não), không chinh phục được quả dị thực, không thấy sự nguy hiểm. Loại xả như vậy không vượt khỏi các pháp. Do vậy, đây được gọi là xả liên hệ tại gia. Sáu xả này liên hệ tại gia.

Ở đây, thế nào là sáu xả liên hệ xuất ly ?

Sau khi biết sắc pháp là vô thường, biến hoại, ly tham, biến diệt, nghĩ rằng : "Các sắc pháp xưa kia và sắc pháp hiện tại, tất cả sắc pháp là vô thường, khổ, biến hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên. Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sau khi biết được các tiếng.. (như trên)... ; các hương... (như trên).. các vị... (như trên).. các xúc.. (như trên)... các pháp là vô thường, biến hoại, ly dục, biến diệt, nghĩ rằng : "Các pháp xưa kia và các pháp hiện tại, tất cả các pháp là vô thường, khổ, biến, hoại". Sau khi như thật thấy như vậy với chánh trí tuệ, xả khởi lên. Loại xả như vậy được gọi là xả liên hệ xuất ly. Sáu xả này liên hệ xuất ly.

Khi được nói đến "Ba mươi sáu loại hữu tình cần phải biết", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Ở đây, do y cứ cái này, đoạn tận cái này", do duyên gì, được nói đến như vậy ?

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ do duyên sáu hỷ liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu hỷ liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng; như vậy là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu ưu liên hệ xuất ly; đoạn tận, vượt qua sáu ưu liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng; như vậy là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu xả liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu xả liên hệ tại gia. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên sáu hỷ liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu ưu liên hệ xuất ly. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên xả liên hệ xuất ly, đoạn tận, vượt qua sáu hỷ liên hệ xuất ly. Như vậy là sự đoạn tận chúng, là sự vượt qua chúng.

Này các Tỷ-kheo, có xả đa diện, y cứ đa diện; có xả nhứt diện, y cứ nhứt diện. Này các Tỷ-kheo, thế nào là xả đa diện, y cứ đa diện ?

Này các Tỷ-kheo, có xả đối với các sắc pháp, có xả đối với các tiếng, có xả đối với các hương, có xả đối với các vị có xả đối với các xúc. Như vậy, này các Tỷ-kheo là xả đa diện, y cứ đa diện.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là xả nhứt diện, y cứ nhứt diện ?

Có xả y cứ Hư không vô biên xứ, có xả y cứ Thức vô biên xứ, có xả y cứ Vô sở hữu xứ, có xả y cứ Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo là xả nhứt diện, y cứ nhứt diện.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, do y cứ, do duyên xả nhứt diện, xả y cứ nhứt diện, đoạn tận vượt qua xả đa diện, xả y cứ đa diện. Như vậy là sự đoạn tận (xả) này, như vậy là sự vượt qua (xả) này. Này các Tỷ-kheo, do y cứ không tham dục, do duyên không tham dục, đoạn tận, vượt qua xả nhứt diện, xả y cứ nhứt diện ấy. Như vậy là sự đoạn tận (xả) này, như vậy là sự vượt qua (xả) này. Khi được nói đến "Tại đây do y cứ cái này, đoạn tận cái này", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến : "Có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành (niệm xứ) ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng", do duyên gì, được nói đến như vậy ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử, vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng : "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông".

Một số đệ tử của bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lóng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, nhưng sống không có dao động, chánh niệm, tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ thứ nhất, một bậc Thánh phải thực hành, và có thực hành niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng là bậc Đạo sư diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, bậc Đạo sư thuyết pháp cho các đệ tử, vì lòng từ mẫn, vì lo cho hạnh phúc của họ, vì thương tưởng họ, nói rằng : "Đây là hạnh phúc cho các Ông, đây là an lạc cho các Ông".

Một số đệ tử bậc Đạo sư ấy không có khéo nghe, không có lóng tai, không có an trú tâm vào chánh trí, và hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư.

Có một số đệ tử khéo nghe, lóng tai, an trú tâm vào chánh trí, và không hành động ngược lại lời dạy của bậc Đạo sư.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như Lai không có hoan hỷ, không có cảm giác hoan hỷ, không có không hoan hỷ, không có cảm giác không hoan hỷ; sau khi đoạn bỏ cả hai, hoan hỷ và không hoan hỷ, Như Lai trú xả, chánh niệm, tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ hai, một bậc Thánh phải thực hành... (như trên).. diễn giảng đồ chúng.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có bậc Đạo Sư thuyết pháp cho các đệ tử ... (như trên) ... " ... đây là an lạc cho các Ông".

Đệ tử của bậc Đạo Sư ấy khéo nghe, lóng tai, an trú tâm vào chánh trí và không đi ngược lời dạy của bậc Đạo Sư.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, Như lai hoan hỷ, và cảm giác hoan hỷ, sống không dao động, chánh niệm, tỉnh giác.

Này các Tỷ-kheo, đây là niệm xứ thứ ba, một bậc Thánh phải thực hành ... (như trên) ... diễn giảng cho đồ chúng.

Khi được nói đến "Có ba niệm xứ, một bậc Thánh phải thực hành, và có (thực hành) niệm xứ ấy, bậc Thánh mới xứng đáng là bậc Đạo sư diễn giảng cho đồ chúng", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Trong các vị Huân luyện sư, vị ấy được gọi là vị Vô thượng Điều ngự sư, điều phục hạng người đáng được điều phục", do duyên gì được nói đến như vậy ?

Này các Tỷ-kheo, một con voi được điều phục do một vị điều ngự tượng sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... phương Đông, phương Tây, phương Bắc hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con ngựa được điều phục do một vị điều ngự mã sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương... hay phương Nam. Này các Tỷ-kheo, một con bò được điều phục do một vị điều ngự sư dắt dẫn chỉ chạy về một phương ... hay phương Nam.

Này các Tỷ-kheo, một người được điều phục do Như Lai, bậc A-La-Hán, Chánh Đẳng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp cả tám phương. Có sắc, thấy các sắc pháp; đó là phương thứ nhất.

Không có tướng nội sắc, thấy các ngoại sắc; đó là phương thứ hai.

Nghĩ đến thanh tịnh, chú tâm trên ấy; đó là phương thứ ba.

Vượt qua một cách hoàn toàn các sắc tướng, diệt trừ đối ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng; và nghĩ rằng "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ; đó là phương thứ tư.

Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng : "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ; đó là phương thứ năm.

Vượt qua một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng : "Không có gì cả", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ; đó là phương thứ sáu.

Vượt qua một cách hoàn toàn Không vô sở hữu xứ; chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ; đó là phương thứ bảy.

Vượt qua một cách hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng đạt và an trú Diệt thọ tướng (định); đó là phương thứ tám.

Này các Tỷ-kheo, một người đáng được điều phục do Như Lai, bậc A-La-Hán, Chánh Đăng Giác dắt dẫn, được chạy cùng khắp tám phương này. Khi được nói đến "Trong các vị Huấn luyện sư, vị ấy được gọi là Vô thượng Điều ngự sư, điều phục hạng người đáng điều phục", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Phân Biệt Sáu Xứ trong bộ Kinh Trung Bộ là những gì Thế Tôn giảng giải rất cụ thể về: nội, ngoại lục xứ ; về mười tám ý hành cần phải biết ; mười sáu loại hữu tình cần phải rõ ; và, đặc biệt là có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành .

38.

KINH TỔNG THUYẾT VÀ BIỆT THUYẾT

(Uddesavibhangasuttam)

(138)

Nếu như cần có một cái nhìn (hoặc cần có một cách nói) tổng quát nhất về triết lý Phật – thì, đó là gì ? Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) thay Thế Tôn giảng giải trong kinh Tổng Thuyết và Biệt Thuyết này ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Tổng thuyết và Biệt thuyết. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết, trong tương lai.

Thế Tôn nói như vậy. Nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy rồi bước vào tinh xá.

Sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau : "Chư Hiền, sau khi đọc lên bài tổng thuyết một cách vắn tắt, không có giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá : "Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội (trần), không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai". Nay không biết ai có

thể giải nghĩa một cách rộng rãi phần tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi các Tỷ-kheo ấy suy nghĩ như sau : "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) này đã được Thế Tôn tán thán và được các vị đồng Phạm hạnh có trí kính trọng, Tôn giả Mahakaccana có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Vậy chúng ta hãy đến Tôn giả Mahakaccana; sau khi đến, chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này". Rồi các Tỷ-kheo ấy đi đến Tôn giả Mahakaccana; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahakaccana những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy thưa với Tôn giả Mahakaccana :

– Thưa Hiền giả Kaccana, sau khi đọc tổng thuyết này, không giải nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy đi vào tinh xá : "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không chấp thủ, không sợ hãi. Nay không biết có ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi". Rồi này Hiền giả Kaccana, chúng tôi suy nghĩ như sau : "Tôn giả Mahakaccana này đã được Thế Tôn tán thán.. (như trên).. chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này, Tôn giả Mahakaccana hãy giải thích cho".

– Này chư Hiền, ví như một người cần thiết lõi cây, tìm cầu lõi cây, đang đi tìm cầu lõi cây, đứng trước một cây lớn có lõi cây. Người ấy bỏ rễ, bỏ thân cây, nghĩ rằng lõi cây cần phải tìm trong các nhánh cây, lá cây... Cũng vậy là việc làm của chư Tôn giả.. Chư Tôn giả đứng trước mặt Thế Tôn, chư Tôn giả lại vượt qua Thế Tôn, và nghĩ rằng cần phải hỏi tôi về ý nghĩa này. Nhưng này chư Hiền, Thế Tôn biết những gì cần biết, thấy những gì cần thấy, bậc có mắt, bậc Trí giả, bậc Pháp giả, bậc Phạm thiên, bậc Thuyết giả, bậc Tuyên thuyết giả, bậc dẫn đến mục đích, bậc đem cho bắt tử, bậc Pháp chủ, bậc Như Lai. Nay đã đến thời chư Hiền hãy đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chư Hiền như thế nào, chư Hiền hãy như vậy thọ trì.

– Thưa Hiền giả Kaccana, chắc chắn Thế Tôn biết những gì cần biết... Nay đã đến thời chúng tôi đến hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích cho chúng tôi như thế nào, chúng tôi sẽ như vậy thọ trì. Nhưng Tôn giả Mahakaccana được Thế Tôn tán thán, được các vị đồng Phạm hạnh kính trọng. Tôn giả Mahakaccana có thể giải thích rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn nói lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi. Mong Tôn giả Mahakaccana giải thích cho, nếu Tôn giả không cảm thấy phiền phức.

– *Vậy chư Hiền, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, tôi sẽ nói.*

– *Thưa vâng, Hiền giả.*

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Mahakaccana. Tôn giả Mahakaccana nói như sau :

– *Này chư Hiền, phân tông thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tinh xá : "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không chấp thủ, không sợ hãi. Này chư Hiền, lời tông thuyết này được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi", tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau :*

Chư Hiền, sao gọi là thức đối với (ngoại) trần, bị tán loạn, bị tản rộng ? Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức truy cầu sắc tướng, bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, bị cột chặt bởi vị của sắc tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng, như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) bị tán loạn, tản rộng.

Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai ... ngửi hương với mũi ... nếm vị với lưỡi ... cảm xúc với thân ... nhận thức pháp với ý, thức truy cầu pháp tướng, bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) bị tán loạn, tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức bị tán loạn, tản rộng.

Chư Hiền, sao gọi là thức đối với (ngoại) trần, không bị tán loạn, không bị tản rộng ? Ở đây, này chư Hiền, khi vị Tỷ-kheo thấy sắc với con mắt, thức không truy cầu sắc tướng, không bị trói buộc bởi vị của sắc tướng, không bị cột chặt bởi vị của sắc tướng; không bị triền phược bởi kiết sử vị của sắc tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) không bị tán loạn, không bị tản rộng.

Khi vị Tỷ-kheo nghe tiếng với tai... ngửi hương với mũi... nếm vị với lưỡi.. cảm xúc với thân.... nhận thức pháp với ý, thức không truy cầu pháp tướng, không bị trói buộc bởi vị của pháp tướng, không bị cột chặt bởi vị của pháp tướng, không bị triền phược bởi kiết sử vị của pháp tướng; như vậy gọi là thức đối với ngoại (trần) không bị tán loạn, không bị tản rộng. Như vậy, này chư Hiền, gọi là thức không bị tán loạn, không bị tản rộng.

Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm trú trước nội (trần) ?

Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Thức vị ấy truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo đình chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thức của vị ấy truy tìm hỷ lạc do định sanh, bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh; bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy truy tìm xả, bị trói buộc bởi vị xả và lạc, bị cột chặt bởi vị xả và lạc, bị triền phược bởi vị xả và lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Thức của vị ấy truy tìm không khổ không lạc, bị trói buộc bởi vị không khổ không lạc, bị cột chặt bởi vị không khổ không lạc, bị triền phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần). Như vậy gọi là tâm trú trước nội (trần).

Và này chư Hiền, thế nào gọi là tâm không bị trú trước nội (trần) ? Ở đây, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, không tầm không tứ. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do ly dục sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do ly dục sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do ly dục sanh, như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo đình chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Thức của vị ấy không truy tìm hỷ lạc do định sanh, không bị trói buộc bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị cột chặt bởi vị hỷ lạc do định sanh, không bị triền phược bởi kiết sử hỷ lạc do định sanh; như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú Thiền thứ ba. Thức của vị ấy không truy tìm xả, không bị trói buộc bởi vị xả và lạc, không bị cột

chặt bởi vị xả và lạc, không bị triền phược bởi vị xả và lạc, như vậy được gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Lại nữa, này chư Hiền, vị Tỷ-kheo xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng đạt và an trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Thức của vị ấy không truy tìm không khổ không lạc, không bị trói buộc bởi vị của không khổ không lạc, không bị cột chặt bởi vị của không khổ không lạc, không bị triền phược bởi kiết sử vị không khổ không lạc; như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần). Như vậy gọi là tâm không trú trước nội (trần).

Và thế nào, này chư Hiền, là bị chấp thủ quấy rối ?

Ở đây, này chư Hiền, kẻ vô văn phạm phu không thấy rõ các bậc Thánh, không thuần thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không yết kiến các bậc Chân nhân, không thuần thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân, thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay thấy sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc. Sắc pháp ấy của nó có biến hoại, đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp ấy của nó, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy.

Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại.

Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát.

Và vị ấy bị chấp thủ quấy rối.

Vị ấy xem cảm thọ.. tưởng... các hành... thức như là tự ngã hay tự ngã, như là có thức, hay thức như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong thức. Thức ấy của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức ấy của vị ấy, thức của vị ấy bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong pháp, nên các pháp quấy rối khởi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm bị xâm nhập, vị ấy sợ hãi, bực phiền và đầy những khao khát. Và vị ấy bị chấp thủ, quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là bị chấp thủ, quấy rối.

Và thế nào, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối ?

Ở đây, này chư Hiền, có Đa văn Thánh đệ tử yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh; yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân; không thấy

sắc như là tự ngã, hay tự ngã như là có sắc, hay không thấy sắc như là trong tự ngã, hay tự ngã như là trong sắc. Sắc pháp của vị ấy biến hoại, đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong sắc pháp của vị ấy, thức của vị ấy không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp của vị ấy.

Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong sắc pháp, nên các pháp quấy rời khỏi lên, không xâm nhập tâm và tồn tại.

Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát.

Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối.

Vị ấy không xem cảm thọ.. tưởng... các hành.. thức như là tự ngã hay tự ngã là có thức, hay không thấy thức như là trong tự ngã hay tự ngã như là trong thức. Thức của vị ấy biến hoại và đổi khác. Với sự biến hoại và đổi khác trong thức của vị ấy, thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức của vị ấy. Do thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại trong thức, nên các pháp quấy rời không khỏi lên, xâm nhập tâm và tồn tại. Vì tâm không bị xâm nhập, vị ấy không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát. Và vị ấy không bị chấp thủ quấy rối. Như vậy, này chư Hiền, là không bị chấp thủ quấy rối.

Này chư Hiền, phần tổng thuyết Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không giải nghĩa một cách rộng rãi, từ chỗ ngồi đứng dậy và đã đi vào trong tịnh xá : "Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già chết trong tương lai". Phần tổng thuyết này, này chư Hiền, được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi; này chư Hiền, tôi hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như vậy. Và nếu như Tôn giả muốn, hãy đi đến Thế Tôn và hỏi ý nghĩa này. Thế Tôn giải thích các Tôn giả như thế nào, hãy như vậy thọ trì.

Rồi các Tỷ-kheo ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Mahakaccana giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn - Bạch Thế Tôn, sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng con, không giải thích nghĩa một cách rộng rãi, Thế Tôn từ chỗ ngồi đứng dậy, và đi vào tịnh xá : "Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai".

Bạch Thế Tôn, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, chúng con suy nghĩ như sau : "Thế Tôn sau khi đọc phần tổng thuyết một cách vắn tắt cho chúng ta, không giải nghĩa một cách rộng rãi, và đã đi vào tinh xá : "Vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào.. (như trên)... không có sự tập khởi, sự sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai ". Nay không biết ai có thể giải nghĩa một cách rộng rãi tổng thuyết này, phần này chỉ được Thế Tôn đọc lên một cách vắn tắt, không được giải nghĩa một cách rộng rãi".

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con suy nghĩ như sau : "Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên)... (như trên)... nay chúng ta hãy hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này". Rồi bạch Thế Tôn, chúng con đi đến Tôn giả Mahakaccana, sau khi đến chúng con hỏi Tôn giả Mahakaccana về ý nghĩa này. Ý nghĩa của những (chữ) ấy đã được Tôn giả Mahakaccana giải thích cho chúng con với những phương pháp (akara) này, với những câu này, với những chữ này.

– Nay các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc Hiền giả. Nay các Tỷ-kheo, Mahakaccana là bậc đại trí tuệ. Nay các Tỷ-kheo, nếu các Ông hỏi Ta về ý nghĩa này, Ta cũng giải thích cho các Ông như vậy, như Mahakaccana đã giải thích. Thật sự ý nghĩa ấy là vậy, và các Ông hãy thọ trì như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Tổng Thuyết và Biệt Thuyết trong bộ Kinh Trung Bộ là những lời giảng giải của Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) khái quát nhất (một cách đặc biệt) về tổng thể triết lý Phật: Triết lý về sự khổ, diệt khổ và cứu cánh giải thoát.

Qua đó cho thấy rằng:

Nếu như không xem sắc, thọ, tưởng, hành, thức như là tự ngã ; hay tự ngã là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức ; hay không thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức như là trong tự ngã ; hay tự ngã như là trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Thì, khi: sắc, thọ, tưởng, hành, thức bị biến hoại và đổi khác – sẽ không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại bởi sắc, thọ, tưởng, hành, thức ấy.

Do sắc, thọ, tưởng, hành, thức không bị tùy chuyển bởi sự biến hoại nên các pháp quý rồi không khởi lên, không xâm nhập tâm và tồn tại.

Vì tâm không bị các pháp quấy rối xâm nhập, nên không sợ hãi, không bực phiền và không đầy những khao khát.

Vì thế, sẽ không bị chấp thủ quấy rối.

(...) nếu thức đối với ngoại (trần) không tán loạn, không tán rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết, trong tương lai.

Bởi, một khi không bị chấp thủ quấy rối thì sẽ đi đến cứu cánh Niết Bàn.

39.
KINH VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT
(Anaravibhangasuttam)
(139)

Thế Tôn giảng giải rõ để giúp phân biệt được: những gì là không (vô) tránh (né) và những gì cần phải tránh (né) ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông Vô tránh phân biệt. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích. Và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích.

Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn.

Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích.

Sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp.

Nên biết phán xét về lạc.

Sau khi biết phán xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc.

Không nên nói lên lời bí mật.

Mặt đối mặt (với ai), không nên nói lời mát lòng.

Nên nói thật từ từ, không có vội vàng.

Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

Như vậy là tổng thuyết về vô tránh phân biệt.

Khi được nói đến "Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích", do duyên gì được nói đến như vậy ?

Phàm lạc gì liên hệ với dục nhưng đam mê loại hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy là có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo.

Phàm lạc gì liên kết với dục, nhưng không đam mê loại hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo.

Phàm hành trì tự kỷ khổ hạnh nào, khổ đau, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Phàm không hành trì khổ hạnh nào, đau khổ không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".

Khi được nói đến "Chớ có hành trì dục lạc, hạ liệt, đê tiện, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, và cũng không nên hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thượng trí, giác ngộ, Niết-bàn", do duyên gì được nói đến như vậy ? Đây là con đường Thánh tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Khi được nói đến "Từ bỏ hai cực đoan ấy, có con đường Trung đạo đã được Như Lai giác ngộ.. giác ngộ, Niết-bàn", chính do duyên này, được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích; sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, không tán thán, không chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp", do duyên gì được nói đến như vậy ?

Này các Tỷ-kheo, thế nào là tán thán, là chỉ trích, nhưng không thuyết pháp ?

Vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau : "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục nhưng đam mê loại hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những người ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo".

Vị ấy tán thán một số người và nói như sau : "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng không đam mê loại hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc

Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".

Ở đây, vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau : "Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc về tà đạo".

Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau : "Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh; đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo".

Ở đây, vị ấy chỉ trích một số người và nói như sau : "Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo".

Ở đây, vị ấy tán thán một số người và nói như sau : "Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo". Như vậy, này các Tỷ-kheo là có tán thán và có chỉ trích nhưng không thuyết pháp.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không có tán thán và không có chỉ trích, nhưng có thuyết pháp ?

Vị ấy không nói như sau : "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo".

Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau : "Sự đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo". Vị ấy không nói : "Những ai tìm thấy lạc liên hệ với dục, nhưng không đam mê loại hỷ hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. "Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau : "Không đam mê là một pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo". Vị ấy không nói : "Những ai đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, tất cả những vị ấy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. "Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau : "Sự đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. "Vị ấy không nói : "Những ai không đam mê hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ đến mục đích, tất cả những vị ấy đều không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau : "Sự không đam mê là không đau khổ, pháp này không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc về chánh đạo". Vị

ấy không có nói : "Những ai chưa đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy đều có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não". Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau : "Khi hữu kiết sử chưa đoạn tận, hữu chưa đoạn tận". Vị ấy không nói như sau: "Những ai đã đoạn tận hữu kiết sử, tất cả những vị ấy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não. "Vị ấy chỉ thuyết pháp và nói như sau : "Và khi hữu kiết sử được đoạn tận, hữu được đoạn tận". Như vậy, này các Tỷ-kheo là không tán thán, không chỉ trích, nhưng chỉ thuyết pháp. Khi được nói đến "Nên biết tán thán và nên biết chỉ trích; sau khi biết tán thán và sau khi biết chỉ trích, chớ có tán thán, chớ có chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Nên biết phán xét về lạc; sau khi biết pháp xét về lạc, nên chú tâm vào nội lạc", do duyên gì được nói đến như vậy ?

Này các Tỷ-kheo, có năm dục trường dưỡng này. Thế nào là năm ? Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức, ... ; các hương do mũi nhận thức, ... ; các vị do lưỡi nhận thức.... ; các xúc do thân cảm giác, khả ái, khả lạc, khả ý, khả hỷ, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Này các Tỷ-kheo, như vậy là năm dục trường dưỡng.

Này các Tỷ-kheo, do duyên năm dục trường dưỡng này khởi lên lạc và hỷ, như vậy gọi là dục lạc, uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc.

Ta nói loại lạc này không nên thực hành, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn, nên sợ hãi.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chứng đạt và an trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

Đình chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhứt tâm... Thiên thứ ba... chứng đạt và an trú Thiên thứ tư. Như vậy gọi là xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, giác ngộ lạc.

Ta nói loại lạc này nên thực hành, nên tu tập, nên làm cho sung mãn, không nên sợ hãi. Khi được nói đến "Nên biết phán xét về lạc; sau khi phán xét về lạc, hãy chú tâm vào nội lạc", do chính duyên này được nói đến như vậy.

– Khi được nói đến "Không nên nói lên lời bí mật. Mặt đối mặt (với ai), không nên nói lời mát lòng", do duyên gì được nói đến như vậy ?

Tại đây, này các Tỷ-kheo, biết được một lời bí mật là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, chớ nói lên lời bí mật ấy.

Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, hãy tự tập đừng nói lời ấy.

Và nếu biết được một lời bí mật là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích; ở đây nên biết thời nói lên lời bí mật ấy.

Nếu biết một lời mát lòng, mặt đối mặt (với ai) là không thực, hư vọng, không liên hệ mục đích, nếu có thể được, mặt đối mặt; chớ có nói lên lời nói mát lòng ấy.

Nếu biết một lời mát lòng, mặt đối mặt (với ai) là thực, không hư vọng, nhưng không liên hệ mục đích, hãy tập chớ nói lên lời ấy.

Và nếu biết một lời mát lòng, mặt đối mặt (với ai) là thực, không hư vọng, có liên hệ mục đích; ở đây nên biết thời nói lên lời mát lòng ấy. Khi được nói đến "Không nên nói lên lời bí mật, mặt đối mặt (với ai), không nên nói lên lời mát lòng", do chính duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Nên nói thật từ từ, chớ có vội vàng", do duyên gì được nói đến như vậy ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, nếu nói vội vàng, thời thân mệt mỏi, tâm bị tổn hại, tiếng bị tổn hại và cổ họng bị đau.

Lời nói một người vội vàng không được rõ ràng và không được nhận hiểu.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, nói lời từ từ, thân không mệt mỏi, tâm không tổn hại, tiếng không tổn hại và cổ họng không bị đau.

Lời nói một người nói từ từ được rõ ràng và được nhận hiểu.

Khi được nói đến "Nên nói thật từ từ, chớ có nói vội vàng", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, "do duyên gì, được nói đến như vậy ? Và này các Tỷ-kheo, thế nào là chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường dùng ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết (những chữ) Pati... Patta... Vittha.. Sarava.. Dharopa.. Pona... Pisila.

Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy những chữ là như vậy, như vậy, có người lại làm như vậy, kiên trì chấp thủ, chấp trước và nói : "Chỉ như vậy là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

Như vậy, này các Tỷ-kheo, là chấp trước địa phương ngữ, là đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng ?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, trong nhiều quốc độ, người ta biết những chữ Pati.. Patta... Vittha.. Sarava... Dharopa... Pona.. Pisila.. Như vậy, như họ biết trong các quốc độ ấy, những chữ là như vậy, như vậy, một người không chấp thủ mà giải thích : "Các vị ấy y cứ như thế này, giải thích như vậy. "Như vậy, này các Tỷ-kheo là không chấp trước địa phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng. Khi

được nói đến "Chớ có chấp trước địa phương ngữ, chớ có đi quá xa ngôn ngữ thường dùng", do chính duyên này được nói đến như vậy.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, phàm lạc gì liên hệ với dục nhưng có đam mê loại hỷ, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lạc gì, liên kết với dục, nhưng không có đam mê loại hỷ, hạ liệt, đê tiện, phàm phu, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm hành trì tự kỷ khổ hạnh, đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm không có hành trì tự kỷ khổ hạnh, không đau khổ, không xứng bậc Thánh, không liên hệ mục đích, pháp như vậy không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, đây là Trung đạo đã được Thế Tôn giác ngộ, tác thành mắt, tác thành trí, đưa đến an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết - bàn. Pháp này không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp tán thán và chỉ trích nhưng không thuyết pháp này, pháp này có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp không tán thán, cũng không chỉ trích, chỉ có thuyết pháp, pháp này không có đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp dục lạc này là uế lạc, phàm phu lạc, phi Thánh lạc, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, pháp xuất ly lạc, viễn ly lạc, an tịnh lạc, pháp này là pháp không đau khổ, không phiền lao, không ưu não, không nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phàm lời nói bí mật nào không thật, hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm lời nói bí mật nào là chân thật, không hư vọng, có liên hệ mục đích, pháp này là pháp không đau khổ, không có phiền lao, không có ưu não, không có nhiệt não, thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm lời nói mát lòng nào, mặt đối mặt (với ai), không chân thật, hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm lời nói mát lòng nào, mặt đối mặt (với ai) là chân thật, không hư vọng, không liên hệ mục đích, pháp này là pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Do vậy, pháp này là pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm lời nói mát lòng nào, mặt đối mặt (với ai) là chân thật, không hư vọng, liên hệ mục đích, pháp này là pháp không đau khổ.. thuộc chánh đạo. Do vậy, pháp này là pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, phạm lời nói nào được nói lên một cách vội vàng, pháp này có đau khổ... tà đạo... pháp hữu tránh.

Tại đây này các Tỷ-kheo, phạm lời nói nào được nói lên một cách từ từ, pháp này không có đau khổ.. chánh đạo.. pháp vô tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, chấp trước địa phương ngữ và đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, pháp này là pháp có đau khổ.. thuộc về tà đạo... pháp hữu tránh.

Tại đây, này các Tỷ-kheo, không chấp trước địa phương ngữ và không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng, pháp này là pháp không có đau khổ... thuộc về chánh đạo... pháp vô tránh.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông phải tự tu học như sau : "Chúng ta sẽ biết hữu tránh pháp và chúng ta sẽ biết vô tránh pháp. Sau khi biết hữu tránh pháp và sau khi biết vô tránh pháp, chúng ta sẽ hành trì vô tránh đạo".

Và này các Tỷ-kheo, Thiện gia nam tử Subhuti (Tu-bồ-đề) đã hành trì vô tránh pháp.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Vô Tránh Phân Biệt trong bộ Kinh Trung Bộ là những gì Thế Tôn giảng giải rõ để giúp phân biệt được: những gì là không (vô) tránh (né) và những gì cần phải tránh (né) .

40.
KINH GIỚI PHÂN BIỆT
(Dhatuvibhangasuttam)
(140)

Một lần nữa Thế Tôn lại giảng rất sâu về sáu giới ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), đi đến Rajagaha (Vương xá), đến nhà thợ gốm Bhaggava; sau khi đến nói với thợ gốm Bhaggava:

– Này Bhaggava, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở tại chỗ này một đêm.

– Bạch Thế Tôn không có gì phiền phức cho con. Ở đây đã có một vị xuất gia đến ở từ trước rồi. Nếu vị ấy thỏa thuận, bạch Thế Tôn, hãy ở lại tùy theo sở thích.

Lúc bấy giờ, Thiện gia nam tử Pukkusati, do lòng tin, y cứ Thế Tôn đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Vị ấy đã đến ở trước tại trú xứ của thợ gốm. Rồi Thế Tôn đi đến Tôn giả Pukkusati; sau khi đến nói với Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, nếu không gì phiền phức cho Ông, Ta muốn ở lại trú xứ này một đêm.

– Rộng rãi, thưa Hiền giả, là trú xứ của thợ gốm. Tôn giả có thể ở, tùy theo sở thích.

Rồi Thế Tôn sau khi bước vào trú xứ của thợ gốm, trải thảm cỏ vào một bên, ngồi kiết-già, lưng thẳng và an trú niệm trước mặt. Và Thế Tôn trải qua phần lớn đêm ấy, ngồi (như vậy).

Tôn giả Pukkusati trải qua phần lớn đêm ấy cũng ngồi (như vậy). Rồi Thế Tôn suy nghĩ : "Cử chỉ Thiện gia nam tử này có vẻ tít thành, Ta hãy hỏi vị ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Này Tỷ-kheo, Ông xuất gia, y cứ vào ai ? Ai là Đạo sư của Ông ? Ông chấp nhận pháp của ai ?

– Thưa Hiền giả, có Sa môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ dòng họ Thích Ca. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Thế Tôn Gotama ấy: "Ngài là bậc Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn". Tôi đã xuất gia, y cứ bậc Thế Tôn ấy. Ngài là bậc Đạo sư của tôi. Và tôi chấp thuận pháp của bậc Thế Tôn ấy.

– Nay Tỷ-kheo, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ấy ở đâu ?

– Thưa Hiền giả, có một thành phố tên là Savatthi giữa các quốc độ phía Bắc. Tại đây, Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác hiện này đang ở.

– Nay Tỷ-kheo, trước đây Ông đã thấy bậc Thế Tôn ấy chưa ? Và nếu thấy, Ông có nhận ra được không ?

– Thưa Hiền giả, trước đây tôi chưa từng thấy bậc Thế Tôn ấy. Và nếu thấy, tôi không nhận ra được.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ : "Thiện gia nam tử này xuất gia y cứ nơi Ta. Vậy Ta hãy thuyết pháp cho (Thiện gia nam tử) ấy". Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Pukkusati:

– Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa Hiền giả vâng.

Tôn giả Pukkusati vâng đáp Thế Tôn.

Thế Tôn nói như sau :

– Nay Tỷ-kheo, người này có sáu giới, sáu xúc xú, mười tám ý hành, bốn thắng xú, khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh. Chớ có buông lung trí tuệ, hãy độ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí (caga), hãy tu học tịch tịnh. Đây là tổng thuyết sáu giới phân biệt.

– Nay Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", do duyên gì được nói đến như vậy ? Địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Nay Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu giới", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này các Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có sáu xúc xú", do duyên gì được nói đến như vậy ? Nhãn xúc xú, nhĩ xúc xú, tỷ xúc xú, thiệt xúc xú, thân xúc xú, ý xúc xú. Khi được nói đến "Người này có sáu xúc xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành", do duyên gì được nói đến như vậy ? Khi con mắt thấy sắc, người ấy chạy theo sắc, chỗ trú xú của hỷ, chạy theo sắc chỗ trú xú của ưu, chạy theo sắc chỗ trú xú của xả, khi tai nghe tiếng... mũi ngửi hương... lưỡi nếm vị... thân cảm xúc, ... ý nhận thức pháp, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xú của hỷ, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xú của ưu, người ấy chạy theo pháp, chỗ trú xú của xả. Như vậy có sáu hỷ hành, sáu ưu hành, sáu xả hành. Khi được nói đến "Người này có mười tám ý hành" chính do duyên này được nói đến như vậy.

– Này Tỷ-kheo, khi được nói đến "Người này có bốn thắng xú", do duyên gì được nói đến như vậy ?

Tuệ thắng xú, đế thắng xú, huệ thí thắng xú, tịch tịnh thắng xú.

Khi được nói đến "Người này có bốn thắng xú", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy tăng trưởng huệ thí, hãy tu học tịch tịnh", do duyên gì được nói đến như vậy ? Thế nào là không buông lung trí tuệ ? Có sáu giới này: địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.

Này Tỷ-kheo, thế nào là địa giới ? Có nội địa giới và có ngoại địa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội địa giới ? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ, như tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, hoành cách mô, lá lách, phổi, ruột, màng ruột, bao tử, phân và bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, kiên cứng, thô phù, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là nội địa giới. Những gì thuộc nội địa giới và những gì thuộc ngoại địa giới đều thuộc về địa giới. Địa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát địa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với địa giới, tâm từ bỏ địa giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là thủy giới ? Có nội thủy giới, có ngoại thủy giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội thủy giới ? Cái gì thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ, như mật, đờm (niêm dịch), mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, mỡ da, nước miếng, nước mũi, nước ở khớp xương, nước tiểu, và

bất cứ vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc nước, thuộc chất lỏng, bị chấp thủ. Như vậy, này Tỷ-kheo, được gọi là thủy giới. Những gì thuộc nội thủy giới và những gì thuộc ngoại thủy giới đều thuộc về thủy giới. Thủy giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát thủy giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với thủy giới, tâm từ bỏ thủy giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là hỏa giới ? Có nội hỏa giới, có ngoại hỏa giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội hỏa giới ? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc về cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Như cái gì khiến cho hâm nóng, khiến cho hủy hoại, khiến cho thiêu cháy, cái gì khiến cho những vật được ăn, uống, nhai, ném, có thể khéo tiêu hóa, hay tất cả những vật gì khác, thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc lửa, thuộc chất nóng, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội hỏa giới. Những gì thuộc nội hỏa giới và những gì thuộc ngoại hỏa giới đều thuộc về hỏa giới. Hỏa giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hỏa giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hỏa giới, tâm từ bỏ hỏa giới.

Và này Tỷ-kheo, thế nào là phong giới ? Có nội phong giới, có ngoại phong giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội phong giới ? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ, như gió thổi lên, gió thổi xuống, gió trong ruột, gió trong bụng dưới, gió thổi ngang các đốt, các khớp, hơi thở vô, hơi thở ra, và bất cứ vật gì khác thuộc nội thân, thuộc cá nhân, thuộc gió, thuộc tánh động, bị chấp thủ. Này Tỷ-kheo, như vậy được gọi là nội phong giới. Những gì thuộc nội phong giới và những gì thuộc ngoại phong giới đều thuộc về phong giới. Phong giới ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát phong giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với phong giới, tâm từ bỏ phong giới.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là hư không giới ? Có nội hư không giới, có ngoại hư không giới. Và này Tỷ-kheo, thế nào là nội hư không giới ? Cái gì thuộc về nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ, như lỗ tai, lỗ mũi, cửa miệng, do cái gì người ta nuốt, những gì được nhai, được uống, được ăn, được ném, và tại chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được ném, được giữ lại, và ngang qua chỗ mà những gì được nhai, được uống, được ăn, được ném và được tống xuất xuống phần dưới để ra ngoài, và bất cứ vật gì khác thuộc

nội thân, thuộc cá nhân, thuộc hư không, thuộc hư không tánh, bị chấp thủ. Đây Tỳ-kheo, như vậy được gọi là nội hư không giới. Những gì thuộc nội hư không giới và ngoại hư không giới đều thuộc về hư không giới. Hư không ấy phải được quán sát như thật với chánh trí tuệ như sau : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Sau khi như thật quán sát hư không giới với chánh trí tuệ như vậy, vị ấy sanh yếm ly đối với hư không giới, tâm từ bỏ hư không giới.

Lại nữa, khi thức còn lại được trong sạch, trong trắng, vị ấy biết được một số sự việc nhờ thức ấy. Vị ấy thức tri được lạc, thức tri được khổ, thức tri được bất khổ bất lạc. Đây Tỳ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ, tuệ tri rằng : "Tôi cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên được cảm giác, vị ấy biết: "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Đây Tỳ-kheo, duyên khổ xúc, khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ, tuệ tri rằng : "Tôi cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc ấy diệt đi, khổ thọ do khổ xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy biết : "Khổ thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Đây Tỳ-kheo, duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác bất khổ bất lạc thọ, tuệ tri rằng : "Tôi cảm giác bất khổ bất lạc thọ". Do bất khổ bất lạc thọ xúc ấy diệt đi, bất khổ bất lạc thọ do bất khổ bất lạc xúc được khởi lên, được cảm giác, vị ấy tuệ tri : "Bất khổ bất lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt".

Này Tỳ-kheo, ví như do hai cây que xúc chạm cọ xát, hơi nóng được sanh, ngọn lửa được hiện khởi. Khi hai que ấy được rời nhau, được phân ly, sức nóng được sanh khởi ấy, sức nóng ấy được diệt đi, được chấm dứt. Cũng vậy, này Tỳ-kheo, duyên lạc xúc, lạc thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác lạc thọ tuệ tri rằng : "Tôi đang cảm giác lạc thọ". Do lạc xúc ấy diệt đi, lạc thọ do lạc xúc được khởi lên, được cảm giác vị ấy tuệ tri : "Lạc thọ ấy được diệt đi, được chấm dứt". Đây Tỳ-kheo, duyên khổ xúc khổ thọ khởi lên. Vị ấy khi đang cảm giác khổ thọ tuệ tri rằng : "Tôi đang cảm giác khổ thọ". Do khổ xúc... "... được chấm dứt". Đây Tỳ-kheo duyên bất khổ bất lạc xúc, bất khổ bất lạc thọ khởi lên... , "... bất khổ bất lạc thọ được diệt đi, được chấm dứt".

Lại nữa, xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng. Ví như, này Tỳ-kheo, một người thợ vàng thiện xảo hay người thợ sửa soạn lò đúc; sau khi sửa soạn lò đúc xong, người ấy đốt lửa miệng lò đúc; sau khi đốt lửa miệng lò đúc, người ấy dùng kẹp lấy vàng và đặt vàng vào trong miệng lò; rồi thỉnh thoảng người ấy thổi trên ấy, thỉnh thoảng người ấy rưới nước trên ấy, thỉnh thoảng người ấy quán sát thật kỹ... vàng ấy đã trở thành sáng sửa, thanh tịnh, gột sạch, các uế tạp được đoạn trừ, các tỳ vết được trừ sạch, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn và chói sáng... và nếu người ấy muốn làm đồ trang sức nào, hoặc vòng

nhấn, hoặc bông tai, hoặc vòng cổ, hoặc vòng hoa vàng, thời vàng ấy có thể dùng vào mục đích ấy. Cũng vậy, này Tỷ-kheo, lại nữa xả còn lại được trong sạch, trong trắng, nhu nhuyễn, dễ uốn nắn, chói sáng. Người ấy tuệ tri như sau : "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài.

Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Thức vô biên xứ và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy được an trú nơi ta trong một thời gian dài.

Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Vô sở hữu xứ, và tu tập tâm ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài.

Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời xả này y cứ vào đấy, chấp thủ tại đấy, được an trú nơi ta trong một thời gian dài".

Người ấy tuệ tri như sau : "Nếu ta tập trung xả này thanh tịnh như vậy, trong trắng như vậy vào Hư không vô biên xứ... Thức vô biên xứ... Vô sở hữu xứ... Phi tướng phi phi tướng xứ, và tu tập tâm của ta tùy theo pháp ấy, thời (xả) ấy trở thành pháp hữu vi". Vị ấy không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu. Do không tác thành, không suy tưởng đến hữu hay phi hữu, vị ấy không chấp thủ một sự vật gì ở đời; chấp thủ không quấy rối vị ấy; do chấp thủ không quấy rối vị ấy, vị ấy tự chứng Niết-bàn, và vị ấy tuệ tri : "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những điều nên làm đã làm, không còn trở lại trạng thái như thế này nữa".

Nếu vị ấy cảm giác lạc thọ, vị ấy tuệ tri : "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri : "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri : "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, vị ấy tuệ tri : "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri : "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri : "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, vị ấy tuệ tri : "Thọ ấy là vô thường"; vị ấy tuệ tri : "Không nên đắm trước"; vị ấy tuệ tri : "Không phải là đối tượng để hoan hỷ".

Nếu cảm giác lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Nếu vị ấy cảm giác khổ thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Nếu vị ấy cảm giác bất khổ bất lạc thọ, không có hệ phược, vị ấy cảm giác thọ ấy. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu, vị ấy tuệ tri : "Ta cảm giác một cảm thọ với thân là tối hậu. Khi vị ấy cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu, vị ấy tuệ tri : "Ta cảm giác một cảm thọ với sinh mạng là tối hậu "; vị ấy tuệ tri : "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương".

Ví như, này Tỷ-kheo, như ngọn đèn dầu được cháy nhờ dầu và tim. Khi dầu và tim diệt tận, và không có vật liệu khác được đem đến, ngọn đèn dầu ấy bị diệt tắt... Cũng vậy, này Tỷ-kheo, khi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu, vị ấy tuệ tri : "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy thân làm tối hậu". Khi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu, vị ấy tuệ tri : "Tôi cảm giác một cảm thọ lấy sinh mạng làm tối hậu"; vị ấy tuệ tri : "Sau khi thân hoại mạng chung, mọi cảm thọ hoan hỷ ở nơi đây trở thành thanh lương". Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng tuệ thắng xứ này.

Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tuệ, nghĩa là trí, biết sự đoạn tận mọi đau khổ. Sự giải thoát ấy của vị này, an trú vào chân đế, không bị dao động.

Này Tỷ-kheo, cái gì có thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về hư vọng. Cái gì không thể đưa đến hư vọng, thời thuộc về chân đế, Niết-bàn. Do vậy, vị Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng đế thắng xứ này.

Vì rằng, này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh đế, tức là Niết-bàn, không có thể đưa đến hư vọng. Và những sanh y vô trí thức trước của nó đã được đầy đủ, đã được thành tựu. Chúng được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, một Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu với tối thắng huệ thí thắng xứ này. Vì rằng này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh huệ thí, tức là sự xả ly tất cả sanh y. Và tham ái vô trí thức trước của nó, thuộc tham dục, tham nhiễm; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và sự phẫn nộ vô trí thức trước của nó, thuộc sân hận, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận, chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu nữa trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Và vô minh vô trí thức trước của nó, thuộc si mê, thuộc tội quá; pháp ấy được đoạn tận chặt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala, không thể hiện hữu trong tương lai, không có khả năng sanh khởi nữa. Do vậy, Tỷ-kheo thành tựu như vậy là thành tựu tối thắng tịch tịnh thắng xứ. Này Tỷ-kheo, như vậy là tối thắng Thánh tịch tịnh, tức là sự tịch tịnh tham sân si.

Khi được nói đến "Chớ có buông lung trí tuệ, hãy hộ trì chân đế, hãy làm cho sung mãn huệ thí, hãy tu học tịch tịnh", chính do duyên này được nói đến như vậy.

Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động. Khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh", do duyên gì được nói đến như vậy ?

Này Tỷ-kheo, "Tôi là", như vậy là vọng tưởng. "Tôi là cái này", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ là", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không là", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ có sắc", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không có sắc" như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ có tướng", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không có tướng", như vậy là vọng tưởng. "Tôi sẽ không có tướng, không không có tướng", như vậy là vọng tưởng. Vọng tưởng, này Tỷ-kheo, là bệnh, vọng tưởng là cục bấu, vọng tưởng là mũi tên. Này Tỷ-kheo, khi vượt khỏi mọi vọng tưởng, vị ẩn sĩ được gọi là tịch tịnh. Nhưng này Tỷ-kheo, vị ẩn sĩ tịch tịnh không sanh, không già, không có dao động, không có hy cầu. Vì không có cái gì do đó có thể sanh, này Tỷ-kheo, không sanh làm sao già được ? Không già, làm sao chết được ? Không chết làm sao dao động được ? Không dao động, làm sao hy cầu ? Khi được nói đến "Khi được an trú, vọng tưởng không có chuyển động; khi vọng tưởng không chuyển động, vị ấy được gọi là một ẩn sĩ tịch tịnh do chính duyên này được nói đến như vậy. Này Tỷ-kheo, hãy thọ trì sự phân biệt tóm tắt của Ta về sáu giới.

Rồi Tôn giả Pukkusati nghĩ như sau : "Thật sự bậc Đạo sư đã đến với ta ! Thật sự bậc Thiện Thệ đã đến với ta ! Thật sự bậc Chánh Đẳng Giác đã đến với ta !" Rồi Tôn giả từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn :

– Con đã rơi vào một lỗi lầm, bạch Thế Tôn, vì rằng, ngu đần, si mê và không khéo léo như con, đã nghĩ rằng con có thể xưng hô với Thế Tôn với danh từ Hiền giả. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn chấp nhận cho con lỗi lầm ấy là một lỗi lầm để con có thể ngăn ngừa trong tương lai.

– Này Tỷ-kheo, thật vậy, Ông đã rơi vào một lỗi lầm, vì rằng ngu đần, si mê và không khéo léo vì Ông đã nghĩ rằng Ông có thể xưng hô với Ta với danh từ Hiền giả. Nhưng này Tỷ-kheo, nếu Ông thấy một lỗi lầm là một lỗi lầm, và như pháp phát lộ, thời chúng ta chấp nhận (lỗi lầm) ấy cho Ông. Vì rằng này Tỷ-kheo, đây là sự tăng ích trong giới luật của bậc Thánh, khi nào một ai thấy lỗi lầm là một lỗi lầm, như pháp phát lộ, để ngăn ngừa trong tương lai.

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy cho con được thọ cụ túc giới trước mặt Thế Tôn.

– Này Tỷ-kheo, Ông có đủ y bát không ?

– Bạch Thế Tôn, con không có đủ y bát.

– Này Tỷ-kheo, các Như Lai không có trao cụ túc giới cho ai không đủ y bát.

Rồi Tôn giả Pukkusati sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi tìm y bát. Trong khi Tôn giả Pukkusati đi tìm y bát, một con bò cuồng chạy, đoạt mất mạng sống (của Tôn giả).

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Thiện gia nam tử Pukkusati được Thế Tôn thuyết giảng một cách vắn tắt đã mệnh chung. Sanh thú của vị ấy như thế nào, đời sống tương lai như thế nào ?

Này Tỷ-kheo, thật là bậc Hiền giả, Thiện gia nam tử Pukkusati, đã chấp hành Chánh pháp và tùy pháp. Và không có phiền nhiễu Ta với những kiện tụng về Chánh pháp. Này các Tỷ-kheo, Thiện gia nam tử Pukkusati, sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh và từ chỗ ấy nhập Niết-bàn, không phải trở lui đời ấy nữa.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Giới Phân Biệt trong bộ Kinh Trung Bộ - một lần nữa Thế Tôn lại giảng rất sâu về sáu giới .

41.
KINH PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT
(Saccavibhangacittasuttam)
(141)

Một lần nữa *Tứ Thánh Đế* được Ngài Xá-Lợi-Phất giảng giải một cách hết sức ngắn gọn, tinh thông ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Baranasi (Ba la nại), Isipatana (chỗ chur Tiên đọa), tại Migadaya (Lộc Uyển). Tại đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chur Tiên đọa, tại Ba-la-nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chur Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chặn đứng, chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh-đế.

Thế nào là bốn ? Sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ Khổ Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết.. về Tập khổ Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết... về Khổ diệt Thánh đế; sự khai thị, tuyên thuyết... về Khổ diệt đạo Thánh đế.

Vô thượng Pháp luân, này các Tỷ-kheo, đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chur Tiên đọa, tại Ba la nại. Không một Sa-môn, Bà-la-môn .. hay một ai ở đời có thể chặn đứng.. tức là sự khai thị, tuyên thuyết.. bốn Thánh đế.

Này các Tỷ-kheo, hãy thân cận Sariputta và Moggallana, Này các Tỷ-kheo, hãy gần gũi Sariputta và Moggallana; các vị ấy là những Tỷ-kheo hiền trí (pandita), là những vị sách tấn các đồng Phạm hạnh. Như một sanh mẫu, này các Tỷ-kheo, như vậy là Sariputta ! Như một dưỡng mẫu, như vậy là Moggalana ! Này các Tỷ-kheo, Sariputta hướng dẫn đến quả Dự lưu, còn Moggallana hướng dẫn đến tối thượng nghĩa. Này Tỷ-kheo, Sariputta có thể khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt hiển lộ một cách rộng rãi bốn Thánh đế.

Thế Tôn nói như vậy; nói như vậy xong, Thiện Thệ từ chỗ ngồi đứng dậy và đi vào tinh xá.

Tại đây, Tôn giả Sariputta, sau khi Thế Tôn đi không bao lâu, liền gọi các Tỷ-kheo : "Này chư Hiền". – "Thưa vâng, Hiền giả". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sariputta. Tôn giả Sariputta nói như sau :

– Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đọa, tại Ba la nại... sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ về Khổ diệt đạo Thánh đế.

Và này chư Hiền, thế nào là Khổ Thánh đế ? Sanh là khổ, già là khổ, (bệnh là khổ), chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ; cầu không được là khổ. Tóm lại năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là sanh ? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự xuất sản, xuất sanh, xuất thành, tái sanh của chúng, sự xuất hiện các uẩn, sự hoạch đắc các căn. Này chư Hiền, như vậy gọi là sanh.

Này chư Hiền, thế nào là già ? Mỗi mỗi hạng chúng sanh, trong từng giới loại, sự niên lão, sự hủ hoại, trạng thái rụng răng, trạng thái tóc bạc, da nhăn, tuổi thọ rút ngắn, các căn hủ hoại. Này chư Hiền, như vậy gọi là già.

Này chư Hiền, thế nào là chết ? Mỗi mỗi hạng chúng sanh trong từng giới loại, sự tạ thế, sự từ trần, thân hoại, sự diệt vong, sự chết, sự tử vong, thời đã đến, các uẩn đã tận diệt, sự vất bỏ tử thi. Này chư Hiền như vậy gọi là chết.

Này chư Hiền, thế nào là sầu ? Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự sầu của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là sầu.

Này chư Hiền, thế nào là bi ? Này chư Hiền, với những ai gặp phải tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự bi ai, sự bi thảm, sự than van, sự than khóc, sự bi thán, sự bi thống của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là bi.

Này chư Hiền, thế nào là khổ ? Này chư Hiền, sự đau khổ về thân, sự không sáng khoái về thân, sự đau khổ do thân cảm thọ, sự không sáng khoái do thân cảm thọ. Này chư Hiền, như vậy gọi là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là ưu ? Này chư Hiền, sự đau khổ về tâm, sự không sáng khoái về tâm, sự đau khổ do tâm cảm thọ, sự không sáng khoái do tâm cảm thọ. Này chư Hiền, như vậy gọi là ưu.

Này chư Hiền, thế nào là não ? Này chư Hiền, với những ai gặp tai nạn này hay tai nạn khác; với những ai cảm thọ sự đau khổ này hay sự đau khổ khác, sự áo não, sự bi não, sự thất vọng, sự tuyệt vọng của người ấy. Này chư Hiền, như vậy gọi là não.

Này chư Hiền, thế nào là cầu bất đắc khổ ? Này chư Hiền, chúng sanh bị sanh chi phối, khởi sự mong cầu : "Mong rằng ta khỏi bị sanh chi phối ! Mong rằng ta khỏi phải đi thác sanh". Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ. Này chư Hiền, chúng sanh bị già chi phối... chúng sanh bị bệnh chi phối... chúng sanh bị chết chi phối... chúng sanh bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối, khởi sự mong cầu : "Mong rằng ta khỏi bị sầu, bi, khổ, ưu, não chi phối !" Mong rằng ta khỏi đươg chịu sầu, bi, khổ, ưu, não !" Lời mong cầu ấy không được thành tựu. Như vậy gọi là cầu bất đắc khổ.

Này chư Hiền, như thế nào là tóm lại, năm thủ uẩn là khổ ? Như sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Này chư Hiền, như vậy tóm lại, năm thủ uẩn là khổ.

Này chư Hiền, thế nào là Khổ tập Thánh đế ? Sự tham ái đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm câu hỷ lạc chỗ này chỗ kia; như dục ái, hữu ái, vô hữu ái. Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ tập Thánh đế.

Này chư Hiền, và thế nào là Khổ diệt Thánh đế ? Sự diệt tận không còn luyến tiếc tham ái ấy, sự xả ly, sự khí xả, sự giải thoát, sự vô nhiễm (tham ái ấy). Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt Thánh đế.

Này chư Hiền, thế nào là Khổ diệt đạo Thánh đế ? Đó là Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tri kiến ? Này chư Hiền, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tri kiến.

Này chư Hiền, thế nào là chánh tư duy ? Tư duy về ly dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tư duy.

Này chư Hiền, thế nào là chánh ngữ ? Tự chế không nói láo, tự chế không nói hai lưỡi, tự chế không ác khẩu, tự chế không nói lời phù phiếm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh ngữ.

Này chư Hiền, thế nào là chánh nghiệp ? Tự chế không sát sanh, tự chế không trộm cắp, tự chế không tà dâm. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh nghiệp.

Này chư Hiền, thế nào là chánh mạng ? Này chư Hiền, ở đây vị Thánh đệ tử từ bỏ tà mạng, sinh sống bằng chánh mạng. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh mạng.

Này chư Hiền, và thế nào là chánh tinh tấn ? Này chư Hiền, ở đây Tỷ-kheo, đối với các ác, bất thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn không cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với cái ác, bất thiện pháp đã sanh, khởi lên ý muốn trừ diệt; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp chưa sanh, khởi lên ý muốn khiến cho sanh khởi; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Đối với các thiện pháp đã sanh khởi, khởi lên ý muốn khiến cho an trú, không cho băng hoại, khiến cho tăng trưởng, phát triển, viên mãn; vị này nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, trì chí. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh tinh tấn.

Này chư Hiền, thế nào là chánh niệm ? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo sống quán thân trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời... trên các cảm thọ... trên các tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm tỉnh giác, chánh niệm để chế ngự tham ưu ở đời. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh niệm.

*Này chư Hiền, thế nào là chánh định ? Này chư Hiền, ở đây, Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tầm, với tứ. (Vị Tỷ-kheo ấy) diệt tầm, diệt tứ, chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm, (Tỷ-kheo) ly hỷ trú xả, chánh niệm, tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền thứ ba (Tỷ-kheo ấy) xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Này chư Hiền, như vậy gọi là chánh định.
Này chư Hiền, như vậy gọi là Khổ diệt đạo Thánh đế.*

Chư Hiền, Vô thượng Pháp luân đã được Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác chuyển vận ở vườn Lộc Uyển, chỗ chư Tiên đạo, tại Ba-la-nại, Không một Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên, Ma (vương), Phạm thiên hay một ai ở đời có thể chuyển vận ngược lại, tức là sự khai thị, tuyên thuyết, thi thiết, kiến lập, mở rộng, phân biệt, hiển lộ bốn Thánh đế.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

Như vậy, kinh Phân Biệt về Sự Thật trong bộ Kinh Trung Bộ – một lần nữa *Tứ Thánh Đế* được Ngài Xá-Lợi-Phất giảng giải một cách hết sức ngắn gọn, tinh thông .

42.
KINH PHÂN BIỆT CÚNG DƯỜNG
(Dakkhinaṅgāsuttam)
(142)

Bồ Thí, Cúng Dường – như thế nào – để mang lại công đức thật sự là to lớn ? Thế Tôn giảng dạy kỹ trong kinh Phân Biệt Cúng Dường này ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dòng họ Sakka (Thích-Ca), ở Kapilavatthu (Ca-ty-la-vệ), tại tinh xá Nigrodha (Ni-câu-luật Thọ Viên). Rồi Mahapajapati Gotami (Củ đằm Nữ Ma-ha-ba-ế xà-bà-đê), đem theo một cặp y mới, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt đặc biệt cho Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn vì lòng từ mẫn hãy nhận lấy cho con.

Khi được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami:

– Nay Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng. Bà cúng dường Tăng chúng, thời Ta sẽ được cung kính, và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ hai, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt.. hãy nhận lấy cho con.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami:

– Nay Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng.. và cả Tăng chúng cũng vậy.

Lần thứ ba, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, cặp y mới này do con cắt và dệt ... hãy nhận lấy cho con.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Mahapajapati Gotami :

– Nay Gotami, hãy cúng dường Tăng chúng... và cả tăng chúng cũng vậy.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Thế Tôn hãy nhận cặp y mới cho Mahapajapati Gotami ! Bạch Thế Tôn, Mahapajapati Gotami đã giúp ích nhiều cho Thế Tôn, là thúc mẫu, là dưỡng mẫu, đã nuôi dưỡng Thế Tôn, đã cho Thế Tôn bú sữa, vì rằng sau khi sanh thân mẫu của Thế Tôn mệnh chung, chính bà đã cho Thế Tôn bú sữa. Bạch Thế Tôn, và Thế Tôn cũng giúp ích nhiều cho Mahapajapati Gotami. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami đã quy y Phật, quy Pháp, quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami đã quy y Phật, quy Pháp, quy y Tăng. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami đã từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu đem lại. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami có đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với đức Phật, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với Pháp, đầy đủ lòng tịnh tín bất động đối với chúng Tăng, đầy đủ các giới luật làm bậc Thánh hoan hỷ. Bạch Thế Tôn, chính nhờ Thế Tôn, Mahapajapati Gotami không còn nghi ngờ đối với Khổ, không còn nghi ngờ đối với Khổ tập, không còn nghi ngờ đối với Khổ diệt, không còn nghi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn cũng đã giúp ích nhiều cho Mahapajapati Gotami.

– Thật là như vậy, này Ananda ! Thật là như vậy, này Ananda ! Này Ananda, nếu do nhờ một người, mà một người khác được quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia về danh lễ, đứng dậy, chấp tay, về làm những việc thích hợp và về dâng cúng các sự cúng dường như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh.

Nếu do nhờ một người mà một người khác từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ đắm say các loại rượu men, rượu nấu, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia... dược phẩm trị bệnh.

Này Ananda, nếu do nhờ một người mà một người khác đầy đủ tịnh tín bất động đối với Phật... đối với Pháp.. đầy đủ các giới luật, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia.. dược phẩm trị bệnh.

Này Ananda, nếu do nhờ một người mà một người khác không có nghi ngờ đối với Khổ, không có nghi ngờ đối với Khổ tập, không có nghi ngờ đối với Khổ diệt, không có khi ngờ đối với con Đường đưa đến khổ diệt, thời này Ananda, Ta nói rằng người này không có một đền ơn nào xứng đáng đối với người kia... dược phẩm trị bệnh.

Này Ananda, có mười bốn loại cúng dường phân loại theo hạng người.

Bố thí các đức Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, là cúng dường thứ nhất, phân loại theo hạng người.

Bố thí các vị Độc Giác Phật, là cúng dường thứ hai, phân loại theo hạng người.

Bố thí các bậc A-la-hán, đệ tử Như Lai, là cúng dường thứ ba, phân loại theo hạng người.

Bố thí các vị trên con đường chứng quả A-la-hán là cúng dường thứ tư, phân loại theo hạng người.

Bố thí các vị chứng quả Bất lai, là cúng dường thứ năm, phân loại theo hạng người. Bố thí các vị trên con đường chứng quả Bất lai là cúng dường thứ sáu, phân loại theo hạng người.

Bố thí các vị chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ bảy, phân loại theo hạng người.

Bố thí các vị trên con đường chứng quả Nhất lai là cúng dường thứ tám, phân loại theo hạng người.

Bố thí các vị chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ chín, phân loại theo hạng người.

Bố thí các vị trên con đường chứng quả Dự lưu là cúng dường thứ mười, phân loại theo hạng người.

Bố thí những vị ngoại học (bahiraka) đã ly tham trong các dục vọng là cúng dường thứ mười một, phân loại theo hạng người.

Bố thí những phàm phu gìn giữ giới luật là cúng dường thứ mười hai, phân loại theo hạng người.

Bố thí những phàm phu theo ác giới là cúng dường thứ mười ba, phân loại theo hạng người được bố thí.

Bố thí các loại bàng sanh là cúng dường thứ mười bốn, phân loại theo hạng người.

Tại đây, này Ananda, sau khi bố thí cho các loại bàng sanh, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm phần công đức.

Sau khi bố thí cho những phàm phu theo ác giới, cúng dường này có hy vọng đem lại ngàn phần công đức.

Sau khi bố thí cho các phàm phu gìn giữ giới luật, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn lần công đức.

Sau khi bố thí cho các người ngoại học đã ly tham trong các dục vọng, cúng dường này có hy vọng đem lại trăm ngàn ức lần công đức.

Sau khi bố thí cho các vị trên con đường chứng quả Dự lưu cúng dường này có hy vọng đem lại vô số vô lượng công đức.

Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Dự lưu ? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Nhất lai ? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Nhất lai ? Còn

nói gì đến những vị trên con đường chứng quả Bất lai ? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả Bất lai ? Còn nói gì đến những vị trên con đường chứng quả A-la-hán ? Còn nói gì đến những vị đã chứng quả A-la-hán đệ tử Như Lai ? Còn nói gì đến những vị Độc Giác Phật ? Còn nói gì đến các Như Lai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác ?

Này Ananda, có bảy loại cúng dường cho Tăng chúng.

Bố thí cho cả hai Tăng chúng với đức Phật là vị cầm đầu là cúng dường Tăng chúng thứ nhất.

Bố thí cho cả hai Tăng chúng, sau khi đức Phật đã nhập diệt là cúng dường Tăng chúng thứ hai.

Bố thí cho chúng Tỷ-kheo Tăng là cúng dường Tăng chúng thứ ba.

Bố thí cho chúng Tỷ-kheo ni là cúng dường Tăng chúng thứ tư.

Bố thí và nói rằng : "Mong Tăng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo và Tỷ-kheo ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ năm.

Bố thí và nói rằng : "Mong rằng chúng chỉ định cho tôi một số Tỷ-kheo như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ sáu.

Bố thí và nói rằng : "Mong rằng chúng chỉ định cho một số Tỷ-kheo ni như vậy", là cúng dường Tăng chúng thứ bảy.

Nhưng này Ananda, trong thời gian tương lai sẽ có những hạn chuyển tánh (gotrabhuno), (?) với những áo cà-sa vàng xung quanh cổ, theo ác giới, ác pháp, và cuộc bố thí đối với chúng Tăng theo ác giới.

Nhưng này Ananda, khi Ta nói rằng cúng dường cho Tăng chúng là vô số và vô lượng, thời này Ananda, Ta không có muốn nói rằng bất cứ phương tiện gì, một sự bố thí phân loại theo cá nhân lại có kết quả to lớn hơn đối với cúng dường cho Tăng chúng.

Này Ananda, có bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường. Thế nào là bốn ?

Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận.

Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho.

Này Ananda, có loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Này Ananda, có loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận ?

Ở đây, này Ananda, người cho giữ giới, theo thiện pháp, còn những người nhận theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ananda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho, nhưng không bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho ?

Ở đây, này Ananda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, còn những người nhận giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ananda, là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người nhận, nhưng không bởi người cho.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận ?

Ở đây, này Ananda, người cho theo ác giới, theo ác pháp, và người nhận cũng theo ác giới, theo ác pháp. Như vậy, này Ananda, là sự cúng dường không được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Và này Ananda, thế nào là loại cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận ?

Ở đây, này Ananda, người cho giữ giới, theo thiện pháp; và người nhận cũng giữ giới, theo thiện pháp. Như vậy, này Ananda, là sự cúng dường được thanh tịnh bởi người cho và cũng bởi người nhận.

Này Ananda, như vậy là bốn sự thanh tịnh của các loại cúng dường.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Bạc Thiện Thệ sau khi nói như vậy, bạc Đạo sư lại nói thêm:

Ai đầy đủ giới luật,
Bố thí cho ác giới;
Vật thí được đúng pháp,
Với tâm khéo hoan hỷ,
Với lòng tin vững vàng
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy,
Thanh tịnh bởi người cho.

*Ai không giữ giới luật,
Bồ thí cho thiện giới;
Vật thí không đúng pháp,
Vời tâm không hoan hỷ,
Không lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy,
Thanh tịnh bởi người nhận.*

*Ai không giữ giới luật,
Bồ thí cho ác giới;
Vật thí không đúng pháp,
Vời tâm không hoan hỷ,
Không lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Sự cúng dường như vậy
Cả hai không thanh tịnh.*

*Ai đầy đủ giới luật,
Bồ thí cho thiện giới;
Vật thí được đúng pháp,
Vời tâm khéo hoan hỷ,
Vời lòng tin vững vàng
Vào quả lớn của nghiệp,
Ta nói bồ thí ấy
Chắc chắn có quả lớn.*

*Ai xuất ly tham ái
Bồ thí không tham ái,
Vật thí được đúng pháp.
Vời tâm khéo hoan hỷ,
Vời lòng tin vững vàng,
Vào quả lớn của nghiệp,
Ta nói bồ thí ấy
Là quảng đại tài thí.*

Như vậy, kinh Phân Biệt Cúng Dường trong bộ Kinh Trung Bộ – Thế Tôn giảng dạy rất kỹ về bồ thí, cúng dường – vấn đề vốn liên quan và được sự quan tâm của

nhiều người. Qua đây, điều đáng chú ý – ở cuối bài kệ là: bố thí, cúng dường sẽ là *quảng đại tài thí* – khi : *xuất ly tham ái* ; *bố thí không tham ái* ; *vật thí được đúng pháp* ; *với tâm khéo hoan hỷ* ; và: *với lòng tin vững vàng vào quả lớn của nghiệp*.

43.
KINH GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC
(Anathapindikovadasuttam)
(143)

Ngài Cấp Cô Độc nổi tiếng bởi Thế Tôn và các đại đệ tử của Thế Tôn rất thường hay trú tại tịnh xá của ông. Giờ phút lâm chung của ông – cũng như rất nhiều người khác: đau đớn cùng cực ... Thế nhưng, có một sự khác biệt đáng quý là ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana, (Kỳ-đà Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Rồi cư sĩ Cấp Cô Độc gọi một người:

– Hãy đến đây, này Bạn. Hãy đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch như sau : "Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Cấp Cô Độc xin cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn". Rồi đi đến Tôn giả Sariputta (Xá-lợi-phất), sau khi đến, nhân danh ta cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau : "Thưa Tôn giả, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Cấp Cô Độc xin cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau : "Thưa Tôn giả, lành thay, nếu Tôn giả Sariputta vì lòng từ mẫn, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc".

– Thưa vâng, Tôn giả.

Người ấy vâng đáp cư sĩ Cấp Cô Độc, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ chân Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh. Xin cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn.

Rồi người ấy đi đến Tôn giả Sariputta, sau khi đến đánh lễ Tôn giả Sariputta rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, người ấy thưa với Tôn giả Sariputta:

– Thưa Tôn giả, cư sĩ Cấp Cô Độc bị bệnh, khổ đau, bị trọng bệnh, xin cúi đầu đánh lễ Tôn giả Sariputta và thưa như sau : "Thưa Tôn giả, tốt lành thay, nếu Tôn giả Sariputta vì lòng từ mẫn đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc".

Tôn giả Sariputta im lặng nhận lời. Rồi Tôn giả Sariputta đắp y, cầm y bát, cùng với Tôn giả Ananda là thị giả, đi đến trú xứ của cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi đến liền ngồi lên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Tôn giả Sariputta nói với cư sĩ Cấp Cô Độc.

– Này Cư sĩ, ta mong rằng Ông có thể kham nhẫn; Ta mong rằng Ông có thể chịu đựng. Ta mong rằng khổ thọ được giảm thiểu, không gia tăng, sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng.

– Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Sự khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

Thưa Tôn giả Sariputta, ví như một người lực sĩ chém đầu (một người khác) với một thanh kiếm sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, những ngọn gió kinh khủng thổi lên đau nhói trong đầu con.

Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, như một người lực sĩ lấy một dây nịt bằng da cứng quấn tròn quanh đầu rồi xiết chặt; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, con cảm thấy bị đau đầu một cách kinh khủng.

Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, như một người đồ tể thiện xảo hay đệ tử người đồ tể cắt ngang bụng với một con dao cắt thịt bò sắc bén; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, một ngọn gió kinh khủng cắt ngang bụng của con.

Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những khổ thống của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Tôn giả Sariputta, ví như hai người lực sĩ, sau khi nắm cánh tay của một người yếu hơn, nướng người ấy, đốt người ấy trên một hố than hồng; cũng vậy, thưa Tôn giả Sariputta, một sức nóng kinh khủng khởi lên trong thân con. Thưa Tôn giả Sariputta, con không có thể kham nhẫn, con không có thể chịu đựng. Những thống khổ của con gia tăng, không có giảm thiểu; sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu.

– Do vậy, này Cư sĩ hãy học tập như sau : " Tôi sẽ không chấp thủ con mắt, và tôi sẽ không có thức y cứ vào con mắt". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau: "Tôi sẽ không chấp thủ tai, và tôi sẽ không có thức y cứ vào tai". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

*Do vậy... không chấp thủ mũi... y cứ vào mũi... hãy học tập như vậy.
Do vậy.. không chấp thủ lưỡi... y cứ vào lưỡi.... hãy học tập như vậy.
Do vậy... không chấp thủ thân.. y cứ vào thân.. hãy học tập như vậy.
Do vậy... không chấp thủ ý... y cứ vào ý.. hãy học tập như vậy.
Do vậy... không chấp thủ sắc... y cứ vào sắc.. hãy học tập như vậy.
Do vậy... không chấp thủ tiếng.. y cứ vào tiếng... hãy học tập như vậy.
Do vậy.. không chấp thủ hương... y cứ vào hương... hãy học tập như vậy.
Do vậy.... không chấp thủ vị... y cứ vào vị... hãy học tập như vậy.
Do vậy... không chấp thủ xúc... y cứ vào xúc... hãy học tập như vậy.*

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau : "Tôi sẽ không chấp thủ pháp, và tôi sẽ không có thức y cứ vào pháp". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

*Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau : "Tôi sẽ không chấp thủ nhãn thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn thức". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.
"Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ thức... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ thức... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt thức... Tôi sẽ không chấp thủ thân thức... Tôi sẽ không chấp thủ ý thức, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý thức". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.*

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau : "Tôi sẽ không chấp thủ nhãn xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào nhãn xúc ". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ nhĩ xúc... Tôi sẽ không chấp thủ tỷ xúc... Tôi sẽ không chấp thủ thiệt xúc... Tôi sẽ không chấp thủ thân xúc.. Tôi sẽ không chấp thủ ý xúc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào ý xúc". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau : "Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhãn xúc sanh khởi, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do nhãn xúc sanh khởi. Tôi sẽ không chấp thủ thọ do nhĩ xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do tỷ xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thiệt xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do thân xúc sanh khởi... Tôi sẽ không chấp thủ thọ do ý xúc sanh khởi và tôi sẽ không có thức y cứ vào thọ do ý xúc sanh khởi". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau : "Tôi sẽ không chấp thủ địa giới, và tôi sẽ không có thức y cứ vào địa giới". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ thủy giới.. Tôi sẽ không chấp thủ hỏa giới... Tôi sẽ không chấp thủ phong giới... Tôi sẽ không chấp thủ hư không giới... Tôi sẽ không chấp thủ thức giới và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức giới". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ... "Tôi sẽ không chấp thủ sắc, và tôi sẽ không có thức y cứ vào sắc". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. "Tôi sẽ không chấp thủ thọ.. Tôi sẽ không chấp thủ tướng... Tôi sẽ không chấp thủ hành... Tôi sẽ không chấp thủ thức và tôi sẽ không có thức y cứ vào thức giới". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy.... "Tôi sẽ không chấp thủ Hư không vô biên xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Hư không vô biên xứ". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ Thức vô biên xứ... Tôi sẽ không chấp thủ Vô sở hữu xứ.. Tôi sẽ không chấp thủ Phi tướng phi phi tướng xứ, và tôi sẽ không có thức y cứ vào Phi tướng phi phi tướng xứ". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau : "Tôi sẽ không chấp thủ thế giới ở đây và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới ở đây". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy. Do vậy... "Tôi sẽ không chấp thủ thế giới khác, và tôi sẽ không có thức y cứ vào thế giới khác". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Do vậy, này Cư sĩ, hãy học tập như sau : "Tôi sẽ không chấp thủ những gì được thấy, được nghe, được cảm thọ, được nhận thức, được hy cầu, được tư sát với ý, và tôi sẽ không có thức y cứ vào các pháp (nói trên)". Này Cư sĩ, hãy học tập như vậy.

Khi nghe nói vậy, cư sĩ Cấp Cô Độc khóc và chảy nước mắt. Rồi Tôn giả Ananda nói với cư sĩ Cấp Cô Độc :

– Này Cư sĩ, Ông đang gượng lên mà sống, hay chìm xuống (cõi chết) ?

– Thưa Tôn giả Ananda, con không gượng lên mà sống, con đang chìm xuống cõi chết. Dầu cho bậc Đạo sư được con hầu hạ đã lâu và dầu các vị Tỷ-kheo, tu tập ý lực con chưa từng được nghe một thời thuyết pháp như vậy.

– Này Cư sĩ, thuyết pháp như vậy không nói cho các hàng cư sĩ mặc áo trắng. Này Cư sĩ, thuyết pháp như vậy nói cho các hàng xuất gia.

– Vậy thưa Tôn giả Sariputta, hãy thuyết pháp như vậy cho hàng cư sĩ mặc áo trắng. Thưa Tôn giả Sariputta, có những Thiện gia nam tử sanh ra với cấu uế không nhiều, nếu không được nghe pháp, sẽ bị đọa lạc; nhưng họ không thể biết được (Chánh) pháp.

Rồi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Ananda sau khi giảng dạy cho cư sĩ Cấp Cô Độc với bài thuyết giảng, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi cư sĩ Cấp Cô Độc, sau khi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, sau khi thân hoại mạng chung liền sanh lên cõi Tusita (Đâu-suất thiên). Rồi Thiên tử Cấp Cô Độc, khi đêm đã gần mãn, sau khi chói sáng toàn cảnh Jetavana (Kỳ-đà-Lâm) với dung sắc thù thắng đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn và đứng một bên. Đứng một bên, Thiên tử Cấp Cô Độc nói lên với Thế Tôn bài kệ sau đây:

*Rừng Jetavana,
Tốt đẹp phước lành này,
Được chư Thiên, chúng Tăng,
Thường lui tới an trú,
Được Pháp Vương trú trì,
Ban hoan hỷ cho ta.*

*Nghiệp, minh và Chánh pháp,
Giới, tối thượng sanh mạng,
Chính nhờ các pháp trên,
Khiến chúng sanh thanh tịnh,
Không phải do giai cấp,
Không phải do tài sản.*

*Do vậy bậc Hiền giả,
Thấy rõ mục đích mình,
Suy tư pháp chân chánh,
Được thanh tịnh ở đây.*

*Như Sariputta,
Về tuệ, giới, tịch tịnh,
Bất luận Tỷ-kheo nào,
Đã tới bờ bên kia,
Hãy đạt được tối thắng
Trong những pháp kể trên.*

Thiên tử Cấp Cô Độc nói như vậy. Bậc Đạo sư tán đồng. Rồi Thiên tử Cấp Cô Độc suy nghĩ : "Bậc Đạo sư tán đồng ta, " sau khi đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi biến mất tại chỗ.

Rồi Thế Tôn, khi đêm ấy đã mãn, gọi các Tỷ-kheo :

– Nay các Tỷ-kheo, đêm nay, một vị Thiên tử, khi đêm đã gần mãn, chiếu sáng toàn cảnh Jetavana với dung sắc thù thắng đã đi đến Ta, sau khi đến đánh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, vị Thiên tử ấy nói lên với Ta bài kệ sau đây :

*Rừng Jetavana
Tốt đẹp phước lành này
.... (như trên)...
Hãy đạt được tối thắng
Trong những pháp kể trên.*

Nói vậy xong, nay các Tỷ-kheo, vị Thiên tử ấy suy nghĩ : "Bậc Đạo sư tán đồng ta, " sau khi đánh lễ thân phía hữu hướng về Ta, rồi biến mất tại chỗ.

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, có phải vị ấy là Thiên tử Cấp Cô Độc chăng ? Bạch Thế Tôn, cư sĩ Cấp Cô Độc có lòng tịnh tín bất động đối với Tôn giả Sariputta.

– Lành thay, lành thay, Ananda ! Những gì có thể thành đạt được bởi suy tư đã được đạt đến, nay Ananda. Chính Cấp Cô Độc là vị Thiên tử ấy, không một ai khác.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Giáo Giới Cấp Cô Độc của bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến giờ phút lâm chung của Ngài Cấp Cô Độc . Ngài Cấp Cô Độc nổi tiếng bởi Thế Tôn và các đại đệ tử của Thế Tôn rất thường hay trú tại tịnh xá của ông. Giờ phút lâm chung của ông – cũng như rất nhiều người khác: đau đớn cùng cực ... Thế nhưng, có một sự khác biệt đáng quý là: Ngài Cấp Cô Độc được cả hai đại đệ tử của Thế Tôn có mặt tại giờ phút lâm chung ấy và đã giúp ông chống chọi, vượt qua sự cùng cực của đớn đau – do nghiệp quả phải gánh chịu của mình.

Giây phút lâm chung của Ngài Cấp Cô Độc – cũng sẽ là bài học cho nhiều người: hãy nhanh nhanh: *ly bất thiện pháp ; ly dục ; ly tham ; ly sân ; đoạn ái*. Có như vậy, mới mong vượt qua sự cùng cực của đớn đau – để sanh về nơi *cực lạc* .

44.
KINH GIÁO GIỚI CHANNA
(Channovadasuttam)
(144)

Kinh Giáo Giới Channa chép lại trường hợp khá đặc biệt: Tỷ kheo Channa đã dùng hình thức tự sát (bằng dao) – để chấm dứt đời sống đau đớn do bệnh tật. Với trường hợp này, thật hi hữu khi Thế Tôn nói rằng Tỷ-kheo Channa không phạm tội ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc-lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Lúc bấy giờ Tôn giả Sariputta (Xá lợi phất), Tôn giả Mahacunda (Đại Chu-na) và Tôn giả Channa (Xiển-đà) cùng trú ở Gijjhakuta (Linh Thứu). Lúc bấy giờ, Tôn giả Channa bị bệnh, đau khổ, bị trọng bệnh. Rồi Tôn giả Sariputta, vào buổi chiều từ Thiên tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahacunda, sau khi đến, nói với Tôn giả Mahacunda :

– Chúng ta hãy đi, này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi đến Tôn giả Channa để hỏi thăm bệnh trạng.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Mahacunda vâng đáp Tôn giả Sariputta. Rồi Tôn giả Sariputta cùng với Tôn giả Mahacunda đi đến Tôn giả Channa; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Channa những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta nói với Tôn giả Channa:

– Này Hiền giả Channa, mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn ! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng ! Mong rằng khổ thọ được giảm thiểu không có gia tăng, và sự giảm thiểu được rõ rệt, không có gia tăng !

– Thưa Hiền giả Sariputta, tôi không có thể kham nhẫn, tôi không có thể chịu đựng. Sự thống khổ của tôi gia tăng không có giảm thiểu, và sự gia tăng rõ rệt, không có giảm thiểu. Thưa Hiền giả Sariputta, tôi sẽ đem dao (cho tôi). Tôi không còn muốn sống.

– Tôn giả Channa, chớ có đem lại con dao ! Tôn giả Channa, hãy tiếp tục sống ! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa tiếp tục sống. Nếu Tôn giả Channa không có các món ăn tốt lành, tôi sẽ đi tìm các món ăn tốt lành cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có các dược phẩm tốt lành, tôi sẽ đi tìm các dược phẩm tốt lành cho Tôn giả Channa. Nếu Tôn giả Channa không có người thị giả thích đáng, tôi sẽ hầu hạ Tôn giả Channa. Tôn giả Channa chớ có đem lại con dao ! Tôn giả Channa hãy tiếp tục sống ! Chúng tôi muốn Tôn giả Channa tiếp tục sống.

– Thưa Hiền giả Sariputta, không phải tôi không có các món ăn tốt lành, cũng không phải tôi không có các dược phẩm tốt lành. Cũng không phải tôi không có thị giả thích đáng. Thưa Hiền giả Sariputta, trong một thời gian dài, tôi đã hầu hạ bậc Đạo Sư, làm cho (bậc Đạo sư) được đẹp lòng, không phải không được đẹp lòng. Thưa Hiền giả Sariputta, thật là thích đáng cho người đệ tử hầu hạ bậc Đạo Sư, làm cho (bậc Đạo Sư) được đẹp lòng, không phải không được đẹp lòng. Tỷ-kheo Channa đem lại con dao không có phạm tội. Thưa Hiền giả Sariputta, hãy thọ trì như vậy !

– Chúng tôi muốn hỏi Tôn giả Channa về một vấn đề đặc biệt, nếu Tôn giả Channa cho chúng tôi được phép đặt câu hỏi.

– Hãy bỏ đi, Hiền giả Sariputta; sau khi nghe, tôi sẽ biết (nói như thế nào).

– Hiền giả Channa, Hiền giả có xem con mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi ? " Hiền giả Channa, Hiền giả có xem tai, nhĩ thức.. Hiền giả Channa, Hiền giả có xem mũi, tỷ thức... Hiền giả Channa, Hiền giả có xem lưỡi, thiệt thức... Hiền giả Channa, Hiền giả có xem thân, thân thức... Hiền giả Channa, Hiền giả có xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là : "Cái này của tôi, cái này là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi ?"

– Hiền giả Sariputta, tôi xem mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Hiền giả Sariputta, tôi xem tai, nhĩ thức.. Hiền giả Sariputta, tôi xem mũi, tỷ thức... Hiền giả Sariputta, tôi xem cái lưỡi, thiệt thức... Hiền giả Sariputta, tôi xem thân, thân thức.. Hiền giả Sariputta, tôi xem ý, ý thức, các pháp do ý nhận thức là : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

– Nay Hiền giả Channa, Hiền giả đã thấy cái gì, đã chứng tri cái gì trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp được mắt nhận thức mà Hiền giả xem mắt, nhãn thức và các pháp do mắt nhận thức là : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi ?" Hiền giả Channa, Hiền giả đã thấy cái gì, đã chứng tri cái gì trong tai, trong nhĩ thức... trong mũi, trong tỷ thức... trong lưỡi, trong thiệt thức.. trong thân, trong thân thức... trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý nhận thức mà Hiền giả xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là: "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi " ?

– Thưa Hiền giả Sariputta, chính vì tôi thấy sự diệt (nirodha), chứng tri sự diệt trong mắt, trong nhãn thức, trong các pháp do mắt nhận thức, mà tôi xem mắt, nhãn thức, và các pháp do mắt nhận thức là : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi". Thưa Hiền giả Sariputta, chính vì tôi thấy sự diệt, chứng tri sự diệt trong tai, trong nhĩ thức... trong mũi, trong tỷ thức... trong lưỡi, trong thiệt thức... trong thân, trong thân thức... trong ý, trong ý thức, trong các pháp do ý nhận thức mà tôi xem ý, ý thức và các pháp do ý nhận thức là : "Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi".

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Mahacunda nói với Tôn giả Channa:

– Do vậy, nay Hiền giả Channa, lời dạy này của Thế Tôn phải được thường trực tác ý : Ai có chấp trước là có dao động. Ai không chấp trước không có dao động. Không có dao động, thời có khinh an; có khinh an thời không có hy cầu (nati); không có hy cầu thời không có khứ lai; không có khứ lai thời không có tử sanh; không có tử sanh thời không có đời này, không có đời sau, không có giữa hai đời. Như vậy là sự đoạn tận đau khổ.

Rồi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Mahacunda sau khi giáo giới cho Tôn giả Channa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi. Rồi Tôn giả Channa, sau khi Tôn giả Sariputta và Tôn giả Mahacunda ra đi không bao lâu, đem dao lại (cho mình). Rồi Tôn giả Sariputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sariputta bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Channa đã đem dao lại (cho mình), sanh xứ của Tôn giả ấy là gì ? Đời sống tương lai là gì ?

– Nay Sariputta, có phải trước mặt Ông Tỷ-kheo Channa đã tuyên bố sự không phạm tội ?

– Bạch Thế Tôn, có một ngôi làng của dòng họ Vajji (Bạt-kỳ) tên là Pubbajira. Tại đây, có những gia đình thân hữu, những gia đình hộ trì Tôn giả Channa, những gia đình cần được viếng thăm.

– Nay Sariputta, có những gia đình ấy là những gia đình thân hữu, những gia đình hộ trì Tỷ-kheo Channa, những gia đình cần được viếng thăm. Nay Sariputta, cho đến nay, Ta không nói rằng Tỷ-kheo Channa có phạm tội. Nay Sariputta, ai quăng bỏ thân này, và chấp thủ thân khác, Ta nói rằng người ấy có phạm tội. Tỷ-kheo Channa không có (chấp thủ) như vậy. Tỷ-kheo Channa đem con dao lại (cho mình), không có phạm tội.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Giáo Giới Channa trong bộ Kinh Trung Bộ chép lại trường hợp khá đặc biệt: Tỷ kheo Channa đã dùng hình thức tự sát (bằng dao) – để chấm dứt đời sống đau đớn do bệnh tật. Với trường hợp này, thật hi hữu khi Thế Tôn nói rằng Tỷ-kheo Channa không phạm tội .

45.
KINH GIÁO GIỚI PHÚ LÂU NA
(Punnovadasuttam)
(145)

Kinh Giáo Giới Phú Lô Na kể về cuộc đời của Phật Punna (Phú-lâu-na) ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-Lâm), tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Tôn giả Punna (Phú-lâu-na), vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Punna bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vắn tắt cho con, để con có thể, sau khi nghe Thế Tôn, sống một mình, nhàn tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

– Vậy này Punna, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Punna vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này Punna, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ tán thưởng, chấp thủ và an trú, dục hỷ sanh; và này Punna, Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ.

Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức; khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú trong ấy, thời do hoan hỷ, tán thưởng, chấp thủ và an trú tham đắm, dục hỷ sanh; và này Punna. Ta nói rằng, từ sự tập khởi của dục hỷ, là sự tập khởi của khổ.

Này Punna, có những sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Punna, Ta nói rằng, tự sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

Này Punna, có những tiếng do tai nhận thức; có những hương do mũi nhận thức; có những vị do lưỡi nhận thức; có những cảm xúc do thân nhận thức; có những pháp do ý nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, liên hệ đến dục, hấp dẫn. Nếu Tỷ-kheo không hoan hỷ, không tán thưởng, không chấp thủ và an trú, thời dục hỷ diệt. Này Punna, Ta nói rằng, từ sự diệt tận dục hỷ là sự diệt tận đau khổ.

Này Punna, Ông sẽ sống ở quốc độ nào, nay Ông đã được Ta giáo giới với lời giáo giới vẫn tất ?

– Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vẫn tất, có một quốc độ tên là Sunaparanta (Tây Phương Du-na Quốc), con sẽ sống tại đây.

– Này Punna, người nước Sunaparanta là hung bạo. Này Punna, người nước Sunaparanta là thô ác. Này Punna, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau : "Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này ! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này ! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ như thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau : ""Thật là thiện, người nước Sunaparanta này ! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này ! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy ! Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy các cục đất ném đánh Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy cục đất ném đánh con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau : "Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta ! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta ! Vì rằng họ không lấy gậy ném đánh ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna... lấy gậy đánh đập Ông... Ông nghĩ thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập con... "... Vì rằng họ không lấy đao đánh đập ta" ... Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, ... lấy đao đánh đập Ông... Ông nghĩ thế nào ?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunapa ranta lấy đao đánh đập con.. "... Vì rằng họ không lấy đao sắc bén đoạt hại mạng ta".... Bạch Thiện Thế, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

– Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy đao sắc bén đoạt hại mạng Ông... Ông nghĩ thế ?

– Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunapa ranta sẽ lấy đao sắc bén đoạt hại mạng con; thời tại đây con sẽ nghĩ như sau : "Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con đao (để tự sát). Nay ta khởi tâm đi tìm đã được con đao ấy". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy.

– Lành thay, lành thay, này Punna ! Này Punna, Ông có thể sống trong nước Sunaparanta, khi Ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này. Này Punna, Ông nay hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Punna, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunaparanta. Tiếp tục du hành, (Tôn giả Punna) đi đến nước Sunaparanta. Tại đây, Tôn giả Punna sống trong nước Sunaparanta. Rồi Tôn giả Punna nội trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, chứng được Tam minh. Sau một thời gian, Tôn giả Punna mệnh chung.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Thiện nam tử Punna ấy, sau khi được Thế Tôn giáo giới với bài giáo giới vẫn tắt đã mệnh chung. Sinh thú của vị ấy là gì ? Đời sau của vị ấy là thế nào ?

– Nay các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Punna là bậc Hiền trí. Vị ấy thực hành pháp và tùy pháp. Vị ấy không phiền nhiễu Ta với những câu hỏi về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Thiện nam tử Punna đã nhập Niết-bàn.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Giáo Giới Phú Lô Na trong bộ Kinh Trung Bộ kể về cuộc đời của Phật Punna (Phú-lâu-na) .

46.
KINH GIÁO GIỚI NANDAKA
(Nandakovadasuttam)
(146)

Kinh Giáo Giới Nandaka ghi chép lại bài giảng của Tôn giả Nandaka – trước năm trăm Tỷ-kheo ni. Bài giảng này của Tôn giả Nandaka dưới hình thức hỏi-đáp. Và bài giảng của Tôn giả Nandaka này đã khiến tất cả năm trăm Tỷ-kheo ni ấy đều đã chứng đắc – trong năm trăm Tỷ-kheo ni ấy, *Tỷ-kheo-ni cuối cùng (cũng) chứng được Dự lưu, không còn bị đọa lạc, và chắc chắn đạt đến chánh giác ...*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Rồi Mahapajapati Gotami cùng với khoảng năm trăm Tỷ-kheo-ni đi đến bên Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Mahapajapati Gotami bạch Thế Tôn :

– Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giáo giới cho Tỷ-kheo-ni ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy giảng dạy cho Tỷ-kheo-ni ! Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni !

Lúc bấy giờ, các Thượng tọa (Trưởng lão) Tỷ-kheo thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Nhưng Tôn giả Nandaka không muốn thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Ananda và nói :

– Này Ananda, hôm nay đến phiên ai giáo giới Tỷ-kheo-ni ?

Bạch Thế Tôn, chính là phiên của Nandaka thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni. Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nandaka không muốn thay phiên giáo giới Tỷ-kheo-ni.

Rồi Thế Tôn cho gọi Tôn giả Nandaka :

– Này Nandaka, hãy giáo giới Tỷ-kheo-ni ! Này Nandaka, hãy giảng dạy Tỷ-kheo-ni ! Này Bà-la-môn, hãy thuyết pháp cho Tỷ-kheo-ni !

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Nandaka ấy vâng đáp Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Sau khi khát thực ở Savatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, không có người thứ hai cùng đi, đi đến Rajakarama (Vương Tự). Các Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Nandaka từ xa đi đến, sau khi thấy liền sửa soạn chỗ ngồi và sắp đặt nước rửa chân. Tôn giả Nandaka ngồi trên chỗ ngồi đã soạn sẵn; sau khi ngồi, liền rửa chân. Các Tỷ-kheo-ni ấy sau khi đánh lễ Tôn giả Nandaka, liền ngồi xuống một bên. Tôn giả Nandaka nói với các Tỷ-kheo-ni đang ngồi một bên:

– Các Hiền tỷ, sẽ có cuộc luận thuyết bằng cách đặt câu hỏi. Ở đây, những ai biết, hãy trả lời : "Tôi biết". Những ai không biết, hãy trả lời : "Tôi không biết". Nếu có ai nghi ngờ hay nghi hoặc, ở đây, ta cần được hỏi như sau : "Thưa Tôn giả, sự việc này là thế nào ? Ý nghĩa việc này là gì ?"

– Thưa Tôn giả, cho đến đây, chúng con rất hoan hỷ và thỏa mãn với Tôn giả Nandaka, vì rằng Tôn giả đã mời chúng con (hỏi).

– Các Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào ? Mắt là thường hay vô thường ?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Cái gì vô thường, là khổ hay lạc ?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi xem cái ấy : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". ?

– Thưa không vậy, Tôn giả.

– Các Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào ? Tai là thường hay vô thường ?... Mũi là thường hay vô thường ?... Lưỡi là thường hay vô thường ?.. Thân là thường hay vô thường ?... Ý là thường hay vô thường ?

– Thưa Tôn giả, vô thường

– Cái gì vô thường, là khổ hay lạc ?

– Thưa Tôn giả, là khổ.

- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chẳng khi quán cái ấy : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". ?*
- *Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy ? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn, với chánh trí tuệ rằng : "Sáu nội xứ này là vô thường".*
- *Lành thay, lành thay, các Hiền tử ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn, với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào ? Sắc là thường hay vô thường ?*
- *Thưa Tôn giả, vô thường*
- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc ?*
- *Thưa Tôn giả, là khổ.*
- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chẳng khi quán cái ấy : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". ?*
- *Thưa không vậy, Tôn giả.*
- *Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào ? Tiếng là thường hay vô thường ? ... Hương là thường hay vô thường ?... Vị là thường hay vô thường ? Xúc là thường hay vô thường ? ... Pháp là thường hay vô thường ?*
- *Thưa Tôn giả, vô thường.*
- *Cái gì vô thường là khổ hay lạc ?*
- *Thưa Tôn giả, là khổ.*
- *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chẳng khi quán cái ấy: "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi ?"*
- *Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy ? Trước đây, thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn, với chánh trí tuệ rằng : "Sáu ngoại xứ này là vô thường".*

– *Lành thay, lành thay, các Hiền tử ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn, với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Chư Hiền tử, các Hiền tử nghĩ thế nào ? Nhãn thức là thường hay vô thường ?*

– *Thưa Tôn giả, vô thường*

– *Cái gì vô thường là khổ hay lạc ?*

– *Thưa Tôn giả, là khổ.*

– *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". ?*

– *Thưa không vậy, Tôn giả.*

– *Này các Hiền tử, nhãn thức là thường hay vô thường ?*

– *Thưa Tôn giả, vô thường.*

– *Tỷ thức là thường hay vô thường ?*

– *Thưa Tôn giả, vô thường.*

– *Thân thức là thường hay vô thường ?*

– *Thưa Tôn giả, vô thường.*

– *Ý thức là thường hay vô thường ?*

– *Thưa Tôn giả, vô thường.*

– *Cái gì vô thường là khổ hay lạc ?*

– *Thưa Tôn giả là khổ.*

– *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" ?*

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy ? Trước đây thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn, với chánh trí tuệ rằng : "Sáu thức thân này là vô thường".

– Lành thay, lành thay, chư Hiền tử ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn, với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Ví như, chư Hiền tử, một ngọn đèn dầu được đốt cháy; dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; ánh sáng là vô thường, chịu sự biến hoại. Chư Hiền tử, nếu có ai nói rằng : "Ngọn đèn dầu này được đốt cháy; dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; nhưng ánh sáng ấy là thường còn, thường trú, thường hằng không chịu sự biến hoại" ; chư Hiền tử, nói như vậy là có nói chân chánh không ?

– Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả, ngọn đèn dầu này được đốt cháy; dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc cũng là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa cũng là vô thường, chịu sự biến hoại. Còn nói gì đến ánh sáng, cũng là vô thường, chịu sự biến hoại !

– Như vậy là phải, này các Hiền tử ! Nếu có ai nói như sau: "Sáu ngoại xứ này là vô thường, và do duyên sáu ngoại xứ này, tôi có cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại"; này các Hiền tử, người ấy có nói một cách chân chánh không ?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả, do duyên cái này, cái này cảm thọ như thế này, như thế này khởi lên. Do diệt các duyên như thế này, như thế này, các cảm thọ như thế này, như thế này cũng biến diệt.

– Lành thay, lành thay, các Hiền tử ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Ví như, này các Hiền tử, có cây to lớn đứng thẳng, có lõi cây, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại, với thân cây vô thường, chịu sự biến hoại, với cành lá vô thường, chịu sự biến hoại, với bóng cây vô thường, chịu sự biến hoại. Nếu có người nói như sau : "Có cây lớn đứng thẳng có lõi cây này, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại, với thân cây vô thường, chịu sự biến hoại, với cành lá vô thường, chịu sự biến hoại, nhưng bóng mát của cây ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu biến hoại"; này các Hiền tử, người ấy có nói một cách chân chánh không ?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả, cây to lớn đứng thẳng có lõi cây này, có rễ vô thường, chịu sự biến hoại, có thân cây vô thường; chịu sự

biến hoại, có cành lá vô thường, chịu sự biến hoại. Còn nói gì đến bóng mát, cũng là vô thường, chịu sự biến hoại !

– Như vậy là phải, này chư Hiền tử ! Nếu có ai nói như sau: "Sáu nội xứ này là vô thường, và do duyên sáu ngoại xứ này tôi cảm thọ, lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; cảm thọ ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại"; này các Hiền tử, người ấy có nói chân chánh không ?

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy ? Thưa Tôn giả, do duyên cái này, cái này, cảm thọ như thế này, như thế này khởi lên. Do diệt các duyên như thế này, như thế này, các cảm thọ như thế này, như thế này cũng biến diệt.

– Lành thay, lành thay, chư Hiền tử ! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chon với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Ví như, này các Hiền tử, một người đồ tể giết bò thiện xảo hay người đệ tử; sau khi giết con bò, cắt con bò với con dao sắc bén của người đồ tể giết bò, mà không hư hại phần thịt ở trong, không hư hại phần da ngoài, rồi với con dao sắc bén của người đồ tể giết bò, cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết mọi dây thịt phía trong; dây gân phía trong, dây khớp xương phía trong; sau khi cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết và sau khi lột da ngoài, lại bao trùm con bò ấy với chính da bò ấy rồi nói : "Con bò này đã được dính liền với da này như trước"; này các Hiền tử, nói như vậy có nói một cách chon chánh không ? "

– Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy ? Dầu cho, thưa Tôn giả, người đồ tể giết bò thiện xảo ấy hay người đệ tử sau khi giết con bò.. (như trên)... lại bao trùm con bò ấy với chính da bò ấy lại có thể nói như sau : "Con bò này đã được dính liền với da này như trước, " dầu con bò này đã bị lột ra khỏi da ấy.

– Ta làm ví dụ này, này các Hiền tử, là để nêu rõ ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa này như sau : Chư Hiền tử, thịt ở trong là đồng nghĩa với sáu nội xứ. Chư Hiền tử, da ở ngoài là đồng nghĩa với sáu ngoại xứ, Chư Hiền tử, dây thịt phía trong, dây gân phía trong, dây khớp xương phía trong là đồng nghĩa với dục hỷ và tham. Chư Hiền tử, con dao đồ tể giết bò sắc bén là đồng nghĩa với Thánh trí tuệ. Với Thánh trí tuệ này cắt đứt, cắt đoạn, cắt tiết nội phiền não, nội kiết sử, nội triền phược.

Chư Hiền tử, có bảy giác chi, do tu tập, làm cho sung mãn bảy giác chi này, vị Tỷ-kheo với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng tri ngay trong hiện tại với thượng trí; chứng đạt và an trú, vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Thế nào là bảy ? Ở đây, chư Hiền tử, Tỷ-kheo tu tập niệm giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến từ bỏ; tu tập trạch pháp giác chi, tu tập tinh tấn giác chi, tu tập hỷ giác chi, tu tập khinh an giác chi, tu tập định giác chi, tu tập xả giác chi, y chỉ viễn ly, y chỉ ly tham, y chỉ đoạn diệt, hướng đến từ bỏ. Chư Hiền tử, bảy giác chi này, do tu tập, làm cho sung mãn, Tỷ-kheo với sự đoạn tận các lậu hoặc, sau khi tự mình chứng tri ngay trong hiện tại, với thượng trí chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát.

Rồi Tôn giả Nandaka, sau khi giáo giới các Tỷ-kheo ni ấy với lời giáo giới, liền cho giải tán :

– Chư Hiền tử, hãy đi về, giờ đã đến rồi.

Rồi các Tỷ-kheo ni ấy, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Tôn giả Nandaka dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Nandaka, thân phía hữu hướng về Tôn giả, rồi đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang đứng một bên :

– Nay các Tỷ-kheo-ni, hãy đi. Giờ đã đến rồi.

Rồi các Tỷ-kheo-ni ấy, sau khi đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi. Rồi Thế Tôn, sau khi các Tỷ-kheo-ni ấy ra đi không bao lâu, gọi các vị Tỷ-kheo và nói :

– Nay các Tỷ-kheo, ví như vào ngày Bó-tát, ngày mười bốn, quần chúng không có nghi ngờ hay nghi hoặc rằng mặt trăng là không tròn hay mặt trăng là tròn vì khi ấy mặt trăng chưa tròn; cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, dầu cho các Tỷ-kheo-ni ấy hoan hỷ với bài thuyết pháp của Nandaka, nhưng tâm trí của họ chưa được thỏa mãn.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Nandaka :

– Vậy này Nandaka, ngày mai, Ông sẽ giáo giới cho các Tỷ-kheo-ni ấy với bài giáo giới.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Nandaka vâng đáp Thế Tôn.

Rồi Tôn giả Nandaka, sau khi đêm ấy đã mãn, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi (Xá-vệ) để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Savatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, tự thân một mình đi đến Rajarama. Các vị Tỷ-kheo-ni ấy thấy Tôn giả Nandaka từ xa đi lại; sau khi thấy, liền sửa soạn chỗ ngồi và sắp đặt nước rửa chân. Tôn giả Nandaka ngồi trên chỗ đã soạn sẵn; sau khi ngồi, liền rửa chân. Các vị Tỷ-kheo-ni ấy đánh lễ Tôn giả Nandaka rồi ngồi xuống một bên. Tôn giả Nandaka nói với các Tỷ-kheo-ni ấy đang ngồi một bên:

– Các Hiền tỷ, sẽ có cuộc luận thuyết bằng cách đặt câu hỏi. Ở đây, những ai biết hãy trả lời : "Tôi biết". Những ai không biết, hãy trả lời "Tôi không biết". Nếu ai có nghi ngờ hay do dự, ở đây, ta cần được hỏi như sau : "Thưa Tôn giả, sự việc này là thế nào ? " Ý nghĩa việc này là gì ?"

– Thưa Tôn giả, cho đến đây, chúng con rất hoan hỷ và thỏa mãn với Tôn giả Nandaka, vì rằng Tôn giả đã mời chúng con (hỏi) !

– Chư Hiền tỷ, các Hiền tỷ nghĩ thế nào ? Mắt là thường hay vô thường ?

– Thưa Tôn giả, vô thường.

– Những gì vô thường... (như trên.. của kinh này). Hãy đi, này các Tỷ-kheo-ni giờ đã đến rồi.

Thế Tôn, sau khi các Tỷ-kheo-ni ấy ra đi không bao lâu, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và nói :

– Này các Tỷ-kheo, ví như vào ngày Bó-tát, ngày rằm, quân chúng không có nghi ngờ hay phân vân rằng mặt trăng là không tròn hay mặt trăng là tròn, vì khi ấy mặt trăng đã tròn; cũng vậy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo-ni ấy hoan hỷ với bài thuyết pháp của Tôn giả Anandaka, và tâm tư của họ được thỏa mãn.

Này các Tỷ-kheo, trong năm trăm Tỷ-kheo-ni ấy, Tỷ-kheo-ni cuối cùng chứng được Dự lưu, không còn bị đọa lạc, và chắc chắn đạt đến chánh giác.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Giáo Giới Nandaka trong bộ Kinh Trung Bộ ghi chép lại bài giảng của Tôn giả Nandaka – trước năm trăm Tỷ-kheo ni.

Bài giảng này của Tôn giả Nandaka dưới hình thức hỏi-đáp. Và bài giảng của Tôn giả Nandaka này đã khiến tất cả năm trăm Tỷ-kheo ni ấy đều đã chứng đắc – trong năm trăm Tỷ-kheo ni ấy, *Tỷ-kheo-ni cuối cùng* (cũng) *chứng được Dự lưu*, không còn bị đọa lạc, và chắc chắn đạt đến chánh giác.

47.
TIÊU KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA
(Cula Rahulovada sutta)
(147)

Tiểu kinh Giáo Giới La Hầu La là bài giảng của Thế Tôn dành cho Tôn Giả Rahula (La-Hầu-La) và hàng ngàn chư Thiên ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà lâm) tại tinh xá ông Anathapindika. Rồi Thế Tôn trong khi nhàn tịnh độc cư, khởi lên tư niệm sau đây : "Đã thuận thực là những pháp đã đưa đến giải thoát cho Rahula. Vậy Ta hãy huấn luyện Rahula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc".

Rồi Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, đi vào Savatthi để khát thực. Sau khi đi khát thực ở Savatthi, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Thế Tôn cho gọi Tôn giả Rahula và nói :

– Này Rahula, hãy cầm tọa cụ, chúng ta sẽ đi đến Andhavana để nghỉ ban ngày.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Rahula vâng đáp Thế Tôn, cầm lấy tọa cụ và đi theo sau lưng Thế Tôn.

Lúc bảy giờ hàng ngàn chư Thiên đi theo Thế Tôn và nghĩ rằng : "Hôm nay, Thế Tôn sẽ huấn luyện cho Tôn giả Rahula hơn nữa trong sự đoạn tận các lậu hoặc".

Rồi Thế Tôn đi sâu vào rừng Andhavana và ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn dưới một gốc cây. Tôn giả Rahula đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rahula đang ngồi một bên :

– Này Rahula, Ông nghĩ thế nào ? Con mắt là thường hay vô thường ?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– Cái gì vô thường là khổ hay lạc ?

– Bạch Thế Tôn, là khổ

– Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi ?"

– *Thưa không vậy, bạch Thế Tôn*

– *Này Rahula. Ông nghĩ thế nào ? Sắc là thường hay vô thường ?*

– *Bạch Thế Tôn, là vô thường*

– *Cái gì vô thường là khổ hay lạc ?*

– *Bạch Thế Tôn, là khổ.*

– *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy :
"Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi ?"*

– *Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.*

– *Này Rahula. Ông nghĩ thế nào ? Nhãn thức là thường hay vô thường ?*

– *Bạch Thế Tôn, là vô thường*

– *Cái gì vô thường là khổ hay lạc ?*

– *Bạch Thế Tôn, là khổ.*

– *Cái gì vô thường, khổ, chịu sự biến hoại, thời có hợp lý chăng khi quán cái ấy :
"Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi ?"*

– *Thưa không vậy, bạch Thế Tôn*

– *Này Rahula. Ông nghĩ thế nào ? Nhãn xúc là thường hay vô thường ?*

– *Bạch Thế Tôn, là vô thường.*

– *... (như trên)...*

– *Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.*

– *Này Rahula, Ông nghĩ thế nào ? Do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức; pháp được khởi lên ấy là thường hay vô thường ?*

- *Bạch Thế Tôn, là vô thường.*
- ... *(như trên)...*
- *Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.*
- *Này Rahula, Ông nghĩ thế nào ? Tai là thường hay vô thường ?*
- *Bạch Thế Tôn, là vô thường.*
- ... *(như trên)...*
- *Mũi là thường hay vô thường ?... (như trên)... Lưỡi là thường hay vô thường ?... (như trên)... Thân là thường hay vô thường... (như trên)... Ý là thường hay vô thường ?*
- *Bạch Thế Tôn, là vô thường.*
- ... *(như trên)...*
- *Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.*
- *Này Rahula, Ông nghĩ thế nào ? Pháp là thường hay vô thường ?*
- ... *(như trên)...*
- *Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.*
- *Này Rahula, Ông nghĩ thế nào ? Ý thức là thường hay vô thường ?*
- *(như trên)...*
- *Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.*
- *Này Rahula, Ông nghĩ thế nào ? Ý xúc là thường hay vô thường ?*
- ... *(như trên)...*

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Nay Rahula, Ông nghĩ thế nào ? Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức các pháp (được khởi lên) ấy là thường hay vô thường ?

– Bạch Thế Tôn, là vô thường.

– ... (như trên)...

– Thưa không vậy, bạch Thế Tôn.

– Nay Rahula, do thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly con mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức, yếm ly nhãn xúc, do duyên nhãn xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly pháp (được khởi lên) ấy. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng... yếm ly mũi, yếm ly các hương... yếm ly các hương... yếm ly lưỡi, yếm ly các vị... yếm ly thân, yếm ly các xúc, .. yếm ly ý, yếm ly các pháp, yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc. Do duyên ý xúc này, được khởi lên thọ, tưởng, hành, thức. Vị ấy yếm ly các pháp (được khởi lên) ấy. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết : "Ta đã được giải thoát ". Và vị ấy biết : "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Rahula, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy. Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của Tôn giả Rahula được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Và đối với hàng ngàn chư Thiên ấy, được khởi lên pháp nhãn ly trần, vô cấu : "Phàm cái gì được khởi lên, tất cả đều bị diệt tận".

Như vậy, Tiểu kinh Giáo Giới La Hầu La trong bộ Kinh Trung Bộ là bài giảng của Thế Tôn dành cho Tôn Giả Rahula (La-Hầu-La) và hàng ngàn chư Thiên . Với Tôn Giả Rahula: tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Và đối với hàng ngàn chư Thiên ấy, được khởi lên pháp nhãn ly trần, vô cấu.

48.
KINH SÁU SÁU
(Chadhakkasuttam)
(148)

Kinh Sáu Sáu là tổng luận được Thế Tôn giảng dạy về những gì được xem là: *sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có vấn ...*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm) tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo". – "Thưa vâng, Bạch Thế Tôn".

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng pháp cho các Ông, sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có vấn. Ta sẽ nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn, thanh tịnh, tức là sáu sáu. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Sáu nội xứ cần phải được biết. Sáu ngoại xứ cần phải được biết. Sáu thức thân cần phải được biết. Sáu xúc thân cần phải được biết. Sáu thọ thân cần phải được biết. Sáu ái thân cần phải được biết.

Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy ? Nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, ý xứ. Khi được nói đến "Sáu nội xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ nhất.

Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy ? Sắc xứ, thanh xứ, hương xứ, vị xứ, xúc xứ, pháp xứ. Khi được nói đến "Sáu ngoại xứ cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ hai.

Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy ? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương, khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị, khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc, khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Khi được nói đến "Sáu thức thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ ba.

Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy ? Do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Khi được nói đến "Sáu xúc thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ tư.

Khi được nói đến "Sáu thọ thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy ? Do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên tai và do duyên các tiếng khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp, khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Khi được nói đến "Sáu thọ thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ năm.

Khi được nói đến "Sáu ái thân cần phải được biết", do duyên gì được nói đến như vậy ? Do duyên mắt và duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc là thọ. Do duyên thọ là ái. Khi được nói đến "Sáu ái thân cần phải được biết", chính do duyên này được nói đến như vậy. Đây là sáu sáu thứ sáu.

Nếu ai nói rằng : "Mắt là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của mắt đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận : "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng : "Mắt là tự ngã", như vậy không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã.

Nếu ai nói rằng : "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của các sắc đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận : "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng : "Các sắc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã.

Nếu ai nói rằng : "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của nhãn thức đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng : "Nhãn thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng : "Nhãn xúc là tự ngã, như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của nhãn xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận : "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng : "Nhãn xúc là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng : "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng : "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng : "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ái đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận : "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng : "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy con mắt là vô ngã, các sắc là vô ngã, nhãn thức là vô ngã, nhãn xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng : "Tai là tự ngã"; nếu có ai nói rằng : "'Mũi là tự ngã"; nếu có ai nói rằng : "Lưỡi là tự ngã"; nếu có ai nói rằng : "Thân là tự ngã"; nếu có ai nói rằng : "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận : "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy nếu ai nói rằng : "Ý là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng : "Các pháp là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của các pháp đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận : "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng : "Các

pháp là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy, ý là vô ngã, các pháp là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng : "Ý thức là tự ngã", như vậy, là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý thức đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận : "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu ai nói rằng : "Ý thức là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng : "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của ý xúc đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên phải đưa đến kết luận : "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng : "Ý xúc là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã.

Nếu có ai nói : "Thọ là tự ngã", như vậy không hợp lý. Sự sanh và sự diệt của thọ đã được thấy. Vì rằng sự sanh và sự diệt đã được thấy, nên đưa đến kết luận: "Tự ngã sanh và diệt ở nơi tôi". Do vậy, nếu có ai nói rằng : "Thọ là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã.

Nếu có ai nói rằng : "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Vì rằng sự sanh.. Do vậy nếu có ai nói rằng : "Ái là tự ngã", như vậy là không hợp lý. Như vậy ý là vô ngã, các pháp là vô ngã, ý thức là vô ngã, ý xúc là vô ngã, thọ là vô ngã, ái là vô ngã.

Này các Tỷ-kheo, nhưng đây là con đường đưa đến sự tập khởi của thân kiến. Ai quán mắt là : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi" Ai quán các sắc là : "Cái này là của tôi, cái này là tôi, cái này là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn thức : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn xúc: "Cái này là của tôi ... là tự ngã của tôi". Ai quán thọ : "Cái này là của tôi... là tự ngã của tôi". Ai quán ái: "Cái này là của tôi ... là tự ngã của tôi". Ai quán tai : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán mũi : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán lưỡi : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán thân : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán các pháp : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý thức : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ý xúc : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi". Ai quán ái : "Cái này là của tôi.. là tự ngã của tôi".

Nhưng này các Tỷ-kheo, đây là con đường đưa đến sự đoạn diệt của thân kiến. Ai quán mắt : ""Cái này không phải là của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải là tự ngã của tôi". Ai quán sắc : "Cái này không phải là của tôi.. không phải là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn thức : "Cái này không phải của tôi.. không

phải là tự ngã của tôi". Ai quán nhãn xúc : "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thọ : "Cái này không phải là của tôi... không phải tự ngã của tôi". Ai quán ái : "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán tai : "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán mũi : "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán lưỡi: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thân : "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán các pháp: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý thức: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ý xúc: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán thọ: "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi". Ai quán ái : "Cái này không phải của tôi.. không phải tự ngã của tôi".

Này các Tỷ-kheo, do duyên mắt và do duyên các sắc, khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ.

Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước. Tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ, mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh. Sân tùy miên của vị ấy tùy tăng.

Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy, vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho mình khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy do cảm xúc lạc thọ, mà hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước, tham tùy miên của vị ấy tùy tăng. Vị ấy do cảm xúc khổ thọ mà sầu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy tùy tăng.

Vị ấy do cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà không như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do không đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do không tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do không nhổ lên vô minh

tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, không đoạn tận vô minh, không làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này các Tỷ-kheo do duyên mắt và do duyên các sắc khởi lên nhãn thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên xúc, khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ, mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ, mà không sâu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ, mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng.

Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do duyên tai và do duyên các tiếng, khởi lên nhĩ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên mũi và do duyên các hương khởi lên tỷ thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên lưỡi và do duyên các vị khởi lên thiệt thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên thân và do duyên các xúc khởi lên thân thức. Này các Tỷ-kheo, do duyên ý và do duyên các pháp khởi lên ý thức. Sự gặp gỡ của ba (pháp này) là xúc. Do duyên cảm xúc khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ. Vị ấy cảm xúc lạc thọ mà không hoan hỷ, tán thán, trú ở ái trước; tham tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc khổ thọ mà không sâu muộn, than van, than khóc, đập ngực, rơi vào bất tỉnh; sân tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Vị ấy cảm xúc bất khổ bất lạc thọ mà như thật biết sự tập khởi, sự đoạn diệt, vị ngọt, sự nguy hiểm và sự xuất ly khỏi cảm thọ ấy; vô minh tùy miên của vị ấy không tùy tăng. Này các Tỷ-kheo, vị ấy chính do đoạn tận tham tùy miên đối với lạc thọ, do tẩy trừ sân tùy miên đối với khổ thọ, do nhổ lên vô minh tùy miên đối với bất khổ bất lạc thọ, đoạn tận vô minh, làm cho minh khởi lên, có thể ngay trong hiện tại là người chấm dứt đau khổ, sự kiện như vậy xảy ra.

Này các Tỷ-kheo, do thấy vậy, vị Đa văn Thánh đệ tử yếm ly mắt, yếm ly các sắc, yếm ly nhãn thức; yếm ly nhãn xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Vị ấy yếm ly tai, yếm ly các tiếng, yếm ly mũi, yếm ly các hương; yếm ly lưỡi, yếm ly các vị; yếm ly thân, yếm ly các xúc; yếm ly ý, yếm ly các pháp; yếm ly ý thức, yếm ly ý xúc, yếm ly thọ, yếm ly ái. Do yếm ly, vị ấy ly tham. Do ly tham vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát là sự hiểu biết: "Ta đã được giải thoát". Và vị ấy tuệ tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, các việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa".

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Trong khi sự thuyết giảng này được nói lên, tâm của sáu mươi Tỷ-kheo ấy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ.

Như vậy, kinh Sáu Sáu trong bộ Kinh Trung Bộ là tổng luận được Thế Tôn giảng dạy về những gì được xem là: *sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn ...*

49.

ĐẠI KINH SÁU XỨ
(Muhasalayanikasuttam)
(149)

Một lần nữa, những vấn đề hết sức cơ bản, nền tảng của triết lý Phật được Thế Tôn giảng giải cặn kẽ trong Đại Kinh Sáu Xứ ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ-đà Lâm), tại tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Tại đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo : "Này các Tỷ-kheo", – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau :

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng Đại Kinh Sáu Xứ. Hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau :

– Này các Tỷ-kheo, không biết, không thấy như chơn mắt, không biết không thấy như chơn các sắc, không biết không thấy như chơn nhãn thức, không biết không thấy như chơn nhãn xúc; do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, không biết không thấy như chơn cảm thọ ấy, vị ấy ái trước đối với mắt, ái trước đối với các sắc, ái trước đối với nhãn thức, ái trước đối với nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, vị ấy ái trước đối với cảm thọ ấy.

Khi vị ấy trú, quán sát vị ngọt, bị ái trước, hệ lụy và tham đắm, nên năm thủ uẩn đi đến tích trữ trong tương lai.

Và ái của vị ấy đưa đến tái sanh, cấu hữu với hỷ và tham, tìm sự hoan lạc chỗ này, chỗ kia; ái ấy được tăng trưởng; những thân ưu não tăng trưởng; những tâm ưu não tăng trưởng; những thân nhiệt não tăng trưởng; những tâm khổ não tăng trưởng. Vị ấy cảm thọ thân khổ và tâm khổ.

Này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn tai; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn mũi; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn lưỡi; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn thân; này các Tỷ-

kheo, không thấy và không biết như chơn ý; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn các pháp; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn ý thức; này các Tỷ-kheo, không thấy và không biết như chơn ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ; không thấy và không biết như chơn cảm thọ ấy, vị ấy ái trước đối với ý, ái trước đối với pháp, ái trước đối với ý thức, ái trước đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ, ... (như trên)... vị ấy cảm thọ thân khổ và tâm khổ.

Này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn mắt, thấy và biết như chơn các sắc, thấy và biết như chơn nhãn thức, thấy và biết như chơn nhãn xúc. Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ hay bất khổ bất lạc thọ, thấy và biết như chơn cảm thọ ấy; vị ấy không ái trước đối với con mắt, không ái trước đối với các sắc, không ái trước đối với nhãn thức, không ái trước đối với nhãn xúc.

Do duyên nhãn xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không ái trước đối với cảm thọ ấy.

Khi vị ấy trú, quán sát vị ngọt, không bị ái trước, hệ lụy và tham đắm, nên năm thủ uẩn đi đến tàn diệt trong tương lai. Và ái của vị ấy, đưa đến tái sanh, câu hữu với hỷ và tham, tìm sự hoan lạc chỗ này chỗ kia; ái ấy được đoạn tận; những thân ưu não của vị ấy được đoạn tận; những tâm ưu não được đoạn tận; những thân nhiệt não được đoạn tận; những tâm nhiệt não được đoạn tận; những thân khổ não được đoạn tận; những tâm khổ não được đoạn tận; vị ấy cảm thọ thân lạc và tâm lạc.

Kiến gì như chơn của vị ấy, kiến ấy là chánh kiến. Tư duy gì như chơn của vị ấy, tư duy ấy là chánh tư duy. Tinh tấn gì như chơn của vị ấy, tinh tấn ấy là chánh tinh tấn. Niệm gì như chơn của vị ấy, niệm ấy là chánh niệm. Định gì như chơn của vị ấy, định ấy là chánh định.

Thân nghiệp, ngữ nghiệp, sinh mạng của vị ấy được thanh tịnh tốt đẹp. Và Thánh đạo Tám ngành này đi đến tu tập và phát triển sung mãn cho vị ấy.

Do sự tu tập Thánh đạo Tám ngành này như vậy, bốn niệm xứ đi đến tu tập và phát triển sung mãn; bốn chánh tinh tấn cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; bốn như ý túc cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; năm căn cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; năm lực cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn; bảy giác chi cũng đi đến tu tập và phát triển sung mãn.

Và nơi vị ấy, hai pháp này được chuyển vận song hành: chỉ và quán.

Với thượng trí, vị ấy liễu tri những pháp cần phải liễu tri với thượng trí.

Với thượng trí, vị ấy đoạn tận những pháp cần phải đoạn tận với thượng trí.

Với thượng trí vị ấy, tu tập những pháp cần phải tu tập với thượng trí.

Với thượng trí, vị ấy chứng ngộ những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải liễu tri với thượng trí ? Cần phải trả lời là năm thủ uẩn, tức là sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn. Những pháp này là những pháp cần phải liễu tri với thượng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải đoạn tận với thượng trí ? Vô minh và hữu ái, những pháp này cần phải đoạn tận với thượng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là các pháp cần phải tu tập với thượng trí ? Chỉ và quán, những pháp này cần phải tu tập với thượng trí.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí ? Minh và giải thoát, những pháp này cần phải chứng ngộ với thượng trí.

Này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn tai; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn mũi; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn lưỡi; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn thân; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn ý; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn các pháp; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn ý thức; này các Tỷ-kheo, thấy và biết như chơn ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; thấy và biết như chơn cảm thọ ấy, nên vị ấy không ái trước đối với ý, không ái trước đối với các pháp, không ái trước đối với ý thức, không ái trước đối với ý xúc. Do duyên ý xúc này khởi lên lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; vị ấy không ái trước đối với cảm thọ ấy... (như trên)... tâm khổ não được đoạn tận. Vị ấy cảm thọ thân lạc và tâm lạc. Kiến gì như chơn của vị ấy, kiến ấy là chánh kiến. Tư duy gì như chơn của vị ấy... (như trên)... hoạt mạng của vị ấy đi đến thanh tịnh tốt đẹp. Và Thánh đạo Tám ngành này đi đến tu tập và phát triển sung mãn cho vị ấy.

Do sự tu tập Thánh đạo Tám ngành này như vậy... (như trên)...

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là những pháp cần phải chứng ngộ với thượng trí ? Minh và giải thoát, những pháp này cần phải chứng ngộ với thượng trí.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo ấy hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, Đại Kinh Sáu Xứ trong bộ Kinh Trung Bộ, một lần nữa, những vấn đề hết sức cơ bản, nền tảng của triết lý Phật được Thế Tôn giảng giải hết sức mạch lạc, cặn kẽ .

50.
KINH NÓI CHO DÂN NAGARAVINDA
(Nagaravindeyyasuttam)
(150)

Thế Tôn chỉ cho đại chúng nhận ra: ai là người đáng để tôn kính, cúng dường ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn du hành giữa dân chúng Kosala, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo và đi đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Nagaravinda. Các Bà-la-môn gia chủ ở Nagaravinda được nghe như sau : "Sa-môn Gotama là Thích tử, xuất gia từ gia tộc Sakka (Thích-ca), đang du hành giữa dân chúng Kosala, cùng với Đại chúng Tỷ-kheo và đã đến một làng Bà-la-môn của dân chúng Kosala tên là Nagaravinda. Tiếng đồn tốt đẹp sau đây được truyền đi về Tôn giả Gotama : "Ngài là Đáng Thế Tôn, bậc A-la-hán... được yết kiến một A-la-hán như vậy". Rồi các vị Bà-la-môn gia chủ ở Nagaravinda đi đến Thế Tôn. Sau khi đến, một số người nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu liền ngồi xuống một bên; một số người chấp tay vái chào Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số người nói lên tên họ trước Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên; một số người im lặng ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với những Bà-la-môn gia chủ ở Nagaravinda đang ngồi một bên:

– Này Gia chủ, nếu những du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau : "Này Gia chủ, hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào không đáng tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường ?

Được hỏi vậy này các Gia chủ, các du sĩ ngoại đạo ấy cần được trả lời như sau : "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với các sắc do mắt nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh, sở hành thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng. Những Sa-môn, Bà-la-môn như vậy không đáng cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường. Vì sao vậy ? Chúng tôi đối với các sắc do mắt nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh, sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng, nhưng chúng tôi không thấy các vị ấy hơn sở hành thăng bằng của chúng tôi. Do vậy các Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy không đáng được tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường.

Những vị Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với các tiếng do tai nhận thức, đối với các hương do mũi nhận thức, đối với các vị do lưỡi nhận thức, đối với các xúc do thân nhận thức, đối với các pháp do ý nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly

si, nội tâm không tịch tĩnh, sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy không đáng được tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường. Vì có sao ? Chúng tôi đối với các pháp do ý nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh, sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp khi thăng bằng, khi không thăng bằng; nhưng chúng tôi không thấy các vị ấy hơn sở hành thăng bằng của chúng tôi. Do vậy, các vị Sa-môn, Bà-la-môn ấy không đáng được tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường". Được hỏi như vậy, này các Gia chủ, các Ông cần phải trả lời như vậy cho các du sĩ ngoại đạo ấy.

Nhưng này các Gia chủ, nếu các du sĩ ngoại đạo hỏi các Ông như sau : "Này các Gia chủ, hạng Sa-môn, Bà-la-môn nào đáng tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường ?"

Khi được hỏi vậy, này các Gia chủ, các Ông cần phải trả lời cho các du sĩ ngoại đạo ấy như sau : "Những Sa-môn, Bà-la-môn nào, đối với các sắc do mắt nhận thức, ly tham, ly sân, ly si, nội tâm tịch tĩnh, sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp được thăng bằng. Các Sa-môn, Bà-la-môn như vậy đáng được tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường. Vì sao vậy ? Chúng tôi đối với các sắc do mắt nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh, sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp khi thì thăng bằng, khi không thăng bằng; nhưng chúng tôi có thấy các vị ấy hơn sở hành thăng bằng của chúng tôi. Do vậy, các Sa-môn, Bà-la-môn ấy đáng được tôn trọng, cung kính, đánh lễ, cúng dường. Những Sa-môn, Bà-la-môn nào đối với các tiếng do tai nhận thức, đối với các hương do mũi nhận thức, đối với các vị do lưỡi nhận thức, đối với các xúc do thân nhận thức, đối với các pháp do ý nhận thức, ly tham, ly sân, ly si, nội tâm tịch tĩnh, sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp được thăng bằng, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đáng được tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường. Vì sao vậy ? chúng tôi đối với các pháp do ý nhận thức, không ly tham, không ly sân, không ly si, nội tâm không tịch tĩnh, sở hành thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp, khi thăng bằng, khi không thăng bằng, nhưng chúng tôi có thấy các vị ấy hơn sở hành thăng bằng của chúng tôi. Do vậy, những Sa-môn, Bà-la-môn ấy đáng được tôn trọng, cung kính, lễ bái, cúng dường. " Khi được hỏi vậy, này các Gia chủ, các Ông hãy trả lời như vậy cho các vị du sĩ ngoại đạo ấy.

Này các Gia chủ, nhưng nếu du sĩ ngoại đạo ấy hỏi các Ông như sau : "Do căn cứ gì về các Tôn giả (ấy), do truyền thống gì, các vị nói về các Tôn giả ấy như sau : Chắc chắn các Tôn giả ấy là ly tham, hay đang đi trên con đường điều phục tham, hay ly sân, hay đang đi trên con đường điều phục sân, hay ly si, hay đang đi trên con đường điều phục si ?"

Khi được hỏi vậy, này các Gia chủ, các Ông hãy trả lời các du sĩ ngoại đạo ấy như sau : "Các Tôn giả ấy sống tại các trú xứ xa vắng trong các khu rừng nhàn tịnh. Nhưng tại các chỗ như vậy, không có các sắc do mắt nhận thức để họ có thể thấy, và sau khi thấy có lòng thích thú; nhưng tại các chỗ như vậy, không có các tiếng do tai nhận thức để họ có thể nghe, và sau khi nghe, có lòng thích thú; nhưng tại các chỗ như vậy, không có hương do mũi nhận thức, để họ có thể ngửi và sau khi ngửi, có lòng thích thú; nhưng tại các chỗ ấy như vậy không có các vị do lưỡi nhận thức, để họ có thể nếm, và sau khi nếm, có lòng thích thú; nhưng tại các chỗ như vậy, không có các xúc do thân nhận thức, để họ có thể cảm giác, và sau khi cảm giác, có lòng thích thú.

Chư Hiền giả, do căn cứ này, do những truyền thống này, mà chúng tôi nói về các Tôn giả (ấy) như sau : "Thật vậy, chư Tôn giả ấy ly tham hay đang đi trên con đường nhiếp phục tham, hay ly sân, hay đang đi trên con đường nhiếp phục sân, hay ly si, hay đang đi trên con đường nhiếp phục si". Khi được hỏi vậy, này các Gia chủ, các Ông hãy trả lời các du sĩ ngoại đạo như vậy.

Khi nghe nói vậy, các Bà-la-môn gia chủ ở Nagaravinda nói với Thế Tôn :

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama ! Ví như, Tôn giả Gotama... mong Tôn giả Gotama hãy nhận chúng con làm cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, chúng con sẽ trọn đời quy ngưỡng.

Như vậy, kinh Nói Cho Dân Nagaravinda trong bộ Kinh Trung Bộ là những điều mà Thế Tôn chỉ ra rằng: ai là người đáng để phải cung kính, đánh lễ cúng dường – và người nào không đáng để cung kính, đánh lễ cúng dường.

Như vậy, qua kinh này cho hay: với những người “chẳng ra gì”, Phật tử với thái độ bất kính, không đánh lễ, không cúng dường thì – không thể gọi là đắc tội được.

51.
KINH KHÁT THỰC THANH TỊNH
(Pindapataparisuddhisuttam)
(151)

Hàng ngày, không chỉ là những vị Tỷ-kheo – sau khi đi khát thực về – “nhìn” lại mình – mà, tất cả những ai chọn con đường tu theo pháp Phật – nên hành trì theo những gì Thế Tôn chỉ dạy ...

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Rồi Tôn giả Sariputta vào buổi chiều, từ Thiền tịnh độc cư đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sariputta đang ngồi một bên:

– Nay Sariputta, các căn của Ông rất sáng suốt, sắc da của Ông thanh tịnh trong sáng. Nay Sariputta, Ông nay đang phân lớn an trú với loại an trú nào ?

– Bạch Thế Tôn, con nay đang phân lớn an trú với không trú.

– Lành thay, lành thay ! Nay Sariputta, Ông nay đang phân lớn an trú với sự an trú của bậc Đại nhân. Nay Sariputta, sự an trú của bậc Đại nhân tức là không tánh.

Do vậy, nay Sariputta, nếu Tỷ-kheo ước mong rằng: : " Mong rằng tôi nay phân lớn an trú với sự an trú không tánh", thời này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy cần phải suy tư như sau : "Trên con đường ta đã đi vào làng để khát thực, tại trú xứ ta đã đi khát thực, và trên con đường từ làng ta đi khát thực trở về, tại chỗ ấy, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên ở nơi ta dục, tham, sân si, hay hận tâm không ?"

Nay Sariputta, nếu Tỷ-kheo sau khi tư duy biết rằng : "Trên con đường ta đã đi vào làng để khát thực, tại trú xứ ta đã đi khát thực và trên con đường từ làng ta đi khát thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy.

Nhưng nay Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau : "Trên con đường ta đã đi.. ta đi khát thực trở về, đối với các sắc do mắt nhận thức, không có

khởi lên nơi dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau : "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khát thực trở về đối với các tiếng do tai nhận thức, ... đối với các hương do mũi nhận thức, ... đối với các vị do lưỡi nhận thức, ... đối với các xúc do thân nhận thức, ... đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên dục, tham, sân, si hay hận tâm không ?"

Này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư biết được như sau : "Trên con đường ta đã đi... , ta đi khát thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si, hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận các ác bất thiện pháp ấy. Nhưng này Sariputta, nếu Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau : "Trên con đường ta đã đi... ta đi khát thực trở về, đối với các pháp do ý nhận thức, không có khởi lên nơi ta dục, tham, sân, si hay hận tâm", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau : "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng chưa ? Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo, trong khi suy tư được biết như sau : "Ta chưa đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm dục trưởng dưỡng. Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã đoạn tận năm dục trưởng dưỡng", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau: "Ta đã đoạn tận năm triền cái chưa ?" Nếu, này Sariputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau: "Ta chưa đoạn tận năm triền cái", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải tinh tấn đoạn tận năm triền cái. Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau : "Ta đã đoạn tận năm triền cái ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư : "Ta có liễu tri năm thủ uẩn chưa ?" Này Sariputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết như sau : "Ta chưa có liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn liễu tri năm thủ uẩn. Nhưng nếu, này Sariputta, trong khi suy tư, Tỷ-kheo ấy được biết như sau : "Ta đã liễu tri năm thủ uẩn", thời này Sariputta, vị Tỷ-kheo ấy phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau : "Ta đã tu tập bốn niệm xứ chưa ?" Này Sariputta, nếu trong khi suy tư, Tỷ-kheo được biết : "Ta chưa tu tập bốn niệm xứ", thời này Sariputta, vị Tỷ-kheo cần phải tinh tấn tu tập bốn niệm xứ. Nhưng nếu, này Sariputta, trong khi suy tư Tỷ-kheo được biết như sau : "Ta đã tu tập bốn niệm xứ ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư : "Ta đã tu tập bốn chánh cần chưa ? " Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bốn chánh cần. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư : "Ta đã tu tập bốn như ý túc chưa ?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bốn như ý túc. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư : "Ta đã tu tập năm căn chưa ?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập năm căn. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư : "Ta đã tu tập năm lực chưa ?" Nếu... phải tinh tấn tu tập năm lực . Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư : "Ta đã tu tập bảy giác chi chưa ?" Nếu... cần phải tinh tấn tu tập bảy giác chi. Nhưng nếu... trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau : "Ta đã tu tập Thánh đạo Tám ngành chưa ?" Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau : "Ta chưa tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sariputta Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập Thánh đạo Tám ngành. Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã tu tập Thánh đạo Tám ngành, " thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú trong hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư : "Ta đã tu tập chỉ và quán chưa ? " Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau : "Ta chưa tu tập chỉ và quán ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập chỉ và quán. Nhưng nếu, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau : "Ta đã tu tập chỉ và quán ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan, ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Lại nữa, này Sariputta, Tỷ-kheo cần phải suy tư như sau : "Ta đã chứng ngộ mình và giải thoát chưa ? " Nếu Tỷ-kheo, này Sariputta, trong khi suy tư được biết như sau : "Ta chưa chứng ngộ mình và giải thoát", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải tinh tấn tu tập mình và giải thoát. Nhưng nếu, này Sariputta, Tỷ-kheo trong khi suy tư được biết như sau: "Ta đã chứng ngộ mình và giải thoát ", thời này Sariputta, Tỷ-kheo ấy cần phải an trú với hỷ và hân hoan ngày đêm tu học trong các thiện pháp.

Này Sariputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời quá khứ đã làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khát thực được thanh tịnh bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Này Sariputta, những Sa-môn hay Bà-la-môn nào trong thời gian tương lai sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Và này Sariputta, những Sa-môn, Bà-la-môn nào trong thời hiện tại, làm cho khát thực được thanh tịnh, tất cả những vị ấy đã làm cho khát thực được thanh tịnh, bằng cách suy tư, suy tư như vậy.

Vậy này Sariputta, các Ông cần phải học tập như sau : "Sau khi suy tư, suy tư, chúng ta sẽ làm cho khát thực được thanh tịnh". Này Sariputta, các Ông phải tu tập như vậy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Sariputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Khát Thực Thanh Tịnh trong bộ Kinh Trung Bộ đề cập đến việc: Hàng ngày, phải “nhìn” lại mình – từ đó giúp cho mình được thanh tịnh.

52.

KINH CĂN TU TẬP

(Indriyabhavannasuttam)

(152)

Kinh cuối cùng trong bộ Kinh Trung Bộ – ghi lại lời dạy của Thế Tôn về *căn tu tập*. Nếu như mọi người hành trì theo lời dạy của Thế Tôn trong kinh này – đó là hành trì: *vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh ...*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Kajangala, tại Mukheluvana. Rồi thanh niên Bà-la-môn Uttara, đệ tử của Pasariya đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với thanh niên Bà-la-môn Uttara, đệ tử của Pasariya đang ngồi một bên:

– Này Uttara, Bà-la-môn Pasariya có thuyết về căn tu tập cho các đệ tử không ?

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pasariya có thuyết về căn tu tập cho các đệ tử.

– Nhưng này Uttara, Bà-la-môn Pasariya thuyết về căn tu tập cho các đệ tử như thế nào ?

– Ở đây, thưa Tôn giả Gotama, không nên thấy sắc với mắt, không nên nghe tiếng với tai. Như vậy, thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pasariya thuyết căn tu tập cho các đệ tử.

– Nếu là như vậy, này Uttara, theo như lời nói của Bà-la-môn Pasariya, người mù sẽ là người có căn tu tập, người điếc sẽ là người có căn tu tập. Này Uttara, người mù không thấy sắc với mắt, người điếc không nghe tiếng với tai.

Khi được nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Uttara đệ tử của Pasariya ngồi im lặng, hổ thẹn, thụt vai, mặt cúi gằm xuống, trầm ngâm, không nói năng gì.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết được Uttara, đệ tử của Pasariya im lặng, hổ thẹn, thụt vai, mặt cúi gằm xuống, trầm ngâm, không nói năng gì, liền gọi Tôn giả Ananda và nói :

– Nay Ananda, Bà-la-môn Pasariya thuyết cho các đệ tử căn tu tập một cách khác; nhưng trong giới luật các bậc Thánh, vô thượng căn tu tập khác như vậy.

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời ! Bạch Thiện Thệ nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh. Sau khi nghe Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy này Ananda, hãy nghe và suy nghiệm kỹ, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Nay Ananda, thế nào là vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh ?

Ở đây, này Ananda, vị Tỷ-kheo, mắt thấy sắc, khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau : "Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả".

Cho nên, dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý và bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại.

Này Ananda, như một người có mắt, sau khi mở mắt, lại nhắm mắt lại, hay sau khi nhắm mắt, lại mở mắt ra; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các sắc do mắt nhận thức.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo tai nghe tiếng khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau : "Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả". Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Này Ananda, như một người lực sĩ có thể búng tay một cách dễ dàng; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt

(trong vị ấy) và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các tiếng do tai nhận thức.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo do mũi ngửi hương khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau : "Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả". Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy) và xả tồn tại.

Này Ananda, như những giọt nước mưa chảy trượt đi, không có đọng lại trên một lá sen hơi chúc xuống; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các hương do mũi nhận thức.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo lưỡi nếm vị khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau : "Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả". Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý, hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy) và xả tồn tại.

Này Ananda, như một người lực sĩ có thể nhổ ra một cách dễ dàng cục đờm đọng lại trên đầu lưỡi; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy) và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các vị do lưỡi nhận thức.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo thân cảm xúc khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau : "Khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng) cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả". Cho nên dầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại.

Này Ananda, ví như một người có thể co duỗi cánh tay được co lại của mình, hay co lại cánh tay duỗi ra của mình; cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên, khả ý, bất khả ý hay khả ý

bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy) và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các xúc do thân nhận thức.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo, ý nhận thức các pháp khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý. Khởi lên khả ý bất khả ý. Vị ấy tuệ tri như sau : "khả ý này khởi lên nơi ta, bất khả ý này khởi lên, khả ý bất khả ý này khởi lên. Cái này khởi lên, vì là hữu vi nên thô. (Nhưng)cái này là an tịnh, cái này là thù diệu, tức là xả". Cho nên đầu cho cái gì khởi lên là khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, tất cả đều đoạn diệt (trong vị ấy), và xả tồn tại.

Này Ananda, như một người cho nhỏ hai ba giọt nước trong một cái chậu bằng sắt đun nóng mỗi ngày, này Ananda, các giọt nước rơi rất chậm nhưng chúng bị tiêu diệt, biến đi rất mau, cũng vậy, như vậy là tốc độ, như vậy là sự mau chóng, như vậy là sự dễ dàng đối với cái gì đã khởi lên khả ý, bất khả ý hay khả ý bất khả ý, (tất cả) đều đoạn diệt (trong vị ấy) và xả tồn tại. Trong giới luật bậc Thánh, này Ananda, như vậy gọi là vô thượng căn tu tập đối với các pháp do ý nhận thức.

Như vậy, này Ananda, là vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh.

Và này Ananda, thế nào là đạo lộ của vị hữu học ?

Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo mắt thấy sắc khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý.

Vì rằng có khả ý khởi lên, có bất khả ý khởi lên, có khả ý bất khả ý khởi lên, vị ấy ưu ão, tầm quý, ghét bỏ.

Sau khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức pháp, vị ấy khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý . Vì rằng có khả ý khởi lên, có bất khả ý khởi lên, có khả ý bất khả ý khởi lên, vị ấy ưu ão, tầm quý, ghét bỏ. Như vậy, này Ananda là đạo lộ của vị hữu học.

Và này Ananda, thế nào là bậc Thánh, các căn được tu tập ?

Ở đây, này Ananda, sau khi mắt thấy sắc, vị Tỷ-kheo khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng tôi an trú với tướng không yếm ly đối với (sự vật) yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tướng không yếm ly.

Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng tôi an trú với tướng yếm ly đối với (sự vật) không yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tướng yếm ly.

Nếu vị ấy khởi lên ước muốn; "Mong rằng tôi an trú với tướng không yếm ly đối với (sự vật) yếm ly và (sự vật) không yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tướng không yếm ly.

Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng tôi an trú với tướng yếm ly", đối với (sự vật) không yếm ly và (sự vật) yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tướng yếm ly.

Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng tôi sau khi từ bỏ cả hai yếm ly và không yếm ly, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác ", thời ở đây, vị ấy an trú xả chánh niệm, tỉnh giác.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo sau khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức pháp, vị Tỷ-kheo khởi lên khả ý, khởi lên bất khả ý, khởi lên khả ý bất khả ý. Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng tôi an trú với tướng không yếm ly đối với (sự vật) yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tướng không yếm ly.

Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng ta an trú với tướng yếm ly (đối với sự vật) không yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tướng yếm ly.

Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng tôi an trú với tướng không yếm ly (đối với sự vật) yếm ly và (sự vật) không yếm ly", thời ở đây, vị ấy sống an trú với tướng không yếm ly.

Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng tôi an trú với tướng yếm ly (đối với sự vật) không yếm ly và sự vật yếm ly", thời ở đây, vị ấy an trú với tướng yếm ly.

Nếu vị ấy khởi lên ước muốn : "Mong rằng tôi, sau khi từ bỏ cả hai yếm ly và không yếm ly, an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác", thời ở đây, vị ấy an trú xả, chánh niệm, tỉnh giác. Như vậy, này Ananda, là bậc Thánh, các căn được tu tập.

Như vậy, này Ananda, Ta đã giảng vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh, đã giảng đạo lộ của bậc hữu học, đã giảng bậc Thánh, các căn được tu tập. Này Ananda, những gì một bậc Đạo sư phải làm, vì lòng từ mẫn, mưu cầu hạnh phúc cho các đệ tử, những điều ấy Ta đã làm cho các Ông. Này Ananda, đây là những gốc cây, đây là những chỗ trồng. Này Ananda, hãy Thiên tư, chớ có phóng dật, chớ có hối hận về sau. Đây là những lời giáo giới của Ta cho các Ông.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

Như vậy, kinh Căn Tu Tập – kinh cuối cùng trong bộ Kinh Trung Bộ – ghi lại lời dạy của Thế Tôn về *căn tu tập*.

Nếu như mọi người hành trì theo lời dạy của Thế Tôn trong kinh này – tất cả đều được xả bỏ: cho dù là những điều tốt lành hay không tốt lành ; những điều như ý hay không như ý ... việc hành trì này là: *vô thượng căn tu tập trong giới luật bậc Thánh* .

(15/02/2013 – mừng 06 Tết Quý Tỵ)

HẾT

MỤC LỤC TẬP BA			
SỐ TT	TÊN KINH	TÓM TẮT	TRANG
1	KINH DEVADAHA	Kinh đề cập đến vấn đề thuộc về lý luận của giáo phái <i>Nigantha</i> . Với Hữu vi (lớn, bé) đặt vấn đề phản biện (nhằm sáng tỏ) hoặc đặt câu hỏi tại sao ... đều là có tội – và đó là trọng tội !	3
2	KINH NĂM-BA	Ngoài những điều Thế Tôn chỉ rõ về một số lý thuyết – chỉ làm cho con đường tu thêm rối rắm và không đạt kết quả ; mặt khác, kinh này đề cập – đến tính chất hết sức <i>vi diệu, thâm sâu của pháp Phật</i> .	16
3	KINH NHƯ THẾ NÀO	Kinh là những lời dạy của Thế Tôn về cách ứng xử – trước một trường hợp phải “lên tiếng” góp ý (còn gọi là phê bình) cho một ai đó về một việc gì đó cần thiết.	25
4	KINH LÀNG SAMA	Kinh là những lời dạy của Thế Tôn về sự ngăn ngừa những rạn nứt – có thể xảy ra – trong tăng đoàn Phật tử.	31
5	KINH THIỆN TINH	Kinh là lời dạy chí tình của Thế Tôn. Sự phòng hộ <i>sáu xúc xú</i> (khi <i>lục căn</i> : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với <i>lục trần</i> :sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) là không được một phút giây sao nhãng ...	39

6	KINH BẤT ĐỘNG LỢI ÍCH	Cũng là một trong những kinh tối thượng. Trong kinh, Thế Tôn nhấn mạnh về các dục: <i>Các dục hiện tại, và các dục tương lai, các dục tưởng hiện tại và các dục tưởng tương lai, cả hai đều thuộc lãnh vực của ma, là cảnh giới của ma, là chỗ dinh dưỡng của ma, là chỗ ăn uống của ma.</i>	48
7	KINH GANAKA MOGGALLANA	Kinh đề cập rất rõ về lộ trình mà người tu Phật phải theo. Trong kinh, điều hết sức đáng lưu tâm, đó là câu nói của Thế Tôn: <i>Như Lai chỉ là người chỉ đường.</i>	53
8	KINH GOPAKA MOGGAKAMMA	Kinh ghi lại những điều mà Ngài Ananda trả lời hai câu hỏi của thời đại lúc bấy giờ – thời đại ngay sau khi Thế Tôn <i>thị tịch.</i>	59
9	ĐẠI KINH MÃN NGUYỆT	Kinh đề cập đến một số những khái niệm, những vấn đề hết sức cơ bản của pháp Phật.	67
10	TIỂU KINH MÃN NGUYỆT	Kinh có thể xem là một định nghĩa của Thế Tôn – đầy đủ nhất về hai loại người: <i>bất chánh và chơn chánh.</i>	73
11	KINH BẤT ĐOẠN	Kinh nói về thành tựu pháp của Ngài Xá Lợi Phất – một trong mười đại đệ tử của Thế Tôn.	78

12	KINH SÁU THANH TỊNH	Kinh lý giải rõ: khi nào nói được một cách chơn chánh rằng: <i>"Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa"</i> .	83
13	KINH CHÂN NHÂN	Kinh ghi lại những lời giảng của Thế Tôn về duy nhất một vấn đề: <i>khen mình, chê người</i> .	90
14	KINH NÊN HÀNH TRÌ KHÔNG NÊN HÀNH TRÌ	Kinh là một triết lý quan trọng, thiết thực và sâu sắc cho đời sống của con người: đằng sau mọi suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm ... thường nhật của con người – đều mang đến một hậu quả: gieo phước đức để gặt hái phước đức hay gieo tai họa khiến gặt hái tai họa ?	98
15	KINH ĐA GIỚI	Kinh ghi lại lời dạy vô cùng quý báu của Thế Tôn: hãy là người <i>hiền trí</i> để không còn phải: lo lắng - sợ hãi ; thất vọng hoặc tai ương - hoạn nạn ... Ngoài ra, kinh còn như là một "từ điển" – khi đề cập về khái niệm <i>giới</i> .	111
16	KINH THÔN TIÊN	Kinh ghi lại việc Thế Tôn xưng danh (xung tụng) một số đức Phật – trong số năm trăm đức Phật – tu tại những núi được gọi là "thôn tiên" .	119
17	ĐẠI KINH BỐN MƯỜI	Kinh là lời giảng dạy của Thế Tôn hết sức cặn kẽ về <i>Thánh đạo Tám ngành</i> cũng còn gọi là <i>Bát Chánh Đạo</i> .	124

18	KINH NHẬP TỨC XUẤT TỨC NIỆM	Một lần nữa, thiền quán lại được đề cập. Trong kinh sẽ tìm được thêm những ý mới mẽ nhằm bổ sung cho kinh Niệm Xứ (Tập 1) .	132
19	KINH THÂN HÀNH NIỆM	Kinh ghi lại lời dạy của Thế Tôn rất cụ thể, mạch lạc, dễ hiểu về phương pháp thực hành nhằm chứng và an trú <i>Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ Tư ...</i>	141
20	KINH HÀNH SANH	Kinh là câu trả lời rất rõ của Thế Tôn về câu hỏi : Sau khi chết, muốn tái sinh ở: Mỹ, Nhật, Anh, Thụy sỹ ... hay ở cõi trời (<i>Thiên đàng</i>) ... hay không muốn tái sinh ở bất kỳ chốn nào – thì làm thế nào ?	150
21	KINH TIỂU KHÔNG	Kinh đề cập đến <i>Tánh không</i> – một phạm trù siêu việt của triết lý Phật.	155
22	KINH ĐẠI KHÔNG	Kinh là một phần bổ sung của kinh Tiểu Không nhằm giúp sáng tỏ thêm về chủ đề <i>Tánh Không</i>	161
23	KINH HY HỮU VỊ TẶNG HỮU PHÁP	Kinh đề cập về sự kiện có một không hai đối với loài người: Sự ra đời của Bồ Tát Thích Ca Mâu Ni.	169
24	KINH BẠC-CÂU-LA	Cũng lại là kinh ghi chép về một trường hợp hết sức hy hữu: <i>vi tặng hữu</i> của Tôn giả Bakula.	175

25	KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA	Một lần nữa, Thế Tôn lại chỉ dạy phương pháp giáo hóa chúng sanh – với một người mới bước chân vào con đường tu học pháp Phật .	179
26	KINH PHÙ-DI	Kinh đề cập đến một vấn đề rất phổ biến nơi loài người: sự nguyện cầu. Thế Tôn đã đưa ra bốn ví dụ, với bốn ví dụ này cho hay rằng: nếu như, với một người đầy đủ đức hạnh – lời nguyện cầu, hẳn nhiên là được – bởi, không có lời nguyện cầu ấy – vẫn cứ được theo sở nguyện.	187
27	KINH A NA LUẬT	Kinh đề cập đến những chỉ dạy của ngài A Na Luật, một trong mười đại đệ tử của Như Lai, về <i>hào quang</i> .	193
28	KINH TÙY PHIÊN NÃO	Kinh là đúc kết kinh nghiệm tinh túy của Thế Tôn về <i>định</i> . Trong kinh, điều chú ý khác là bài kệ – đây cũng là lời cảnh tỉnh của Thế Tôn gửi đến loài người – trong đó, từ bi mới thật sự có được đủ đầy sức mạnh – hận thù chỉ chông chát hận thù.	200
29	KINH HIỀN NGU	Kinh là những lời giảng dạy của Thế Tôn – chí tình, không còn sự chí tình nào hơn – cặn kẽ, không còn sự cặn kẽ nào hơn. Ý của Như Lai là: Hãy làm người trí – chớ có để bị thoái hóa biến thành người ngu.	211

30	KINH THIÊN SỨ	Kinh bổ sung của kinh Hiền Ngu. Ở kinh này, Thế Tôn mô tả tỉ mỉ hơn nữa về cảnh giới (cõi) Địa ngục.	226
31	KINH NHỨT DẠ HIỀN GIẢ	Kinh là ghi chép lại lời giảng của Thế Tôn về một bài kệ nổi tiếng: <i>Nhứt dạ Hiền giả.</i>	235
32	KINH A NAN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ	Vẫn là kinh về một bài kệ nổi tiếng: <i>Nhứt dạ Hiền giả.</i>	238
33	KINH ĐẠI CA CHIÊN DIÊN NHỨT DẠ HIỀN GIẢ	Vẫn là kinh về một bài kệ nổi tiếng: <i>Nhứt dạ Hiền giả.</i>	240
34	KINH LOMASAKANGIYA NHỨT DẠ HIỀN GIẢ	Vẫn là kinh về một bài kệ nổi tiếng: <i>Nhứt dạ Hiền giả.</i>	247
35	KINH TIỂU NGHIỆP PHÂN BIỆT	Kinh là những lời giảng của Thế Tôn rất cụ thể về vấn đề rất nhiều người quan tâm: Tại sao người thì sang giàu, kẻ thì nghèo khổ ... ?	252
36	KINH ĐẠI NGHIỆP PHÂN BIỆT	Kinh đề cập đến những khía cạnh khác – rất phức tạp của triết lý: <i>Nghiệp và quả báo của nghiệp.</i>	257
37	KINH PHÂN BIỆT SÁU XỨ	Kinh là những gì Thế Tôn giảng giải rất cụ thể về: nội, ngoại lục xứ ; về <i>mười tám ý hành cần phải biết ; mười sáu loại hữu tình cần phải rõ ; và, đặc biệt là có ba niệm xứ mà một bậc Thánh phải thực hành</i> .	268

38	KINH TỔNG THUYẾT VÀ BIỆT THUYẾT	Kinh là những lời giảng giải của Tôn giả Mahakaccana (Đại Ca-chiên-diên) khái quát nhất (một cách đặc biệt) về tổng thể triết lý Phật: Triết lý về sự khổ, diệt khổ và cứu cánh giải thoát.	275
39	KINH VÔ TRÁNH PHÂN BIỆT	Kinh là những gì Thế Tôn giảng giải rõ để giúp phân biệt được: những gì là không (vô) tránh (né) và những gì cần phải tránh (né) .	283
40	KINH GIỚI PHÂN BIỆT	Một lần nữa Thế Tôn lại giảng rất sâu về sáu giới .	290
41	KINH PHÂN BIỆT VỀ SỰ THẬT	Một lần nữa <i>Tứ Thánh Đế</i> được Ngài Xá-Lợi-Phất giảng giải một cách hết sức ngắn gọn, tinh thông .	299
42	KINH PHÂN BIỆT CÚNG DƯỜNG	Trong kinh Thế Tôn giảng dạy rất kỹ về bố thí, cúng dường.	304
43	KINH GIÁO GIỚI CẤP CÔ ĐỘC	Kinh đề cập đến giờ phút lâm chung của Ngài Cấp Cô Độc . Ngài Cấp Cô Độc nổi tiếng bởi Thế Tôn và các đại đệ tử của Thế Tôn rất thường hay trú tại tịnh xá của ông. Giờ phút lâm chung của ông – cũng như rất nhiều người khác: đau đớn cùng cực ...	311

44	KINH GIÁO GIỚI CHANNA	Kinh chép lại trường hợp khá đặc biệt: Tỷ kheo Channa đã dùng hình thức tự sát (bằng dao) – để chấm dứt đời sống đau đớn do bệnh tật. Với trường hợp này, thật hi hữu khi Thế Tôn nói rằng Tỷ-kheo Channa không phạm tội .	317
45	KINH GIÁO GIỚI PHÚ LÂU NA	Kinh kể về cuộc đời của Phật Punna (Phú-lâu-na) .	321
46	KINH GIÁO GIỚI NANDAKA	Kinh ghi chép lại bài giảng dưới hình thức hỏi-đáp của Tôn giả Nandaka – trước năm trăm Tỷ-kheo ni. Và bài giảng của Tôn giả Nandaka này đã khiến tất cả năm trăm Tỷ-kheo ni ấy đều đã chứng đắc.	325
47	TIỂU KINH GIÁO GIỚI LA-HẦU-LA	Kinh là bài giảng của Thế Tôn dưới hình thức hỏi-đáp dành cho Tôn Giả Rahula (La-Hầu-La) và hàng ngàn chư Thiên .	334
48	KINH SÁU SÁU	Kinh là tổng luận được Thế Tôn giảng dạy về những gì được xem là: <i>sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa, có văn ...</i>	338
49	ĐẠI KINH SÁU XỨ	Một lần nữa, những vấn đề hết sức cơ bản, nền tảng của triết lý Phật được Thế Tôn giảng giải hết sức mạch lạc, căn kẽ .	345

50	KINH NÓI CHO DÂN NAGARAVINDA	Kinh là những điều mà Thế Tôn chỉ ra rằng: ai là người đáng để phải cung kính, đánh lễ cúng dường – và người nào không đáng để cung kính, đánh lễ cúng dường.	348
51	KINH KHÁT THỰC THANH TỊNH	Kinh đề cập đến việc: Hàng ngày, phải “nhìn” lại mình – từ đó giúp cho mình được thanh tịnh.	351
52	KINH CĂN TU TẬP	Kinh ghi lại lời dạy của Thế Tôn về <i>căn tu tập</i> . Nếu như mọi người hành trì theo lời dạy của Thế Tôn trong kinh này – tất cả đều được xả bỏ: cho dù là những điều tốt lành hay không tốt lành ; những điều như ý hay không như ý ...	355